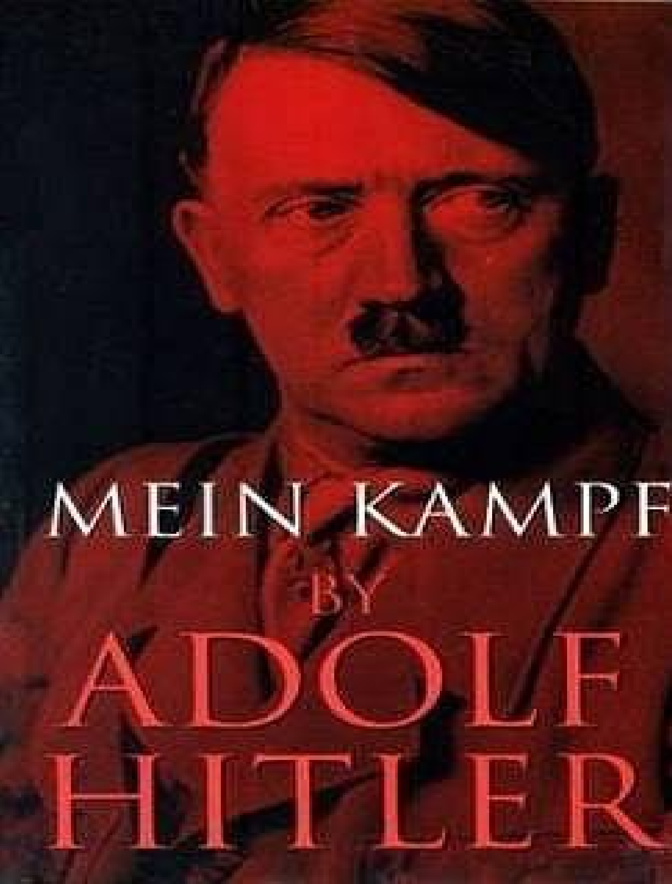

MEIN KAMPF
BY
ADOLF
HITLER

# Cuộc đời tranh đấu của tôi



**Tác Giả: Adolf Hitler**



**Thể Loại: Bút ký, Nhân vật lịch sử**



**Tên gốc: Mein Kampf**



**Nguồn: nguyentandung.org**



**Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook - http://www.dtv-ebook.com**



*Ebook được website* ***Đào Tiểu Vũ*** *hoàn thành với mục đích phi thương mại, nhằm chia sẻ với những bạn ở xa hoặc không có điều kiện mua sách, khi sao lưu xin ghi rõ nguồn. Trong điều kiện có thể bạn hãy mua sách để ủng hộ nhà*

*xuất bản và tác giả.*



CHOÁNG VÁNG KHI NGHE QUYẾT ĐỊNH MÔN HỌC CON MÌNH

Chương 1:2: ĐIỀU GÌ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH TƯƠNG LAI CỦA HITLER?

Chương 2: NHỮNG NĂM THÁNG HỌC TẬP VÀ GIAN KHÓ Ở VIENNA

Chương 2:2: SUY NGHĨ CỦA HITLER TRONG MÔI TRƯỜNG SỐNG KHỔ SỞ VÀ BẨN THỈU

Chương 2:7: TẤT CẢ MỌI CHUYỆN VỚI TÔI DƯỜNG NHƯ QUÁ TÀN ÁC

Chương 2:8: SỰ GHÊ TỞM CỦA DÂN DO THÁI

Chương 2:9: KHÔNG THỂ BẮT TÔI TỪ BỎ QUAN ĐIỂM “CĂM GHÉT” DÂN DO THÁI

Chương 2:10: HITLER NHÌN NHẬN SỰ “RÈN LUYỆN” TỪ VIENNA

# Chương 3: NHỮNG TƯ DUY CHÍNH TRỊ CHUNG THỜI TÔI Ở VIENNA

## Chương 3:1: HITLER: KHÔNG AI HIỂU RÕ CHÍNH TRỊ HƠN TÔI

## Chương 3:2: CUỘC CÁCH MẠNG NĂM 1848

## Chương 3:3: LÃNH ĐẠO VÀ NGHỆ THUẬT GIẢI THÍCH

## Chương 3:4: CƯỚP ĐI TRÍ TUỆ CỦA NHÀ BÁO

# Chương 8: TÔI BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ

# Chương 9: ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỨC

# LỜI BAN BIÊN TẬP

Có một tác phẩm nổi tiếng khắp thế giới của Adolf Hitler từ năm 1924 mà cho đến thời điểm hiện tại ít ai biết đến vì chưa có phiên bản tiếng Việt. Với tên gốc là Mein Kampf, cuốn sách "Đời tranh đấu của tôi" trình bày tư tưởng và âm mưu của Adolf Hitler về Đế chế Đức khi ông ta lên nắm quyền. Chính vì sự hấp dẫn của tác phẩm đó nên BBT chia sẻ với quý bạn đọc trong mục chuyên đề kỳ này bằng tiếng Việt.

NEW: UNCENSORED EDITION

ADOLF HITLER

"...I could see the Fates had decreed my Destiny."
–Hitler

This is the book written by Adolf Hitler titled Mein Kampf (My Struggle), now available in the NEW, Easy to Understand, Complete, Accurate and Uncensored Ford Translation.

His own words tell more than you have heard anywhere else.

Mein Kampf

The NEW Ford Translation

MEIN KAMPF – ADOLF HITLER

The Ford Translation

Tác phẩm nổi tiếng của Adolf Hiter (Mein Kampf).

Nội dung trong tập 1 đề cập đến việc Hitler xách động vụ Đảo chính Nhà hàng bia ngày 8 tháng 11 năm 1923, nhưng bị đàn áp một cách đẫm máu, bị án tù bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 1924. Án tù này tạo cho Hitler một thời gian tĩnh lặng để suy nghĩ, phân tích và đặt ra những kế hoạch kinh thiên động địa cho tương lai, và cũng trong thời gian này Hitler đã viết lên tác phẩm Mein Kampf.

Hitler muốn đặt tựa đề cho quyển sách là “Bốn năm rưỡi tranh đấu chống lại những dối trá, ngu xuẩn và hèn nhát”, nhưng Max Amann, nhân viên quản trị cứng đầu trong ngành

xuất bản của Quốc xã, người sẽ lo phát hành quyển sách, phản đối cái tựa nặng nề – và khiến cho sách khó bán chạy – nên đề nghị tựa là “Cuộc tranh đấu của tôi” (Mein Kampf). Amann cảm thấy thất vọng não nề về nội dung… Thoạt tiên, ông đã hy vọng một câu chuyện cá nhân trong đó Hitler sẽ kể lại bước đường tiến thủ từ một anh “công nhân” vô danh ở Wien đến vị thế nổi tiếng cả thế giới. Nhà quản trị “cứng đầu” của Quốc xã cũng mong những chi tiết nội tình của vụ bạo loạn ở nhà hàng bia, tấm kịch và trò nước đôi của ông chắc chắn sẽ khiến quyển sách thu hút người đọc. Nhưng Hitler đã quá khôn lanh về điểm này, không

muốn khơi lại đống tro tàn trong khi Đảng Quốc xã đang bị loại ra ngoài vòng pháp luật. Không có mấy lời nói đến vụ bạo loạn bất thành trong quyển Mein Kampf.

Trong tác phẩm Mein Kampf, Hitler diễn giải thêm tư tưởng của ông ta và áp dụng đặc biệt vào vấn đề không những phục hồi một nước Đức bị thất trận và nhiễu nhương đến một vị thế chưa từng đạt được bao giờ trước đây, mà còn tạo nên một quốc gia mới, một quốc gia dựa trên chủng tộc và quy tụ mọi người Đức còn đang sống bên ngoài biên giới Đức. Trong quốc gia đó sẽ thiết lập chế độ độc tài tuyệt đối dưới quyền một Lãnh tụ – chính là ông ta

– để ban hành mệnh lệnh cho một tầng lớp lãnh đạo nhỏ hơn, rồi những người này sẽ truyền lệnh xuống bên dưới.

Vì thế, quyển sách trước nhất vạch ra nước Đức tương lai và cách thức mà Đức sẽ trở thành "chủ nhân của thế giới", như cách tác giả phát biểu ở trang cuối.

Làm thế nào để chế Đức mới sẽ chiếm lại vị thế cường quốc trên thế giới và từ đó làm chủ nhân của thế giới? Hitler suy nghĩ về câu hỏi này trong tập đầu tiên, phần lớn được viết trong thời gian ông ta ngồi tù năm 1924, rồi trở lại viết thêm chi tiết trong tập hai, được hoàn tất năm 1926.



Làm thế nào để chế Đức mới sẽ chiếm lại vị thế cường quốc trên thế giới và từ đó làm chủ nhân của thế giới?

Bành trướng ra nơi khác? Nơi nào? Về vấn đề này, Hitler dẫn đến trọng tâm của chính sách ngoại giao mà ông sẽ trung kiên theo đuổi khi trở thành nhà lãnh đạo Đức. Ông nói thẳng thừng: “Đức phải bành trướng về hướng Đông – chủ yếu là chiếm đất của Nga”.

Theo Hitler, Hoàng tộc Đức ngày xưa Hohenzollern đã sai lầm khi tìm kiếm thuộc địa xa xôi ở Châu Phi, nhưng đất ở Châu Âu đã bị chiếm hết rồi. Hitler nhận ra: “thiên nhiên đã không dành sẵn đất này đặc biệt cho quốc gia hoặc chủng tộc nào, đất

này là để cho dân tộc nào có đủ sức mạnh mà lấn chiếm.” Nhưng nếu chủ nhân hiện tại phản đối thì sao? “Thế thì luật tự sinh tồn sẽ phát huy, nếu không có phương pháp ôn hòa thì phải dùng vũ lực.”

Theo Hitler, “chỉ có thể chiếm đất ở miền Đông… Nếu cần đất ở Châu Âu thì chỉ có thể chiếm lấy đất của Nga”.

Nếu một đầu óc bệnh hoạn suy nghĩ ra những tư tưởng mà người bình thường trong thế kỷ 20 thấy là quái đản thì không nói làm gì? Điều kỳ lạ là hàng triệu người Đức, sau khi đã đọc qua quyển Mein Kampf lại tiếp thu một cách cuồng tín luồng tư tưởng như thế, và còn bị tư tưởng

ấy dẫn đến chỗ hủy diệt cho hàng triệu con người vô tội bên trong và đặc biệt bên ngoài nước Đức.

*Mời bạn đọc theo chúng tôi nghiên cứu hết tác phẩm hấp dẫn này.*

# LỜI NGƯỜI DỊCH

Đời đấu tranh của tôi được viết theo văn phong của một người dân miền nam nước Đức thời kỳ hiện đại, một người tự học và có tài năng hùng biện. Dĩ nhiên, hình ảnh ấy không hoàn toàn mô tả con người Hitler nhưng tôi nghĩ rằng nó hẳn phải lý giải một vài điều trong phóng cách của ông ta.



Khi ở Vienna, Hitler là một người rất ham đọc báo. Văn phong báo chí nước Áo, cứ như Karl Kraus nhận định, lại rất cẩu thả, thiếu logic và rặt giọng khoe mẽ. Hiển nhiên là chính sự đông đúc của người Czech, Hungary và những ngoại bang khác tới Áo để kinh thương nên thứ ngữ pháp người ta dùng trên báo chí trở nên vô cùng tệ hại.

Hẳn là Hitler đã đọc những

cuốn sách nho nhỏ về lịch sử, tâm lý học, phân biệt chủng tộc và chính trị. Tuy vậy, Hitler chẳng hề muốn hệ thống hóa những gì mình đã đọc. Ông ta giữ lại hầu hết những kiến thức trong sách vở rồi tách rời những sự kiện muốn sử dụng cho mục đích riêng và nhặt ra những cụm từ mà năn khiếu hùng biện mách bảo ông cần ghi nhớ. Tuy thế, hầu hết những câu nói ông ta yêu thích

xuất phát từ các vở nhạc kịch. Hitler thuộc nhiều trích dẫn nổi tiếng của Goethe và Schiller cũng như nhớ nhiều thuật ngữ hết sức khó hiểu của Wagner. Không có dấu hiệu nào khẳng định Hitler từng đọc các tác phẩm của tác giả Đức, huống chi là các tác giả cổ điển nước ngoài, để có thể kết luận rằng ông ta chịu ảnh hưởng từ lối văn phong của các tác giả đó.

Hitler từng được coi là kẻ hoang tưởng; trong mọi trường hợp, quan điểm của ông ta đều nặng tính chủ quan cá nhân. Ngay cả khi bàn về những vấn đề có tính lý thuyết như là “nhà nước”, “chủng tộc”,v.v…, hiếm khi thấy ông ta theo đuổi một lập luận logic gắn kết với các chủ đề đó. Ông ta đưa ra những luận điệu khác thường mà chẳng buồn tìm cách chứng minh là mình

đúng. Ít khi thấy có sự liên hệ rõ ràng giữa các đoạn văn trong tác phẩm của ông ta. Lập luận ở đây hoàn toàn mang tính tâm lý: Hitler đang đấu tranh chống lại bè lũ đối lập, tán dương thổi phồng về bản thân mình, tạo ra một thế giới không tưởng nào đó mà ở đấy ông ta là nhân vật rất quan trọng. Trong một vài đoạn cụ thể hơn một chút, Hitler lại chiến đấu chống lại các đối

thủ chính trị cùng tham gia phong trào với mình. Ngay cả khi đó, người đọc vẫn thấy rất khó hiểu vì chẳng bao giờ ông ta hé lộ mình đang lập luận chống lại ai nhưng lại đưa ra mọi mưu đồ chính trị và coi đó như là tôn chỉ hoạt động. Chính sự theo đuổi thuyết nhân cách đây đã biến Hitler thành một người có óc quan sát tồi. Văn phong của ông ta vắng bóng những sắc màu và

sự chuyển động. Hiếm khi thấy có hình ảnh xuất hiện, nếu có cũng chỉ lời nói thuần túy và khó mà mường tượng được, kiểu như “nền móng để kết thúc sự thống trị của người Đức trong nền quân chủ”, hay buộc “những kẻ kém mạnh mẽ hơn phải lui về chốn vô danh vĩnh hằng”. Sử dụng phép ẩn dụ là nét đặc trưng trong văn phong báo chí Đức thời hiện đại nhưng phải nói rằng Hitler

là một chuyên gia thực tài về phép ẩn dụ. Chẳng hạn, ông đã mô tả Pöhner là “cái gai trong mắt các quan chức chính phủ dễ bị mua chuộc”. Một tác giả không phải là người Đức có cùng trình độ như Hitler sẽ có lối hành văn theo một cách khác. Đức là đất nước có nền văn hóa đại chúng cao, với số lượng người đọc sách lớn nhất trên thế giới. Ở tần lớp trung lưu, mong

muốn được học hành là rất lớn. Người dân ở các nước khác hay đọc các tiểu thuyết nhẹ nhàng hay những tạp chí thông thường chứ người Đức thì đam mê những tác phẩm về nghệ thuật, khoa học, lịch sử và trên hết là triết học. Có những cụ từ triết học đã trở thành khuôn mẫu trong văn học báo chí. Hitler lúc nào cũng nói tới "các khái niệm" hay những thứ "theo đúng

nghĩa của nó”. Không chỉ thế, ông ta còn luôn cố gắng tỏ ra mình cũng là một người có văn hóa. Đó là lý do để ông ta viết những câu văn dài dòng, khó hiểu mà chính bản thân ông ta còn thấy rối tinh lên chẳng biết đâu mà lần; hay là dùng toàn những lời khoa trương khoe mẽ để mở đầu cho Chương Mười.

Sự thiếu tinh chuyển động và phát triển trong cuốn “Đời

tranh đấu của tôi" hẳn là có liên quan tới việt Hitler ít chú tâm tới thế giới khách quan. Tuy nhiên cái lối diễn đạt chuộng sử dụng thể từ nhiều hơn đồng từ một lần nữa khẳng định Hitler chịu ảnh hưởng của văn phong báo chí Đức. Rất nhiều tác giả người Đức, trong đó có cả các học giả hàn lâm, dường như cho rằng thể từ là loại từ mạnh nhất và có tính cảm xúc sâu

sắc nhất. Xu hướng chuộng thể từ còn thấy cả trong các báo cáo của giới cảnh sát Đức. Thay vì nói “người này bị bắt” họ sẽ nói là “việc bắt người này đã diễn ra”. Cách nói đó cũng là đặc điểm nổi bật nhất trong phong cách của Hitler. Đôi khi, bên cạnh những câu cú nặng nè, tẻ nhạt, Hitler bỗng như bị đánh thức bởi một cơn thịnh nộ. Thế là ông ta vứt bỏ hành trang quen thuộc của

mình và cho ra đời một bài diễn văn đầy tính hùng biện và chỉ trích mạnh mẽ.

Nét đặc trưng và khác thường trong phóng cách của Hitler nói chung không gây nhiều khó khăn cho dịch giả. Việc kết hợp phép ẩn dụ cũng thường thấy trong các ngôn ngữ nào. Một Hitler của ngôn ngữ Anh cũng có thể rườm rà dài dòng như một Hitler người Đức mà thôi; một nhà văn học

hành dang dở, với những ý tưởng không được rành mạch cho lắm, thường cho rằng nếu nói một điều gì đó mà không lặp lại thì không nhấn mạnh được tầm quan trọng.

Tuy vậy có những nét tiêu biểu trong phong cách Hitler mang đậm đặc trưng ngôn ngữ Đức cũng khiến người dịch gặp khó khăn, chủ yếu là ở chỗ các câu văn rất dài và sử dụng nhiều thể từ và tiểu từ.

Một mặt, phải nói rằng, bản dịch sang tiếng Anh không nhất thiết phải thật hay về mặt ngôn từ nhưng phải thật sự là ngôn ngữ Anh, như thể là do các tác giả người Anh viết ra vậy. Nhưng mặt khác, thật sai lầm khi cố biến Hitler thành một người nói tiếng Anh bởi lẽ phong cách của Hitler nhất thiết phải thuần Đức.

Chỉ có người Đức mới viết những câu văn phức tạp dài

dòng như vậy. Nhiệm vụ của người dịch ở dây thường ví như tài nghệ của diễn viên xiếc đi trên dây là phải thể hiện được cái buồn tẻ, chán ngắt, thậm chí phải truyền tải được cái hương vị Đức của tác phẩm, chứ không phải viết ra một thứ lai tạp Anh và Đức. Nói chung, tôi chỉ chia nhỏ các câu văn trong trường hợp khi dịch sang tiếng anh, sự dài dòng làm cho người đó thấy

quá khó hiểu. (Ngôn ngữ Đức với đặc trưng về giống và cách cho phép người đọc có thể hiểu được những câu dài dòng rắc rối trong khi ở những ngôn ngữ không biến hình điều đó rất khó thực hiện). Trái ngược hẳn quan điểm của nhiều người, nguyên bản tiếng Đức chỉ có một hoặc 2 câu mà thoạt đọc tưởng chừng vô nghĩa.

Dùng thể từ lại là một vấn đề

khác. Ở đây, sự thay đổi của dịch giả là cần thiết bởi trong rất nhiều trường hợp, việc sử dụng danh động từ không thích hợp lắm khi dịch sang tiếng Anh. Những kẻ ưa phô trương, các nhà chính trị hay mị dân, hay các thư ký ở sở cảnh sát không bao giờ viết như vậy. Tôi vẫn sử dụng cấu trúc đó chừng nào trong tiếng Anh người ta còn hiểu được nhưng ở nhiều chỗ tôi buộc

phải bỏ cấu trúc đó đi. Một số tác giả người Đức có thể cho rằng việc sử dụng tràn lan các thể từ của Hitler làm mất vẻ đẹp của tiếng Đức, nhưng thực tế lại cho thấy rất nhiều nhà văn Đức cũng làm như Hitler, trong khi đó nhược điểm này hầu như không tồn tại trong tiếng Anh.

Khi tìm hiểu cách sử dụng tiểu từ của Hitler, cần nhớ rằng Hitler sống ở vùng hạ Bavaria

và chịu ảnh hưởng bởi phương ngữ vùng. Kể cả khi không phải do phương ngữ thì nhiều áng văn xuôi của tác giả Đức, ngay cả ở những tác phẩm không tồi, cũng thừa rất nhiều những từ vô nghĩa như: wohl, ja, denn, schon, noch, eigentlich, v.v… Ở vùng Nam Đức người ta còn nghiện sử dụng những từ như vậy, và phải đến một nửa các câu văn của Hitler sử dụng đầy rẫy các

tiểu từ đó, đấy là chưa nói đến những từ mà cá nhân Hitler hết sức chuộng như besonders và damals xuất hiện tràn lan không cần thiết. Thậm chí các tiểu từ mà Hitler sử dụng còn mang một ý nghĩa chính trị nhất định bởi lẽ theo những bộ óc tư sản bé nhỏ, các tiểu từ, giống như những thứ đồ được chạm khắc, là hiện thân của những giá trị đặc trưng Đức. Hành vi tránh không dùng tiểu

từ được coi là có tính ngoại lai và hiện đại. Tiếc là trong quá trình dịch, tôi buộc phải lược bỏ hầu hết các tiểu từ bởi không tìm được từ tương đương trong tiếng Anh.

Bản dịch này dựa trên ấn bản đầu tiên. Những thay đổi thúc vị hơn trong các lần tái bản bằng tiếng Đức sau này đã được nêu ở mục ghi chú. Khi sự diễn đạt của Hitler thách thức tính cả tin của độc giả, tôi

đã trích các dẫn các câu nguyên văn tiếng Đức trong mục ghi chú. Trăm nghe không bằng mắt thấy.

# LỜI GIỚI THIỆU CỦA ABRAHAM FOXMAN

Gần sáu mươi năm sau khi Đại chiến thế giới lần 2 kết thúc, "Đời tranh đấu của tôi" vẫn không bị biến thành một tư liệu lịch sử thuần túy. Mở luận thuyết trong đó đã bị gạt ra từ lâu, ảnh hưởng hiện thời của cuốn sách cũng được hạn chế tối đa nhưng nó vẫn không chấp nhận trở thành một văn bản chính trị lỗi thời. Cứ nhắc đến cuốn sách xem, thế nào cuộc nói chuyện xoay quanh đó là sẽ trở nên rắc rối; nói đến cuốn sách này, vài nước khác còn tìm cách ngăn chặn việc dịch cuốn sách. Việc tái bản cuốn sách không phải là một sự kiện truyền thông quan trọng nhưng lại

khơi dậy sự phản kháng, chống đối và đôi khi cả những vụ kiện cáo.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Hitler chào diễu quân ở Ba Lan, ngày 5-10-1939 sau cuộc xâm lược của Đức. Đằng sau Hitler, từ trái sang phải: đại tướng Walther von Brauchitsch, Trung tướng Friedrich von Cochenhausen, Đại tá Tổng Gerd von Rundstedt, và Đại Tá Tổng Wilhelm Keitel.

Ở một chừng mực nào đó, khả năng làm dấy lên sự tức giận ở nhiều người của cuốn sách lại bắt nguồn từ chỗ thật không may, nó vẫn tiếp tục là nguồn cảm hứng của nhiều người khác. Cuốn “kinh thánh của chủ nghĩa quốc xã” đã tìm thấy thế hệ tín đồ mới của mình, những kẻ cuồng tín của Đệ tam Quốc xã. Nhận thức được điều này, nhiều người không muốn cuốn sách này được tái bản. Đối với học giả cần nghiên cứu, họ hoàn toàn có thể tìm thấy cuốn

sách ở thư viện hay ở các tiệm sách cũ. Một số người cho rằng tốt hơn là chẳng nên làm cho “Đời tranh đấu của tôi” trở nên dễ tìm dễ kiếm bởi nó có thể rơi vào tay những kẻ âm mưu khơi lại cái phong trào mà tác giả cuốn sách đã khởi xướng.
Lập luận này đáng được xem xét nghiêm túc và đã được chính phủ nhiều nước Châu Âu chấp nhận. Những nước này đã kiểm soát việc phát hành và truyền bá các tài liệu về quốc xã theo nhiều cách khác nhau. Bộ tài chính Bang Bavaria hiện giữ bản quyền của “Đời tranh đấu của tôi” và luôn từ chối các đề nghị trích dẫn hay tái bản cuốn sách. Nhiều nước Châu Âu xiết chặt hơn

việc bán các ấn bản của “Đời tranh đấu của tôi” cho các nhà học thuật uy tín. Tháng 12 năm 2000, một nhà xuất bản tiếng Czech của cuốn sách này.

Trong mắt nhiều người dân nước Mỹ, các biện pháp này được xem là cực đoan. Người Mỹ chúng ta yêu thích Tu chính án đầu tiên về nhân quyền và đặc biệt ghét sự kiểm duyệt. Tuy vậy cũng đừng quên rằng, chúng ta đã may mắn trải qua hai thế kỷ ở Mỹ trong bình ổn về chính trị và an toàn bờ cõi, trong khi đó các nước Châu Âu không may mắn được như vậy. Họ đã phải chịu đựng chủ nghĩa quốc xã và những hoạt động, chống phá xã hội trên

chính mảnh đất của mình. Chúng ta cần trân trọng những nỗ lực của các nước đó nhằm kiểm soát tàn dư của chủ nghĩa cực đoan, cho dù ở Mỹ chúng ta có những biện pháp khác với họ.

“Đời tranh đấu của tôi” đưa ra một vấn đề sâu sắc hơn nhưng lại không liên quan tới những mối quan tâm thực tế như là kiểm soát chủ nghĩa cực đoan. Nó khơi dậy sự lo lắng và bất ổn. Nó che đậy những âm mưu dã man, tàn bạo và làm cho người ta không ý thức được điều đó. Khi bất chợt gặp những điều đẹp đẽ, lẽ tự nhiên chúng ta đều muốn phô bày sự đẹp đẽ ấy; ở đây mọi thứ đi theo chiều ngược lại và có thể thấy rõ ý

đồ xóa sạch sự xấu xa đồi bại che dấu trong cuốn sách.
Chúng ta không nên để sự cám dỗ ấy lôi cuốn bản thân. “Hãy xóa hẳn ký ức Amalek khỏi dưới gầm trời,” Kinh thánh đã dạy như vậy khi nói về một trong những kẻ thù truyền kiếp của người Israel; nhưng thực tế là chính Kinh thánh lại khơi dậy ký ức về lũ người hiểm ác đó ở khắp nơi trên trái đất và lưu truyền nó qua bao nhiêu thời gian. “Hãy ghi nhớ,” chúng ta được dạy như thế, không chỉ là ghi nhớ những nạn nhân mà phải ghi nhớ cả những tội ác đã xảy ra với họ. Ghi nhớ tội ác để khước từ tội ác; khước từ tội ác nhưng không được quên tội ác. Hãy ghi

nhớ, và vì thế chúng ta lưu giữ cuốn kinh thánh của Đảng quốc xã.

Sự ghi nhớ tiếp thêm sức mạnh cho những sống sót, xoa dịu nỗi đau của những gia đình có người thân đã bỏ mạng, và là tài sản cuối cùng mà những người đã hy sinh để lại cho chúng ta. Còn hơn thế sự ghi nhớ những vụ thảm sát người Do thái dưới thời Hitler, nhớ những nguyên nhân, tiến trình diễn ra hậu quả của nó, giúp chúng ta hiểu hơn về tội ác diệt chủng và nhận thức được nguy cơ hiểm họa từ các cuộc xung đột sắc tộc.

Trước khi các vụ thảm sát xảy ra, các nước phương Tây không có nhiều kinh nghiệm về những vấn đề

sắc tộc. Bởi vậy, chúng ta đã bỏ qua những điểm báo tai họa: nhiều người bị tước quyền tự do công dân tại Đức ngay từ năm 1933, trại tập trung Dachau được thiết lập cũng trong năm đó (đây là nơi giam giữ các tù nhân chính trị đối lập với chính phủ), Quốc hội Đức thông qua Luật chủng tộc Nuremberg vào năm 1935. Tất cả những động thái này nhẽ ra phải cảnh tỉnh chúng ta về mối hiểm nguy mà Hitler mang đến. Cái đích cuối cùng của Hitler nhằm tới đã được phơi bày rất rõ ràng trong cuốn "Đời tranh đấu của tôi" ngay từ khi nó xuất hiện vào những năm 1926, đó là: tiến hành tái vũ trang, thủ tiêu chế độ dân chủ, bành

trưởng lãnh thổ, thực hiện thuyết ưu sinh, loại trừ mối nguy dân Do thái. Hẳn là các nước phương Tây đã không chú ý tới Đời tranh đấu của tôi khi nó được xuất bản. Khi đó người ta cho rằng đây chỉ là cuốn sách mang tính lý thuyết và Hitler còn thiếu một chương trình hành động rõ ràng để có thể đạt được những mục đích mà ông ta nêu ra trong cuốn sách. Trên thực tế, Hitler đã tiến hành từng bước cụ thể để hiện thực mục tiêu của mình. Tuy vậy, không ai có bất kỳ hành động nào cả. Ngay cả đến những năm 1940, khi báo cáo về các trại tập trung giết người được công bố, chúng ta vẫn cư xử với Hitler theo đúng khuôn khổ các

quy ước quân sự; chúng ta hiểu rõ về chiến tranh nhưng lại không thể hiểu đúng nổi sự diệt chủng, ngay cả khi mọi chứng cứ phơi bày ngay trước mắt. Thậm chí cho đến hôn nay, chúng ta vẫn muốn nhắm mắt làm ngơ trước tội ác diệt chủng trong Thế chiến lần thứ hai, vẫn muốn xem nạn thảm sát người Do thái là một hậu quả phụ của một cuộc xung đột chính trị, dù thảm khốc nhưng cũng bình thường như những cuộc xung đột khác. Những nỗ lực tiến hành có hệ thống nhằm tận diệt cả một cộng đồng tôn giáo hay một nhóm sắc tộc là một ý tưởng đáng ghê sợ tới mức bản năng con người khiến chúng ta

không dám nhìn thẳng vào nó.
Tuy nhiên, người ta đã dần dần hiểu ra bài học đó. Khái niệm diệt chủng ra đời vào năm 1944. Bốn năm sau Hội đồng Liên hiệp quốc chính thức coi diệt chủng là hành vi vi phạm pháp luật của quốc tế. Vụ xét xử các tội phạm chiến tranh Đức Quốc xã tại tòa án quốc tế Nuremberg năm 1946 là một sự kiện bất ngờ nhưng kể từ đó những vấn đề cơ bản của “tội ác chống nhân loại” đã được làm rõ và các tòa án tội phạm chiến tranh đã trở thành một khía cạnh được chấp nhận trong nghệ thuật lãnh đạo đất nước. Trong những năm 1940, người Do thái tị nạn phải đối mặt với việc đóng cửa biên giới

và thái độ thờ ơ, dửng dưng của các nước phương Tây. Ngày nay, các nước này đã được học về lòng trắc ẩn dành cho người tị nạn. Bi kịch và may mắn thay, chính nạn thảm sát dân Do thái lại giúp nhân loại có được những bước tiến mới trong văn minh loài người.



Quốc hội Đức.

Phải thừa nhận rằng chúng ta còn phải học rất nhiều điều nữa. Tội thảm sát dân Do thái đã xảy ra ở một đất nước văn minh, nơi sản sinh các chiến binh kiên cường trên mặt trận; nạn nhân của tội ác ấy rất rõ ràng và hầu hết không có khả năng tự vệ. Ấy thế nhưng gần đây, chúng ta vẫn phải đương đầu với các vụ diệt chủng thảm khốc ở các nước thuộc "Thế giới thứ ba", nơi mà những người hôm nay là nạn nhân, ngày mai có thể trở thành tội nhân, nơi mà các khối đồng minh luân phiên thay đổi và sự hỗn loạn khắp mọi nơi ngăn cản nỗ lực cứu trợ những người đang cần được nhiều

điều hơn về những hiểm họa mà người phụ nữ phải đối mặt trong các cuộc xung đột liên quan tới sắc tộc. Gần đây, chính quyền Raliban ở Afghanistan đã bắt người Hindu phải đeo phù hiệu nhận dạng. Những lời cảnh báo quốc tế lại vang lên; chúng ta nhớ đến biểu tượng ngôi sao vàng mà Đức quốc xã bắt người Do thái phải đem theo hơn năm mươi năm trước. Phù hiệu ấy là đặc điểm nhận dạng của những người thuộc “giống khác”, điềm báo nạn khủng bố tàn khốc sẽ xảy ra. Thế giới ghi nhận những nỗ lực của Taliban và chăm chỉ theo dõi hoạt động của cái chính quyền hỗn loạn đó.

Chúng ta lưu giữ cuốn “Đời tranh

đấu của tôi" trên tinh thần ghi nhớ những gì đã diễn ra; chúng ta nghiên cứu nó với hi vọng bảo đảm một tương lai sáng lạng hơn cho nhân loại.

Những người tìm đến cuốn Đời tranh đấu của tôi với mục đích tìm ra sự thật về con người Hiler và quá trình nắm quyền lực của ông ta, hẳn sẽ thất vọng hay tệ hơn nữa, họ sẽ bị đánh lừa. Các nhà sử học đã ghi nhận rằng những đoạn viết dài dòng mang tính tự truyện trong cuốn sách là sự thổi phồng, phóng đại và thể hiện những nỗ lực vô thưởng vô phạt của tác giả nhằm tô vẽ chân dung bản thân. Cần phải hiểu những đoạn viết đó như là một phần của sự

tuyên truyền, trong đó tác giả chủ động bỏ qua, xuyên tạc và bóp méo những dữ kiện nhằm tạo ra hiệu ứng mong muốn.
Quãng thời gian giữa năm 1924 và 1926, khi Hitler viết cuốn Đời tranh đấu của tôi, là lúc ông ta đang nỗ lực đánh bóng bản thân mình. Từ năm 1921, Hitler là thủ lĩnh Đảng Lao động Đức, một đảng liên Đức khá nhỏ quy tụ ở Munich. Với tài hùng biện sôi nổi, Hitler đã thành công khi đưa tổ chức đảng của mình lên bản đồ chính trị bang Bavaria. Tuy nhiên, vào lúc đó, chẳng hề có dấu hiệu nào cho thấy Hitler hay đảng phái của ông ta sẽ thành công ở phạm vi quốc gia. Trên thực tế,

Hitler viết cuốn sách Đời tranh đấu của tôi khi đang chịu án tù vì tội cầm đầu vụ bạo loạn chống chính quyền Bavaria và đã thất bại một cách khôi hài.

Cuộc sống thời thơ ấu của Hitler lại càng không có gì là cao sang như ông ta thể hiện vào năm 1926. Mất cả cha và mẹ ở tuổi 18, Hitler ở một mình tại khu nhà trọ dành cho nam sinh ở Linz và Vienna. Dù mơ mộng trở thành họa sĩ, Hitler lại trượt cả hai lần thi vào Học viện Mỹ thuật và chưa bao giờ tiến xa hơn bậc trung học. Ông ta dành phần lớn thời gian trong phòng đọc của khu nhà trọ. Ông sống nhờ số tiền trợ cấp ít ỏi cho trẻ mồ côi và tiền bán các tấm

bưu thiếp do ông ta tự vẽ. Tháng 2 năm 1914 Hitler đăng ký tham gia quân đội Áo nhưng bị từ chối vì không đủ sức khỏe. Thành công lớn nhất đến với Hitler khi ông ta phục vụ trong quân đội Bavaria. Ông đã từng là giao liên trong Thế chiến thứ nhất và sau đó là chính trị viên tuyên truyền.

Mãi tới giữa những năm 1920 Hitler mới bốc lộ mong muốn trở thành lãnh đạo trên chính trường nước Đức. Ngay cả khi đã kiểm soát Đảng Lao động Đức, Hitler vẫn tập trung cho tuyên truyền và những nỗ lực nhằm kích động người dân Đức bằng những thông điệp bài dân chủ, nói về chủ nghĩa dân tộc cực đoan,

chủ nghĩa bảo thủ kinh tế, và thuyết chủng tộc thượng đẳng. Ông ta tổ chức các cuộc mít-tinh và diễu hành, bắt đầu nhúng tay vào các hoạt động chính trị ở Đức.



Bavaria.

Ngay cả ở thời điểm cuộc đảo chính tại nhà hàng bia thất bại vào năm 1923, Hitler vẫn xem mình như một

tay đánh trống hô hào cho chủ nghĩa dân tộc hơn là một chính khách hay một vị lãnh tụ tiềm năng.

Tuy nhiên, vào giữa những năm 1920, khi xung quanh toàn những đảng viên cuồng tín và phấn chấn bởi thứ quyền lực gần như là độc tài mà mình đang nắm giữ trong Đảng Lao động, Hitler ngày càng thấy mình không còn chỉ là một kẻ gây kích động bạo loạn. Với Hitler, gầy dựng sự nghiệp chính trị trở thành một sứ mệnh và các bài diễn thuyết của ông ta ngày càng tập trung vào vấn đề hợp nhất những thành phần cứng đầu cứng cổ của chủ nghĩa dân tộc vào dưới mái trường của mình. Đời tranh đấu của tôi là sự nỗ

lực của Hitler nhằm xóa đi hình ảnh một chính trị gia mị dân cơ hội và chiếm lấy vai trò người dẫn dắt, một lãnh tụ anh hùng, người cứu nước Đức khỏi sự suy yếu và hỗn loạn. Giọng điệu của cuốn sách cho thấy một sự tự tin, nếu không nói là hoang tưởng tự đại. Hitler diễn tả cuộc đời của mình như một biên niên sử về một Đấng cứu thế đang trông chờ khoảnh khắc cứu rỗi thần dân của mình. Theo như các nhà sử học đã chỉ ra, trong khi tìm cách tạo ra hiệu ứng đó, Hitler lờ đi không hề nói đến những sai lầm hay sự do dự, dao động của mình nhưng lại cố làm cho mình được khen ngợi vì những thành tựu mà thực tế là do người

khác tạo ra.
Chẳng hạn, Hitler đã kịch hóa khi nói về quyết định gia nhập Đảng Lao động Đức (sau này đổi tên thành Đảng Quốc xã, hay Đảng Nazi) vào năm 1919. Ông ta mô tả việc đó diễn ra thật khó khăn và rằng ông ta chỉ đưa ra quyết định sau khi đã tự vấn lương tâm một cách sâu sắc. Điều đó là nhằm tô vẽ chân dung bản thân như một vĩ nhân chưa lộ diện đang cố gắng cân nhắc với sự cẩn trọng cao độ về việc nên hướng tài năng của mình vào đâu, hàm ý rằng vận mệnh của một dân tộc có thể phụ thuộc vào quyết định của ông ta. Ấy thế nhưng nhà viết tiểu sử Ian Kershaw đã nhận thấy sự gia nhập

đó không phải hoàn toàn do Hitler tự quyết định. Chính cấp trên ông ta, Đại tá Karl Mayr “sau này khẳng định rằng ông ta đã ra lệnh cho Hitler phải gia nhập đảng và làm cho nó lớn mạnh hơn”. Mô tả của Hitler trong cuốn Đời tranh đấu của tôi khẳng định tuyệt đối rằng, ông ta là thành viên thứ bảy của Đảng, và như thế với số lượng ít ỏi người tham gia khi ấy ông ta trở thành một trong một trong số các thành viên sáng lập của Đảng, một điều mà ông ta rất thích kể lại những năm sau này. Tuy nhiên trên thực tế Đảng Lao động Đức khi đó đã có 554 thành viên. Sự thật được chính Anton Drexler, vị chủ tịch đầu tiên của tổ chức này chỉ ra

trong lá thư viết nhưng không gửi cho Hitler: “không người nào biết rõ hơn ngài, thưa Lãnh tụ, rằng ngài chưa bao giờ là thành viên thứ bảy của Đảng, nhưng trong điều kiện kiện thuận lợi nhất là thành viên thứ bảy của Hội đồng, tôi đã đề nghị ngài gia nhập và giữ trọng trách tuyển mộ thành viên cho Đảng. Mấy năm sau, tôi đã buộc phải trải trình bày với một vị lãnh đạo của Đảng rằng chiếc thẻ đảng viên DAP của ngài có chữ của Schuissler và tôi thực ra là giả mạo, trên đó con số 555 đã được xóa đi và thay vào là con số 7”.

Wir Arbeiter sind erwacht

HITLERBARONE!
MORDVERSCHWÖRUNGEN
HETZE UND
VERLEUMDUNGEN
DIE BONZEN IM
SPECK
DAS
VOLK
IM
DRECK

§
48

Liste
wir wählen
Nationalsozialisten
2



Đảng Quốc Xã Đức vào năm 1932.

Và như thế, Đời tranh đấu của tôi được xem là nguồn tài liệu lịch sử không đáng tin cậy dẫu rằng nó có thể hữu ích cho nhiều sứ giả có tài phát hiện ra những lời dối trá, những sự bỏ sót cố ý và những điều chỉ có một nửa là sự thật trong cuốn sách đó.

Dĩ nhiên hầu hết nội dung trong Đời tranh đấu của tôi là sự thuyết trình của Hitler về những tư tưởng của ông ta chứ không phải là mô tả lịch sử. Như vậy, giá trị của cuốn sách có lẽ nằm ở chính sự trình bày giảng giải về các ý tưởng của Hitler.

Có lẽ vậy. Tuy nhiên, ở đây chúng ta cũng phải xem xét nó thật cẩn trọng,

không nên làm cho người đọc bị mê muội bởi những gì Hitler đã viết. Được sáng tác từ những năm đầu hoạt động chính trị của Hitler, Đời tranh đấu của tôi né tránh những vấn đề có thể khiến Hitler mất đi sự ủng hộ của quần chúng; dẫn chứng rõ ràng nhất là việc của Hitler tuyệt nhiên không nhắc tới các vấn đề của Cơ đốc giáo, dù sự chống đối đạo giáo này của ông ta thể hiện rõ ràng trong nhiều tài liệu.
Không những vậy, chúng ta cũng không nên xem cuốn Đời đấu tranh của tôi như phần mở đầu trong kế hoạch của Hitler. Thực ra ông ta đã hiểu bản thân như một nhà tư tưởng; có những lúc ông ta không hề nói

đến những chi tiết mà để hiện thực hóa quan điểm của mình ông ta cần phải làm. Chẳng hạn, Hitler đã hết sức cụ thể khi viết về các tổ chức công đoàn, về sự kiểm soát giới truyền thông và các đồng minh nước ngoài, nhưng lại là không chi tiết lắm khi mô tả hệ thống giáo dục của một nhà nước Đức lý tưởng hay kế hoạch thủ tiêu căn bệnh giang mai. Hitler hay viết về mối nguy hiểm mà người Do thái có thể đem tới cho người Đức, cho thế giới, và vẽ ra viễn cảnh một ngày nào đó người Đức sẽ bắt người dân Do thái phải đền tội, và rõ ràng ông ta sẽ tiêu diệt hiểm họa Do thái. Ấy thế nhưng ông ta lại chẳng đưa ra một chi tiết nào

về chuyện sẽ thực hiện điều đó ra sao.
Độc giả cũng không nên xem “cuốn kinh thánh của Chủ nghĩa Quốc xã” là sự thể hiện tiến bộ nhất của tư tưởng Đức quốc xã. Điều đó có lẽ nên thuộc về Alfed Rosenberg với cuốn Thần thoại thế kỷ hai mươi xuất bản năm 1930 (Hitler chưa từng đọc cuốn này). Theo nhà sử học Hajo Holbrn, sức mạnh của Hitler trong tư cách một nhà tư tưởng nằm ở chỗ “biết biến những ý tưởng đơn giản thành những điều thậm chí đơn giản và khi tin vào những điều đó là thực ra ta đã đạt tới sự thông thái cao hơn”. Bất chấp những nỗ lực mà những kẻ theo chủ nghĩa Quốc xã và

cả những kẻ không ủng hộ Quốc xã ở phương Tây đã thực hiện nhằm đưa Hitler vào hàng ngũ các triết gia vĩ đại của Đức, sách cùng Leibniz, Kant, Fuchite,và Hegel. Hitler vẫn gấy ấn tượng như một kẻ phân biệt chủng tộc ít học và sùng bái chủ nghĩa dân tộc. Hitler được ví với Adolf Lanz (gọi là Lanz von Liebenfels), ông chủ của tờ báo lá cải bài Do thái Ostara, và Houston Stewart Chamberlain, tác giả cuốn Nền móng của thế kỷ hai mươi nổi tiếng, viết về chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Những đóng góp ý tưởng của Hitler có thể tìm thấy qua những phát biểu rõ ràng và đầy sức thuyết phục về

vô số các luận thuyết mà người ta thường bàn đến đầu những năm của thế kỷ 20, chứ không phải là trong những lý thuyết do chính ông ta đưa ra. Nhiều ý tưởng trong cuốn sách Đời tranh đấu của tôi đã được các tổ chức chính trị ở Đức, Châu Âu và thậm chí cả Hoa Kỳ thu nạp ở nhiều mức độ khác nhau, trước cả khi Hitler tập hợp chúng lại thành cơ sở nền móng của chủ nghĩa Quốc xã. Chẳng hạn, thái độ chỉ trích nền dân chủ của Hitler thường được so sánh với chủ nghĩa phát xít ở Ý. Cũng trong cuốn sách này Hitler bộc lộ sự lo ngại và không tin tưởng váo chủ nghĩa Marx; thực tế là không thể có mình Hitler nghĩ như vậy. Chủ nghĩa

Do thái dù được tuyên trắng án sau hơn mười năm bị buộc tội vô căn cứ; Mật thư của các trưởng lão Do thái bị coi là giả mạo cho đến tận năm 1921 nhưng trước đó đã được công bố hàng kỳ trên tờ tạp chí Dearborn độc lập của Henry Ford (Hoa kỳ) người do thái bị cấm không được vào các khách sạn hay tham gia các câu lạc bộ. Ngay cả Winston Churchill, người được coi là thần báo ứng của Hitler, cũng từng công khai nói về "liên minh quỷ dữ" của "dân Do thái quốc tế" khi nhắc tới chủ nghĩa cộng sản.

Chất keo mà Hitler sử dụng để kết dính các mảng ý tưởng lộn xộn của mình chính là những quan điểm cực

đoan của thuyết Darwin xã hội thiên về phân biệt chủng tộc, nhưng ngay cả ý tưởng này cũng không chỉ giới hạn trong phạm vi nước Đức. Khoa học hiện đại về chủng tộc đã có bước tiến với thời đại Khai sáng, là khi sự phân biệt giữa các chủng tộc "có văn hóa" và "man rợ" từ thời Aristote lại sống dậy và xuất hiện các khái niệm "văn minh" và "nguyên thủy". Bằng cách khẳng định một số chủng tộc thừa kế tính "nguyên thủy", những người da trắng thuộc thời kỳ khai sáng có thể bào chữa cho hành vi áp bức người nô lệ da đen và âm mưu thiết lập chủ nghĩa đế quốc ở những nơi như Châu Phi. Sự khác biệt giữa các chủng tộc

được minh chứng bằng các kỹ thuật khoa học như nhân trắc học (là kỹ thuật tập hợp và nghiên cứu các đo đạc chính xác chỉ số cơ thể người); sau đó các chủng tộc sẽ được xếp hạng rất độc đoán trong đó người Châu Âu luôn giữ vị trí cao nhất.

Các học thuyết về chủng tộc ngày càng trở nên cực đoan khi được kết hợp thêm với các quan điểm trong học thuyết Darwin đã lan rộng ở các nước phương Tây từ nửa thế kỷ 19. Ý tưởng về sự tiến hóa và "sự sống sót của kẻ mạnh nhất" được áp dụng vào vấn đề chủng tộc đã được đưa lên lịch sử nhân loại, và cả thế giới đương đại, trở thành lịch sử của xung đột sắc tộc. Khi sóng đôi cùng

chủ nghĩa dân tộc, thuyết Darwin chủng tộc (hay Darwin xã hội) đã tạo ra các nguyên mẫu dân tộc, vì vậy, những người được giáo dục ở cuối thế kỷ 19 có thể tuyên bố nghiêm túc rằng các đặc trưng độc đáo về văn hóa của người Anh, Pháp, Mỹ và Đức là có cơ sở sinh học. Ở Anh, các nước trên bán đảo Scandinavia và Mỹ, dấy lên các phong trào ủng hộ thuyết ưu sinh với các mục tiêu là cải thiện "dòng dõi" cho dân tộc bằng sinh sản chọn lọc (về sau này được xem là có mối quan hệ chặt chẽ với bộ máy Đức quốc xã).

Lý thuyết chủng tộc của Hitler đã gắn kết mọi triết lý của ông ta lại với nhau. Chủ nghĩa Đại Đức, chủ nghĩa

dân tộc cực đoan, chủ nghĩa bài Do thái điên cuồng, tư tưởng chống chủ nghĩa Marx, và cả những lý thuyết về xung đột sắc tộc đều dẫn Hitler tới triết lý Mani giáo về chủng tộc Aryan và Do thái. Mỗi một khía cạnh trong hệ tư tưởng Hitler đều tồn tại ở đâu đó; thành công của Hitler nằm ở chỗ ông ta đã liên kết chúng lại với nhau thành một thứ rượu dễ làm người ta say mà những tên người Đức đôìf bại và đang tranh giành quyền lợi kinh tế không sao khước từ được. Mặc dầu những người khác có thể đưa ra cương lĩnh quốc xã theo một cách tinh tế hơn nhưng những điều mà Hitler đã vạch ra trong cuốn sách của mình và nhiều bài phát biểu khác

lại có khả năng kích động người dân Đức theo những cách không ai làm nổi.
Có lẽ bài học chúng ta rút ra từ Đời tranh đấu của tôi là quan trọng nhất. Nhược điểm của cuốn sách có vẻ thật rõ ràng; lối viết tàn nhẫn, sự lạc đề có phần non nớt, và thái độ say mê bản thân quá mức rất dễ dàng nhận ra ngay cả với vị độc giả bình thường nhất. Các lý thuyết của nó thật cực đoan, vô đạo đức, và thậm chí nếu thật sự áp dụng có thể dẫn tới chiến tranh và thảm họa. Nhưng bằng một cách nào đó, cuốn sách và tác giả của nó lại được chấp nhận ở một dân tộc văn minh và các kế hoạch điên rồ của nó thậm chí đã

được thực hiện. Cuốn sách vẽ ra về chủ nghĩa dân tộc cực đoan, phân biệt chủng tộc, bành trướng lãnh thổ, thái độ coi thường kiểu phát xít dành cho dân chủ và nhân quyền, đôi khi có vẻ như bức tranh tự biếm họa, ấy thế mà cuốn sách đã từng được phát miễn phí cho tất cả các đôi vợ chồng người Đức vừa kết hôn suốt từ những năm 1930 và sau đó. Nếu chúng ta đọc cuốn sách kỳ quặc này và gắn với bối cảnh lịch sử xung quanh nó, sự tung hô Seig Heils điên cuồng, các cuộc mít-tinh lớn, sự truyền bá tư tưởng phân biệt chủng tộc cuối cùng là sự dã nam và tư tưởng diệt chủng mà cuốn sách đã khơi dậy, chúng ta sẽ có được bức

tranh toàn cảnh lịch sử ở thời điểm đó, có thể mở ra cánh cửa dẫn tới một thế giới khác với thế giới chúng ta đang sống.




Khu phố Oberwallstrasse, nơi diễn ra các trận chiến ác liệt nhất để giành quyền kiểm

soát Berlin tháng 4/1945.

Trong Đời tranh đấu của tôi, Hitler đã vẽ ra thế giới tương lai bằng cái nhìn đen tối của bản thân. Nhiều năm trôi qua trước khi Hitler giành được quyền lực để hiện thực hóa bức tranh của mình, nhưng sự tồn tại của cuốn sách phủ nhận luận điệu của thế giới khi cho rằng mình không biết gì về điều đó. Chúng ta đã bỏ qua sự thật rằng Hitler là kẻ điên rồ và cùng phớt lờ trước cuốn sách có thể gây nên thảm họa của ông ta. Kết quả là chúng ta phải chịu đựng tấm bi kịch thảm khốc nhất chưa từng có trong lịch sử. Vẫn còn một điều nữa chúng ta có thể rút ra từ Đời tranh đấu của tôi: bài học về sự cảnh giác

và trách nhiệm, không làm ngơ trước những tội ác xung quanh ta. Kể từ Thế chiến thứ hai, nhân loại đã có thể bước tiến tích cực theo chiều hướng này. Đảm bảo cho xu hướng văn minh ấy tiếp tục phát triển là trách nhiệm của mỗi chúng ta.

# LỜI TỰA

Ngày 1 tháng 4 năm 1924, theo phán quyết của Toàn án Nhân dân Munich, tôi bắt đầu những ngày tháng bị giam cầm tại pháo đài Landsberg am Lech.

MEIN
KAMPF




Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm làm việc liên tục, tôi có cơ hội bắt tay vào một công việc mà nhiều người mong mỏi tôi thực hiện và cũng là công việc mà tôi thấy sẽ đóng góp nhiều cho phong trào. Tôi quyết định viết hai tập sách về mục đích và quá trình hình thành phát triển của phong trào. Qua các cuốn sách này, các bạn sẽ học được nhiều điều hơn bất kỳ thứ luận thuyết thuần túy giáo điều nào.
Viết sách cũng là cơ hội tôi giãi bày về quá trình tôi trưởng thành, ở chừng mực nào đó sẽ giúp các bạn hiểu rõ hơn nội dung cuốn sách và xóa bỏ những chuyện bịa đặt dối trá

mà bọn người Do thái đã rêu rao về tôi trên báo chí.
Cuốn sách này không dành cho những kẻ ngoài cuộc mà dành cho những con người trung thành đã gắn bó với phong trào bằng cả trái tim, cho những trí tuệ vẫn thiết tha tìm đến sự khai sáng tuyệt đối. Tôi hiểu rằng con người thường dễ bị đánh bại bởi lời nói hơn là những gì được viết ra. Tôi cũng hiểu rằng sự lớn mạnh của tất cả những phong trào lớn trên trái đất đều là nhờ vào những nhà hùng biện vĩ đại chứ không phải là những đại văn hào.
Tuy vậy, một học thuyết muốn được truyền bá một cách thống nhất và chặt chẽ về lý luận thì cũng cần

được ghi chép để lưu lại. Với mục đích ấy, tôi mong muốn cuốn sách này sẽ là nền móng để từ đó chúng tà cùng xây nên ngôi nhà chung.

**NHÀ TÙ PHÁO ĐÀI**

# Tập 1: Toan Tính

## Chương 1: Ở NHÀ BỐ MẸ

Ngày hôm nay, dường như số phận đã ưu ái tôi khi chọn thành phố Braunau bên dòng sông Inn là nơi tôi sinh ra. Thành phố nhỏ bé này nằm ở ranh giới giữa hai bang của nước Đức nên ít ra thế hệ trẻ bọn tôi cũng phải gắng hợp nhất bằng mọi giá và xem đó là sự nghiệp cả đời.











Bên dòng sông Inn, nơi mà Hitler từng sinh sống.

Nước Áo-Đức phải trở về đất mẹ Đức vĩ đại, nhưng không phải vì bất kỳ toan tính kinh tế nào. Không, ngàn lần không, ngay cả khi xét từ góc độ kinh tế, sự hợp nhất đó chẳng ích lợi gì. Đúng thế, ngay cả khi việc đó là có hại thì nhất thiết vẫn phải tiến hành. Mỗi dòng máu đều đòi một đế chế. Nước Đức sẽ không bao giờ có quyền can dự vào chính trị vùng thuộc địa trừ khi đứa con của Đức lại trở về với mẹ trong một ngôi nhà chung. Chỉ khi nào Đế chế còn lại một người Đức cuối cùng mà không thể đảm bảo được bánh mì hàng ngày cho anh ta, lúc đó mới có giành lấy đất đai ngoại bang từ chính

nỗi thống khổ của người dân chúng ta. Lưỡi kiếm của họ sẽ trở thành cày cuốc cho chúng ta và bánh mì cho thế hệ tương lai sẽ mọc lên từ nước mắt của cuộc chiến tranh. Vì thế, với tôi, cái thành phố vùng biên giới này là biểu tượng của một sứ mệnh vĩ đại. Nói cách khác, nó là lời nhắc nhở tôi về ngày hôm nay. Hơn một trăm năm trước, vùng đất tầm thường này đã được trao sứ mệnh lưu danh sử sách, chí ít là trong lịch sử nước Đức, bởi đây là nơi chứng kiến một thảm họa bi kịch làm chấn động khắp nước Đức. Vào lúc nỗi sỉ nhục quốc gia lên đến đỉnh điểm thì chính tại đây, Johannes Palm, một dân thường, một người bán sách,

một người theo chủ nghĩa dân tộc không thỏa hiệp và một người căm thù quân Pháp, đã hy sinh cho nước Đức mà ông ta yêu say đắm ngay cả khi đất nước đang trong cơn hoạn nạn. Ông đã kiên quyết từ chối khai báo các cộng sự cũng đồng thời là cấp trên của mình. Ông làm nhớ đến Leo Schlageter. Giống như Schlageter, ông đã bị chính một thành viên trong chính phủ tố cáo. Cái tiếng tăm chẳng ai thèm muốn ấy đã thuộc về một tên cảnh sát trưởng ở Ausburg. Đó cũng là một ví dụ về hình ảnh bọn quan chức chính phủ trong đế chế của ngài Severing.

Cái thành phố bé nhỏ bên dòng sông Inn này, nơi ánh lên những tia hy

vọng của những số phận Đức thống khổ, nơi thuộc về Bavaria từ trong máu thịt nhưng lại là đất của bọn Áo, cũng chính là nơi bố mẹ tôi sống trong những năm 1880. Bố tôi là một công chức mẫn cán còn mẹ tôi thì dành cả đời để chăm sóc gia đình và hiến dâng cho bọn trẻ chúng tôi tất cả sự chăm sóc và tình yêu thương bất tử. Tôi không nhớ nhiều lắm về những ngày tháng sống ở đây vì chỉ vài năm sau, bố tôi buộc phải rời bỏ cái thành phố bé nhỏ mà ông hằng yêu quý, chuyển xuống vùng hạ lưu sông Inn để nhận một công việc mới tại Passau.

Ngày đó, việc di chuyển liên tục là chuyện thường thấy ở các cán bộ

hải quan nước Áo. Ít lâu sau, bố tôi được cử tới Linz. Tại đó ông về hưu và sống bằng trợ cấp hưu trí. Ấy thế nhưng điều đó không có nghĩa là thoải mái với một người già cả như bố tôi. Là con trai của một nông dân nghèo, khi còn trẻ, ông không thể chịu nổi việc ngồi ở nhà. Chưa đầy mười ba tuổi, ông đã khoác ba lô trốn khỏi nhà ở vùng Waldviertel. Bất chấp lời khuyên ngăn của những người cùng làng dày dặn kinh nghiệm, ông tự tìm đường tới Vienne và học cách kinh thương tại đó. Đó là vào những năm 1850. Một quyết định liều lĩnh, lên đường chỉ với ba gunđơn làm lộ phí và lao vào những thứ mình không hề biết. Ở tuổi mười

bảy, ông kết thúc giai đoạn tập sự nhưng chẳng lấy thế làm hài lòng. Trái lại là đằng khác. Ông đã vượt qua quãng thời gian vất vả và đăng đẳng, những khó nhọc bất tận và bao đau đớn, nhờ thế càng thêm quyết tâm từ bỏ việc buôn bán để trở thành một điều gì đó tốt đẹp hơn. Trước kia, chàng trai nghèo coi linh mục là biểu tượng của sự cao quy nhất mà con người đạt được, giờ đây giữa thành phố lớn, ông đã mở rộng tầm mắt hơn và thấy rằng cao quý nhất là trở thành một viên chức. Bằng tất cả lòng kiên trì của một chàng trai trẻ, mới mười bảy tuổi nhưng đã già đi bởi những lo toan và vất vả, ông đã theo đuổi đến

cùng quyết định của mình và cuối cùng đã trở thành viên chức nhà nước. Sau gần hai mươi ba năm, ông đã đi tới đích. Như vậy, ông dường như đã hoàn thành lời thề từ thời thơ ấu: không bao giờ trở về nơi chôn rau cắt rốn nếu chưa làm được điều gì cho bản thân.

Mục tiêu đã đạt được nhưng chẳng ai còn nhớ tới cậu bé của những ngày xưa, và tới ông, ngôi làng xưa cũng trở nên xa lạ.



Chân dung ảnh Hitler còn nhỏ (trái) và ảnh lúc 12 tuổi (phải).

Cuối cùng, khi về hưu ở tuổi năm mươi sáu, ông không thể nào chịu nổi một ngày nhàn rỗi ngồi không. Ông mua một trang trại gần khu chợ làng Lambach vùng thượng Áo, ở đó ông tự làm việc và như thế, tiếp nối quãng đời cần cù lao động, ông lại trở về với công việc mà tổ tiên đã từng làm.

Cũng chính vào thời gian đó, trong tôi hình thành mẫu hình lý tưởng đầu tiên. Những cuộc rong chơi ngoài trời, quãng đường dài đi bộ tới trường, và nhất là sự giao du với mấy cậu bạn to con, điều mà đôi khi vẫn làm mẹ tôi khổ tâm, đã biến tôi thành một người không thể ở nhà.

Dù rằng khi đó tôi hiếm khi suy nghĩ nghiêm chỉnh xem sau này sẽ làm nghề gì nhưng rõ là tôi không thể đồng tình với định hướng nghề nghiệp của bố tôi trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Tôi tin rằng kể cả khi đó tài hùng biện của tôi được nảy nở qua những lần tranh cải ít nhiều có phần hung dữ với bạn cùng lớp. Tôi trở thành một kẻ đầu sỏ; ở trường, tôi học hành dễ dàng và có thể nói là rất tốt, nhưng mặt khác tôi lại là học sinh hay gây rắc rối. Thời gian rảnh, tôi học hát ở tu viện Lambach. Đó chính là cơ hội tuyệt vời làm cho tôi đâm ra mê mẩn sự tráng lệ, uy nghi của các lễ hội hoành tráng ở nhà thờ. Ý tưởng muốn trở thành cha

trưởng tu viện đến với tôi tự nhiên như khi xưa bố tôi từng muốn làm linh mục, một mẫu hình cao quý đáng thèm muốn nhất trên đời. Ít nhất thì ý định đó cũng kéo dài một thời gian. Tuy nhiên, chính vì bố tôi, với những lý do có thể thông cảm được, tỏ ra không thể đánh giá cao tài hùng biện của cậu con trai ngỗ ngược, hay chí ít cũng đưa ra những kết luận có lợi cho tương lai của con mình, nên ông đã không thể, lẽ tất nhiên rồi, có chút thông cảm nào với những ý tưởng của tuổi trẻ. Ông lo ngại quan sát sự xung đột của bản chất tự nhiên.

Alois Hitler: cha của Hitler và Adolf Hitler.

Cũng tình cờ, niềm khao khát vươn tới mẫu hình lý tưởng của tôi sớm tan biến, bất luận thế nào, và nhường chỗ cho những hy vọng phù hợp với tính khí của tôi hơn. Trong khi lục lọi thư viện của bố, tôi tình cờ tìm thấy rất nhiều sách về quân sự trong đó có một ấn phẩm nổi tiếng viết về cuộc chiến Đức-Pháp thời những năm 1870-1971. Ấn phẩm gồm hai số báo trong một tạp chí định kỳ của thời đó mà tới giờ vẫn là thứ tôi thích đọc. Chẳng bao lâu, cuộc chiến vĩ đại và anh hùng đã trở thành những trải nghiệm nội tâm sâu sắc nhất trong đời tôi. Kể từ đó tôi ngày càng say mê tất cả những gì

liên quan tới chiến tranh theo mọi cách, hay những gì viết về đời sống của người lính.

Ở góc độ khác, sự thay đổi này thật quan trọng đối với tôi. Lần đầu tiên, trong nhận thức của tôi nảy ra nhiều câu hỏi, dẫu rằng còn có phần lộn xộn, buộc tôi phải trả lời: Có sự khác nhau nào – và nếu có thì khác ở điểm nào – giữa những người Đức tham gia các trận chiến và những người Đức khác? Tại sao nước Áo lại tham gia chiến tranh? tại sao bố tôi và những người khác không chiến đấu?

**Liệu chúng ta có giống như những người Đức khác?**

Liệu chúng ta có thuộc về cùng một

nơi hay không? Lần đầu tiên, trí óc non nớt của tôi day dứt bởi những câu hỏi đó. Tôi đặt ra những câu hỏi thận trọng và nhận được câu trả lời rằng không phải người Đức nào cũng có cái may mắn được thuộc về Đế chế Bismarck.

Điều này vượt quá khả năng hiểu biết của tôi.

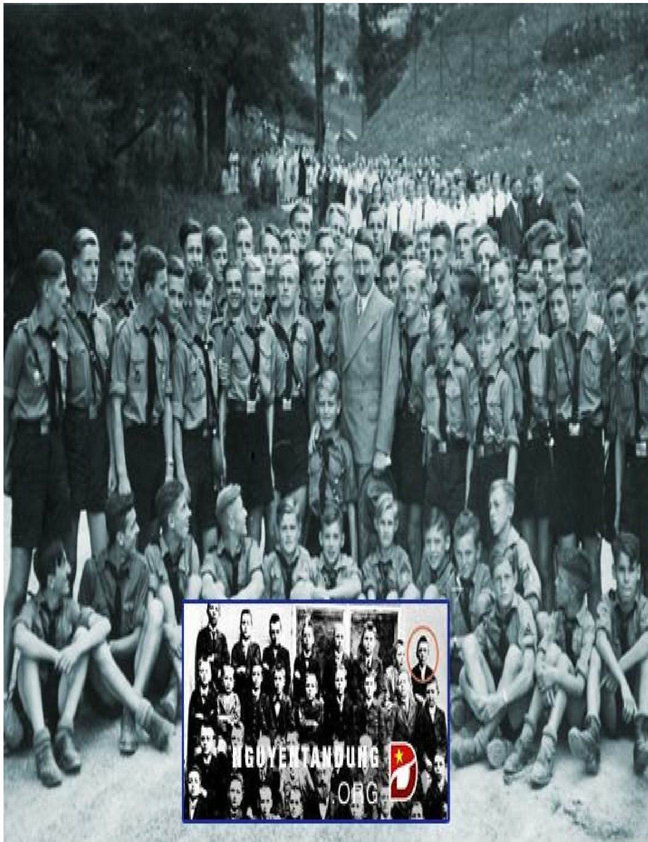
# Chương 1:1: BỐ HITLER CHOÁNG VÁNG KHI NGHE QUYẾT ĐỊNH MÔN HỌC CON MÌNH

Gia đình đã quyết định tôi sẽ học lên trung học.

Bố tôi tin chắc rằng với bản chất của tôi, nhất là với cái tính khí của tôi, theo học ở một trường Gymnasium thiên về xã hội nhân văn là không đúng năng lực. Một trường theo kiểu Realschol có vẻ hợp ý ông hơn. Ông càng khăng khăng ý kiến của mình khi thấy tôi bộ lộ rất rõ năng khiếu vẽ

vời, một thứ mà ông cho rằng luôn bị bỏ bê trong các trường Gymnasium. Lý do nữa có thể là do những trải nghiệm nghề nghiệp của bản thân đã khiến ông cho rằng các môn học khối xã hội nhân văn thật chẳng ích lợi gì cả và vì thế mà ông không thích. Về cơ bản, ông nghĩ và cáo ý định rằng con trai ông nhất định sẽ trở thành một viên chức giống như ông. Cũng là lẽ tự nhiên khi ông tin rằng chính nhờ những gian khó thời trai trẻ mà ông có được thành tựu như hôm nay, và nhất là ông đã thành ông bởi nghị lực và cần cù của bản thân. Chính lòng kiêu hãnh vì đã tự mình làm nên thành công ấy đã thúc đẩy ông mong muốn con trai cũng phải làm được

như vậy, và tất nhiên có thể còn làm hơn thế nữa. Mong muốn ấy càng được củng cố khi ông tin rằng ông có thể giúp con trai mình rất nhiều trong bước đường phát triển.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Hình ảnh Hitler chụp với học sinh năm 1936 và hình ảnh Hitler lúc còn đi học năm 1904.

Với ông, việc tôi từ chối trở thành người mà cả đời ông mong muốn là điều không thể tưởng tượng được. Bởi vậy, quyết định của ông rất đơn giản, dứt khoát, rõ ràng; tất nhiên đấy là bản thân ông thấy vậy. Rốt cuộc, với bản tính độc đoán áp đặt người khác hình thành từ những ngày tháng vật lộn mưu sinh vất vả, ông dường như không thể chịu đựng nổi khi phải từ bỏ quyết định về sự nghiệp của cậu con trai chưa trải đời mà cũng chẳng có tí ý thức gì về trách nhiệm. Không chỉ thế, với ông, đó là sự yếu đuối tội lỗi và đáng trách bởi đã không áp đặt được cái

quyền làm cha mẹ và đã không thực hiện được trách nhiệm với tương lai của cậu con trai, và nói cho đúng thì điều đó hoàn toàn trái ngược với khái niệm của ông về bổn phận và nghĩa vụ.

**Mọi việc sau này hóa ra hoàn toàn khác.**

Vừa tròn mười một tuổi, lần đầu tiên trong đời tôi buộc phải chống đối người khác. Với một người luôn cứng rắn và kiên quyết thực hiện bằng được các kế hoạch và ý định của mình như bố tôi, cái việc cậu con trai cứ khăng khăng và ngoan cố không chấp nhận ý kiến của mình là một điều không dễ chịu một chút nào.

Tôi không muốn trở thành một viên chức.
Sự thuyết phục và các cuộc tranh luận nghiêm túc cũng chẳng hề làm tôi nao lòng. Không, nghìn lần không, tôi không muốn làm một viên chức. Dù bố tôi có cố hết sức kể những câu chuyện về chính cuộc đời ông để làm cho tôi thấy yêu quý cái nghề đó và hãnh diện vì được là viên chức, vẫn chỉ có một kết cục là sự chống đối. Tôi ngán ngẩm và ớn đến tận cổ với ý nghĩ ngồi trong một văn phòng, mọi tự do bị tước đoạt, không được làm chủ thời gian của mình và buộc phải làm cho cả đời mình trống rỗng thay vì đầy ắp những điều thú vị.
Vậy cái viễn cảnh ấy đã khơi lên

những suy nghĩ gì ở một cậu bé trong thực tế chỉ được coi là “khá tốt” theo đúng nghĩa thông thường?

Việc học ở trường thì quá dễ nên thời gian tôi ở bên ngoài còn nhiều hơn là ở nhà. Ngày hôm nay, khi các đối thủ chính trị của tôi dành những tình cảm quan tâm tới cuộc điều tra về cuộc đời tôi, ngược dòng thời gian tìm về những ngày thơ ấu ấy và cuối cùng đã khám phá ra những trò đùa quá quắt mà Hitler này đã chơi ngay từ thời trai trẻ, tôi cảm tạ đấng thượng đế vì đã lưu giữ trong tôi những ký ức đẹp đẽ này. Những khu rừng và những bãi cỏ cũng chính là chiến trường, nơi giải quyết các cuộc xung đột vẫn tồn tại khắp mọi

nơi trong đời sống.

Xét ở góc độ ấy, việc học hành của tôi mới bắt đầu ở trường Realschule quả có hơi khác biệt.

Nhưng lúc này, chắc chắn rằng có một cuộc xung đột cần giải quyết.

Chừng nào cái ý định bắt tôi làm viên chức của bố chỉ gặp phải thái độ khó chịu của tôi về mặt lý thuyết thì cuộc xung đột còn có thể ở mức chịu đựng được. Vì thế cho tới lúc ấy, ở một chừng mực nào đó tôi đã có thể giữ kín suy nghĩ của mình; không phải lúc nào tôi cũng cãi lại bố. Tôi đã xác định rất rõ sẽ không bao giờ trở thành viên chức và thế là đủ để tôi có được sự bình yên tuyệt đối trong tâm tưởng. Với tôi, quyết định

ấy là không thể thay đổi. Mọi chuyện khó khăn hơn khi kế hoạch mà tôi tiến hành lại hoàn toàn đối lập với kế hoạch của bố. Điều đó xảy ra khi tôi mười hai tuổi. Bản thân tôi cũng chẳng rõ nó xảy ra thế nào, chỉ biết một ngày tôi bỗng nhận ra rõ ràng rằng tôi sẽ trở thành một họa sĩ, một nghệ sĩ. Đúng là chính vì năng khiếu vẽ của tôi mà bố tôi cho tôi học ở trường Realschule, nhưng chẳng bao giờ ông nghĩ rằng ở đây tôi lại được dạy dỗ theo chiều hướng ấy. Mọi việc diễn ra trái với suy nghĩ của bố. Sau một lần cãi lại ý muốn của bố, lần đầu tiên tôi được hỏi muốn làm nghề gì sau này, tôi đã buột miệng nói ra quyết định của mình,

khiến bố tôi trong khoảnh khắc bỗng choáng váng lặng đi.
“Họa sĩ á? Nghệ sĩ á?”
Bố ngờ rằng tôi không được minh mẫn, hay có thể ông cho rằng đã nghe nhầm hoặc hiểu sai ý tôi. Nhưng khi hiểu rõ mọi chuyện, và nhất là khi cảm thấy tôi rất nghiêm túc với ý định của mình, ông bắt đầu phản đối bằng tất cả sự quyết tâm trong bản chất của mình. Quyết định của ông cực kỳ đơn giản bởi nhất quyết là không có cân nhắc gì hết, bất kể tôi có năng khiếu gì đi chăng nữa.



Bức ảnh do Hitler vẽ: Một tờ báo Anh đã gọi bức "chân dung tự họa" này là "khuôn mặt của quỷ dữ".

"Họa sĩ ư, không đời nào, chừng nào tao còng sống!" Nhưng rồi cậu con trai, ngoài những phẩm chất của mình lại thừa hưởng sự ngoan cố của bố nên vẫn cứ khăng khăng câu trả lời của mình. Tất nhiên, lần này câu trả lời đã ẩn chứa sự chống đối. Cuộc chiến giữa hai bên xảy ra. Bố tôi nhất quyết "Không đời nào!" Còn tôi cũng khăng khăng "Có chứ ạ!". Kết quả dĩ nhiên chẳng vui vẻ gì. Bố tức điên lên còn tôi, dù rất yêu quý bố, cũng cảm thấy vô cùng bực bội. Bố ngăn cấm tôi không được nuôi bất kỳ hy vọng nào dù mong manh nhất rằng tôi có thể theo học nghệ

thuật. Tôi tiến thêm một bước và tuyên bố rằng nếu vậy tôi sẽ không học hành gì nữa. Dĩ nhiên, với tuyên bố ấy tôi đã chuốc lấy sự trừng phạt; bố bắt đầu áp đặt quyền hành bắt tôi nghe theo ông một cách không thương xót. Chính vì thế mà về sau tôi chỉ im lặng nhưng lại hành động đúng như đã đe dọa. Tôi tin rằng một khi bố tôi thấy tôi học hành không tiến bộ, ông sẽ để tôi dành thời gian cho ước mơ của mình, cho dù ông có thích điều đó hay không.

Tôi không rõ mình tính toán như vậy có đúng không. Lúc đó, chỉ có một điều là chắc chắn: phải làm sao để ai cũng thấy là tôi học hành chẳng ra gì. Tôi chỉ học những gì mà tôi thấy

thích và có thể cần cho tôi khi trở thành họa sĩ. Còn những cái tôi thấy vô bổ và nhạt nhẽo tôi chỉ phá mà thôi. Thế nên phiếu kết quả học tập của tôi, vì phụ thuộc vào môn học và sự tính toán của tôi, toàn thấy những điều đối nhau chan chát. Ngay cạnh những nhận xét "xuất sắc", "giỏi", lại thấy ngay lời phê "trung bình", thậm chí "dưới trung bình". Tôi được điểm cao nhất ở môn địa lý và môn lịch sử. Đó cũng là những môn học tôi yêu thích và luôn dẫn đầu trong lớp.

Giờ đây, sau bao nhiêu năm, khi nhìn kết quả của giai đoạn này, tôi chỉ thấy hai điều đặc biệt có ý nghĩa:

Một: Tôi đã trở thành một người theo chủ nghĩa dân tộc.

Hai: Tôi đã học để hiểu và nắm bắt được ý nghĩa của lịch sử nước Áo cũ là đất nước của các dân tộc.

Nhìn chung, vấn đề của Đế chế Đức, ít ra tại thời điểm đó, là hoàn toàn không thể nắm bắt được ý nghĩa của thực tế này đối với cuộc sống của người dân. Sau chiến thắng vẻ vang của đội quân anh dũng trong cuộc chiến Pháp-Đức, mọi người dần dần bớt quan tâm tới những người Đức sống ở nước ngoài; nhiều người không thể, có người còn không có khả năng đánh giá được tầm quan trọng của mình. Đặc biệt là khi nhắc đến những người Áo gốc Đức, người ta rất hay nhầm tưởng cái triều đại thoái hóa này với những con người

khỏe mạnh, tráng kiện.







A. Hitler 1910

Đây được cho là những bức tranh Hitler vẽ khi còn trẻ, và bức chân dung được cho là tự họa của Hitler. Các bức tranh đều có chữ ký của Hitler.

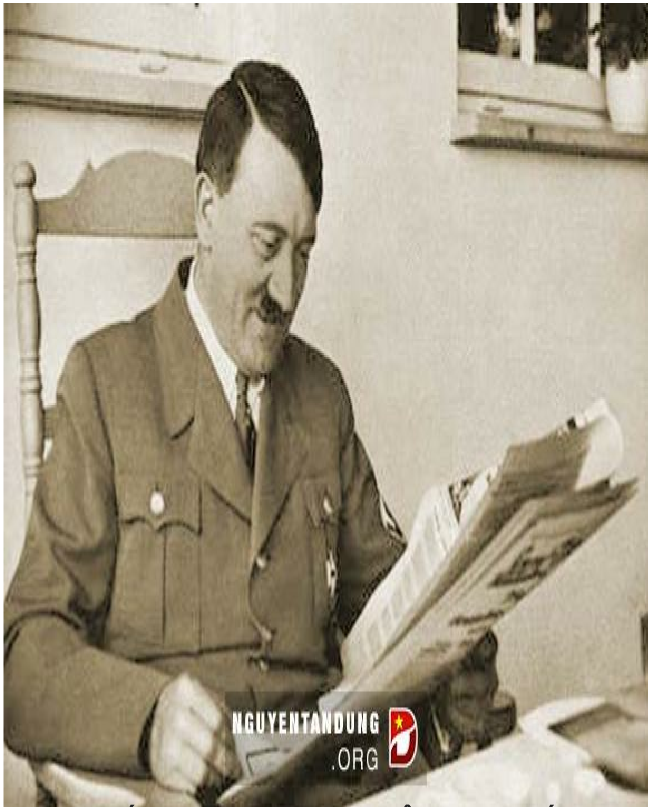
Điều mà họ không thể nhận thức được đó là: chỉ khi nào những người Đức sống tại Áo thật sự là dòng giống ưu việt nhất họ mới giành được cái quyền khắc dấu ấn của mình vào một đất nước của năm triệu tâm hồn, với sự sâu sắc tới mức ngay cả ở Đức, người ta cũng nhầm tưởng rằng Áo chính là một bang của nước Đức. Đó là một sự ngu xuẩn kéo theo những hậu quả thảm khốc, và cũng là tấm bằng khen chói lọi tặng cho mười triệu người Đức sinh sống trong đế chế Ostmark. Chỉ có vài người Đức của

Đế chế có khái niệm mơ hồ về cuộc chiến đấu không ngừng và quyết liệt để bảo vệ ngôn ngữ Đức, trường học Đức và lối sống Đức. Chỉ đến hôm nay, khi chính những nối thống khổ đau đón đó xảy đến với những người Đức của Đế chế, những người ở trong ách thống trị của ngoại bang vẫn mơ về tổ quốc chung và đấu tranh để bảo vệ quyền lợi thiêng liêng của mình với tiếng mẹ đẻ, người ta mới hiểu ra rằng thế nào là bị buộc phải chiến đấu cho dân tộc. Ngày hôm nay, có lẽ nhiều người đã nhận ra sự vĩ đại của những người Đức trong Đế chế Ostmark xưa cũ, những người chỉ biết dựa vào chính bản thân mình và hàng thế kỷ nay

vẫn bảo vệ Đế chế khỏi xâm nhập từ phía Đông, rồi cuối cùng đã tiến hành cuộc chiến tranh du kích nhằm bảo tồn biên giới ngôn ngữ Đức, vào đúng thời điểm Đế chế đang mải mê quan tâm tới các thuộc địa nhưng lại thờ ơ với máu thịt của chính mình.
Cũng giống như mọi cuộc chiến khác, trong cuộc chiến ngôn ngữ ở nước Áo cũ, luôn luôn có sự tham gia của ba tầng lớp:
Các chiến sĩ, những người ngoài cuộc thờ ơ, và bọn phản bội.
Quá trình sàng lọc phân loại bắt đầu từ trong nhà trường. Sự thật đáng ghi nhận về cuộc chiến ngôn ngữ này là các phong trào đấu tranh nổi lên mạnh mẽ nhất ở khu vực trường

học, bởi đây là nơi gieo mầm cho thế hệ tương lai. Đó là cuộc đấu tranh vì tâm hồn của thế hệ trẻ, và lời kêu gọi đầu tiên dành cho những người trẻ tuổi là:
"Các chàng trai Đức, đừng quên bạn là người Đức", và "Hỡi các cô gái, hãy nhớ rằng các bạn sẽ trở thành những người mẹ Đức".
Bất kỳ ai hiểu rõ tâm lý của đám thanh niên thì cũng sẽ hiểu rằng chính chúng ta là những người lắng nghe thích thú nhất những lời kêu gọi chiến đấu. Chúng tiến hành đấu tranh với vô vàn hình thức khác nhau, theo cách thức và bằng vũ khí của riêng chúng. Chúng từ chối hát những bài hát không phải là tiếng Đức. Mọi

người càng cố tách chúng khỏi nước Đức anh hùng vĩ đại thì lòng nhiệt tình chiến đấu của chúng càng trở nên cuồng nhiệt; chúng nhịn ăn để tiết kiệm từng đồng xu cho cuộc chiến, nhạy cảm với những bài giảng của các giáo viên không phải là người Đức và đồng thời cũng phản đối kịch liệt các giáo viên đó; chúng đeo các phù hiệu đã bị cấm biểu tượng cho dân tộc mình và thấy hạnh phục với ai đó trừng phạt hay đánh đập chúng vì điều đó. Như vậy, xét ở phạm vi hẹp, chúng là hình ảnh phản ánh trung thực về cha mẹ mình, trừ một điều là niềm tin của chúng thì mạnh mẽ và chân thực hơn.




Hitler rất thích đọc sách. Ông học rất giỏi

môn lịch sử và địa lý.

Bản thân tôi, khi còn trẻ, cũng đã có cơ hội tham gia cuộc chiến dân tộc ở đế quốc Áo cũ. Bọn tôi quyên góp cho Sudmark và các hiệp hội trong nhà trường; chúng tôi củng cố niềm tin bằng cách cài hoa xa cúc lam và mặc trang phục với ba màu đỏ, đen và vàng; "Heil", chúng tôi chào nhau như vậy, và thay vì hát quốc ca của Đế quốc chúng tôi hát bài "Deutschland uber Alles", bất chấp những lời cảnh báo và sự trừng phạt. Cứ như vậy, bọn trẻ được dạy về chính trị trong một thời kỳ mà theo thông lệ, môn học về quốc gia dân tộc hầu như chẳng chắc gì tới quốc tịch hay ngôn ngữ của chúng.

Khỏi phải nói, ngay cả khi đó tôi cũng phải là kẻ thờ ơ lãnh đạm. Chỉ trong một thời gian ngắn, tôi đã trở thành một người theo "chủ nghĩa dân tộc Đức" cuồng nhiệt, dẫu rằng khái niệm ấy không giống với khái niệm mà Đảng của chúng ta ngày nay đang nói tới.

Điều này đã đem lại cho tôi những bước tiến bộ nhanh chóng, mười lăm tuổi, tôi đã hiểu được sự khác biệt giữa "chủ nghĩa yêu nước" của vương triều và "chủ nghĩa dân tộc" của nhân dân; và ngay cả khi đó tôi cũng chỉ quan tâm tới khái niệm sau:

Với những người chưa từng khổ công tìm hiểu về những điều kiện nội tại của nền quân chủ Habsburg, thật

khó có thể hiểu hết một quá trình như vậy. Ở đất nước này, việc dạy môn lịch sử thế giới buộc phải cung cấp những mầm mống ban đầu cho quá trình phát triển ấy, bởi lẽ thực tế là hầu như không có thứ nào tương tự như lịch sử nước Áo. Vận mệnh của đất nước này gắn chặt với đời sống và sự phát triển của tất cả những người Đức tới mức sự chia cắt lịch sử thành các giai đoạn của Đức và Áo dường như là điều không tưởng tượng nổi. Thực vậy, khi rốt cuộc nước Đức bị chia thành hai phạm vi quyền lực, chính sự phân chia ấy lại là một phần trong lịch sử nước Đức.

Biểu tượng cho vinh quang của triều

đại trước, được giữ gìn ở Vienna, dường như vẫn mang một lời nguyền ma thuật; nó tồn tại như một bằng chứng cho sự hợp nhất vĩnh viễn của hai số phận ấy.

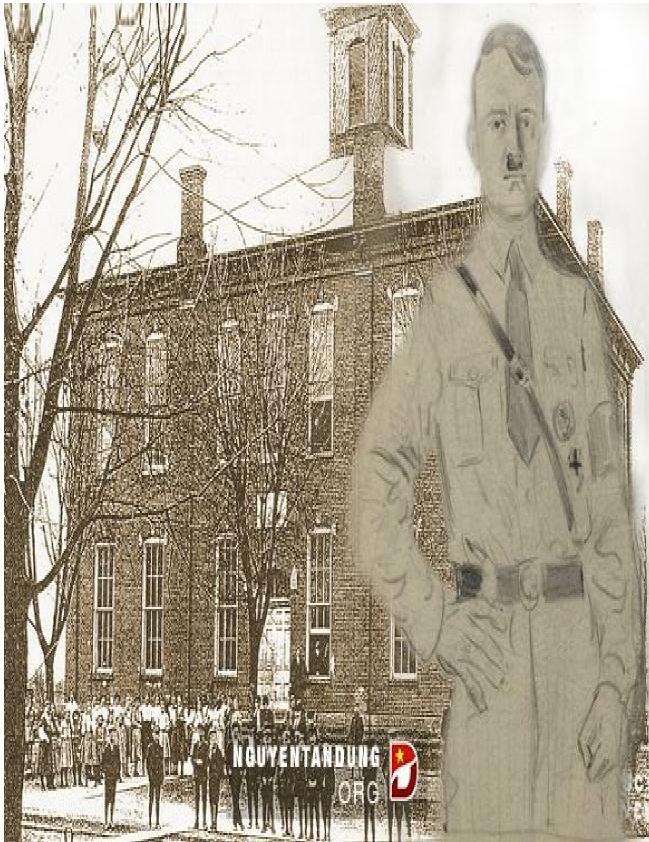
Lời kêu gọi mãnh liệt của những người Áo gốc Đức đòi tái hợp với nước mẹ Đức vĩ đại được cất lên trong những ngày vương triều Habsurg sụp đổ chính là kết quả của niềm khao khát bấy lâu ngủ yên trong trái tim của mọi người – khao khát được trở về nơi quê cha đất tổ. Điều này thật khó lý giải nếu sự giáo dục lịch sử của những người Áo gốc Đức không khơi dậy một niềm khát khao lớn đến vậy. Ẩn trong sự giáo dục ấy là một giếng nước không bao

giờ cạn, vào chính thời điểm của sự quên lãng, lại dâng lên cao hơn cả sự phồn thịnh khi đó, không người nhắc nhở về quá khứ và khẽ thì thầm một tương lai mới.

# Chương 1:2: ĐIỀU GÌ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH TƯƠNG LAI CỦA HITLER?

Ngay cả bây giờ, việc dạy về lịch sử thế giới trong các trường trung học cũng vẫn ở trong những điều kiện rất kém. Rất ít giáo viên hiểu rằng mục đích học lịch sử không thể là chỉ học thuộc lòng những ngày tháng và sự kiện lịch sử và nói lại như một con vẹt; và rằng vấn đề không phải ở chỗ liệu học sinh có biết được chính xác khi nào thì cuộc chiến này hay cuộc chiến kia diễn ra, vị tướng nọ sinh

ngày tháng năm nào, hay thậm chí ngày tháng lên ngôi của vị vua (một sự kiện thường được coi là chẳng đáng để ý). Không, thề có Chúa, điều này chẳng hề quan trọng.


NGUYENTANDUNG
ORG

Học viện Vienna (xây dựng năm 1878) nơi mà Hitler từng theo học.

"Học" lịch sử là phải tìm hiểu và tìm ra những yếu tố, nguyên nhân dẫn tới những sự kiện lịch sử đó.

Nghệ thuật đọc cũng như nghệ thuật học hỏi là ở chỗ phải giữ lại những điều quan trọng và bỏ qua những điều không quan trọng.

May mắn đã khiến tôi được học một thầy giáo lịch sử vốn trong số ít người tuân theo nguyên tắc này trong dạy học và kiểm tra, một điều mà có lẽ ảnh hưởng tới toàn bộ cuộc đời tôi sau này. Tiến sĩ Leopold Potsch, thầy giáo của tôi tại trường Realschule ở thành phố Linz, là người đã đưa yêu cầu này tới mức

độ lý tưởng. Người giáo sư già đối xử rất tốt với chúng tôi, tài hùng biện đáng kinh ngạc của thầy đã khiến chúng tôi như bị bỏ bùa và thật sự lôi cuốn chúng tôi. Ngay cả hôm nay tôi vẫn nhớ về tình cảm ân cần của người thầy mái tóc hoa râm, người khiến chúng tôi quên đi thực tại bởi những lời kể sinh động; người đã đưa bọn tôi trở về quá khứ, như thể bằng phép thuật, vượt qua màn sương mờ cả nghìn năm nay, biến những ký ức lịch sử thành thực tại sống động. Những giờ học của thầy, chúng tôi thường thấy trong lòng rực cháy ngọn lửa nhiệt tình và đôi khi cả niềm xúc động đến trào nước mắt.

Điều khiến chúng tôi thấy may mắn

hơn nữa là người thầy giáo này biết cách soi rọi quá khứ bằng những ví dụ từ hiện tại và rút ra những kết luận cho hiện tại chính từ quá khứ. Vì thế, thầy hiểu biết hơn bất kỳ người nào những vấn đề hàng ngày vẫn khiến chúng tôi căng thẳng đến ngạt thở. Thầy tận dụng sự cuồng nhiệt ủng hộ ban đầu cho chủ nghĩa dân tộc của chúng tôi để thường xuyên kê gọi chúng tôi ý thức về tự hào dân tộc. Chỉ cần thế thầy đã có thể thiết quân luật với lũ học sinh ngỗ ngược chúng tôi dễ dàng hơn bất kỳ cách thức nào khác.

Chính thầy đã làm tôi yêu thích môn lịch sử.

Thực là thế, mặc dầu thầy không

dụng tâm như vậy nhưng chính vào lúc đó tôi đã trở thành một nhà cách mạng nhỏ tuổi.

Với một giáo viên như vậy, ai có thể học môn lịch sử Đức mà không thấy mình trở thành kẻ thù của một nhà nước thông qua vương triều thống trị của mình và áp bức các số phận của dân tộc?

Chẳng lẽ chúng ta, kể cả những học sinh, lại không biết rằng đất nước Áo đã và không thể có tình yêu với người Đức chúng ta?

DER DEUTSCH

MUTTER

"Mutter"





Các kiến thức lịch sử về những công trình ở Vương triều Habsurg ngày càng nhiều thêm nhờ những trải nghiệm hàng ngày. Ở phía Nam và phía Bắc, chất độc của những nước ngoại bang đang dần ăn mòn cơ thể đất nước của chúng ta, và rõ ràng là ngay cả Vienna cũng ngày càng bị biến thành một thành phố không phải của người Đức. Hoàng gia đang tìm cách Czech hóa ở mọi nơi có thể, và chính bàn tay của nữ thần công lý bất tử và sự trừng phạt không khoan nhượng đã khiến cho Archduke Francis Ferdinand, kẻ thù tàn bạo nhất của những người Áo gốc Đức, phải chết vì những viên đạn mà chính

ông ta đã giúp làm ra.

Gánh nặng người Đức phải chịu mới to lớn làm sao, những hy sinh của họ trong những thử thách và các cuộc tàn sát mới phi thường làm sao, và chỉ có kẻ nào đui mù hoàn toàn mới buộc phải công nhận tất cả những điều đó là vô ích. Điều mà chúng ta đau đớn nhất là chính phe đồng minh Đức lại thanh minh cho toàn bộ hệ thống này, và kết quả là sự hủy diệt dần dần của chủ nghĩa sùng bái nước Đức trong vương triều cũ, ở một khía cạnh nhất định, lại chính nước Đức đồng tình. Thói đạo đức giả của Habsburg đã cho phép bọ thống trị người Áo tạo ra các vẻ bề ngoài rằng nước Áo cũng là nước

Đức, đã biến lòng căm ghét với vương triều này trở thành sự phẫn nộ sục sôi và cùng lúc đó là sự khinh miệt.
Chỉ có những kẻ bên trong Đế chế, được coi là nắm quyền lực trong tay, mới không nhìn thấy điều gì cả. Dường như bị sự mù quáng che mắt, chúng ta vẫn sống bên cạnh những xác người chết và chỉ nhìn thấy những dấu hiệu của một cuộc sống "mới" trong những triệu chứng của sự thối nát.
Cái liên minh xấu xa vô đạo giữa Đế chế non trẻ và đất nước Áo giả mạo chứa đựng những mầm mống của chiến tranh thế giới sau này và của cả sự sụp đổ.

Trong khi viết cuốn sách này, tôi sẽ có dịp đề cập đến vấn đề này đầy đủ và chi tiết. Đến đây hoàn toàn có thể nhận định rằng ngay cả trong những ngày thơ dại nhất tôi đã có được sự hiểu biết sáng suốt không những không bao giờ rời bỏ tôi mà còn trở nên ngày càng sâu sắc:

Chủ nghĩa sùng bái nước Đức chỉ có thể được bảo vệ bằng cách tiêu diệt nước Áo, và hơn thế nữa, quan điểm dân tộc không bao giờ đồng nhất với lòng trung quân ái quốc; và trên hết số phận đã định sẵn Vương triều Habsburg là mối họa của nước Đức.

Tôi có được một điều từ nhận thức này: tình yêu mãnh liệt dành cho quê hương Đức-Áo của tôi.



Archduke Francis Ferdinand. Thái tử của Đế quốc Áo. Vụ ám sát thái tử Áo là một trong những vụ ám sát gây chấn động nhất thế giới thế kỷ 20.

Thói quen tư duy lịch sử hình thành từ hồi đi học vẫn theo tôi suốt những năm sau này. Càng ngày, lịch sử thế giới càng trở thành một nguồn kiến thức vô hạn để tôi hiểu được những sự kiện lịch sử thời hiện tại, nói cách khác, hiểu được chính trị. Tôi không muốn "học", tôi muốn những điều đó dạy tôi.

Vậy là, ở độ tuổi trẻ, tôi đã trở thành một nhà cách mạng chính trị, và tôi cũng ở độ tuổi trẻ như vậy, tôi trở thành một nhà cách mạng về nghệ thuật.

Khi đó, ở thủ phủ vủa vùng Thượng

Áo, có một nhà hát kịch, nói một cách tương đối, cũng không tồi. Rất nhiều vở nhạc kịch đã ra đời. Mười hai tuổi, tôi lần đầu xem vở kịch Wilhelm Tell, và vài tháng sau lại lần đầu xem một vở opera có tên là Lohergrin. Tôi bị quyến rũ ngay lập tức. Lòng nhiệt tình tuổi trẻ dành cho bậc thầy của Bayreuth quả là vô hạn. Tôi bị lôi cuốn vào các tác phẩm của ông hết lần này đến lần khác, và dường như tôi quá may mắn khi những cuộc trình diễn bình thường nơi tỉnh lẻ lại đem đến cho tôi một trải nghiệm sâu sắc về sau này.

Tất cả mọi chuyện, nhất là sau khi tôi thoát ra khỏi thời thanh niên (với

tôi đó là một hành trình nhiều đau khổ), càng làm tôi thêm chán ghét cái nghề mà bố đã chọn cho tôi. Càng ngày tôi càng tin chắc rằng không thể hạnh phúc nếu trở thành viên chức. Thực tế năng khiếu vẽ của tôi đã được ghi nhận ở trường Realschule khi đó càng làm cho quyết định của tôi vững chắc hơn bao giờ hết.
Không một sự đe dọa hay khẩn cầu nào mảy may thay đổi được điều đó. Tôi muốn làm họa sĩ và không một thế lực nào trên thế giới có thể bắt tôi làm một viên chức.
Tuy vậy, có vẻ hơi kỳ lạ, tôi ngày càng yêu thích nghệ thuật kiến trúc.
Khi đó, tôi coi điều này như một sự

bổ sung tự nhiên cho năn khiếu hội họa của mình, và chỉ cần vui khi thấy phạm vi nghệ thuật của mình được mở rộng.

Tôi chẳng hề ngờ rằng mọi việc sau này lại diễn ra khác hẳn.

Vấn đề nghề nghiệp của tôi được quyết định nhanh hơn tôi nghĩ.

Bố mất khi tôi mười ba tuổi. Một cơn đột quỵ đã lấy đi mạng sống của người đàn ông tuy tuổi cao nhưng còn sức khỏe mạnh, kết thúc không đau đớn kiếp sống trần tục của ông, đẩy chúng tôi vào tận cùng của sự đau khổ, tiếc thương. Mong muốn mãnh liệt nhất của ông là giúp con trai tiếp nối sự nghiệp của mình, cái sự nghiệp đã giúp ông thoát khỏi

những vất cả khổ sở trước kia. Việc này, xét theo bề ngoài, ông đã không thành công. Tuy nhiên, dẫu không chủ tâm, ông đã gieo một hạt giống tương lai mà cả ông và tôi khi đó đều chưa nhận thức được.



Bia mộ Alois Hitler cha của Hitler. (1837-1903). Bản thân Hitler được cho là chỉ thăm mộ cha mẹ mình có 1 hay 2 lần kể từ khi nắm quyền vào năm 1933.

Vào lúc đó, không xảy ra bất kỳ thay đổi bề ngoài nào.

Mẹ tôi, hẳn là thế rồi, cảm thấy có trách nhiệm phải tiếp tục cho tôi học hành theo nguyện vọng của bố; nói cách khác, bắt tôi học hành để trở thành viên chức. Về phần mình, tôi càng hết sức kiên quyết không làm cái nghề đó. Thế rồi một trận ốm bỗng nhiên đến giúp tôi và vài tuần sau đã quyết định tương lai của tôi và giải quyết cuộc cãi cọ bất tận trong gia đình. Sau trận viêm phổi nặng của tôi, bác sĩ khuyên mẹ tôi nhất thiết không nên cho tôi làm ở

văn phòng. Không chỉ thế, việc đi học ở trường Realschule cũng bị ngắt quãng ít nhất là trong một năm. Mục tiêu mà tôi hẳn thầm mong ước và luôn đấu tranh để đạt được, nhờ sự việc này bỗng trở thành hiện thực, hầu như là tự nguyện.
Lo lắng vì trận ốm của tôi, mẹ đồng ý cho tôi thôi học ở Realschule và chuyển sang học ở Học viện.
Đó là những ngày hạnh phúc nhất đời tôi, như thể một giấc mơ; và đúng là nó chỉ là giấc mơ. Hai năm sau, mẹ tôi qua đời, chấm dứt các kế hoạch vĩ đại của tôi.
Đó là kết cục của một trận ốm dài và đau đớn mà ngay từ đầu mọi người gần như không hy vọng sẽ hồi phục.

Đó quả là một đòn chí tử, nhất là với tôi. Tình cảm của tôi với bố là lòng kính trọng, nhưng với mẹ là tình yêu thật sự.

Nghèo đói và thực tế khắc nghiệt buộc tôi phải nhanh chóng quyết định. Chút tiền bố để lại đã tiêu gần hết vào việc chữa chạy cho mẹ; khoản trợ cấp trẻ mồ côi mà tôi được hưởng không đủ để sống, và thế là tôi đối mặt với chuyện phải xoay sở thế nào để kiếm tiền.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Vienne - nơi mà ngày xưa Hitler bắt đầu cuộc hành trình của mình.

Với một chiếc va-li đầy quần áo và đồ lót trong tay, một ý chí bất khuất trong tim, tôi bắt đầu hành trình tới Vienne. Giống như bố, tôi cũng hy vọng sẽ giành lấy từ số phận những gì ông đã đạt được năm mươi năm trước; cũng mong muốn trở thành “một điều gì đó” – tất nhiên không phải là viên chức dù vì bất kỳ lý do nào.

# Chương 2: NHỮNG NĂM THÁNG HỌC TẬP VÀ GIAN KHÓ Ở VIENNA

Khi mẹ tôi qua đời, số phận, xét ở mặt nào đó, đã có những quyết định của mình.

Trong những tháng cuối cùng mẹ bị bệnh tôi buộc phải tới Vienne để tham dự kỳ thi vào Học viện. Tôi lên đường mang theo các bức họa, tin tưởng rằng vượt qua kỳ thi cũng như một trò chơi con trẻ. Khi học ở Realschule, tôi giỏi hơn hết thẩy mọi bạn bè trong lớp về môn vẽ, và kể

từ đó khả năng vẽ của tôi nảy nở một cách đáng ngạc nhiên; sự hài lòng của bản thân đã khiến tôi thấy tự hào vui sướng khi hy vọng vào những điều tốt đẹp nhất.

# Adolf Hitler



After the war was lost ,On April 30, 1945, Adolf Hitler shot himself in the head in his bunker beneath Berlin, moments before Eva Braun, his



Born in Braunau am Inn, Austria, on April 20, 1889, Hitler was the son of a fifty-two-year-old Austrian customs official.





Tuy nhiên đôi khi một giọt đắng bỗng lại rơi xuống: tài năng đồ họa dường như vượt trội tài năng hội họa, nhất là trong hầu hết lĩnh vực về kiến trúc. Cùng lúc đó, sự hứng thú với nghệ thuật kiến trúc của tôi cứ thế đều đều tăng lên, và càng mạnh mẽ hơn sau chuyến du hành hai tuần ở Vienna khi tôi chưa tròn mười sáu tuổi. Mục đính của chuyến đi vốn là tìm các bức tranh trưng bày ở Viện bảo tàng Hoàng gia, nhưng tôi hầu như không thể rời mắt khỏi chính tòa viện ấy. Suốt từ sáng đến tối muộn, tôi đi từ hết điều thích thú này tới điều thích thú khác, nhưng luôn luôn chỉ có các tòa nhà làm tôi thú vị

nhất. Tôi có thể đứng trước nhà hát Opera hay ngắm Tòa nhà Quốc Hội hàng giờ đồng hồ liền; với tôi, toàn thể Đại lộ Ring giống như một phép màu trong thế giới Nghìn lẻ một đêm.

Đây là lần thứ hai tôi đến thành phố đẹp đẽ này, chờ đợi kết quả của kỳ thi vào Học viện trong sự sốt ruột sục sôi, nhưng cũng đầy tự tin. Tôi tin chắc mình đỗ tới mức cái tin không đỗ với tôi như sét đánh ngang tai. Dẫu vậy mọi việc đã xảy ra như thế. Khi tôi đến gặp đến gặp giám đốc học viện để đề nghị để giải thích về việc không được nhấp nhận vào học, ông ta đã quả quyết rằng những bức vẽ của tôi đã nộp cho thấy rõ

ràng rằng tôi không phù hợp với hội họa, và năng khiếu của tôi chắc chắn nằm ở lĩnh vực kiến trúc. Điều ông ta không thể hiểu nổi tôi chưa từng đi học ở một trường kiến trúc hay được dạy dỗ tí nào về kiến trúc. Chán nản, tôi rời tòa nhà tráng lệ của kiến trúc sư Von Hansen trên quảng trường Schiller, lần đầu tiên trong cuộc đời trai trẻ, thấy mâu thuẫn chính với bản thân mình. Nhưng điều tôi được nghe về khả năng của mình giống như ánh chớp, đột nhiên phơi bày cái mâu thuẫn với những điều lâu nay làm tôi đau khổ, mặc dù trước đó khi tôi không hề có khái niệm rõ rằng nào về nguyên nhân và lý do của nó.

Trong một vài ngày, tự tôi biết rằng một ngày nào đó tôi nên trở thành kiến trúc sư.
Chắc chắn rằng đó là một chặng đường vô cùng gian khó; bởi những môn học mà vì căm ghét tôi đã bỏ qua khi học ở Realschule giờ đây lại hết sức cần thiết. Không thể vào học ở trường kiến trúc và chưa học qua các trường kỹ thuật về xây dựng để lấy bằng trung học. Tôi chẳng có gì cả. Giấc mộng của tôi dường như là điều không thể.
Sau khi mẹ tôi mất, tôi tới Vienne lần thứ ba, sau một quãng thời gian mà cũng với nó tôi lấy được sự bình tĩnh và quyết tâm. Ý chí thách thức trước đây đã trở lại với tôi và mục tiêu của

tôi bây giờ thật rõ ràng và chắc chắn. Tôi muốn trở thành kiến trúc sư, những chướng ngại kia không phải làm tôi đầu hàng mà là phải phá vỡ. Tôi quyết tâm vượt qua những chướng ngại ấy, với hình ảnh của bố tôi, người đã khởi đầu chỉ là một người con trai của một thợ đóng giầy ở miền quê, đã vươn lên bằng nỗ lực của chính mình để trở thành một quan chức nhà nước. Tôi có nền tảng vững chắc hơn để vươn lên, vì thế khả năng thắng của tôi trong cuộc đấu này cũng nhiều hơn, và những điều tưởng chừng là sự khắc nghiệt của số phận, giờ đây với tôi lại là sự thông thái và ban phước của thượng đế. Khi Nữ thần thống

khổ ôm tôi trong vòng tay của người, đe dọa tiêu diệt tôi, ý chí phản kháng của tôi lại nảy nở và cuối cùng ý chí ấy đã chiến thắng.
Tôi có được điều đó là nhờ quãng thời gian trưởng thành khắc nghiệt và giờ đây tôi cũng vẫn khắc nghiệt. Thậm chí còn hơn thế, tôi đề cao điều đó vì nó đã giúp tôi thoát khỏi sự trống rỗng của cuộc sống an nhàn; vì đã kéo đứa con cưng của mẹ ra khỏi chiếc giường êm ấm và thôi lo lắng về một người mẹ mới; vì đã quẳng tôi vào một thế giới của sự khổ sai và đói nghèo bất chấp mọi kháng cự, nhờ thế mà tôi được quen biết với những người sau này vì họ đã đứng lên đấu tranh.

Quãng thời gian này, tôi biết đến hai mối đe dọa mà tôi chỉ vừa rồi mới biết tên và ảnh hưởng ghê gớm của nó với sự tồn tại của người Đức tôi chưa được biết: chủ nghĩa Marx và dân Do thái.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Hitler vẫn mang ý định trở thành họa sĩ. (Ảnh minh họa)

Thành phố Vienna, trong mắt rất nhiều người, là hình ảnh thu nhỏ của những thú vui vô hại, là sân chơi nhôn nhịp của những kẻ thích ưa hội hè, thì với tôi lại tượng trưng cho những ký ức đang sống về quãng đời đau buồn nhất của tôi.

Ngay cả ngày ấy, thành phố này vẫn không thể khởi dậy điều gì trong tôi ngoài những suy nghĩ ảm đạm, buồn thảm. Với tôi, cái tên của thành phố Phaeacian nhắc tới năm năm gian nan và khổ sở. Trong năm năm ấy, tôi buộc phải kiếm sống, đầu tiên là làm công theo ngày, rồi làm họa sĩ; một cuộc sống thật đạm bạc, chẳng

bao giờ làm đủ nuôi cơn đói của tôi. Cái đói là thần hộ vệ trung thành của tôi khi đó; hắn chẳng rời tôi đến một khắc và chia sẻ tất cả những gì tôi có, chia đều hết. Mỗi cuốn sách tôi có hắn đều thấy thích thú, một chuyến thăm nhà hát Opera cũng khiến hắn quan tâm đến mấy ngày liền; cuộc sống của tôi là sự đấu tranh liên miên và gã bạn độc ác. Và chính trong thời gian này tôi đã học hành nhiều hơn bất kỳ lúc nào. Bên cạnh những tòa kiến trúc và những chuyến thăm hiếm hoi tới nhà hát Opera, tôi chỉ có thú vui: đọc sách.

Lúc đó tôi đọc rất nhiều và rất kỹ. Mọi thời gian rảnh rỗi không làm việc tôi đều dành hết vào đọc. Cứ như

vậy, sau vài năm tôi đã tích lũy được những nền tảng kiến thức mà đến hôn nay vẫn là nguồn sống trong tôi.
Và hơn thế nữa:
Trong thời gian ấy, hình thành trong tôi những hình ảnh về thế giới về một triết lý về sau này đã trở thành nền móng vững chắc trong mọi hoạt động của tôi. Ngoài những gì tôi tạo ra khi đó, tôi hầu như học rất ít; và tôi chưa hề phải thay đổi điều gì. Trái lại là đằng khác.
Giờ đây, tôi tin chắc chắn rằng, về cơ bản và xét một cách tổng quát , tất cả những ý tưởng sáng tạo đều được sinh ra khi chúng ta còn trẻ. Tôi phân biệt rõ sự khác nhau giữa sự hiểu biết do tuổi tác, cốt nằm ở

chỗ suy nghĩ thấu đáo và cẩn thận do thời gian từng trải đã nhiều, và cái thiên tư của tuổi trẻ, cái tuổi của những ý tưởng phong phú tưởng như vô tận nhưng lại không được phát triển cũng chính với sự quá phong phú ấy. Chính những khả năng thiên phú của tuổi trẻ là vật liệu để xây dựng đồng thời vạch ra những kế hoạch cho tương lai, để từ đó, ở độ chín chắn hơn, ta đón nhận những viên gạch nền móng, tạo hình cho chúng và hoàn thành ngôi nhà, ở một chừng mực sự không ngoan của tuổi già không dập tắt tài năng của tuổi trẻ.


NGUYENTANDUNG
ORG

Chính những khả năng thiên phú của tuổi trẻ là vật liệu để xây dựng đồng thời vạch ra những kế hoạch cho tương lai

Cho đến nay cái cuộc sống mà tôi đã sống khi ở nhà chẳng khác mấy thậm chí chẳng khác gì so với cuộc sống của những người khác. Chẳng hề ưu tư, tôi có thể chờ đợi một ngày mới, và với tôi chẳng có vấn đề gì về mặt xã hội. Thế giới của tôi khi còn trẻ đầy những kẻ tầng lớp tiểu tư sản, và bởi thế hầu như chẳng có mối liên hệ nào với những người lao động chân tay thuần túy. Điều này thoát nhùn có vẻ kỳ lạ những cái khoảng cách giữa tầng lớp tiểu tư sản, hiểu theo nghĩa kinh tế vốn chẳng có vị trí cao sang cho lắm, với những người lao động chân tay

thường lớn hơn rất nhiều so với những gì chúng ta tưởng tượng. Lý do cho sự thù địch này, chùng ta có thể coi như vậy, nằm ở chỗ một nhóm xã hội đã đặt bản thân mình cao hơn vị trí của những người lao động chân tay nhưng lại sợ rằng mình sẽ bị nhấn chìm trở lại cái tầng lớp cũ kỹ và bị khinh miệt ấy, hay chỉ ít là bị đồng nhất với nó. Trong nhiều trường hợp, chúng ta phải thêm vào nhưng ký ức đáng ghét về sự nghèo nàn văn hóa cùng tầng lớp thấp này, sự thô tục thường xuyên diễn ra trong giao tiếp xã hội; cái vị trí tầng lớp của tiểu tư sản trong xã hội, dẫu cho chẳng quan trọng gì trong xã hội, cũng làm cho mọi sự liên hệ với

thứ đời sống nhà văn hóa tưởng đã mất đi trở nên không thể chịu đựng nổi.

Kết quả là, những tầng lớp trên thường ít cảm thấy miễn cưỡng, gượng gạo khi tiếp xúc với những kẻ thuộc thấp kém nhất trong tầng lớp của mình hơn là với những “kẻ mới phất”.

Ai cũng là một kẻ mới phất, một kẻ bằng nỗ lực bản thân đã thoát khỏi vị trí cũ trong cuộc sống và vươn lên tới vị trí cao hơn.

Rốt cuộc, cuộc vật lộn ấy, vốn thường là khắc nghiệt, đã thủ tiêu mọi tình cảm xót thương, trắc ẩn. Cuộc đấu tranh đầy đau đớn để tồn tại đã giết chết tình thương dành cho

những số phận khổ sở của những kẻ bị bỏ lại phía sau.

Về mặt này, số phận quả là đã nhân từ với tôi. Số phận đã buộc tôi phải trở lại về cái thế giới đói nghèo bất ổn, nơi mà từ đó cha tôi đã vươn lên. Và nhờ thế đã làm thoát khỏi sự nuôi dưỡng theo đầu óc tiểu tư sản hẹp hòi trước đây. Chỉ đến giờ tôi mới được học để biết thế nào là nhân văn, biết phân biệt giữa cái vỏ rỗng tuếch hay vẻ ngoài hung ác với bản chất bên trong.

Đây là lần thứ hai tôi đến thành phố đẹp đẽ này, chờ đợi kết quả của kỳ thi vào Học viện trong sự sốt ruột sục sôi, nhưng cũng đầy tự tin. Tôi tin chắc mình đỗ tới mức cái tin

không đỗ với tôi như sét đánh ngang tai. Dẫu vậy mọi việc đã xảy ra như thế. Khi tôi đến gặp đến gặp giám đốc học viện để đề nghị để giải thích về việc không được nhấp nhận vào học, ông ta đã quả quyết rằng những bức vẽ của tôi đã nộp cho thấy rõ ràng rằng tôi không phù hợp với hội họa, và năng khiếu của tôi chắc chắn nằm ở lĩnh vực kiến trúc. Điều ông ta không thể hiểu nổi tôi chưa từng đi học ở một trường kiến trúc hay được dạy dỗ tí nào về kiến trúc. Chán nản, tôi rời tòa nhà tráng lệ của kiến trúc sư Von Hansen trên quảng trường Schiller, lần đầu tiên trong cuộc đời trai trẻ, thấy mâu thuẫn chính với bản thân mình.

Nhưng điều tôi được nghe về khả năng của mình giống như ánh chớp, đột nhiên phơi bày cái mâu thuẫn với những điều lâu nay làm tôi đau khổ, mặc dù trước đó khi tôi không hề có khái niệm rõ rằng nào về nguyên nhân và lý do của nó.

Trong một vài ngày, tự tôi biết rằng một ngày nào đó tôi nên trở thành kiến trúc sư.

Chắc chắn rằng đó là một chặng đường vô cùng gian khó; bởi những môn học mà vì căm ghét tôi đã bỏ qua khi học ở Realschule giờ đây lại hết sức cần thiết. Không thể vào học ở trường kiến trúc và chưa học qua các trường kỹ thuật về xây dựng để lấy bằng trung học. Tôi chẳng có gì

cả. Giấc mộng của tôi dường như là điều không thể.
Sau khi mẹ tôi mất, tôi tới Vienne lần thứ ba, sau một quãng thời gian mà cũng với nó tôi lấy được sự bình tĩnh và quyết tâm. Ý chí thách thức trước đây đã trở lại với tôi và mục tiêu của tôi bây giờ thật rõ ràng và chắc chắn. Tôi muốn trở thành kiến trúc sư, những chướng ngại kia không phải làm tôi đầu hàng mà là phải phá vỡ. Tôi quyết tâm vượt qua những chướng ngại ấy, với hình ảnh của bố tôi, người đã khởi đầu chỉ là một người con trai của một thợ đóng giầy ở miền quê, đã vươn lên bằng nỗ lực của chính mình để trở thành một quan chức nhà nước. Tôi có nền

tảng vững chắc hơn để vươn lên, vì thế khả năng thắng của tôi trong cuộc đấu này cũng nhiều hơn, và những điều tưởng chừng là sự khắc nghiệt của số phận, giờ đây với tôi lại là sự thông thái và ban phước của thượng đế. Khi Nữ thần thống khổ ôm tôi trong vòng tay của người, đe dọa tiêu diệt tôi, ý chí phản kháng của tôi lại nảy nở và cuối cùng ý chí ấy đã chiến thắng.

Tôi có được điều đó là nhờ quãng thời gian trưởng thành khắc nghiệt và giờ đây tôi cũng vẫn khắc nghiệt. Thậm chí còn hơn thế, tôi đề cao điều đó vì nó đã giúp tôi thoát khỏi sự trống rỗng của cuộc sống an nhàn; vì đã kéo đứa con cưng của

mẹ ra khỏi chiếc giường êm ấm và thôi lo lắng về một người mẹ mới; vì đã quẳng tôi vào một thế giới của sự khổ sai và đói nghèo bất chấp mọi kháng cự, nhờ thế mà tôi được quen biết với những người sau này vì họ đã đứng lên đấu tranh.

Quãng thời gian này, tôi biết đến hai mối đe dọa mà tôi chỉ vừa rồi mới biết tên và ảnh hưởng ghê gớm của nó với sự tồn tại của người Đức tôi chưa được biết: chủ nghĩa Marx và dân Do thái.



Hitler vẫn mang ý định trở thành họa sĩ. (Ảnh minh họa)

Thành phố Vienna, trong mắt rất nhiều người, là hình ảnh thu nhỏ của những thú vui vô hại, là sân chơi nhôn nhịp của những kẻ thích ưa hội hè, thì với tôi lại tượng trưng cho những ký ức đang sống về quãng đời đau buồn nhất của tôi.

Ngay cả ngày ấy, thành phố này vẫn không thể khởi dậy điều gì trong tôi ngoài những suy nghĩ ảm đạm, buồn thảm. Với tôi, cái tên của thành phố Phaeacian nhắc tới năm năm gian nan và khổ sở. Trong năm năm ấy, tôi buộc phải kiếm sống, đầu tiên là làm công theo ngày, rồi làm họa sĩ; một cuộc sống thật đạm bạc, chẳng

bao giờ làm đủ nuôi cơn đói của tôi. Cái đói là thần hộ vệ trung thành của tôi khi đó; hắn chẳng rời tôi đến một khắc và chia sẻ tất cả những gì tôi có, chia đều hết. Mỗi cuốn sách tôi có hắn đều thấy thích thú, một chuyến thăm nhà hát Opera cũng khiến hắn quan tâm đến mấy ngày liền; cuộc sống của tôi là sự đấu tranh liên miên và gã bạn độc ác. Và chính trong thời gian này tôi đã học hành nhiều hơn bất kỳ lúc nào. Bên cạnh những tòa kiến trúc và những chuyến thăm hiếm hoi tới nhà hát Opera, tôi chỉ có thú vui: đọc sách.

Lúc đó tôi đọc rất nhiều và rất kỹ. Mọi thời gian rảnh rỗi không làm việc tôi đều dành hết vào đọc. Cứ như

vậy, sau vài năm tôi đã tích lũy được những nền tảng kiến thức mà đến hôn nay vẫn là nguồn sống trong tôi.
Và hơn thế nữa:
Trong thời gian ấy, hình thành trong tôi những hình ảnh về thế giới về một triết lý về sau này đã trở thành nền móng vững chắc trong mọi hoạt động của tôi. Ngoài những gì tôi tạo ra khi đó, tôi hầu như học rất ít; và tôi chưa hề phải thay đổi điều gì. Trái lại là đằng khác.
Giờ đây, tôi tin chắc chắn rằng, về cơ bản và xét một cách tổng quát , tất cả những ý tưởng sáng tạo đều được sinh ra khi chúng ta còn trẻ. Tôi phân biệt rõ sự khác nhau giữa sự hiểu biết do tuổi tác, cốt nằm ở

chỗ suy nghĩ thấu đáo và cẩn thận do thời gian từng trải đã nhiều, và cái thiên tư của tuổi trẻ, cái tuổi của những ý tưởng phong phú tưởng như vô tận nhưng lại không được phát triển cũng chính với sự quá phong phú ấy. Chính những khả năng thiên phú của tuổi trẻ là vật liệu để xây dựng đồng thời vạch ra những kế hoạch cho tương lai, để từ đó, ở độ chín chắn hơn, ta đón nhận những viên gạch nền móng, tạo hình cho chúng và hoàn thành ngôi nhà, ở một chừng mực sự không ngoan của tuổi già không dập tắt tài năng của tuổi trẻ.


NGUYENTANDUNG
ORG

Chính những khả năng thiên phú của tuổi trẻ là vật liệu để xây dựng đồng thời vạch ra những kế hoạch cho tương lai

Cho đến nay cái cuộc sống mà tôi đã sống khi ở nhà chẳng khác mấy thậm chí chẳng khác gì so với cuộc sống của những người khác. Chẳng hề ưu tư, tôi có thể chờ đợi một ngày mới, và với tôi chẳng có vấn đề gì về mặt xã hội. Thế giới của tôi khi còn trẻ đầy những kẻ tầng lớp tiểu tư sản, và bởi thế hầu như chẳng có mối liên hệ nào với những người lao động chân tay thuần túy. Điều này thoát nhùn có vẻ kỳ lạ những cái khoảng cách giữa tầng lớp tiểu tư sản, hiểu theo nghĩa kinh tế vốn chẳng có vị trí cao sang cho lắm, với những người lao động chân tay

thường lớn hơn rất nhiều so với những gì chúng ta tưởng tượng. Lý do cho sự thù địch này, chùng ta có thể coi như vậy, nằm ở chỗ một nhóm xã hội đã đặt bản thân mình cao hơn vị trí của những người lao động chân tay nhưng lại sợ rằng mình sẽ bị nhấn chìm trở lại cái tầng lớp cũ kỹ và bị khinh miệt ấy, hay chỉ ít là bị đồng nhất với nó. Trong nhiều trường hợp, chúng ta phải thêm vào nhưng ký ức đáng ghét về sự nghèo nàn văn hóa cùng tầng lớp thấp này, sự thô tục thường xuyên diễn ra trong giao tiếp xã hội; cái vị trí tầng lớp của tiểu tư sản trong xã hội, dẫu cho chẳng quan trọng gì trong xã hội, cũng làm cho mọi sự liên hệ với

thứ đời sống nhà văn hóa tưởng đã mất đi trở nên không thể chịu đựng nổi.
Kết quả là, những tầng lớp trên thường ít cảm thấy miễn cưỡng, gượng gạo khi tiếp xúc với những kẻ thuộc thấp kém nhất trong tầng lớp của mình hơn là với những "kẻ mới phất".
Ai cũng là một kẻ mới phất, một kẻ bằng nỗ lực bản thân đã thoát khỏi vị trí cũ trong cuộc sống và vươn lên tới vị trí cao hơn.
Rốt cuộc, cuộc vật lộn ấy, vốn thường là khắc nghiệt, đã thủ tiêu mọi tình cảm xót thương, trắc ẩn. Cuộc đấu tranh đầy đau đớn để tồn tại đã giết chết tình thương dành cho

những số phận khổ sở của những kẻ bị bỏ lại phía sau.
Về mặt này, số phận quả là đã nhân từ với tôi. Số phận đã buộc tôi phải trở lại về cái thế giới đói nghèo bất ổn, nơi mà từ đó cha tôi đã vươn lên. Và nhờ thế đã làm thoát khỏi sự nuôi dưỡng theo đầu óc tiểu tư sản hẹp hòi trước đây. Chỉ đến giờ tôi mới được học để biết thế nào là nhân văn, biết phân biệt giữa cái vỏ rỗng tuếch hay vẻ ngoài hung ác với bản chất bên trong.
Chẳng có thành phố nào của nước Đức mà ở đó các vấn đề xã hội lại được nghiên cứu theo cái cách mà người ta làm ở Vienna. Nhưng chớ có lầm tưởng. "Cái sự nghiên cứu"

này không thể hiện được tiến hành từ trên đỉnh cao sừng sững. Chỉ có những kẻ bị kẹt cứng giữa các hàm răng của lũ rắn giết người này mới biết được răng nanh của chúng đầy nọc độc. Nếu không, kết quả sẻ chẳng có gì ngoài lời nói hời hợt và sự ủy mị giả dối. Cả hai đều tai hại như nhau. Tai hại ở chỗ cái đầu tiên không bao giờ nhìn nhận thấu đáo cốt lõi vẫn đề, còn cái thứ hai sẽ làm ngơ vấn đề ấy. Không hiểu điều gì tệ hơn; sự thờ với những nỗi thống khổ của xã hội, những cái chúng ta vẫn nhìn hằng ngày ở hầu hết những kể được số phận ưu ái hay vươn lên từ lỗ lực bản thân, hay là sự khinh bỉ hợm hĩnh, có khi còn sống sượng và

làm phiền người khác, trong thái độ hạ mình của những quý bà ăn vẫn hợp thời, những người tự cho là biết “xót thương loài người”. Trong mọi trường hợp, dạng người này dẫu không có bản năng, vẫn có bản năng nhận thức được. Vì vậy, chúng kinh ngạc tột độ khi những “nỗ lực” của chúng chỉ mang lại con số không, thực tế cái chúng nhận được là sự từ chối đầy căm phẫn, dẫu vậy sự khước từ này, tất nhiên rồi, lại được xem như là bằng chứng cho thái độ vô ơn của loài người.

Những bộ óc này hình như không thể hiện ra rằng nỗ lực xã hội chẳng có gì chung với kiểu xã hội này; và quan trọng hơn nó chẳng thể khơi dậy

lòng biết ơn bởi lẽ những nỗ lực ấy không nhằm ban phát ân mà là nhằm lập lại các quyền lợi.

Tôi không được nghiên cứu vấn đề xã hội theo cánh thức như vậy. Bằng cách dẫn mình trong lĩnh vực đau khổ này, nó dường như không chào mời tôi "nghiên cứu" nó, nhưng kinh nghiệm về nó đã ngấm sâu trong máu thịt của tôi. Giống như một vật thí nghiệm đã trải qua sự phẫu thuật an toàn thành công.

Có cố cũng chẳng thể kể hết những tình cảm tôi đã trải qua suốt thời kỳ đó; bởi thế tôi chỉ ra ở đây những cảm xúc cốt yếu nhất, khiến tôi xúc động nhất, và những bài học mà cảm xúc ấy đã đem lại cho tôi.

Thực chất kiếm việc làm thường không phải là khó khăn đối với tôi, bởi lẻ tôi không phải là một thợ thủ công lành nghề mà là một kẻ buộc phải kiếm miếng bánh mì hàng ngày với công việc “trợ giúp” người khác và đôi khi là người không có công việc cố định.

Tôi kế thừa quan điểm của những kẻ đã xới tung đất châu Âu với ý đồ nhất quyền phải tìm ra sự tồn tại của Tân thế giới và chiếm lấy cho mình một ngôi nhà mới. Những người này, thoát khỏi tất những tư duy cũ kỹ và cứng nhắc về nghề nghiệp và vĩ trí xã hội, thoát khỏi môi trường quen thuộc và truyền thống, vội vàng chộp lấy mọi cơ hội nghề nghiệp có thể

giúp họ từng bước từng bước tiến tới nhận thức rằng một công việc lương thiện, cho dù là gì đi chăng nữa, cũng không khiến ai phải hổ thẹn. Tôi cũng đã quyết tâm lao vào thế giới mới mẻ này, bằng đôi chân mình, và sẽ chiến đấu để vượt qua chặng đường ấy.




Một kẻ buộc phải kiếm miếng bánh mì hàng

ngày với công việc “trợ giúp” người khác và đôi khi là người không có công việc cố định. (Ảnh minh họa)

Tôi sớm học được rằng luôn luôn có một công việc theo kiểu nào đó, và cùng tôi cũng nhận ra có thể dễ dàng đánh mất nó thế nào. Những ngày kiếm ăn không ổn định là một trong những thời gian đen tối nhất trong cuộc đời tôi.

Một người lao động lành nghề ít phải ở ngoài đường như những người không lành nghề; nhưng không có nghĩa là anh ta hoàn toàn không gặp điều đó trong đời. Với anh ta, mất đi kế sinh nhai do khan hiếm công việc được thay bằng sự đóng sập cánh cửa công việc hoặc đình công với chính bản thân mình. Xét ở góc độ

này toàn bộ nền kinh tế cũng phải lao đao khi các cá nhân ở trong tinh trạng kiếm sống bấp bênh.
Một chàng nông thôn ra thành phố lớn, bị hấp dẫn bởi những công việc dễ làm hơn (dù trên thực tế hay trong tưởng tượng), đòi hỏi ít thời gian hơn, nhưng nhất là bởi thứ ánh sáng rực rỡ chói lóa nơi thành đô, thường quen với sự ổn định về nghề nghiệp. Cậu ta chỉ từ bỏ công việc trước đây khi ít nhất cậu ta có triển vọng về một công việc mới. Bởi lẽ sự thiếu hụt lao động nông nghiệp là rất lớn nên khả năng thất nghiệp trong một thời gian dài là rất thấp. Thật sai lầm khi tin rằng những người trẻ tuổi ra thành phố là những

kẻ nghèo hơn so với những thế hệ trước đó, những người nỗ lực kiếm sống lương thiện từ mảnh đất vùng thôn quê. Trái lại đằng khác: kinh nhiệm cho thấy trong tất cả các nhân tố của người di cư, ngoài những người đã tới Mỹ, chúng ta còn phải kể đến, ở một mức độ tương đương, những tá điền trẻ tuổi, những người quyết tâm rời bỏ quê hương để tới những thành phố xa lạ. Họ cũng được chuẩn bị để đối mặt với cuộc sống bất ổn. Lẽ thường chàng trai trẻ sẽ tới thành phố với một số tiền nào đó trong túi; anh ta sẽ không cần phải mất dũng khí ngay trong đầu tiên khi số phận không ưu ái cho anh tìm được một công việc

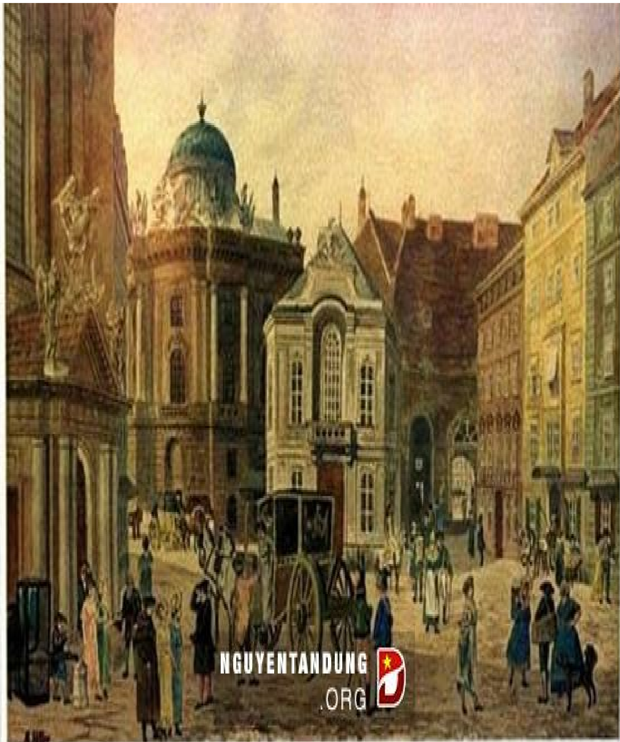
bất kể thời hạn dài ngắn thế nào. Nhưng chuyện sẽ tồi tệ khi anh đã tìm được việc rồi mà lại nhanh chóng mất việc. Tìm một công việc mới, nhất là trong mùa đông, quả là rất khó nếu không nói là không thể tìm nổi. Ngay cả vậy, những tuần đầu tiên vẫn có thể chấp nhận được. Anh ta sẽ nhận được tiền trợ cấp thất nghiệp và cố gắng xoay sở càng lâu càng tốt. Nhưng khi những đồng xu cuối cùng ra đi và khi nghiệp đoàn cũng từ chối tiếp tục trợ cấp bởi thời gian thất nghiệp quá dài, nhưng gian khó thật sự mới bắt đầu. Anh lang thang trên đường, bụng đói meo, cầm cố và đem bán những tài sản cuối cùng, quần áo ngày càng tơi tả;

và rồi anh ta lún sau vào cuộc sống bên ngoài , cái điều kinh khủng hơn cả những gian khổ đau thể xác, đã đầu độc tâm hồn của anh ta. Nếu anh lại bị đuổi việc và nếu (điều này hay xảy ra) sự việc lại diễn ra vào mùa đông, sự khổ sở của anh lại càng gấp bội. Rối cuộc, anh sẽ lại tìm được một công việc mới. Nhưng rồi câu chuyện cũ lại gặp lại. Điều tương tự diễn ra đến lần thứ hai, rồi thứ ba thì mọi sự càng tệ hại hơn, và dần dần anh ta học được cánh chịu đựng cái bất ổn bề ngoài đó với thái độ bàng quan ngày càng lớn. Cuối cùng, việc chịu đựng lặp đi lặp lại ấy trở thành thói quen.
Chàng trai trẻ trước đây cần cù lao

động là thế, giờ đây ngày càng trở lên dễ dãi khi nhìn nhận về cuộc sống và dần dần biến thành công cụ để những kẻ khác khai thác vì lợi ích của bọn chúng. Anh thường xuyên bị mất việc mà không phải vì lỗi của mình đến nỗi đôi khi anh ta chẳng thấy chuyện đó nghiêm trọng nữa, ngay cả khi mục đích của anh ta không còn là lợi ích kinh tế mà là tiêu diệt các giá trị văn hóa, chính trị hay xã hội. Anh ta không nhất thiết phải nhiệt tình với các cuộc bãi công nữa mà trở nên lãnh đạm, dửng dưng.

Với đôi mắt to, tôi có thể theo dấu cái tiến trình này với hàng ngàn ví dụ. Càng chứng kiến nhiều, tôi càng thêm ghê sợ cái thành phố to lớn,

đầu tiên thì lôi cuốn người ta một cách mạnh mẽ để rồi sau đó nghiền nát họ một cách không thương xót.




Tác phẩm tái hiện một khu phố cổ ở Vienna do chính tay Hitler đã vẽ ra.

Khi mới tới đây, người ta vẫn thuộc về con người của mình; sau vài năm, họ trở nên lạc lõng với chính mình.
Tôi cũng đã trải qua tung hứng của cuộc sống nơi đô thành – ở vị trí của tôi, tôi có thể cảm nhận được những tác động của số phận ấy và nếm trải nó bằng chính tâm hồn mình. Tôi còn nhìn ra một điều nữa; sự thay đổi nhanh chóng từ chỗ có việc đến mất việc và ngược lại, cùng với cái hậu quả của nó là sự bập bênh về thu nhập, cuối cùng lại khiến một người mất hết cả mong muốn tiết kiệm và không thể thông cảm được với sự chi tiêu tằn tiện. Dường như cơ thể anh ta ngày càng quen với ngồi mát ăn bát vàng khi thuận lợi và sống đói

khát khi khó khăn. Thực vậy, những cơn đói đã đập tan mọi cố gắng chi tiêu hợp lý của anh ta khi cuộc sống khá hơn. Nó vẽ ra trước mắt những nạn nhân khổ sở bởi cơn đói, cái ảo tưởng vĩnh cửu về một cuộc sống tốt đẹp và đẩy giấc mơ ấy tới sự khát khao tột đỉnh đến mức ngay khi có tiền trong tay anh ta quên phắt tất cả những ý nghĩ về kỷ luật và nguyên tắc và bắt đầu sống xa hoa để tận hưởng cuộc sống. Ngay cả quỹ chi tiêu nhỏ nhoi hàng tuần cũng bị đảo lộn, nhất là khi chẳng hề có bất kỳ sự phân chia sáng suốt nào; ban đầu số tiền được tính đủ để sống cho năm ngày thay vì bảy ngày , rồi sau đó chỉ đủ cho ba ngày cũng không

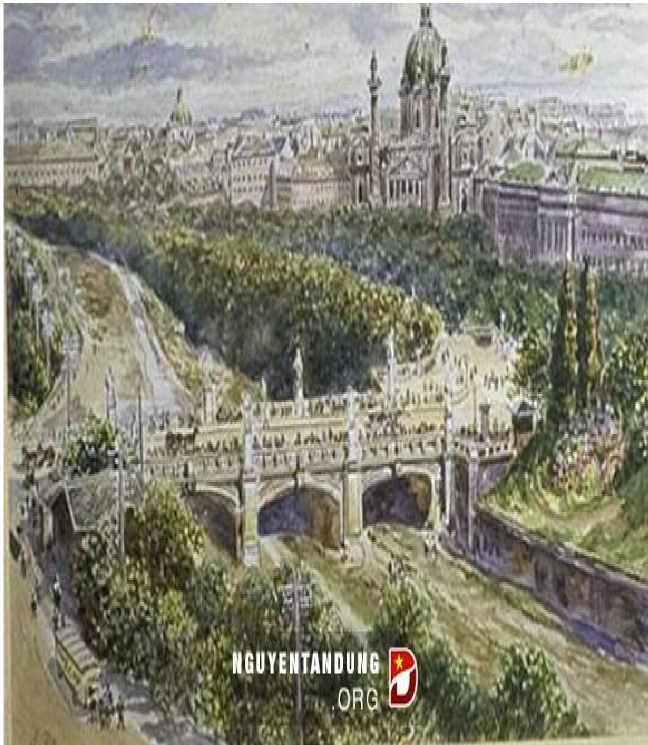
đủ, và rốt cuộc ngay đêm đầu tiên đã bị tiêu hết vào các cuộc rượu.

Thường thì các anh chàng như vậy có vợ và con ở nhà. Đôi khi, vợ con anh ta cũng bị ảnh hưởng bởi kiểu sống ấy, nhất là khi người đàn ông luôn luôn đối xử tốt với họ và thật lòng yêu theo cách của anh ta. Thế là cả gia đình tiêu hết sạch số tiền công của một tuần chỉ trong hai hay ba ngày; họ ăn và uống chừng nào có tiền và những ngày cuối tuần cả nhà lại đói. Người vợ lại sang nhà hàng xóm, vay mượn chút ít, xin mua chịu ở các cửa hàng thực phẩm, và theo cách ấy xoay xở vượt qua những ngày cuối tuần khổ sở. Đến trưa, họ cùng nhau ngồi trước bữa

ăn đạm bạc và đôi khi là những chiếc bát rỗng không, chờ đợi tiền công của ngày kế tiếp, bàn luận về số tiền ấy, vẽ ra các kế hoạch, và trong cơn đói khát là mơ về niềm hạnh phúc sẽ tới. Bởi vậy, ngay từ khi ngày đầu tiên, lũ trẻ đã quen với cách sống khổ sở.

Mọi việc sẽ kết thúc tệ hại khi người đàn ông sống theo cách đó còn người vợ, vì lợi ích bọn trẻ, tỏ thái độ chống đối anh ta. Thế là nổ ra các cuộc cãi cọ, xích mích và rồi khi người đàn ông bị vợ ghét lạnh, anh ta lại càng thân thiết với rượu hơn. Thứ bảy nào anh ta cũng say và với bản năng tự bảo vệ mình và các con, người vợ sẽ phải đấu tranh để

giành lấy dù chỉ vài xu của anh ta; và rồi, tồi tệ hơn nữa, chuyện đó thường xảy ra khi anh ta đang trên đường từ nơi làm việc tới quán rượu. Rốt cuộc anh ta trở về vào Chủ nhật, hay thậm chí là đêm ngày thứ hai, say khướt và hung dữ, luôn luôn tiêu hết đến đồng xu cuối cùng, cảnh tượng đó diễn ra thường xuyên tới mức Chúa cũng phải rủ lòng nhân từ.




Bức tranh màu nước vẽ cây cầu Hero và nhà thờ Karl tại Vienna do chính tay Hitler vẽ.

Tôi đã chứng kiến hàng trăm trường hợp như vậy. Ban đầu tôi thấy ghê tởm thậm chí cảm thấy bị sỉ nhục, nhưng về sau tôi đã hiểu được toàn bộ tấm thảm kịch của nỗi cơ cực ấy và những nguyên nhân sâu xa của nó. Những con người này chỉ là nạn nhân bất hạnh của hoành cảnh khốn khó mà thôi.

Nhưng cái tồi tệ nhất là điều kiện ăn ở khi đó. Sự khổ sở mà những người lao động công nhận ở Vienna phải chịu đựng đúng thật đáng sợ. Ngay cả bây giờ, tôi vẫn tràn ngập cảm giác hải hùng khi nhớ lại những khu nhà ở tồi tàn, ngập ngụa rác rưởi bẩn thỉu, những lời tục tĩu ghê tởm và còn tệ hại hơn thế.

Điều gì sẽ xảy ra khi một ngày, từ tận cùng đau khổ, những người nô lệ vùng lên, phá tung hê rào cảm để trả thù thậm chí cả những người không trực tiếp gây ra thống khổ cho họ?
Chỉ vì những kẻ đó đã không bận tâm!
Vô tư lự, họ đến mọi việc cứ thế trôi qua, và bởi hoàn toàn thiếu khả năng trực giác, họ thậm chí không thể ngờ rằng sớm hay muộn, số phận sẽ trừng phạt họ, trừ khi trong lúc còn thời gian họ xoa dịu được số phận.
Ngày hôn nay tôi phải vô cùng cảm ơn thượng đế vì đã cho tôi được học ở ngôi trường ấy. Chính ở đó tôi không còn phá hoại các môn học mà tôi không ưa. Chính ngôi trường ấy

đã dậy dỗ tôi, một cách nhanh chóng và thấu đáo.

# Chương 2:2: SUY NGHĨ CỦA HITLER TRONG MÔI TRƯỜNG SỐNG KHỔ SỞ VÀ BẨN THỈU

Nếu như tôi không từng ao ước sẽ thất vọng về những con người ấy, những con người đã tạo nên môi trường sống của tôi khi đó, tôi sẽ phải học cách phân biệt giữa những nét tính cách và cuộc sống bề ngoài của họ với những nền tảng sự phát triển của chính họ. Chỉ khi đó mới có

thể chịu đựng được mọi chuyện mà không hề nhụt chí. Và như thế, sinh ra từ những nỗi khổ sở và tuyệt vọng, từ sự thoái hóa tầm thường và bẩn thỉu, không còn là những con người mà kết quả tồi tệ của những luật lệ tồi tệ; và những khôn khó trong đời tôi, chẳng hề ít hơn những người khác, đã giúp tôi không đầu hàng trong sự ủy mị sướt mướt trước những sản phẩm thoái hóa của quá trình phát triển này.



Vienna, nơi Hitler từng sinh sống. Hình ngôi nhà do chính tay Hitler vẽ.

Không đó không phải là cách để giải quyết mọi chuyện!

Ngay cả khi đó tôi đã nhìn thấy chỉ có hai chặng đường có thể dẫn tới mục tiêu cải thiện những điều kiện tồi tệ ấy:

Ý thức sâu sắc nhất về trách nhiệm xã hội với việc tạo dựng những nền tảng phát triển tốt hơn, và quyết tâm đập tan không thương xót những lề lối cổ hữu đã thành bệnh nan y.

Chính vào lúc tạo hóa không chú ý tới việc gìn giữ những gì đang tồn tại, nhưng lại quan tâm hết mức tới sự sinh sản duy trì nòi giống các loài và ở người, thì việc làm giảm bớt

những cái xấu đang tồn tại vốn được cho là theo quan điểm về bản chất con người, chín mươi chín phần trăm không thực hiện được, xem ra không quan trọng bằng việc bảo đảm một khởi nguồn lành mạnh hơn từ ban đầu cho sự phát triển tương lai.

Trong suốt cuộc đấu tranh sinh tồn ở Vienna, tôi đã nhận ra rõ rằng:

Hoạt động xã hội không bao giờ và vì bất kỳ lý do gì được phép hướng tới những chuyện tào lao về lòng nhân từ bác ái, mà phải hướng tới việc thủ tiêu những thiết sót cơ bản trong quá trình tổ chức đời sống kinh tế, xã hội của chúng ta mà hậu quả chắc chắn hay trong hầu hết các trường hợp đều có thể là sự suy

thoái của các cá nhân.
Cái khó của việc áp dụng các phương pháp cực đoan và tàn nhẫn bậc nhất nhằm chống lại những kẻ tội phạm gây nguy hiểm cho quốc gia, dẫu đây chưa phải là điều kiện khó nhất, nằm ở sự đánh giá không chắc chắn của chúng ta về động cơ hay các nguyên nhân bên trong của những sự việc.
Sự thiếu chắc chắn ấy chỉ có cơ sở theo nhận thức của chính chúng ta về những tội lỗi liên quan tới các bi kịch suy thoái nòi giống; dù sự thật là như vậy, nó vẫn làm tê liệt mọi quyết định nghiêm túc và chắc chắn và phần nào phải chịu trách nhiệm cho sự yếu kém và thiếu nhiệt tình,

hậu quả của thái độ do dự, trong việc thực thi các biện pháp tự bảo toàn tối cần thiết.

Chỉ khi nào chúng ta không còn bị ám ảnh bởi ý thức của chính chúng ta về sự tội lỗi, chúng ta mới có thể đạt tới sự bình yên bên trong và sức mạnh bên ngoài, dù tàn nhẫn và không thương xót nhổ sạch những mầm cây hoang và cỏ dại.

Chính bởi đế quốc Áo thực tế không hề có pháp chế xã hội hay phát luật nên ta có thể thấy rành rành những nhược điểm của nó khi chiến đấu chống lại những khối u ác tính.

Tôi không biết điều gì khiến tôi sợ hại nhất khi đó; cảnh sống cơ cực của những người bạn, sự thô tục về

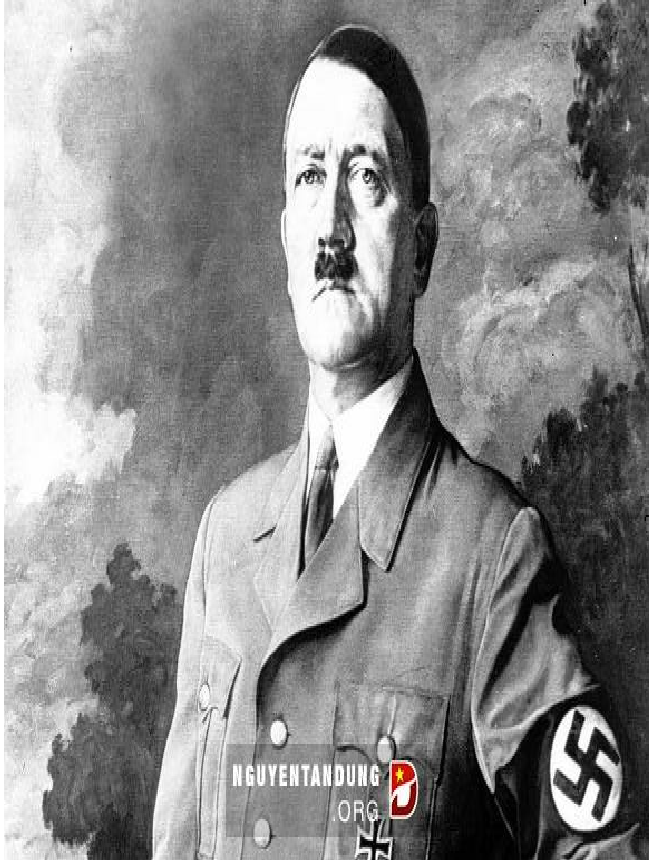
đạo đức và luận lý ở họ, hay là trình độ phát triển trí tuệ thấp kém của họ.
Đã bao nhiêu lần tầng lớp tư sản của chúng ta dấy lên sự căm phẫn cao độ về mặt đạo đức khi nghe lời tuyên bố của những kẻ lang thang khốn cùng rằng đối với họ thì thế cả thôi, dẫu họ là người Đức hay không, cho dù ở đâu đi chăng nữa, họ vẫn thấy hạnh phúc như nhau, chừng nào họ còn đủ tiền để sống!
Không có “tinh thần tự hào dân tộc” như vậy thật đáng trách hết sức, và thật đáng sợ khi thái độ ấy lại được biểu thị rõ ràng và cả quyết đến vậy.
Bao nhiêu người đã từng hỏi bản thân đâu là lý do thực sự để khẳng

định các quan điểm của họ là ưu việt?
Bao nhiêu người nhận biết được vô vàn những ký ức rời rạc về sự vĩ đại của tổ quốc trong mọi lĩnh vực đời sống văn hóa và nghệ thuật, những người mà thắng lợi hoàn toàn của họ chỉ là nhằm truyền cho bản thân lòng tự hào được là thành viên của một đất nước thần thánh?
Bao nhiêu người hồ nghi rằng mức độ của lòng tự hào dân tộc phụ thuộc vào những hiểu biết của mọi người về sự vĩ đại của đất nước trong mọi lĩch vực?
Có bao giờ giới thiệu tiểu tư sản thôi quan tâm tới mức độ ít ỏi lố bịch mà điều kiện kiên quyết của lòng tự hào

dân tộc truyền tới được những "thần dân" của nó hay không?
Chúng ta không thể tha thứ cho điều này chỉ bằng câu nói "các nước khác cũng không tốt đẹp gì hơn", và rằng ngay cả ở các nước ấy, người lao động vẫn cứ công khai thừa nhận quốc tịch của mình. Cho dù sự thật có như vậy thì đó cũng không phải là cái cớ để chúng ta bỏ qua mọi chuyện. Nhưng nếu sự thật không phải như vậy; với những thứ mà chúng ta vẫn luôn gọi là giáo dục "kiểu sô-vanh"; chẳng hạn người Pháp lúc nào cũng nhấn mạnh tuyệt đối về sự vĩ đại của nước Pháp thường nói. Thực tế là thế hệ trẻ của Pháp không được nuôi dạy để biết

suy nghĩ khách quan mà bị nhồi nhét những quan điểm hết sức chủ quan nhiều tời mức chúng cũng quan tâm đến sự vĩ đại về chính trị và văn hóa của đất nước mình.

Sự giáo dục kiểu đó luôn được giới hạn ở những giá trị toàn diện và hoàn toàn khái quát để khi cần phải được khắc sâu vào trí nhớ và tình cảm của mọi người thông qua sự nhắc đi nhắc lại không ngừng.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Tuy nhiên, đất nước này không chỉ phạm phải cái tội lỗi xấu xa là đã bỏ qua mọi chuyện mà còn tích cực phá hủy những điều nhỏ nhoi mà nhiều người may mắn được học ở trường. Bè lũ phản bội đã đầu độc đất nước chúng ta về mắt chính trị giờ lại còn gặm nhấm cả những thứ ít ỏi ấy trong trái tim và ký ức của quần chúng nhân dân, ở mức độ ghê gớm hơn cả những gì mà đói nghèo và gian khổ đã từng gây ra.
Hãy thử hình dung thế này:
Trong một căm hộ tầng hầm hai buồng ngột ngạt, có một gia đình gồm bảy người đang sinh sống. Trong số năm đứa trẻ có một cậu bé

ba tuổi, giả dụ vậy. Đây là cái tuổi mà ý thức của đứa trẻ sẽ tạo nên ấn tượng ban đầu. Nhưng người tài năng có thể giữ lại những dấu vết ký ức thời kỳ này mãi tới khi về già. Sự chật chội và đông đúc quá mức trong căn phòng không đem lại những điều kiện dễ chịu. Kết quả là cãi cọ xảy ra rất thường xuyên. Trong hoàn cảnh ấy, con người không sống cùng nhau mà là đè nén, dồn ép nhau. Mọi cuộc tranh luận, kể cả về những chuyện vặt vãnh nhất, nếu xảy ra trong một căn hộ rộng rãi hẳn đã có thể được giảng hòa khi mọi người tránh mặt nhau với thái độ hòa nhã, và như vậy mọi chuyện tự được giải quyết, nhưng ở đây, chỉ

đem lại những cuộc cãi lộn gay gắt không có hồi kết. Dĩ nhiên, bọn trẻ vẫn có thể chịu được mọi chuyện; trong hoàn cảnh ấy chúng luôn đánh lộn rồi lại nhanh chóng quên ngay. Nhưng nếu cuộc chiến ấy lại diễn ra giữa bố mẹ chúng, và hầu như ngày nào cũng diễn ra theo chiều hướng; cuộc chiến tranh cãi diễn ra với những cảnh bố hung dữ lao vào mẹ, rồi những trận đòn trong cơn say, ai chưa từng biết đến hoàn cảnh này sẽ khó mà hình dung được cái tính cách chắc chắn sẽ hình thành ở bọn trẻ sau những cuộc cái lộn ấy. Lên sáu tuổi cậu bé đáng thương nghi ngờ sự tồn tại của những thứ chẳng đem lại điều gì cho mọi người, kể cả

người lớn, ngoài nỗi khiếp sợ. Bị đầu độc về mặt đạo đức, thể chất ốm yếu vì ăn uống thiếu thốn, đầu tóc đầy chấy rận, vị “công dân” trẻ tuổi vào học ở một trường công lập. Vật lộn mãi cậu bé cũng biết đọc, biết viết, nhưng chỉ có vậy mà thôi. Cậu không thể làm bài tập về nhà được. Trong khi đó, bố mẹ cậu, ngay trước mặt con cái, dùng những từ ngữ kinh khủng không thể nhắc lại được về thầy cô và trường học của cậu, và có nhiều hướng chửi rủa thẳng vào họ là hơn dạy con mình được điều gì tử tế. Tất cả những điều mà cậu bé nghe được ở nhà không làm cậu thêm kính trọng những người thân yêu của mình. Chẳng còn dấu vết gì

về những điều tốt đẹp của lòng nhân ái, chẳng có tổ chức nào không bị chửi rủa; từ các thầy cô giáo tới các vị đứng đầu chính quyền, bất kể là vấn đề liên quan tới tôn giáo, đạo đức, nhà nước xã hội, tất cả đều bị sỉ vả với những từ tục tĩu nhất và đều bị ném vào đống rác rưởi của những cái nhìn hạ đẳng nhất. Bị đuổi khỏi trường khi mười bốn tuổi, chàng trai trẻ thật khó quyết tâm điều gì mạnh hơn cả bản thân mình. Sự dốt nát không thể tin nổi đến mức chỉ có kiến thức và năng lực thật sự mới biết được, hay là thái độ xấc láo cộng với lối sống vô đạo đức, cho dù còn ít tuổi, khiến người khác phải dựng tóc gáy.

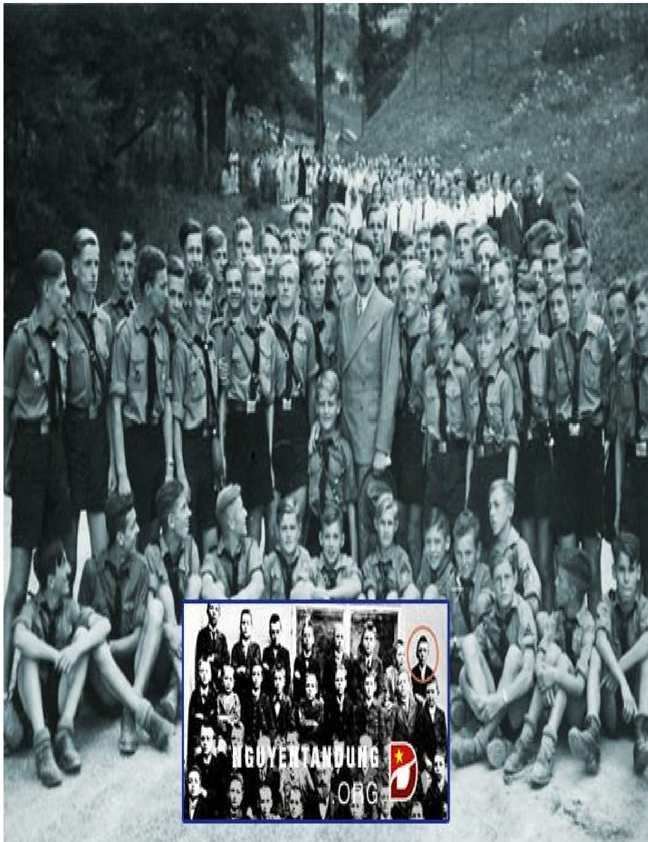
Thử hỏi cả nhà mà đến giờ chẳng có gì khiến anh ta tôn thờ, một người chẳng gặp được một sự cao quý nào, trái lại còn hồ nghi về điều đó và nhận biết được mọi sự đê tiện của cuộc sống, có thể có được vị trí trong cái cuộc sống mà anh ta chuẩn bị bước vào?
Cấu bé ba tuổi đã trở thành một kẻ luôn khinh miệt. Cho đến lúc đó, ngoài sự bẩn thiu và thô tục, chàng trai trẻ chẳng hề thấy điều gì có thể khơi dậy nhiệt tình mạnh mẽ hơn.
Nhưng chỉ tới giờ chàng trai mới bước vào trường học thật sự về những thư tồn tại ấy.
Giờ đây chàng trai bắt đầu một cuộc sống như trước đây, một cuộc sống

mà cha cậu từng sống và cậu đã từng chứng kiến điều đó trong suốt những ngày thơ ấu. Chàng trai lang thang trên những góc phố, những quán bar, Chúa mới biết cậu trở về nhà váo lúc nào; và đôi khi để thay đổi không khí, cậu đánh cả người phụ nữ ốm yếu đã từng là mẹ cậu, nguyền rủa Chúa và cả thế giới, rồi rốt cuộc bị kết tội trong vụ tấn công nào đó và bị bắt đến trại cải tạo.

Ở đó cậu ta được đánh bóng lần cuối cùng. Những người bạn tiểu tư sản đáng quý ngạc nhiên cực độ khi thấy vị “công dân” trẻ tuổi này chẳng hề có cái gọi là “lòng nhiệt tình dân tộc”.

Ngày tháng trôi đi, qua những vở

kịch hay những bộ phim, những tác phẩm văn hóa viết dấm dúi và những tờ báo lá cải, họ nhìn thấy hàng xô chất độc đang dồn vào nhân dân, và kinh ngạc trước “tình trạng đạo đức” thấp kém và thái độ “thờ ơ với dân tộc” của quần chúng nhân dân.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Hình ảnh Hitler chụp với học sinh năm 1936 và hình ảnh Hitler lúc còn đi học năm 1904.

Cứ như thế là những bộ phim rẻ tiền, những tờ báo lá cải, và những thứ nhơ bẩn như vậy có thể tạo nên nền tảng để người ta hiểu về sự vĩ đại của tổ quốc, ngoài những gì mọi người đã được học từ khi bé.

Những cái trước đây tôi chưa từng đặt mối nghi ngờ thì trong những năm ấy tôi đã được học một cách nhanh chóng và thấu đáo.

Vấn đề "Quốc gia hóa" của một dân tộc, xét trong tương quan với những vấn đề khác, cốt yếu là ở việc tạo ra những điều kiện xã hội lành mạnh, xây dựng nền móng cho triển vọng giáo dục cá nhân. Chỉ những người

được học ở nhà trường và được nuôi dạy để nhận biết tầm vóc to lớn về kinh tế, văn hóa, và nhất là về chính trị của đất nước mình có thể và chắc sẽ có thể giành được niềm tự hào khi được hưởng cái quyền là thành viên của một dân tộc như vậy.

# Chương 2:3: CUỘC CHẠM TRÁN ĐẦU TIÊN CỦA HITLER

Những gì tôi biết về Dân chủ Xã Hội từ thời trẻ cực kỳ ít ỏi và hoàn toàn không chính xác.

Tôi hết sức hài lòng vì Đảng Dân chủ Xã hội đã xúc tiến cuộc đấu tranh đòi phổ thông đầu phiếu và bỏ phiếu kín. Bởi lẽ ngay cả khi đó trí thông minh mách bảo tôi rằng điều đó chắc chắn sẽ làm suy yếu chế độ Habsburg mà tôi vô cùng căm ghét. Tôi tin chắc chắn rằng Đế quốc Áo không thể nào giữ được, trừ khi tiêu diệt được hết người Đức ở đó, nhưng ngay cả

những đánh đổi trong quá trình từng bước sla-vơ hóa các nhân tố Đức cũng không đem lại một sự bảo đảm nào cho khả năng sống sót thật sự của cái đế chế ấy, bởi lẽ thứ quyền lực mà bọn người sla-vơ dùng để duy trì đất nước hoàn toàn mơ hồ. Với niềm tin ấy, tôi hoan nghênh mọi sự phát triển mà theo quan điểm của tôi, chắc chắn sẽ dẫn đến sự sụp đổ của một nhà nước không thể chấp chận được, cái nhà nước đã kết án tử hình mười triệu người dân Đức. Tòa tháp Babel vô hình càng gặm mòn và phá hoại tổ chức của Quốc hội bao nhiêu, giờ khắc tan rã không tránh khỏi của cái Đế chế kiểu Babylon càng tới gần bấy nhiêu, và

cùng với nó sẽ là những giờ phút tự do của những người Áo gốc Đức chúng ta. Chỉ có bằng cách ấy mới có thể khôi phục mối Liên minh chính trị Đức – Áo với nước mẹ ngày xưa.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Tòa tháp Babel mà Hitler mô tả.

Do vậy hành động này của Đảng Dân chủ Xã hội không hề khiến tôi phật lòng. Và cái thực tế nó đã cố hết sức để cải thiện điều kiện sống của người lao động, dường như đã lên tiếng ủng hộ hơn là chống lại. Điều làm tôi khó chịu nhất là cái thái độ thù địch mà Đảng Dân chủ Xã hội dành cho cuộc đấu tranh giữ gìn và bảo về những giá trị Đức, sự tranh thủ đáng hổ thẹn lũ người sla-vơ mà chúng gọi là “đồng chí”, những kẻ một mặt chấp nhận lời tuyên ngôn về tình thương trong chừng mực nó phải gắn chặt với sự nhượng bộ thực tế, nhưng mặt khác lại giữ cái thái độ ngạo mạn, trịch thượng, ban

phát cho lũ ăn mày khó ưa phần thưởng xứng với chúng.

Vì thế, mặc dù mười bảy tuổi tôi nhưng tôi hầu như chưa biết đến cái từ “chủ nghĩa Marx” trong khi đó với tôi, khái niệm “Dân chủ Xã hội” và chủ nghĩa xã hội là hai khái niệm đồng nhất với nhau. Ở đây, một lần nữa lại cần đến bàn tay của số phận giúp tôi mở mắt để thấy được sự phản bội chưa từng có ở con người.

Cho đến lúc đó, tôi mới chỉ biết về Đảng Dân chủ xã hội với tư cách một người ngoài cuộc bàng quang đứng ngó nghiêng mấy cuộc biểu tình với đông đảo quần chúng tham gia, mà không nhìn thấu được, dẫu chỉ là thoáng qua nhất, cái tâm tính của

những đảng viên của đảng này cũng như bản chất học thuyết của chúng; nhưng giờ đây, chỉ với một cuộc gặp bất thình lình, tôi được tiếp xúc với những sản phẩm của nền giáo dục và “triết lý” kiểu Dân chủ xã hội ấy. Trong vài tháng, tôi đã thu được những điều lẽ ra phải mấy hàng chục năm mới có được: tôi có cơ hội biết đến ả gái điếm thâm độc nhưng lại khoác vẻ ngoài của đức hạnh xã hội và tình bằng hữu anh em, để từ đó nuôi niềm hy vọng rằng lòng nhân ái sẽ giải thoát thế giới một cách nhanh nhất, bởi nếu không thế giới sẽ sớm mất hết tình người.

Cuộc chạm trán đầu tiên với các đảng viên Đảng Dân chủ Xã hội diễn

ra khi tôi đang là một công nhân xây dựng.
Ngay từ ban đầu mọi chuyện đã không được hay ho cho lắm. Lúc đó tôi quá bận rộn với số mệnh của chính mình tới mức tôi chẳng mấy bận tâm về những người xung quanh. Quần áo hầu như vẫn nghiêm chỉnh, lời ăn tiếng nói vẫn được trao dồi, và lối hành xử thì vẫn không thay đổi. Tôi kiếm việc làm chỉ để khỏi chết đói, để có cơ hội được tiếp tục học hành, dẫu thật là chậm chạp. Có lẽ tôi đã không hề bận tâm tới môi trường mới của mình nếu như vào ngày thứ ba hay thứ tư gì đó, không xảy ra một sự kiện buộc tôi ngay lập tức phải nhận một vị trí. Người ta

yêu cầu tôi gia nhập Đảng.
Thực tế là tôi chẳng hề biết gì về tổ chức công đoàn cả. Tôi chẳng thể chứng minh được sự hiểu biết ấy nếu có thì có lợi hay có hại nữa. Khi người ta bảo tôi phải tham gia, tôi đã từ chối. Lý do của tôi khi đó là tôi không hiểu mọi chuyện, rằng tôi sẽ không để bị ép phải tham gia bất kỳ thứ gì. Có lẽ lý do đầu tiên của tôi đã khiến tôi không bị người ta quẳng đi. Có lẽ người ta hy vọng có thể biến đổi tôi hay bẻ gãy sự kháng cự của tôi trong vài tuần gì đó. Trong mọi trường hợp, họ đều phạm sai lầm nghiêm trọng. Sau hai tuần tôi không hề tham gia, ngay cả khi tôi muốn làm thế. Trong hai tuần ấy, tôi

bắt đầu hiểu rõ hơn những người xung quanh mình, và không một thế lực nào trên thế giới có thể buộc tôi phải gia nhập một tổ chức mà các thành viên của nó xuất hiện trước mắt tôi trong theo cái cách thiếu thiện chí đến vậy.

Trong những ngày đầu tôi đã rất giận dữ.

Buổi trưa, một vài công nhân đến mấy quán rượu gần đó còn những người khác ở lại công trường và ăn bữa trưa, như thường lẽ, hết sức đạm bạc. Đó là những người đàn ông đã có gia đình được vợ mang cho món súp bữa trưa được đựng trong những cái bát trông thật thảm hại. Càng đến cuối tuần, số người ở

lại ăn trưa càng đông, lý do tại sao thì mãi về sau tôi mới biết. Trong những lúc ăn trưa ấy, người ta bàn luận về chính trị.

Tôi uống chai sữa và ăn mẩu bánh mì đã bị mốc một vài chỗ, cẩn thận dò xét những người bạn mới hay suy ngẫm về số phận khổ sở của mình. Tuy vậy, tôi vẫn nghe được rất nhiều điều; và thường thì có vẻ như mọi người cố tình tiến gần đến chỗ tôi, có lẽ là để bắt tôi phải tham gia. Trong mọi trường hợp, những điều tôi được nghe khiến tôi giận dữ cùng cực. Những con người này đã khước từ mọi thứ; khước từ đất nước vốn là phát minh của “bọn tư sản” (sao mà tôi buộc phải nghe đến cái từ này

nhiều thế!); khước từ mảnh đất quê hương đã bị biến thành công cụ để bọn tư sản bóc lột người lao động; khước từ những luật lệ được dùng làm phương tiện để đàn áp người vô sản; khước từ trường học đã biến thành nơi nuôi dưỡng người ta thành nô lệ và chủ nô; khước từ tôn giáo đã bị biến thành phương tiện khiến con người trở nên đần độn cho kẻ khác dễ bóc lột hơn; khước từ thứ đạo lý thực chất là triệu chứng của căn bệnh chỉ biết ngoan ngoãn và ngu dốt chịu đựng; và còn khước từ vô số những thứ khác. Hoàn toàn không tìm thấy bất kỳ điều gì đi qua bùn lầy của vực thẳm đáng sợ ấy.




Hitler từng làm việc tại công trường.

Thoạt đầu, tôi cố giữ im lặng. Nhưng cuối cùng, tôi không thể chịu được

nữa. Tôi bắt đầu nhập cuộc và chống lại. nhưng tôi buộc phải thừa nhận rằng mọi chuyện hoàn toàn vô vọng cho tới khi tôi có được những hiểu biết rõ ràng và chắc chắn về những điểm gây tranh cãi. Và thế là tôi bắt đầu kiểm tra nguồn gốc bọn tư bản và có thể thu được cái mà chúng tưởng là sự thông thái. Tôi nghiên cứu sách vở hết cuốn này đến cuốn khác.

Từ lúc đó, những cuộc thảo luận nơi làm việc thường rất sôi nổi. Tôi phản bác, và ngày qua ngày lại càng biết nhiều điều hơn những kẻ đối lập với mình, cho tới một ngày chúng đã sử dụng thứ vũ khí có thể chế ngự lý trí một cách dễ dàng nhất: khủng bố và

bạo lực. Một vài kẻ diễn thuyết của phe đối lập buộc tôi lựa chọn hoặc phải rời khỏi công trường ngay lập tức hoặc chúng sẽ quẳng tôi xuống đất từ dàn giáo. Bởi lẽ tôi hoàn toàn đơn độc và sự kháng cự dường như vô vọng, tôi, giờ đây đã có nhiều kinh nghiệm hơn, quyết định chọn cách thứ nhất.

Tôi ra đi lòng đầy căm phẫn, nhưng cùng lúc đó tôi hết sức bối rối bởi tôi thật sự không thể hoàn toàn quay lưng với công việc ấy. Sau cơn giận đầu tiên, cái tính ương ngạnh đã lấy lại quyền kiểm soát trong tôi. Tôi quyết định đến làm ở một công trường khác bất chấp những gì đã xảy ra. Quyết định ấy càng được

củng cố bởi chỉ vài tuần sau đó, khi tôi dã tiêu hết số tiền tiết kiệm ít ỏi từ đồng lương, tôi lại bị siết chặt trong vòng tay nhẫn tâm của “Thần đói nghèo”. Tôi buộc phải trở lại cho dù có muốn hay không đi nữa. Câu chuyện cũ lại lặp lại và kết cục chẳng khác lần đầu là mấy.

Tôi đấu tranh với nơi sâu kín nhất tâm hồn: những kẻ này có phải là con người không, có xứng đáng thuộc về một dân tộc vĩ đại hay không?

Thật là một câu hỏi đau đớn; bởi lẽ nếu câu trả lời là có, cuộc đấu tranh vì dân tộc của tôi thật sự không xứng đáng với những gian khổ và hy sinh mà những người ưu tú nhất

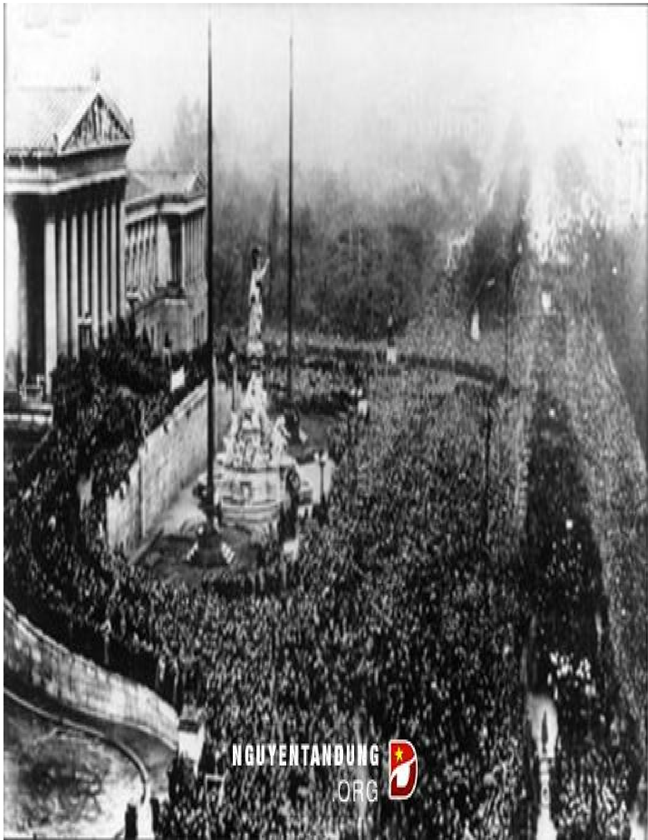
trong số chúng ta phải chịu đựng vì lợi ích của lũ người cặn bã đó; còn nếu câu trả lời là không, dân tộc của chúng ta thật sự đán thương và thảm hại làm sao giữa các dân tộc khác.

Trong những ngày suy nghĩ và nghiền ngẫm ấy, tôi đã nghĩ nhiều về số đông những kẻ không còn thuộc về dân tộc mình và chứng kiến đám người đó ngày càng phình lên gần tới số lượng của một đội quân đáng sợ.

Với những cảm xúc đã thay đổi, giờ đây tôi chăm chú dõi theo những hàng người biểu tình của tần lớp lao động thành Vienna khi họ vai kề vai diễu hành bên nhau. Trong hai tiếng

đồng hồ, tôi đứng đó, hồi hộp nhìn ngắm dòng người đông đúc như một con rồng khổng lồ chầm chậm uốn mình qua các phố. Trong nỗi lo âu đè nặng tâm can, cuối cùng tôi rời khỏi nơi đó và thong thả cuốc bộ về nhà. Trên đường về, tôi nhìn thấy tờ Công nhân Nhật báo trong một hiệu thuốc lá, tờ báo được coi là cơ quan ngôn luận chủ yếu của Đảng Dân chủ Xã hội nước Áo cũ. Nó vẫn có mặt ở các quán cà-fê dành cho những người ít tiền, nơi tôi vẫn thường tới để đọc báo; nhưng tới lúc đó tôi chưa từng dành quá hai phút vào những trang báo mà giọng điệu của nó với tôi giống như sự đả kích về đạo đức. Thất vọng vì cuộc biểu

tình, tôi bị sai khiến bởi một giọng nói bên trong buộc phải mua và đọc tờ báo ấy một cách cẩn thận. Tối đó tôi đã làm như thế, cố nén cơn cuồng giận cứ thi thoảng dâng lên bởi thứ dung dịch cô đặc của những lời dối trá.



Cuộc biểu tình trước Nghị viện Vienna năm 1918.

Hơn cả bất cứ lý thuyết nào, việc đọc hàng ngày tờ báo của Đảng Dân chủ Xã hội đã giúp tôi tìm hiểu bản chất bên trong của các quá trình tư duy ấy.

Bởi lẽ thật là khác biệt giữa những lời lẽ đẹp đẽ về tự do, về cái đẹp với những chân lý giá trị trong cái thứ lý thuyết chẳng qua là một mớ hỗn độn những ngôn từ bịp bợm nhưng ngoài mặt lại thể hiện một sự hiểu biết uyên thâm và khổ công tích lũy, một chuẩn mực đạo lý về lòng nhân đạo đáng ghê tởm – tất cả những thứ đó được viết ra với sự xúc phạm không thể tin nổi cùng những lời tiên tri

đoán chắc – và với tờ nhật báo đầy dã tâm, bằng những hành vi đê hèn, đã sử dụng mọi thủ đoạn vu khống, lừa bịp mọi người bằng sự điêu luyện bậc thầy có thể bẻ gãy những thanh rầm làm bằng sắt, tất cả đều nhân danh niềm tin về một lòng nhân ái mới. Tờ báo này nhắm tới những kẻ ngu ngốc ở tầng lớp giữa, chứ không phải là những kẻ ở tầng lớp trên, có giáo dục, "có địa vị", những kẻ không cùng phía với quần chúng nhân dân.

Với tôi, khi mê mải với những thứ lý thuyết và báo chí của học thuyết hay tổ chức này cũng là khi tôi tìm đường quay về với dân tộc tôi. Điều trước đây với tôi dường như là vực

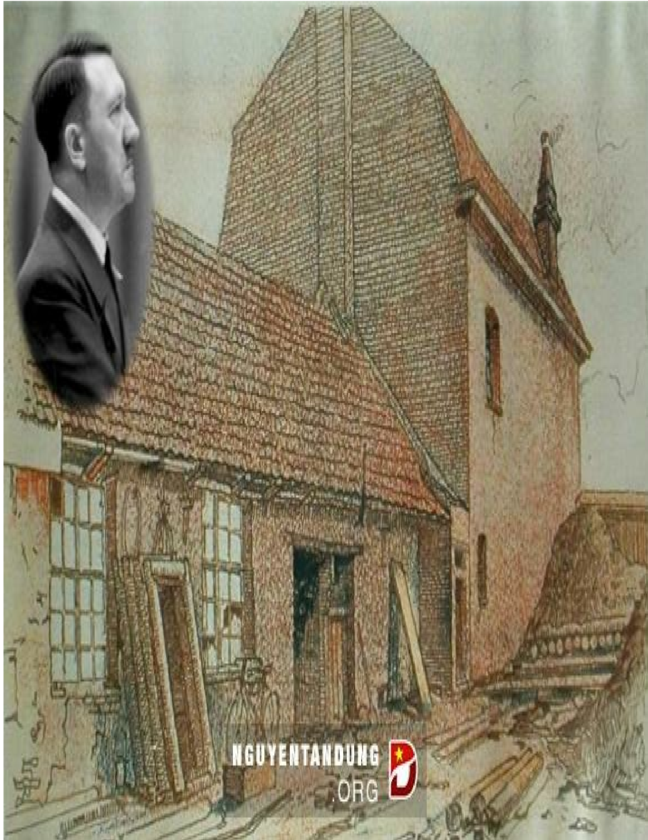
thẳm không thể vượt qua giờ đây lại trở thành nguồn nuôi dưỡng tình yêu ngày càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

# Chương 2:4: GIAI CẤP TƯ SẢN CHẲNG BAO GIỜ CÓ THỂ BÙ ĐẮP ĐƯỢC TỘI LỖI CỦA MÌNH

Chỉ có kẻ ngốc mới có thể ngắm nhìn công trình của kẻ đầu độc đê hèn này mà vẫn kết tội những nạn nhân. Càng trở nên độc lập hơn trong những năm tháng tiếp theo, triển vọng thành công của tôi càng rõ ràng, nhờ thế tôi đã thấu hiểu được những căn nguyên bên trong của

Đảng Dân chủ Xã hội. Giờ đây tôi đã hiểu được ý nghĩa của những đòi hỏi khắt khe buộc tôi chỉ đọc báo của cộng sản, chỉ tham dự các cuộc họp của cộng sản, chỉ đọc sách của cộng sản, v.v… Tôi nhìn thấy rõ ràng trước mắt kết quả không thể tránh khỏi của thứ giáo lý về sự không khoan nhượng này.

Tâm lý của phần đông quần chúng là không thể tiếp thu những thứ yếu ớt và hời hợt nửa vời.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Một bức tranh của Hitler - ông đã sản xuất và bán hàng trăm bức họa để kiếm sống trong 1908-1913.

Giống như phụ nữ, những người mà trạng thái tâm lý dễ bị ảnh hưởng bởi cái cảm xúc mong mỏi mơ hồ về một sức mạnh có thể bổ sung cho những thiếu sót trong bản chất của họ hơn là những lý lẽ trừu tượng, và vì thế cũng là những người thà cuối đầu khuất phục trước một người đàn ông mạnh mẽ còn hơn là làm chủ một kẻ yếu đuối, quần chúng nhân dân cũng thường yêu quý một người biết chỉ huy hơn là một kẻ chỉ biết cầu xin, và thâm tâm thấy hài lòng bởi một thứ giáo lý, chẳng tổn hại đến ai ngoài chính bản thân nó, hơn là chấp nhận quyền tự do kiểu tự do

chủ nghĩa mà với sự tự do ấy, những gì họ có thể làm là rất ít và họ dễ cảm thấy bị cấm đoán. Những người này đều không nhận thức được sự khủng bố tâm linh vô liêm sỉ dành cho họ và sự lạm dụng ghê tởm quyền tự do con người của họ, bởi lẽ họ hoàn toàn không hề nghi ngờ sự điên rồ bên trong của toàn bộ thứ giáo lý này. Tất cả những gì họ thấy được là một sức mạnh tàn ác và sự dã man trong những biểu hiện được tính toán kỹ lưỡng của thứ giáo lý ấy mà rốt cuộc họ luôn phải phục tùng.

Nếu có một học thuyết khác với một chân lý mạnh mẽ hơn, nhưng phương pháp tiến hành cũng tàn bạo như thế, xuất hiện để chống lại chủ

nghĩa Dân chủ Xã hội, thì chắc chắn nó sẽ chiến thắng, dẫu rằng điều đó có thể đem đến một cuộc chiến đấu khốc liệt nhất.

Trước khi khoảng thời gian hai năm trôi qua, tôi đã hiểu rõ lý thuyết cũng như phương pháp vận hành của phe Dân chủ Xã hội.

Tôi hiểu được trò khủng bố tâm linh bỉ ổi mà cái phong trào này áp dụng, nhất là với giai cấp tư sản, những kẻ đủ khả năng đối phó với những cuộc tấn công ấy cả về khía cạnh đạo và tinh thần; với một dấu hiệu rõ ràng, nó đặt ra một chướng ngại vật thực sự bằng những lời dối trá và vu khống cản bước bất kỳ kẻ đối lập nào có vẻ nguy hiểm nhất, cho tới

khi tinh thần của những kẻ bị tấn công ấy hoàn toàn quy sụp, và để lập lại hòa bình, họ buộc phải hy sinh cái cá thể đáng khinh của mình.

Tuy vậy, lũ ngốc đó đâu có nhận được hòa bình.

Trò chơi bắt đầu và lặp đi lặp lại tới khi nỗi sợ hãi lũ người đê tiện điên rồ rốt cục khiến cho nạn nhân hoàn toàn tê liệt.

Những kẻ theo chủ nghĩa Dân chủ Xã hội biết rõ hơn ai hết giá trị của sức mạnh nhờ kinh nghiệm của chính bản thân mình, bởi thế chúng tấn công với sự tàn bạo nhất vào những kẻ có mục tiêu tiên quyết là tìm ra chân tướng của mọi sự việc. Ngược lại chúng tán dương những kẻ yếu

đuối của phe đối lập, khi thì rất thận trọng, khi lại rất ầm ĩ, tùy theo mức độ trí tuệ thật sự hay chúng cho rằng thế ở những người này.
Chúng sợ bản chất mạnh mẽ của những bộ óc tầm tầm hơn là những thiên tài thật sự nhưng lại yếu đuối và nhu nhược.
Nhưng với lòng nhiệt tình mạnh mẽ nhất, chúng ca ngợi những kẻ yếu đuối cả về trí tuệ và sức mạnh.
Chúng biết cách tạo ra cái ảo tưởng rằng đó là con đường duy nhất để duy trì hòa bình, và cùng lúc đó, lén lút nhưng rất điều đặn, chúng chiếm lấy hết vị trí này đến vị trí khác, khi thì ngấm ngầm tống tiền, khi thì trộm cắp thật sự, vào những thời điểm khi

mọi người mãi hướng tới những vấn đề khác, và hoặc giả không muốn bị làm phiền hay cho rằng vấn đề đó quá nhỏ chẳng cần làm ầm ĩ lên, thế nên một lần nữa lại chọc tức kẻ đối lập bỉ ổi.

Đây là một chiến thuật dựa trên sự tính toán chính xác những nhược điểm của con người, và kết quả là sẽ thành công với sự chắc chắn gần như chính xác trừ khi phía đối phương cũng biết cách đáp trả theo kiểu dĩ dộc trị độc.

Nghĩa vụ của chúng ta là phải làm cho tất cả những kẻ yếu biết rằng đây là vấn đề tồn tại hay không tồn tại.

Tôi lại được hiểu rõ về ý nghĩa của

trò khủng bố thể chất đối với các cá nhân và quần chúng nhân dân.
Ở đây một lần nữa hiệu ứng tâm lý có thể cũng đã được tính toán chính xác.
Hành động khủng bố ở nơi làm việc, trong các xí nhiệp, nơi hội họp, và vào những dịp biểu tình đại chúng sẽ luôn thành công trừ khi vấp phải sự chống đối với mức độ khủng bố tương tự.
Trong trường hợp này, không nghi ngờ gì, các phe phái sẽ kêu gọi sự tàn sát đẫm máu; mặc dù đã coi khinh mọi quyền lực quốc gia từ lâu, chúng sẽ bắt đầu kêu gào đòi một thứ quyền lực tương tự và hầu như lần nào chúng cũng đạt được mục

tiêu ấy giữa lúc mọi người còn đang hỗn loạn: chúng sẽ tìm ra một vị quan chức cấp cao đần độn nào đó, kẻ hy vọng ngu xuẩn rằng thể nào cũng xoa dịu được những kẻ đối lập đáng sợ và là kẻ sẽ giúp chúng đàn áp những kẻ chống đối.



Chỉ những ai thấu hiểu tâm hồn con người, không phải từ những gì đọc trong sách vở, mà từ chính cuộc sống mới đánh giá được chính xác cái ấn tượng mà sự thành công ấy đem lại cho quần chúng dù ở phía ủng hộ hay chống đối.

Càng biết rõ hơn, chủ yếu là về những biện pháp khủng bố thể chất, tôi càng khoan dung hơn với hàng trăm ngàn người không thể chống cự lại những hành vi khủng bố ấy.

Điều khiến tôi biết ơn nhất với giai đoạn khổ sở ấy là chính nó đã đưa tôi trở lại với dân tộc của mình, dạy cho tôi biết phân biệt đâu là nạn nhân và đâu là kẻ lừa gạt.

Kết quả của sự lừa phỉnh này chỉ có thể được xem là nạn nhân. Bởi lẽ nếu tôi cố gắng vẽ ra vài bức tranh từ cuộc sống, mô tả cái thực chất của những tầng lớp thấp kém nhất, tôi sẽ không thể hoàn thành bức tranh ấy mà không tin chắc rằng từ trong cái hố sâu tối tăm ấy vẫn có những điểm sáng tồn tại dưới hình thức của lòng tự nguyện hy sinh hiếm hoi, của tình bạn trung thành, của tính tiết kiệm lạ lùng, và sự e dè khiêm tốn, nhất là ở những người lao động nhiều tuổi. Cho dù những đức tính tốt đẹp ấy không còn ở thế hệ trẻ hơn, giá mà đó là vì ảnh hưởng to lớn của đô thị, vẫn còn rất nhiều người, kể cả những người trẻ, với

dòng máu lành mạnh chảy trong huyết quản, vẫn cố gắng để vượt qua những trò bịp bợm dối trá của cuộc sống. Tuy nhiên, nếu chẳng may trong khi hoạt động chính trị, những con người đức hạnh, và thường là rất tốt bụng này, lại gia nhập cùng kẻ thù của dân tộc ta, và nhờ thế mà củng cố vững chắc địa vị của họ, thì hẳn là do họ không biết hoặc không thể biết sự đê tiện của thứ học thuyết giáo lý mới, và bởi chẳng có ai cố công quan tâm đến họ cả, và cuối cùng là vì những điều kiện xã hội có sức mạnh lớn hơn mọi ý chí chống đối có thể có khi đó. Sự nghèo đói mà sớm hay muộn họ cũng không chống đỡ nổi đã lái họ

tiến về doanh trại của phe Dân chủ Xã hội.
Không biết bao nhiêu lần giai cấp tư sản đã chống lại một cách vô cùng vụng về và sai trái những đòi hỏi đã được chứng mình là chính đáng theo quan điểm chung của nhân loại, lại thêm hầu như không nhận được, hay chí ít cũng hy vọng sẽ nhận được, bất kỳ lợi ích nào từ thái độ ấy, nên ngay cả những người lao động tự trọng nhất cũng bị lôi kéo ra khỏi tổ chức nghiệp đoàn và tham gia các hoạt động chính trị.
Hàng triệu công nhân, tôi chắc chắn vậy, khởi đầu đều coi Đảng Dân chủ Xã hội là kẻ thù từ trong sâu thẳm tâm hồn, nhưng sự phản kháng của

họ đã bị đánh bại theo một cách cực kỳ điên rồ; đó là khi các đảng phái tư sản giữ thái độ thù địch với mọi yêu cầu của một cá nhân xã hội. Sự khước từ đơn giản và thiển cận mọi nỗ lực nhằm cải thiện điều kiện làm việc, đưa ra các thiết bị an toàn cho máy móc, ngăn cấm lao động trẻ em và bảo vệ phụ nữ, chí ít là trong quá thời gian họ sinh cho chúng ta người đồng chí tương lai, đã góp phần lái phần đông quần chúng nhân đân vào cái cạm bẫy của phe Dân chủ Xã hội vốn luôn chộp lấy, với lòng biết ơn, mọi cơ hội tận dụng cái thái độ đáng xấu hổ ấy. Giai cấp tư sản chẳng bao giờ có thể bù đắp được tội lỗi của mình theo chiều hướng ấy, bởi lẽ

với việc từ chối những nỗ lực loại bỏ sự ngược đãi, họ lại gieo vào nhân dân lòng thù hận và thậm chí dường như còn biện minh cho sự khẳng định của kẻ thù nguy hại của quốc gia rằng chỉ có Đảng Dân chủ Xã hội mới đại diện cho lợi ích của người lao động.

Theo cách ấy, thoạt đầu họ đã tạo ra cơ sở đạo đức cho sự tồn tại thật sự của các nghiệp đoàn vốn luôn được coi là kẻ dắt mối hiệu quả nhất của các đảng phái chính trị.

Trong thời gian ở Vienna, tôi bị buộc phải tham gia nghiệp đoàn, bất chấp tôi có thích hay không.

Tôi coi nghiệp đoàn là thành phần không thể tách rời của Đảng Dân

chủ Xã hội theo đúng nghĩa của nó, vì thế tôi quyết định ngay lập tức – tôi đã sai lầm.
Tôi dứt khoát từ chối mà chẳng cần suy nghĩ gì hết.
Và trong vấn đề vô cùng quan trọng này, cũng như bao chuyện khác, số phận lại trở thành người dẫn dắt tôi.
Kết quả lại là sự đảo ngược với nhận định ban đầu của tôi.
Trải qua hai mươi năm, tôi đã học được cách phân biệt sự khác biệt giữa một liên hiệp, được coi là phương tiện để bảo vệ các quyền lợi xã hội chung của những người làm công ăn lương và để đạt được những điều kiện sống tốt hơn cho bản thân với tư cách một cá thể, với

một nghiệp đoàn, được sử dụng làm công cụ của các đảng phái trong cuộc đấu tranh của các giai cấp chính trị.




Adolf Hitler, 35 tuổi, trong ngày ra tù từ nhà tù Landesberg, vào ngày 20 tháng 12 năm

1924.

Chính sự nhận thức của phe Dân chủ Xã hội về tầm quan trọng vô cùng to lớn của các phong trào trong nghiệp đoàn khiến họ tin chắc vào công cụ ấy và vì thế cũng vững tin vào sự thành công; còn giai cấp tư sản vì không nhận thức được điều đó đã phải trả giá bằng chính địa vị chính trị của mình. Giai cấp tư sản nghĩ rằng mình có thể chặn đứng một quá trình hợp lý bằng một thái độ “khước từ” xấc láo, nhưng trên thực tế, chúng lại thúc đẩy sự phát triển ấy theo một hướng không hợp lý. Bởi lẽ, gán cho các phong trào của nghiệp đoàn cái tên không ái quốc thật là một việc làm vô nghĩa và sai

trái. Phần nào những điều ngược lại mới đúng sự thật. Nếu như hoạt động của nghiệp đoàn nhằm nỗ lực và thành công trong việc cải thiện số phận của một tầng lớp được coi là một trong những lực lượng ủng hộ căn bản nhất của một đất nước, công việc của nó không những không phải là nổi loạn hay phản đối lòng ái quốc, mà còn được coi là có "tính dân tộc" theo nghĩa chân thực nhất của từ này. Bởi lẽ, bằng cách ấy, nghiệp đoàn giúp tạo ra những tiền đề xã hội mà thiếu nó chúng ta không thể có một nền giáo dục quốc gia đại chúng. Nó giành được phần thưởng cao quý nhất vì đã tiêu thủ những căn bệnh xã hội, tấn công sự

lây nhiễm về mặt trí tuệ hay thể chất, và nhờ thế góp phần đem lại sự lành mạnh cho tổ chức chính trị.

Vì thế, việc nghi ngờ vai trò thiết yếu của nghiệp đoàn thực sự là không cần thiết.

# Chương 2:5: NHỮNG SUY NGHĨ VỀ THẾ LỰC XẤU CỦA HITLER

Chừng nào vẫn còn những ông chủ với vốn hiểu biết xã hội ít ỏi hay thiếu ý thức về tính công bằng và sự đúng mực, chừng đó những người làm công, những người góp phần cấu thành nên dân tộc của chúng ta, không chỉ có quyền mà còn có nghĩa vụ phải bảo vệ lợi ích của đông đảo quần chúng chống lại sự tham lam và vô lý của các cá nhân; bởi lẽ đối với lợi ích của một dân tộc, sự bảo

vệ lòng trung thành và niềm tin vào một tổ chức xã hội cũng quan trọng như bảo vệ sức khỏe của mọi người.



Hitler mô tả hành vi thủ tiệu mọi căn nguyên của một quá trình phát triển như vậy là phục vụ lợi ích dân tộc và không khi nào lại mang nghĩa ngược lại.

Cả hai điều đó đều bị đe dọa nghiêm trọng bởi những tên chủ đáng khinh, những kẻ không hề thấy rằng xét cho cùng chúng cũng là thành viên của cộng đồng dân tộc. Chính những hậu quả thảm khốc do sự tàn nhẫn và tham lam của chúng đã nuôi dưỡng những thế lực xấu xa vô độ trong tương lai.

Hành vi thủ tiêu mọi căn nguyên của một quá trình phát triển như vậy là phục vụ lợi ích dân tộc và không khi nào lại mang nghĩa ngược lại.

Không ai có thể nói rằng mọi cá nhân đều tự nguyện chuốc lấy hậu quả từ

một sự bất công thực sự hay được cho là như vậy; nói cách khác là tự nguyện bỏ việc. Chắc chắn là không. Đây là một trò đánh bóng tưởng tượng và phải được coi là sự cố ý làm chệch hướng mối quan tâm của của mọi người. Việc loại bỏ những điều kiện không tốt, phi xã hội có thể sẽ phục vụ lợi ích quốc gia hoặc cũng có thể không phải như vậy. Nếu có, cuộc đấu tranh chống lại hành động ấy phải được tiến hành với những vũ khí có thể đảm bảo hy vọng về sự thành công. Tuy vậy, các cá nhân người lao động không bao giờ ở vào vị trí tự bảo vệ mình chống lại thế lực của các nhà tư bản công nghiệp lớn, bởi lẽ trong những

vấn đề như vậy, kẻ chiến thắng không thể là bên công bằng hơn (nếu điều này được chấp nhận, cả cuộc chiến sẽ không còn thiếu động cơ nữa) – chắc chắn là không, vấn đề ở đây là kẻ thắng lại là kẻ có quyền lực cao hơn. Mặt khác ý nghĩa của sự công bằng chỉ riêng nó đã đưa cuộc chiến tới một kết cục hợp lý, hay nói một cách chính xác hơn, cuộc chiến chẳng bao giờ có xảy ra.

Không phải vậy, nếu sự đối xử không phù hợp hoặc phi xã hội dành cho con người nhất thiết đòi hỏi phải phản kháng thì cuộc chiến này, chừng nào các cơ quan thẩm quyền tư pháp chưa được hình thành nhằm

loại những thứ xấu xa này, chỉ có thể được giải quyết bởi bên nắm quyền cao hơn. Và điều đó hiển nhiên cho thấy quyền lực của giới chủ tập trung ở một cá nhân riêng lẻ chỉ có thể bị đánh bởi sự liên kết của những người làm công cùng nhau chống lại nó, nếu họ không vội từ chối khả năng chiến thắng.

Do vậy, tổ chức nghiệp đoàn có thể củng cố những ý tưởng xã hội ẩn chứa trong các tác động thực tế của nó tới cuộc sống thường ngày, và bằng cách đó tiến tới loại bỏ các nhân tố gây khó chịu luôn làm nảy sinh sự bất mãn và không hài lòng.

Nếu sự việc không như vậy, sẽ là sai lầm vô cùng lớn với những người có

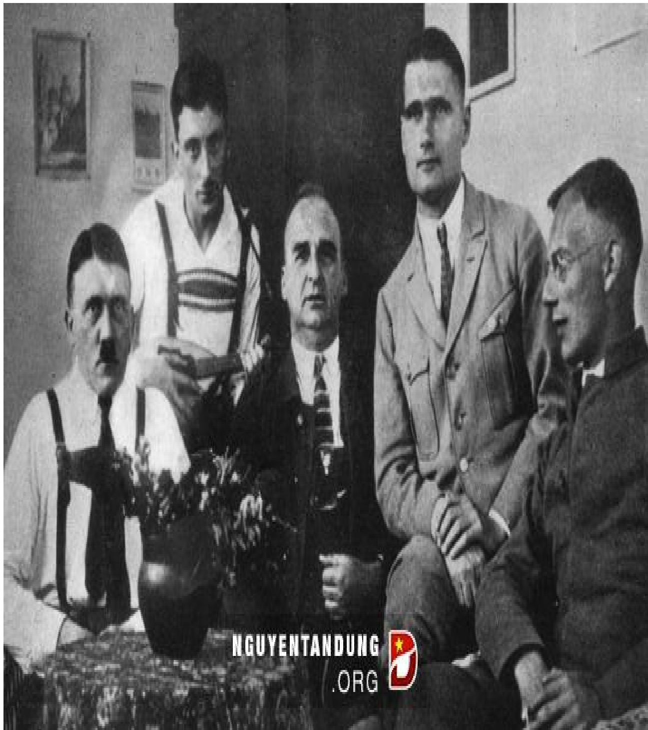
thể bày ra các chướng ngại vật ngăn cản đường đi của mọi quy định luật pháp do các thế lực xấu trong xã hội đặt ra hoặc có thể dùng ảnh hưởng chính trị gây khó khăn cho các thế lực ấy.

Ở mức độ tương tự, bởi các nhà tư sản không hiểu, hoặc cố tình không muốn hiểu, vai trò quan trọng của các tổ chức nghiệp đoạn,và chống lại nó, phe Dân chủ Xã hội đã chiếm lấy các phong trào đấu tranh. Vì thế, với tính chất nhìn xa trông rộng, chúng đã tạo ra một nền tảng vững chắc nâng đỡ cho mình trong những thời điểm gay go, khi mà mọi lực lượng ủng hộ khác đã thất bại. Theo cách đó, những mục tiêu bên trong

ngày càng bị áp đảo, nhường chỗ cho những mục tiêu mới.

Phe Dân chủ Xã hội không bao giờ giới hạn cái phong trào mà chúng đã chiếm giữ ấy trong khuôn khổ những nhiệm vụ ban đầu của nó.

Chắc chắn là không, điều đó không hề nằm trong ý định của chúng.




Tấm ảnh cho là Hitler được mời dự đi thăm Rudolf Hess (thứ hai từ bên phải) khi ông đang ở trong nhà tù Landsberg.

Sau một vài thập kỷ, thứ vũ khí để bảo vệ các quyền lợi xã hội của con người, dưới bàn tay đầy kinh nghiệm của chúng, đã trở thành công cụ để tiêu diệt nền kinh tế đất nước. Và chúng không hề để cho lợi ích của người lao động cản bước mình, hoàn toàn không. Bởi lẽ trong chính trị, cũng như các lĩnh vực khác, việc gây áp lực kinh tế luôn luôn cho phép hành động đe dọa tống tiền, miễn là ở mặt này vẫn còn sự thiếu nguyên tắc đạo đức ở mức độ cần thiết và ở mặt kia là sự chịu đựng ngoan ngoãn không kháng cự ở mức vừa đủ.

Trong trường hợp này, có những điều đúng ở cả hai mặt.

Ở bước ngoặt của thế kỷ, hoạt động của nghiệp đoàn không còn giữ những chức năng ban đầu của mình nữa. Sau nhiều năm, nó ngày càng tiến vào lãnh địa chính trị của Đảng Dân chủ Xã hội và cuối cùng không còn tác dụng gì ngoài vai trò của một thứ vũ khí công phá trong cuộc đấu tranh giai cấp. Mục đích của nó là làm sụp đổ toàn bộ nền kinh tế rất khó khăn mới xây dựng được bằng những cú đánh liên tục, và như thế, sau khi những nền tảng kinh tế được loại bỏ, sẽ càng dễ dàng hơn để chuẩn bị dành cho đất nước một số phận tương tự. Sự quan tâm dành cho việc bảo vệ các quyền lợi thật sự của giai cấp lao động ngày càng

ít đi, và cuối cùng những động cơ lợi ích chính trị đã biến việc xoa dịu những nỗi thống khổ về xã hội và văn hóa của người dân trở thành một việc hoàn toàn không được mong muốn, bởi lẽ, xét ở góc độ khác, một dân chúng đã thỏa mãn những mong ước của mình, sẽ chẳng thể lợi dụng và biến họ thành đội quân xung kích dễ bảo được nữa.

Các thủ lĩnh của cuộc chiến giai cấp nhìn vào sự phát triển ấy với một linh tính xấu và nỗi lo sợ rằng cuối cùng, chúng sẽ loại bỏ mọi sự cải thiện lợi ích xã hội thực sự ra khỏi tay mình, và thậm chí còn tấn công những điều đó với ý chí quyết tâm lớn nhất.

Và không khi nào chúng cảm thấy

bối rối khi phải giải thích cho hàng loạt những hành động dường như không thể lý giải được.
Với việc siết chặt các yêu cầu ngày càng mạnh mẽ hơn, chúng đã khiến những hành động của mình trở nên tầm thường và vô giá trị đến mức lúc nào chúng cũng có thể nói với quần chúng rằng thực ra chúng chẳng đối phó với cái gì cả mà chỉ nhăm nhe cái dã tâm làm suy yếu, thực tế là nếu có thể chúng còn muốn làm tê liệt hoàn toàn, thứ quyền lực mà chúng thấy chướng tai gai mắt của tầng lớp lao động theo một cách thức rẻ tiền nhất, bằng sự thỏa mãn đến là lố bịch đối với những quyền lợi căn bản nhất. Cứ nhìn vào khả

năng suy nghĩ yếu ớt của quần chúng, chúng ta cũng chẳng lấy làm ngạc nhiên khi những biện pháp này lại thành công.

Phe giai cấp tư sản hết sức phẫn nộ trước sự giả dối rõ rành rành trong các chiến thuật của phe Dân chủ Tư sản, nhưng lại không hề rút ra được bài học nào, dù là nhỏ nhất, cho chính hành động của mình. Sự lo sợ của phe Dân chủ Xã hội rằng tầng lớp lao động sẽ thực sự nổi dậy, thoát khỏi vực thẳm của những nỗi thống khổ về văn hóa và xã hội, đã thúc đẩy những nổ lực lớn nhất theo cái chiều hướng ấy, để rồi sẽ dần giành lấy vũ khí từ tay những người ủng hộ cuộc đấu tranh giai cấp.

Tuy nhiên, chúng đã không thực hiện được điều đó.
Thay vì tấn công và chiếm lấy vị trí của kẻ thù, giai cấp tư sản lại tỏ ra thích thú với việc bị dồn tới chân tường và cuối cùng lại trông cậy vào những thứ thay thế tạm thời không hề thỏa đáng, thậm chí còn vô ích bởi chúng đến quá muộn, và không những thế, còn dễ bị khước từ bởi sự tầm thường quá đỗi. Vì vậy, thực tế là mọi việc vẫn y nguyên như trước đây, chỉ riêng sự bất mãn là lớn hơn.



Hitler sử dụng thời gian mình đang còn ở trong tù Landsberg để viết lên cuốn sách "Mein Kampf".

Như thể một đám mây bão nguy hiểm, các “tổ chức nghiệp đoàn tự do” bay lơ lửng trên vùng trời chính trị và sự sinh tồn của các cá nhân.

Đó là một trong những công cụ khủng bố đáng sợ nhất đe dọa an ninh và độc lập của nền kinh tế đất nước, đe dọa sự vững mạnh của một quốc gia, và quyền tự do con người.

Và hầu hết những thứ này đã khiến cho khái niệm dân chủ trở thành một cụm từ bẩn thỉu và lố bịch, và còn nói tới hình anh em bằng những từ chứa đựng đầy khinh miệt: “Và nếu các bạn, những người đồng chí của

chúng tôi, không làm như thế, chúng tôi sẽ đấm vỡ đầu các bạn ngay – dễ như đếm một, hai, ba vậy!”.

Đó cũng là cách tôi quen với người bạn nhân đạo này. Sau nhiều năm, cách nhìn của tôi đã mở rộng và sâu sắc hơn, nhưng tôi chẳng hề cần thay đổi nó.

# Chương 2:6: BỘ MẶT QUỶ QUYỆT CỦA CHỦ NGHĨA MARX

Càng hiểu rõ về cái tính cách bề ngoài của bọn người Dân chủ Xã hội, tôi càng thêm mong muốn hiểu hơn cái cốt lõi bên trong học thuyết của chúng.

Dựa vào những tài liệu văn bản chính thức của Đảng Dân chủ Xã hội xem ra không giúp ích gì nhiều cho mục đích của tôi. Trong khi đề cập tới các vấn đề kinh tế, nó lại đưa ra những khẳng định và các bằng

chứng giả mạo; trong khi bàn về các mục tiêu chính trị, nó lại dối trá. Không những thế, thâm tâm tôi thấy khó chịu với kiểu ngữ cú tân thời vô bổ quá chú trọng những chi tiết vụn vặt và cả lối hành văn của những thứ tài liệu ấy. Trong khi sử dụng quá nhiều từ ngữ mơ hồ, khó hiểu, chúng lắp ba lắp bắp mớ câu cú hổ lốn mà chúng tự cho là dí dỏm nhưng thực chất hoàn toàn vô nghĩa. Chỉ có những kẻ phóng túng suy đồi mới có thể cảm thấy thoải mái giữa cái mê cung lý luận và nhặt ra được cái gọi là "trải nghiệm nội tâm" từ đối hôi thối của thứ văn học theo chủ nghĩa dada này, lại được cổ xúy bởi tính khiêm tốn mà ai cũng biết đến một

tầng lớp trong số chúng ta, những kẻ luôn kiếm tìm sự thông thái uyên thâm trong những thứ mà bản thân chúng ta chẳng thể hiểu nổi. Tuy vậy, nhờ cân bằng sự giả dối về lý thuyết và những lời vô nghĩa của học thuyết này với sự tồn tại thực tế của hiện tượng, tôi dần có được bức tranh rõ rệt về ý định thật sự bên trong của các học thuyết Dân chủ Xã hội.

Adolf Hitler
ist der
Sieg





Vào những lúc ấy như vậy, tôi bị chế ngự bởi những linh tính xấu và nỗi lo sợ về cái ác. Và rồi tôi nhìn thấy trước mắt một thứ học thuyết, được hình thành bởi thuyết duy ngã độc tôn và lòng căm ghét, có thể dẫn tới sự chiến thắng theo đúng những quy luật được tính toán chính xác, nhưng trong khi làm vậy nhất thiết sẽ đặt dấu chấm hết cho loài người.

Trong lúc ấy, tôi đã học được cách nhận biết mối liên hệ giữa thứ học thuyết giết người ấy với bản chất của một dân tộc mà cho tới khi đó tôi chưa hề biết gì về nó.

Chỉ có sự hiểu biết về người Do thái

mới đem lại cho ta chiếc chìa khóa để hiểu dược những mục đích bên trong, và vì thế cũng là những mục đích thực sự, của Đảng Dân chủ Xã hội.

Những khái niệm sai lầm về mục tiêu và ý nghĩa của đảng phái này như bức màn che mắt ta bỗng rơi xuống, một khi biết về dân tộc này, từ trong màn sương mù của những câu từ bỗng hiện lên bộ mặt quỷ quyệt của chủ nghĩa Marx.

Ngày hôm nay, thật khó khăn, nếu không nói là không thể, để tôi nói rằng từ khi nào hai chữ "Do thái" đem lại cho tôi lý do để có những suy nghĩ đặc biệt như vậy. Khi còn ở nhà, tôi không nhớ là đã từng nghe

đến cái từ này lúc bố tôi còn sống. Tôi tin rằng hẳn là bố tôi xem mọi sự nhấn mạnh đặc biệt nào với cái từ này là một sự lạc hậu về văn hóa. Trong suốt cuộc đời mình, ông đã từng ít nhiều có quan điểm về chủ nghĩa thế giới, bất chấp tình cảm cá nhân rất rõ rệt dành cho tổ quốc, không những không hề thay đổi mà còn phần nào tác động đến tôi.

Cũng như vậy, lúc ở trường, tôi không thấy có dịp nào khiến tôi có thể thay đổi được cái hình ảnh tôi kế thừa từ bố.

Tại trường Realschule, tôi chắc vậy, tôi đã gặp một cậu bé Do thái mà tất cả chúng tôi đều đối xử rất thận trọng, nhưng đó chỉ bởi những kinh

nghiệm khác nhau mà chúng tôi nghi ngờ sự chín chắn của cậu ta và chúng tôi rất không tin cậu ta; nhưng cả tôi và mọi người ở trường đều chẳng suy nghĩa gì về chuyện đó.
Mãi tới khi mười bốn hay mười lăm tuổi gì đó tôi mới bắt đầu tình cờ bắt gặp cái từ "Do thái", rất nhiều lần, phần nào liên quan tới các cuộc thảo luận về chính trị. Điều đó khiến tôi hơi bực mình, và tôi không thể thoát khỏi cảm giác khó chịu cứ luôn xâm chiếm tôi bất cứ khi nào tôi có mặt ở các cuộc tranh luận về tôn giáo.
Khi đó tôi chẳng hề nghĩ ngợi gì về chuyện này.
Ở Linz có rất ít dân Do thái. Sau nhiều thế kỷ, vẻ bề ngoài của chúng

đã bị biến đổi giống như người châu Âu và đã mang một diện mạo của con người; trên thực tế, tôi thậm chí còn tưởng chúng là người Đức. Tôi chẳng suy nghĩ gì bởi lẽ tôi không nhận ra một đặc điểm khác biệt nào ngoài thứ tôn giáo kỳ quặc. Tôi tin rằng, cái việc chúng bị hành hạ vì chuyện này đôi khi khiến sự khó chịu của tôi về những lời nhận xét thiếu thiện chí dành cho chúng trở thành sự ghê tởm.

Và rồi tôi tới Vienna.



Một góc thành phố Linz bây giờ (là thành phố lớn thứ ba của Áo).

Bị phân tâm bởi những ấn tượng phong phú với lĩnh vực kiến trúc, lại thêm bị một số phận vất vả đè nặng trong lòng, thoạt đầu tôi không hề nhận biết được sự ngầm phân tầng các loại người ở nơi thành phố lớn này. Mặc dù ở thành Vienna ngày ấy có gần hai trăm nghìn dân Do thái trong số hai triệu cư dân của thành phố, tôi lại chẳng hề nhìn thấy chúng. Trong những tuần đầu tiên, tâm trí và đôi mắt của tôi không đủ khả năng tiếp nhận những giá trị và ý tưởng cứ ập tới như thác lũ. Mãi tới khi sự bình tâm dần trở lại và khi bức tranh mơ hồ trở nên rõ ràng, tôi

mới bắt đầu nhìn ngó xung quanh thế giới mới của mình một cách kỹ lưỡng hơn, và giữa bao nhiêu điều tôi bỗng bắt gặp câu hỏi về dân Do thái.

Không thể nói rằng cái cách tôi quen biết dân Do thái đem lại điều gì rất thú vị. Bởi lẽ với tôi, dân Do thái chỉ khác biệt bởi thứ tôn giáo của chúng, và vì thế, vì lòng nhân từ với con người, tôi vẫn khước từ mọi sự công kích tôn giáo trong mọi trường hợp. Chính vì thế, tôi cảm thấy cái giọng điệu, nhất là của những tờ báo bài Do thái ở Vienna khi đó, dường như không xứng đáng với bề dày văn hóa của một đất nước vĩ đại. Tôi bị ám ảnh với những ký ức về những

sự kiện nhất định xảy ra thời Trung cổ, những thứ mà tôi chẳng hề mong muốn sẽ lặp lại. Bởi lẽ những tờ báo mà tôi đang nói tới không được mọi người đánh giá cao lắm (khi ấy, tôi không biết chính xác lý do cho chuyện đó), tôi coi đó chỉ là sản phẩm của cơn giận dữ và đố kỵ hơn là kết quả của một quan điểm dựa trên các nguyên tắc, dẫu rằng có thể còn sai lầm.



Vienna trước khi bị hủy.

Tôi càng tin chắc như vậy khi chứng kiến những hình thức vô cùng tôn quý mà những tờ báo thực sự lớn đã sử dụng để đáp lại mọi sự công kích, hay những điều mà tôi cho là còn đáng ca ngợi hơn thế, đó là không hề nhắc đến những cuộc công kích đó; nói cách khác, thủ tiêu chúng một cách đơn giản bằng sự im lặng tuyệt đối.

Tôi sốt sắng tìm đọc những tờ báo của thế giới (như là Neue Freie Presse, Wiener, Tageblatt, v.v…) và ngạc nhiên trước phạm vị kiến thức mà những tờ báo này đem tới cho độc giả và tính khách quan trong các bài báo. Tôi trân trọng giọng điệu

cao quý của các tờ báo ấy, dù rằng lối hành văn trau chuốt quá mức đôi khi khiến tôi không hài lòng, hay thậm chí còn làm tôi khó chịu. Tuy nhiên có thể là nhịp sống nơi thủ đô đã làm nên điều đó.

Ngày đó, tôi đã nhìn thành Vienna dưới cái ánh sáng như vậy, vì thế, tôi cho rằng bản thân mình có lý do chính đáng để chấp nhận lời lý giải ấy như một cái có hoàn toàn đúng đắn.


CAFE
FOSSIL
NGUYENTANDUNG
.ORG

Quảng trường Stephans, ở trung tâm phố cổ của thành phố Vienna (Áo).

Nhưng điều khiến tôi đôi khi cảm thấy khó chịu là cái xu hướng thấp kém mà những tờ báo này dùng để xu nịnh, tán tụng triều đình. Hiếm có sự kiện nào về Hoàng gia được thông báo cho độc giả mà lại không chứa đựng lòng nhiệt tình say mê hay cảm xúc u sầu, và tất cả những thứ huyên náo ấy, nhất là khi nói tới "vị hoàng đế thông thái nhất" của mọi thời đại, hầu như luôn làm tôi nhớ tới tiếng gáy gọi bạn tình của một chú gà rừng.

Với tôi, tất cả mọi thứ dường như là giả tạo.

Trong mắt tôi, đó là vết nhơ của nền

dân chủ tự do.
Xu nịnh triều đình theo những cách đáng xấu hổ như vậy chính là giết chết sự cao quý của tổ quốc.
Đó là bóng đen đầu tiên làm xấu đi mối liên hệ có tính tri thức của tôi với những tờ báo “lớn” của thành Vienna.

# Chương 2:7: TẤT CẢ MỌI CHUYỆN VỚI TÔI DƯỜNG NHƯ QUÁ TÀN ÁC

Giống như mọi khi, tôi tiếp tục ở Vienna để theo dõi những sự kiện về nước Đức với Niềm say mê sôi sục, bất kể những sự kiện đó liên quan tới văn hóa hay chính trị. Trong niềm tự hào và thán phục, tôi so sánh sự đi lên của Đế chế Đức với sự suy yếu của đế quốc Áo. Nếu như những sự kiện về chính trị ở nước ngoài đem lại cho tôi niềm vui trọn vẹn thì những khía cạnh kém vui hơn của

đời sống trong nước thường khơi dậy trong tôi nỗi buồn phiền, lo lắng. Tôi không đồng tình với cuộc chiến chống lại William Đệ nhị khi đó. Với tôi, ông không chỉ là vị Hoàng đế của nước Đức, mà còn là người đầu tiên và trước hết kiến tạo nên đội quân Đức. Sự kiện Quốc hội hạn chế quyền phát biểu của ông đã khiến tôi vô cùng tức giận bởi lẽ điều đó lại bắt nguồn từ một nguyên cớ mà theo tôi không hề có một cơ sở nào, và bởi những gì lũ nghị sĩ dốt nát lắp ba lắp bắp trong một phiên họp còn vô nghĩa hơn tất thảy những điều mà mọi triều đại hay mọi vị hoàng đế từng làm trong hàng thế kỷ nay.



Tôi thấy bị xúc phạm bởi một đất nước, nơi mà những tên ngốc không những có quyền chỉ trích mà còn có ghế trong Quốc hội và được tự do điều hành đất nước với tư cách “kẻ lập pháp”, trong khi đó những con người mang vương miện hoàng gia lại phải tiếp thu “lời khiển trách” từ những kẻ lắm điều nhất của mọi thời đại.
Nhưng tôi còn phẫn nộ hơn khi cũng những tờ báo của thành Vienna ấy, vốn vẫn cúi đầu khúm núm trước những chú ngựa gầy yếu trong Triều đình, và cười phá lên vui sướng nếu tình cờ thấy chúng ve vẩy đuôi, giờ đây lại tỏ ra chỉ trích Hoàng Đế Đức,

với một vẻ tưởng như quan tâm, ấy thế nhưng với tôi, đó lại là sự ác tâm không khéo che dấu. Dĩ nhiên, những tờ báo này chẳng hề có ý định cản trở những điều kiện bên trong Đế chế Đức – ôi, không, Chúa không cho phép điều đó – nhưng bằng cách đặt những ngón tay của mình lên những vết thương ấy theo một cách thân thiện nhất, chúng lại thực hiện cái nhiệm vụ được tinh thần liên minh giao phó, và ngược lại thỏa mãn các yêu cầu về sự thật báo chí, v.v... Và bây giờ đây chúng lại thọc ngón tay vào những vết thương một cách tùy thích.
Những lúc như thế, trong tôi máu bốc lên tận đầu.

Chính điều này đã khiến tôi dần dần đọc các tờ báo lớn với sự cẩn trọng hơn trước đây.
Và trong một lần như thế tôi buộc phải thừa nhận rằng, một trong những tờ báo chống Do thái, tờ Deutsches Volksblatt, có cung cách cư xử tử tế hơn các tờ báo khác.
Một điều nữa khiến tôi phát cáu là sự tôn thờ đáng khinh mà những tờ báo lớn dành cho nước Pháp. Một người Đức không thể không cảm thấy nhục nhã hơn vì mình là người Đức khi nhìn lời ca tụng ngọt xớt về cái gọi là "đất nước văn hóa lớn". Hành động liếm gót giày quân Pháp này đã hơn một lần khiến tôi quẳng ngay một trong những "tờ báo của

thế giới" ấy đi. Và những lần như vậy, đôi khi tôi nhặt lấy tờ Volksblat, một tờ báo nhỏ hơn nhưng trong những vấn đề thế này có phần dễ làm người đọc ngon miệng hơn. Tôi không đồng tình với giọng điệu bài Do thái gay gắt, nhưng đôi khi tôi cũng đọc những lập luận đem lại cho tôi những điều đáng phải suy nghĩ.

Trong mọi trường hợp, những lần như vậy dần làm tôi quen với một con người và một phong trào mà trong những ngày ấy đóng vai trò dẫn dắt các số phận của thành Vienna, đó là Tiến sĩ Karl Lueger và Đảng Xã hội Thiên chúa giáo. Khi mới tới Vienna, tôi thù ghét cả hai thứ đó. Con người đó và phong trào

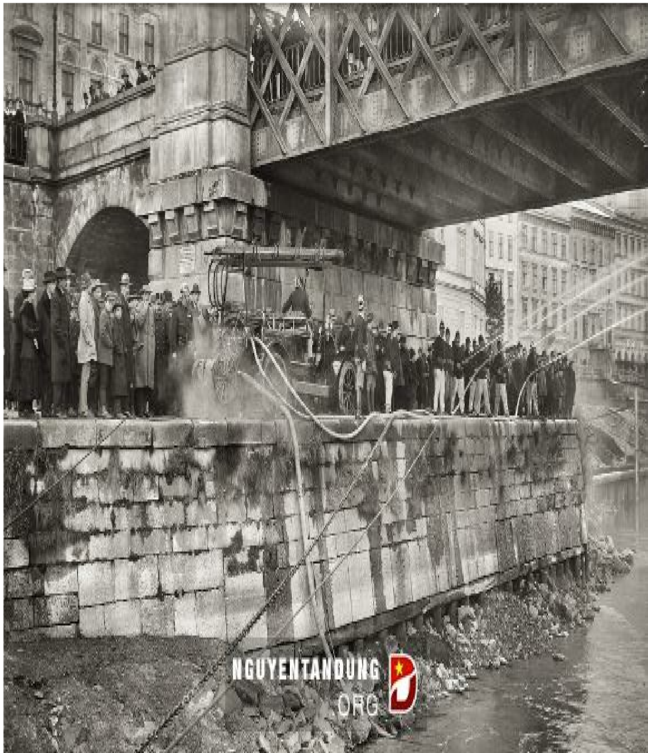
đó trong mắt tôi đều là “phản động”. Tuy nhiên, ý thức về sự công bằng đã buộc tôi dần thay đổi nhận định ấy khi được biết con người ấy và công trình của ông ta; và dần dần những nhận định của tôi đã biến thành sựu thán phục không dấu diếm. Ngày hôm nay, hơn bao giờ hết, tôi coi con người ấy là thị trưởng vĩ đại nhất từ trước tới nay của nước Đức.

Sự thay đổi thái độ với phong trào Xã hội Thiên chúa giáo đã đánh đổ bao nhiêu là nguyên tắc cơ bản của tôi!

Và như thế, những quan điểm về bài Do thái của tôi đã không chống cự được trước sự trôi đi của thời gian,

và đó là biến đổi lớn nhất của tôi.
Điều đó đã buộc tôi phải trải qua những cuộc đấu tranh nội tâm quyết liệt nhất, và phải vài tháng sau cuộc chiến với tình cảm, lý trí của tôi mới bắt đầu giành được thắng lợi. Hai năm sau, tình cảm của tôi đã hoàn toàn khuất phục lý trí, và kể từ đó nó trở thành người bảo vệ và canh gác trung thành nhất của lý trí.
Vào lúc xảy ra cuộc chiến đấu gay go giữa sự giáo dục về tâm hồn và lý trí lạnh lẽo, những chỉ dẫn bằng hình ảnh của các đường phố Vienna là sự giúp đỡ vô giá đối với tôi.
Đã đến lúc tôi không còn như trước đây, lang thang mò mẫm trong thành phố lớn mà giờ đây với đôi mắt mở

to, tôi không chi thấy những tòa nhà mà còn thấy cả những con người của thành phố.
Một lần, khi tôi đi dạo qua khu trung tâm, tôi bỗng bắt gặp một người trong bộ captan mà đen với những mớ tóc quăn dài màu đen. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là “Chẳng lẽ đây là một tên Do thái?”
Bởi vì rõ ràng là người này trông không giống dân Do thái tôi từng gặp ở Linz, tôi bèn quan sát một cách ngấm ngầm và cẩn thận, nhưng càng nhìn chằm chằm vào bộ mặt ngoại bang ấy, xem xét kỹ lưỡng từng đặc điểm một, cái câu hỏi ban đầu lại càng biến dạng thành: Chẳng lẽ đây là một người Đức?



Đội cứu hỏa ở Linz vào năm 1920

Giống như mọi lần, giờ đây tôi bắt

đầu cố gắng làm giảm mối nghi ngờ qua những cuốn sách mà tôi tìm mua. Tôi mua cuốn sách đầu tiên về chủ để bài Do thái. Thật không may, cuốn sách được viết dựa trên giả định rằng nói chung, người đọc đã biết hoặc thậm chí hiểu về vấn đề dân Do thái ở một mức độ nào đó. Bên cạnh đó, cái giọng điệu trong cuốn sách phần lớn lại khơi dậy nỗi ngờ vực trong tôi, phần là vì những lập luận ngu dốt và thiếu khoa học một cách đáng ngạc nhiên được đưa ra để bảo vệ quan điểm bài Do thái.

Tôi lại rơi vào trạng thái cũ trong nhiều tuần kế tiếp, thậm chí hàng tháng trời.

Tất cả mọi chuyện với tôi dường như

quá tàn ác và lời buộc tội quá sức tưởng tượng tới mức, bị dày vò bởi nỗi sợ hãi đã làm một điều không công bằng, tôi lại trở nên lo âu và không chắc chắn.

Tuy thế tôi không còn nghi ngờ nhiều rằng các mục tiêu nghiên cứu của tôi lại không phải là những người Đức của một thức tôn giáo đặc biệt nào đó, mà là một dân tộc trong bản chất của chính nó; bởi lẽ từ khi tôi bắt đầu quan tâm tới vấn đề này và bắt đầu có nhận thức về dân Do thái, thành Vienna bỗng hiện ra trước tôi dưới một thứ ánh sáng hoàn toàn khác so với trước. Bất cứ nơi nào tôi đến, tôi bắt đầu nhìn thấy dân Do thái, và càng nhìn thấy chúng nhiều

hơn, trong mắt tôi chúng lại càng trở nên đặc biệt rõ rệt với phần còn lại của nhân loại. Nhất là ở khu trung tâm hay các khu phí bắc Kênh Danube, nhung nhúc lũ người mà vẻ bề ngoài không còn bất kỳ điểm tương đồng nào với người Đức.

Mọi nỗi ngờ vực trong tôi cuối cùng đã bị xua tan bởi chính thái độ của một bộ phận dân Do thái.



Dân Do thái lang thang trên đường phố tại Vienna vào năm 1915.

Trong đám Do thái xuất hiện một phong trào lớn, với sự tham gia của khá nhiều người Do thái ở Vienna, nhằm khẳng định bản sắc dân tộc của mình: đó là phong trào phục quốc Do thái.

Cứ như thể là, điều này có vẻ chắc chắn, chỉ có một bộ phận dân Do thái đồng tình quan điểm trên, trong khi đại đa số phê phán và thâm tâm từ chối cái ý tưởng đó. Nhưng khi được xem xét kỹ lưỡng, cái vẻ bề ngoài thực ra chỉ là cái cớ che đậy những động cơ cá nhân, nếu không nói là che đậy những lời dối trá. Bởi lẽ những kẻ được gọi là Do thái tự

do không hề coi những kẻ theo chủ nghĩa phục quốc Do thái là phi Do thái mà chỉ là những người Do thái công khai thừa nhận bản sắc của mình một cách không thực tế, thậm chí là nguy hiểm.

Thực chất chúng vẫn cùng một loại với nhau chẳng có gì thay đổi cả.

# Chương 2:8: SỰ GHÊ TỞM CỦA DÂN DO THÁI

Chẳng bao lâu cuộc chiến đấu vờ vĩnh giữa những kẻ thuộc phái Do thái tự do và phục quốc Do thái đã làm tôi ghê tởm; bởi lẽ nó hoàn toàn giả dối, dựa trên những lời dối trá và hiếm khi thấy được sự cao quý hay trong sạch về mặt đạo đức như bọn người này vẫn tuyên bố.









Phải nói rằng, sự sạch sẽ của cái chủng tộc này, xét cả về đạo đức và cả các mặt khác, cũng là một vấn đề trong chính bản thân nó. Cứ suy từ vẻ bề ngoài của những kẻ này, ta hẳn cho rằng chúng không ưa dùng nước,và thật đáng buồn, ta lại thường nhắm mắt mà vẫn biết được điều đó. Về sau này, tôi phát buồn nôn bởi cái mùi bốc ra từ những kẻ mặc áo captan ấy. Lại thêm cả những bộ quần áo bẩn thỉu và cái vẻ ngoài ươn hèn của chúng nữa.

Tất cả những thứ đó không thể gọi là hấp dẫn được; nhưng nó lại trở nên hoàn toàn ghê tởm khi mà, ngoài bộ

dạng bẩn thỉu, ta còn phát hiện ra những vết nhơ nhuốc về đạo đức ở thứ “chủng tộc được lựa chọn” này.
Chẳng mấy chốc tôi trở nên suy tư hơn bao giờ hết nhờ ngày càng hiểu thấu hơn những hình thức hoạt động mà bọn Do thái tiến hành trong những lĩnh vực nhất định.
Có hình thức tục tĩu hay phóng đãng nào, nhất là trong đời sống văn hóa, mà không có ít nhất một tên Do thái tham gia vào!
Kể cả khi ta mổ xẻ vào bên trong một khối áp xe như vậy, ta vẫn tìm thấy, giống như lũ giòi sống trong một cơ thể đang mục rữa, và thường lóa mắt bởi thứ ánh sáng đột ngột – một tên Do thái!

Trong mắt tôi những gì buộc phải toan tính kỹ chống lại dân Do thái đó là khi tôi trở nên quen với các hành động của chúng qua báo chí, nghệ thuật, văn học và nhà hát. Tất cả những lời cam đoan ngọt xớt giả dối hầu như không hoặc hoàn toàn không giúp ích được gì. Chỉ cần nhìn vào một bảng cáo thị, học những cái tên ẩn sau những ngôn từ kinh tởm mà chúng dùng để quảng cáo là đủ để ta sôi máu. Đó là một thứ bệnh dịch hạch, dịch hạch trong tâm hồn, tồi tệ hơn cả nạn dịch hạch thời xưa và nó đang đầu độc mọi người! Chắc chắn rằng trình độ trí tuệ của những kẻ làm nghệ thuật này càng thấp kém thì sự sinh sản của chúng càng

trở nên không có giới hạn, và tên vô lại sẽ kết thúc giống như chiếc máy tách rác, vũng vãi sự bẩn thỉu của mình vào mặt cả nhân loại. Hãy nhớ rằng số lượng bọn chúng không giới hạn. Thật kinh khủng, nhưng không thể bỏ qua, khi chính bọn Do thái, với số lượng khổng lô, lại dường như được Tạo hóa chọn để đón nhận cái nghiệp nhục nhã này.
Liệu đó có phải là lý do mà dân Do thái được gọi là "những kẻ được chọn"?
Giờ đây tôi bắt đầu tìm hiểu kỹ lưỡng những cái tên của tất cả những kẻ tạo ra những thứ bẩn thỉu trong đời sống nghệ thuật đại chúng. Kết quả càng khiến tôi thêm căm

ghét quân Do thái. Bất kể tình cảm kháng cự thế nào, lý trí của tôi vẫn buộc phải rút ra kết luận của mình.

Thực tế là chín phần mười tất cả những thứ tục tĩu văn chương, rác rưởi nghệ thuật và những lời lẽ ngu ngốc trên sân khấu kịch đều thuộc về một chủng tộc chiếm chưa đầy một phần trăm số dân cư cả nước, cái thực tế này không đơn giản cứ đổ đi là xong; đó là một sự thật phơi bày ngay trước mắt.

Và bây giờ tôi lại bắt đầu tìm hiểu những “tờ báo của thế giới” mà tôi yêu thích từ trên quan điểm đó.

Càng dò tìm sâu hơn, cái đối tượng khiến tôi thán phục trước đây càng rúm ró teo tóp hơn. Văn phong của

những tờ báo ấy ngày càng trở nên không thể chịu nổi; tôi không thể không coi những thứ đó là nông cạn và sáo rỗng; tính khách quan của những bài báo giờ đây với tôi dường như ngày càng gần với những lời dối trá hơn là sự thật chân chính; và kẻ viết ra những thứ đó chính là dân Do thái.

Bao nhiêu điều trước đây tôi không nhìn thấy thì bây giờ đập thẳng vào nhận thức của tôi, và với những thứ trước đây từng đem lại cho tôi những điều đáng suy nghĩ thì giờ đây tôi học được cách nắm bắt và hiểu thấu chúng.

Giờ đây tôi nhìn cái tinh thần tự do của những tờ báo ấy dưới con mắt

khác; cái giọng điệu ngạo mạn dùng để đáp trả các cuộc công kích và tiêu diệt chúng bằng cách im lặng giờ đây đã lộ ra là một trò bịp bợm vừa khôn khéo vừa xảo trá; những lời bình luận tán dương dành cho các vở kịch luôn hướng tới các tác giả Do thái, và thái độ không tán đồng chẳng nhắm vào ai khác mà chính là những tác giả người Đức. Cú châm trích nhẹ nhàng nhưng bền bỉ dành cho William Đệ nhị đã phởi bày phương pháp, và cũng lộ rõ thái độ tán dương mà chúng dành cho nền văn hóa và văn minh Pháp quốc. Những mẩu chuyện ngắn với nội dung rác rưởi giờ đây với tôi là một sự khiếm nhã hoàn toàn, và trong

ngôn ngữ của nó tôi nhận ra cái giọng điệu của một dân tộc ngoại bang, tất cả mọi thứ đếu thể hiện sự thù địch với những giá trị Đức rõ rệt tới mức chỉ có thể nói đó là sự chủ ý.

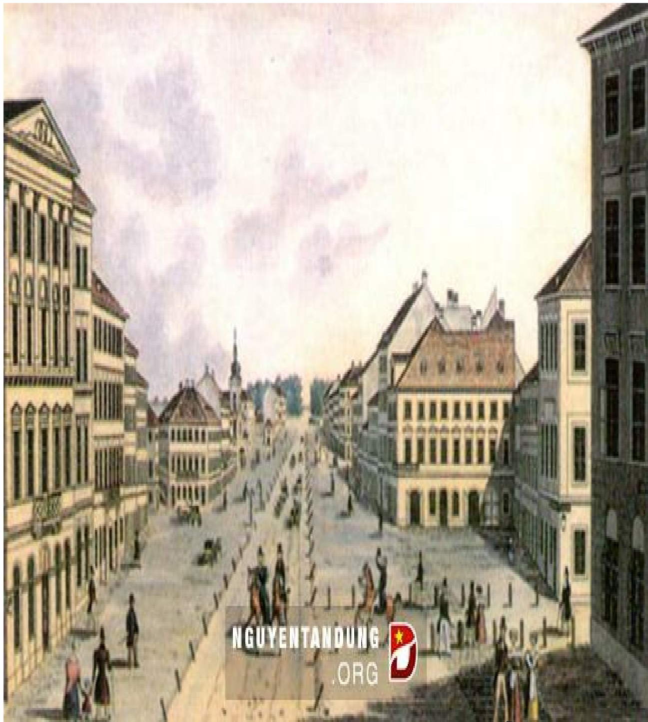
Những ai là kẻ hứng thú với những chuyện này?

Liệu tất cả có phải chỉ là một tai nạn không cố ý?

Càng ngày tôi càng trở nên không chắc chắn.

Quá trình phát triển được thúc đẩy bởi cái nhìn thấu bản chất của một số vấn đề khác. Tôi đang nói tới quan điểm chung về đạo đức và đạo lý, những thứ mà phần đông bọn Do thái hay phô bày công khai và việc

áp dụng thực tế những thứ ấy có thể nhìn thấy được.
Ở đây, một lần nữa đường phố lại dạy cho tôi một bài học về một thứ đôi khi là sự xấu xa hoàn toàn.




Leopoldstadt hơn 150 năm là điểm đáp dành cho du khách quốc tế.

Mối liên hệ của bọn người Do thái tới

nạn mại dâm, và thậm chí hơn thế nữa, tới nạn buôn nô lệ da trắng, có thể được nhìn thấy rõ ràng nhất ở thành Vienna, rõ hơn bất kỳ thành phố nào khác ở Tây Âu, chỉ trừ khi cảng ở phía nam nước Pháp. Nếu bạn có dịp dạo bộ trong đêm các con phố và ngõ hẻm của vùng Leopoldstadt, mỗi bước đi bạn sẽ chứng kiến những sự vụ vẫn được phần đông người dân Đức dấu giếm mãi tới khi Chiến tranh khiến những người lính ở mặt trận phía đông có cơ hội nhìn thấy những thứ tương tự, hay nói đúng hơn, buộc họ phải nhìn thấy.

Vì thế, lần đầu tiên khi tôi nhận ra bọn Do thái là những kẻ máu lạnh,

vô liêm sỉ và tính toàn cầm đầu những vụ mua bán đồi bại đáng kinh tởm trong lớp cặn bã xã hội, tôi thấy một cơn rùng mình ớn lạnh chạy dọc sống lưng.
Nhưng rồi một ngọn lửa bùng lên trong tôi. Tôi không còn né tránh các cuộc thảo luận về vấn đề Do thái; trái lại, giờ đây tôi còn tìm kiếm chúng. Và khi tôi học cách tìm ra bọn Do thái trên mọi ngả đường của đời sống văn hóa và nghệ thuật, và cả trong những hình dạng khác nhau của chúng, tôi bỗng chạm trán chúng ở một nơi tôi chưa từng nghĩ chúng sẽ xuất hiện.
Khi tôi nhận ra dân Do thái là thủ lĩnh của phe Dân chủ Xã hội, tôi bỗng

sáng mắt ra. Cuộc đấu tranh dai dẳng trong tâm hồn đã tới hồi kết thúc.
Ngay cả trong các mối quan hệ hàng ngày với đồng nghiệp, tôi cũng quan sát khả năng thích nghi đáng ngạc nhiên khiến họ có những quan điểm khác nhau về cùng một vấn đề, đôi khi trong vòng vài ngày, có khi chỉ vài giờ. Tôi thấy thật khó có thể hiểu được làm thế nào mà những con người khi nói chuyện riêng với nhau cũng bộc lộ vài ý kiến hợp lý, thế mà bỗng nhiên lại tiêu tan mọi ý tưởng dưới ảnh hưởng của số đông. Thường thì thế là đủ để thất vọng. Và khi, sau hàng giờ tranh cãi, tôi tin tưởng rằng cuối cùng mình đã phá

bỏ được tảng băng ngăn cách, dẹp hết những suy nghĩ vớ vẩn và bắt đầu tận hưởng chiến thắng thì ngay ngày tiếp theo, trước sự phẫn nộ, tôi buộc phải bắt đầu lại tất cả mọi chuyện; mọi thứ đã làm chẳng đem lại kết quả gì. Giống như một con lắc vĩnh cửu, ý kiên của họ cứ lắc qua lắc lại về điểm ngu dốt ban đầu.

Tôi có thể hiểu được tất cả những điều này: họ bất mãn với số phận của mình và nguyền rủa số phận đã khắc nghiệt với họ; họ căm ghét giới chủ và cho đó là những kẻ chấp pháp vô lương tâm của số phận; họ nguyền rủa các nhà cầm quyền mà trong mắt họ là lũ người vô cảm trước số phận của họ. Nhưng điều

tôi không sao hiểu nổi được là lòng thù hận vô biên của những con người này với dân tộc của chính mình, khinh miệt sựu vĩ đại của đất nước, bôi nhọ lịch sử, và dìm các vĩ nhân xuống bùn đen.
Cuộc đấu tranh chống lại chính giống loài của mình, thị tộc của mình, quê hương của mình thật điên rồ và không sao hiểu nổi. Điều đó trái với tự nhiên.
Ta có thể tạm thời chữa trị cho họ khỏi căn bệnh xấu xa đó, nhưng chỉ được vài ngày hay vài tuần mà thôi. Nếu sau đó bạn gặp lại kẻ mà bạn tưởng đã biến đổi được ấy, bạn sẽ thấy hắn vẫn y như trước.
Trạng thái quái đản trái với tự nhiên

ấy đã chiếm lĩnh toàn bộ con người hắn.

# Chương 2:9: KHÔNG THỂ BẮT TÔI TỪ BỎ QUAN ĐIỂM “CĂM GHÉT” DÂN DO THÁI

Dần dần tôi nhận ra rằng báo chí của phe Dân chủ Xã hội chủ yếu là do bọn người Do thái nắm giữ, nhưng tôi không gán cho điều đó một ý nghĩa đặc biệt nào, bởi lẽ các tờ báo khác cũng ở trong hoàn cảnh y hệt. Tuy nhiên có một thực tế có vẻ đáng chú ý: không có một tờ báo nào của người Do thái có thể được xem là mang tính dân tộc chân

chính, xét theo lối suy nghĩ của tôi và những gì tôi được học.
Tôi nuốt tức giận vào lòng và cố gắng đọc những tờ báo theo kiểu Mác-xít này, nhưng nỗi khiếp sợ điều đó đã trở nên lớn tới mức tôi cố gắn trở nên gần gũi hơn với những kẻ tạo ra bộ sản phẩm này.
Từ chủ báo trở đi, tất cả đều là dân Do thái.



Hitler không ưa thích mấy dân Do Thái: "không có một tờ báo nào của người Do thái có thể được xem là mang tính dân tộc chân chính, xét theo lối suy nghĩ của tôi và những gì tôi được học."

Tôi lấy tất cả những sách báo của phe Dân chủ Xã hội mà tôi có được và tìm kiếm tên của các tác giả bài viết: toàn những cái tên Do thái. Tôi ghi chú những cái tên của những kẻ cầm đầu cũng như những thành viên của " bọn người được chọn", xem liệu chúng có phải là đại biểu Quốc hội hay thư ký công đoàn, lãnh đạo các tổ chức hay kẻ gây bạo động đường phố. Tôi luôn thấy những hình ảnh khủng khiếp giống nhau. Những cái tên như Austerlitzes, Davids, Adlers, Ellenbogens,v.v…, sẽ mãi

mãi ghi khắc trong trí nhớ của tôi. Có một điều trở nên đáng quý với tôi: tôi nhận ra cái tổ chức đảng mà tôi đã có cuộc đấu tranh khốc liệt nhất hàng tháng trời với những thành viên đê tiện của nó, hầu như hoàn toàn thuộc về một dân tộc ngoại bang, và với sự hài lòng sâu sắc và vui sướng, cuối cùng tôi đã đi đến kết luận rằng dân Do thái không phải là người Đức.

Chỉ tới bây giờ tôi mới biết rõ kẻ dẫn dụ dân tộc ta.

Chỉ một năm ở Vienna đã đủ làm tôi thấm nhuần niềm tin rằng không có người lao động nào lại ương ngạnh tới mức không khuất phục trước trí tuệ thông hiểu hơn và những lời giải

thích hợp lý hơn. Dần dần tôi đã trở thành một chuyên gia về học thuyết của họ và dùng nó như một thứ vũ khí đấu tranh để bảo vệ niềm tin sâu sắc của mình.

Thành công hầu như luôn đứng về phía tôi.

Nhân dân có thể được cứu thoát, nếu như có sự hy sinh lớn lao nhất và lòng kiên trì bền bỉ.

Nhưng không thể bắt một tên Do thái từ bỏ quan điểm của mình.

Khi đó tôi vẫn ngây ngô lắm nên cứ cố làm cho chúng hiểu sự điên rồ trong những học thuyết của chúng; trong phạm vi nhỏ bé của mình, tôi nói đến khản cả cổ, tê cả lưỡi, tưởng rằng chắc chắn sẽ thuyết

phục chúng hiểu được những ý tưởng điên rồ Mác-xít tai hại đến thế nào; nhưng những gì tôi đạt được lại thường khác hẳn. Mọi chuyện cứ như thể càng hiểu rõ những tác động có tính hủy diệt của những lý thuyết Dân chủ Xã hội và các kết quả của nó, chúng lại càng thêm quyết tâm theo đuổi ý tưởng của mình.

Càng tranh cãi với chúng, tôi càng hiểu thêm về phép biện chứng của chúng. Ban đầu chúng kể lể từng sự ngu xuẩn một mà phe đối lập mắc phải, và rồi, khi đã hết cách, chính bản thân chúng lại giả đò ngu xuẩn. Nếu tất cả đều không ích gì, chúng lại ra vẻ không hiểu, hoặc nếu bị thích thức, chúng lập tức vội vã thay

đổi chủ đề, trích dẫn những lời vô vị, tẻ nhạt mà nếu người ta chấp nhận, ngay lập tức chúng dẫn dắt tới những vấn đề hoàn toàn khác, và rồi, nếu lại bị tấn công, chúng sẽ lại thoái lui và vờ như không hiểu người ta đang nói về cái gì. Bất kể khi nào ai đó tìm cách tấn công chúng, họ sẽ thấy tay mình chạm vào một thứ nhớt nhớt quánh như thạch sẽ tách ra và chạy qua các kẻ tay mình, nhưng ngay sau đó lại tụ lại với nhau. Nhưng nếu người đó giáng cho chúng một đòn đích đáng tới mức, theo như các độc giả quan sát thấy, chúng không thể làm gì hơn là đồng ý với họ, và nếu họ tin rằng như vậy là mình đã tiến được một bước thì

họ sẽ rất đỗi ngạc nhiên với những gì diễn ra ngày hôm sau. Tên Do thái chẳng hề nhớ chút gì về ngày trước đó, lại tiếp tục ra rả những lời vô nghĩa như thể chưa hề xảy ra việc gì, và hắn chẳng thể nhớ một điều gì, ngoại trừ việc hắn đã chứng minh tính đúng đắn của những lời hắn khẳng định ngày hôm trước.
Đôi khi tôi đứng đó sững sờ như bị sét đánh.
Tôi không biết điều gì đáng kinh ngạc hơn: giọng lưỡi lượn lẹo hay sự dối trá điêu luyện của chúng.
Dần dần tôi bắt đầu căm ghét chúng.
Tuy thế, tất cả những chuyện này cũng có một mặt tốt: càng nhìn thấy nhiều kẻ cầm đầu thực sự hay ít

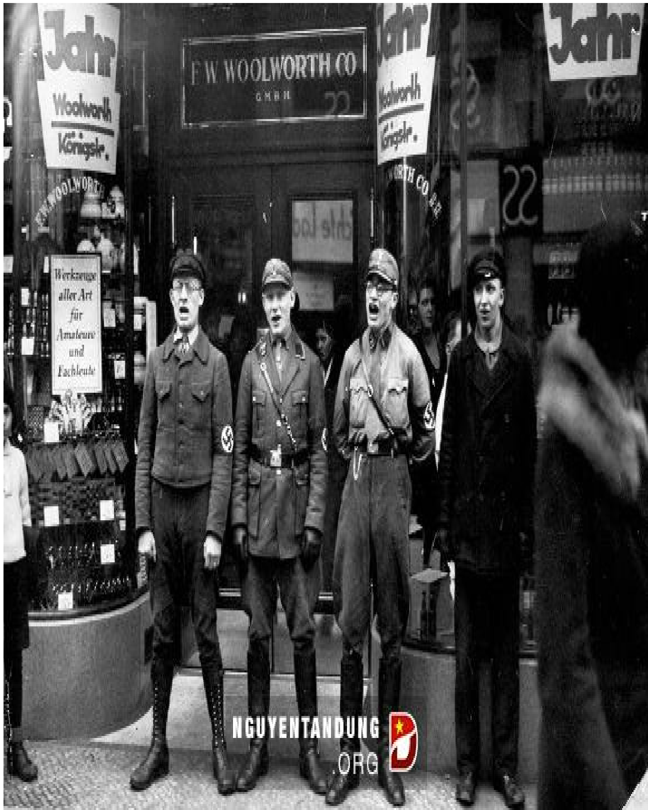
nhất là những kẻ truyền bá của phe Dân chủ Xã hội, tôi lại càng thêm yêu quý dân tộc mình. Bởi lẽ nếu xét tới những mánh khóe độc ác của những kẻ dẫn dụ này, ai có thể chỉ trích những nạn nhân bất hạnh cơ chứ? Thật là khó biết bao, kể cả với tôi, khi đánh bại cái giống dối trá biện chứng này! Và thật vô ích khi thắng những kẻ dám bóp méo sự thật những gì ta nói ra, những kẻ đó chẳng hề đỏ mặt xấu hổ khi phủ nhận những gì mình vừa nói để rồi ngay sau đó lại thừa nhận những điều đó.

Càng hiểu hơn về bọn Do thái tôi lại càng thêm bao dung với những người lao động. Trong mắt tôi, lỗi lầm lớn nhất không phải là ở họ mà

là ở những người cho rằng chẳng nên bận tâm thương xót họ, với lòng chính trực quả cảm trao cho người con của dân tộc những gì họ đáng được hưởng, và dồn những kẻ dẫn dụ và mua chuộc kia vào chân tường.

Thôi thúc bới những điều trải qua hàng ngày, giờ đây tôi bắt đầu lần tìm dấu vết nguồn gốc của học thuyết Mác-xít. Tôi thấy rõ ảnh hưởng của nó qua các trường hợp riêng lẻ; mỗi ngày thành công của nó lại hiện rõ rành rành trước đôi mắt chăm chú của tôi, và dùng thêm chút đầu óc tưởng tượng, tôi có thể phác ra những hậu quả của nó. Câu hỏi duy nhất còn lại là liệu kết quả đó đã

có sẵn trong tiên liệu của người tạo ra học thuyết đó hay chỉ là nạn nhân của một sai lầm.
Tôi cảm thấy, cả hai điều này đều có thể xảy ra.




Bốn người lính của đảng công nhân xã hội

Đức hát trước một chi nhánh Berlin tại cửa hiệu Woolworth Co trong cuộc vận động tẩy chay người Do Thái hiện đang ở Đức, vào tháng 3 năm 1933. Hitler tin rằng những người sáng lập nên cửa hiệu Woolworth Co. là người Do Thái.

Nếu là trường hợp đầu tiên, đương nhiên nghĩa vụ của một người biết suy nghĩ là phải buộc mình đứng hàng đầu trong cái phong trào chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp, nếu thế còn có thể ngăn chặn thảm họa xảy ra; chứ trong trường hợp kia, kẻ tạo ra thảm họa hẳn phải là những thế lực vô cùng ác độc – bởi lẽ chỉ trong đầu lũ quái vật – chứ không thể là đầu óc con người – thì kết hoạch vè một tổ chức mới có được hình hài và ý nghĩa thực sự, và những hành

động của lũ quái vật ấy chắc chắn sẽ dẫn tới kết quả cuối cùng là sự sụp đổ của nền văn minh nhân loại và kế tiếp là sự hủy diệt thế giới.

Trong trường hợp này, niềm hy vọng còn lại duy nhất là đấu tranh, bằng tất cả những vũ khí mà tâm hồn, lý trí và ý chí con người có thể tạo ra được, bất kể số phận sẽ ban sự may mắn cho bên nào.

Vì thế tôi bắt đầu bắt mình phải làm quen với những kẻ đã tạo ra học thuyết đó, để hiểu hơn về những cơ sở nền tảng trong sự vận động của chúng. Nếu như tôi có đạt được mục đích của mình nhanh hơn là trước đó tôi đã tin tưởng thì đó là những kiến thức mà tôi mới thu nhận được, dẫu

khi đó còn chưa thật sâu sắc, về vấn đề dân Do thái. Chỉ riêng điều đó cũng đã giúp tôi phác ra một sự so sánh thực tế giữa hiện thực và những lý luận tào lao của những kẻ đã hi sinh ra đảng Dân chủ Xã hội, bởi lẽ chính nó đã dạy tôi hiểu được ngôn ngữ của dân Do thái, những kẻ mà lời nói là để che đậy hay chí ít cũng ngụy trang những suy nghĩ của mình; mục tiêu thực sự của chúng vì thế không tìm thấy được ngay trong những dòng chữ viết ra mà được giấu rất khéo đằng sau đó.

Với tôi đã là thời điểm tôi phải trải những biến động tinh thần mạnh mẽ nhất chưa từng có.

Tôi không còn là kẻ theo chủ nghĩa

thế giới yếu đuối mà đã trở thành một người ủng hộ bài Do thái.

Lại một lần nữa – và đây là lần cuối cùng – những ý nghĩ đáng sợ, nặng nề đến với tôi trong nỗi thống khổ sâu sắc cả về thể xác lẫn tâm hồn.

Khi tìm hiểu kỹ lưỡng hành động của dân Do thái trong suốt lịch sử loài người, tôi bỗng nảy ra một câu hỏi đáng sợ, liệu số phận khó lường, có thể nào vì những lý do mà chúng ta, những sinh linh tội nghiệp, không biết được, bằng ý chí quyết tâm không bao giờ thay đổi, lại mong muôn cái chủng tộc ti tiện này giành được chiến thắng cuối cùng.

Có thể nào trái đất này từng được hứa hẹn làm phần thưởng dành cho

cái chủng tộc ấy, cái chủng tộc sống là vì trái đất này?
Liệu chúng ta có được quyền lợi khách quan để đấu tranh tự bảo tồn, hay phải có điều này chỉ được biện minh một cách chủ quan ở chúng ta hay không?
Khi tôi đào sâu nghiên cứu luận điệu giáo huấn của chỉ nghĩa Marx và tiếp đó đem những hành vi của bọn người Do thái ra nghiền ngẫm trong sự rõ ràng điềm tĩnh, chính số phận đã trao cho tôi câu trả lời của mình.
Học thuyết của chủ nghĩa Marx của dân Do thái bác bỏ nguyên tắc cao quý của Tạo hóa và thay thế những sức mạnh và quyền lực đặc ân bằng số lượng lớn các con số và sức

nặng chết người của nó. Theo cách đó, nó phủ nhận các giá trị nhân cách trong con người, không thừa nhận ý nghĩa quan trọng của dân tộc và sắc tộc, và bằng cách ấy lấy mất của con người những tiền đề cho sự sinh tồn và văn hóa của mình. Lấy học thuyết này làm nền tảng cho vạn vật thì ắt nó sẽ chấm dứt mọi trật tự mà trí tuệ con người có thể hiểu được. Và khi việc áp dụng một luật lệ như vậy chỉ đem lại sự hỗn loạn, sẽ không còn gì ngoài sự diệt vong của nhân loại trên hành tinh này.

Chỉ riêng điều đó cũng sẽ khiến những người có bản năng chính trị khác trở thành kẻ thù của hắn; trong mỗi sự vận động hắn sẽ đánh hơi

thấy một điều có thể là khởi đầu cho sự kết thúc của hắn, và trong mỗi con người dù lớn nhỏ thế nào, hắn đều ngửi thấy cái mùi nguy hiểm đe dọa hắn.
Tôi sẽ còn nhiều điều nữa để nói về hạng người mạt rệp của nghị viện này.

# Chương 2:10: HITLER NHÌN NHẬN SỰ “RÈN LUYỆN” TỪ VIENNA

Ngay cả một người ở tuổi ba mươi cũng sẽ phải học rất nhiều trong suốt cuộc đời mình, nhưng những cái đó chỉ mang tính chất bổ sung và lấp đầy cái khung mà anh ta xây dựng từ những triết lý đã được anh ta tiếp nhận về cơ bản. Khi anh ta học thì việc học đó không phải là làm thay đổi những nguyên lý mà chỉ là sự nghiên cứu bổ sung, và những người ủng hộ của anh ta sẽ không có cảm

giác những gì anh dạy họ từ trước tới nay là sai lầm. Trái lại là đằng khác: sự phát triển có hệ thống và nhìn thấy được ở người lãnh đạo sẽ làm những người ủng hộ thấy hài lòng, bởi lẽ với việc học đó, người lãnh đạo chỉ có làm cho những triết lý của họ sâu sắc hơn mà thôi. Và trong mắt họ điều này mà bằng chứng cho tính đúng đắn của những quan điểm mà họ có từ trước tới giờ.

Một nhà lãnh đạo buộc phải từ bỏ những triết lý của mình vì nhận ra nó hoàn toàn sai lầm, chỉ hành xử đúng chuẩn mực xã hội nếu, khi nhận ra sai sót trong cách nhìn trước đây của mình, anh ta sẵn sàng chuốc lấy

những hậu quả sau cùng. Trong trường hợp như vậy, tối thiểu anh ta cũng phải thôi không tiến hành bất kỳ hành động chính trị công khai nào nữa. Bởi lẽ khi đã một lần phạm phải sai lầm thì hoàn toàn có khả năng điều đó sẽ xảy ra lần thứ hai. Và không một khả năng nào cho phép anh ta giữ lại cái quyền tiếp tục đòi hỏi, chứ đừng nói là yêu cầu, sự tin tưởng từ những người đồng chí của mình.



Hitler tự hào mình học được nhiều điều tại Vienna.

Cái cách người ta xem thường sự đúng mực xã hội ngày nay được chứng thực qua sự thoái hóa của lũ tiện dân tự thấy mình có đủ lý do để tham gia hoạt động chính trị ngay thời điểm đó.

Tôi đã cẩn thận tránh mọi sự xuất hiện trước công chúng, mặc dù tôi cho rằng mình đã nghiên cứu về chính trị sâu sắc hơn bất kỳ kẻ nào. Chỉ có trong phạm vi rất nhỏ với rất ít người tôi mới nói tới những thứ khiến tôi thấy hấp dẫn hay xúc động trong lòng. Điều này có nhiều mặt tốt: tôi học được cách bớt diễn thuyết và tìm hiểu quan điểm của

mọi người cũng như nguyên nhân thường là hết sức nguyên thủy đã khiến họ cảm thấy bất bình. Và tôi tự rèn luyện bản thân mà không hề mất thời gian hay cơ hội tiếp tục con đường học vấn của mình. Chắc chắn là không có nơi nào trên nước Đức lại cho tôi cơ hội rèn luyện thuận lợi như ở Vienna.

Cùng một thời điểm, những tư tưởng chính trị về nền quân chủ Danube có tính khái quát và toàn diện hơn những tư tưởng về nước Đức cũ, không tính các vùng của nước Phổ, Hamburg và bờ biển phía Bắc. Trong trường hợp này, không nghi ngờ gì, tôi hiểu rằng, dưới tên gọi "đế quốc Áo", cái vùng đất của Đế chế

Habsurg vĩ đại ấy, vốn là kết quả của quá trình bình ổn nước Đức, không chỉ là nguyên nhân lịch sử của sự hình thành đất nước này mà hơn thế nữa, số dân của nó còn thể hiện thứ quyền lực mà nhiều thế kỷ nay đã thổi vào cấu trúc này, hiểu theo nghĩa chính trị chỉ là thứ nhân tạo, một đời sống văn hóa bên trong. Theo thời gian, sự sinh tồn và tương lai của đất nước này ngày càng phụ thuộc vào việc có bảo vệ được tế bào hạt nhân của Đế chế đó hay không.

Nếu những vùng đất cha truyền con nối từ xưa là trái tim của Đế chế, liên tục đưa dòng máu tươi tuần hoàn khắp cơ thể sống văn hóa và chính

trị thì Vienna chính là khối óc và ý chí.
Chỉ riêng vẻ bề ngoài cũng đủ để ta có lý do để gán cho thành phố này thứ quyền lực thống trị của một vị nữ hoàng hợp nhất các nhóm người, và với vẻ đẹp rạng ngời nàng khiến chúng ta quên đi những triệu chứng tồi tệ của tuổi già đang tiềm ẩn trong toàn bộ cấu trúc này.
Đế chế có thể run rẩy và rung lên dưới trận chiến đẫm máu của các dân tộc khác nhau, nhưng những người nước ngoài, và nhất là người Đức lại chỉ nhìn thấy gương mặt yêu kiều quyến rũ của thành phố này mà thôi. Điều khiến sự dối trá này lớn hơn bao giờ hết là thành Vienna khi

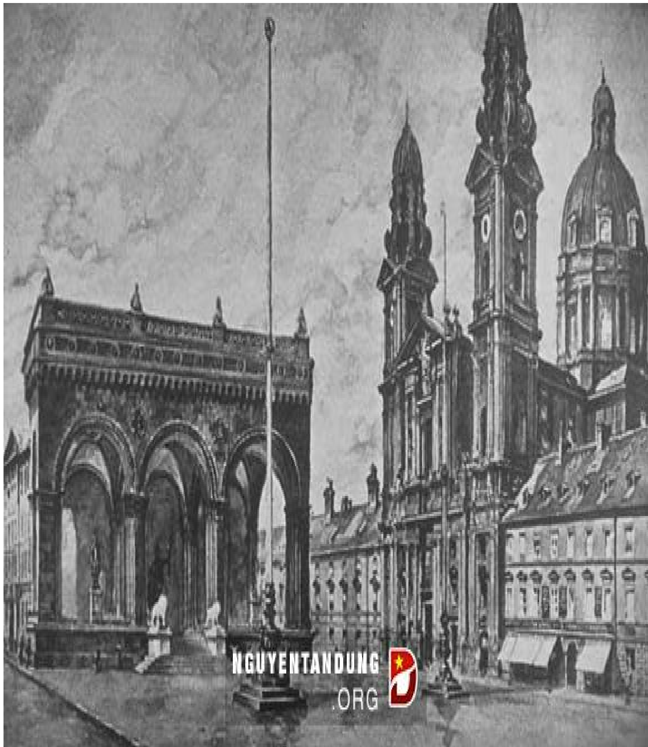
đó dường như tham gia vào một quá trình có thể coi là sự phục hưng cuối cùng và dễ nhìn thấy nhất của mình. Dưới sự lãnh đạo của một thị trường thực sự tài năng, nơi cư ngụ của các vị hoàng đế thuộc chế độ cũ một lần nữa thức tỉnh trước tuổi trẻ diệu kỳ. Con người Đức vĩ đại cuối cùng sinh ra trong một dân tộc đã chiếm Ostmark làm thuộc địa không được chính thức xếp vào hàng ngũ những người sẽ trở thành chính khách; nhưng với tư cách thị trưởng thành Vienna, một thành phố quan trọng và là nơi ở của hoàng tộc, Tiến sĩ Lueger đã tạo ra hết thành tích đáng này tới thành tích khác trong tất cả các lĩnh vực kinh tế và và văn hóa

chính trị của thành phố, nhờ thế đã củng cố sức mạnh cho vùng trung tâm của cả Đế chế, và gián tiếp trở thành một chính khách vĩ đại hơn tất cả những người được gọi là “nhà ngoại giao” từ trước tới giờ.

Nếu như vì thế mà khối các dân tộc được gọi là “nước Áo” cuối cùng sẽ diệt vong, điều đó không hề làm giảm một chút nào năng lực chính trị của những người Đức trong đế chế Ostmark cũ, nhưng đó lại là kết quả tất yếu cho thấy không thể dùng mười triệu người để duy trì một đất nước của năm mươi triệu dân thuộc các dân tộc khác nhau, trừ phi những tiền đề rõ ràng chác chắn được thiết lập kịp thời.

Ý tưởng của những người Áo gốc Đức còn hơn cả vĩ đại.
Đã quen với việc sống trong một đế chế vĩ đại và chưa từng hết cảm xúc với những nhiệm vụ ngắn. Là người duy nhất trong đất nước này, người mà vượt xa cả ranh giới đất đai của nhà vua chật hẹp, vẫn nhìn thấy những đường biên giới của Đế chế; thực vậy, khi số phận cuối cùng đã tách anh ta ra khỏi mảnh đất quê hương chung, anh vẫn tiếp tục đấu tranh để làm chủ nhiệm vụ lớn lao và bảo vệ cho dân tộc Đức những gì mà cha ông đã từng giành được từ phía Đông trong những cuộc đấu tranh liên miên. Trong mối liên hệ này chúng ta cần nhớ rằng điều đó

đã được thực hiện với một sức mạnh bị chia cắt; bởi trái tim và trí nhớ của những con người ưu tú nhất đã không còn tình cảm với nước mẹ chung, và chỉ còn một dấu vết được để lại cho quê hương.




Nước Áo năm 1900.

Vào những lúc minh mẫn, sự sáng

suốt nhận ra quyền lực tối thượng. Nhưng theo thói quen, nó sớm bị quên lãng hay xếp xó vì khó thực hiện. Mọi ý nghĩ về một cơ cấu liên bang cho Đế chế tất sẽ thất bại bởi thiếu mất một tế bào chính trị tốt làm nên thứ quyền lực thực sự nổi bật. Thêm vào đó là những điều kiện nội tại của nước Áo khác hẳn với Đế chế Bismarck của Đức. Ở Đức, đó chỉ là vấn đề khắc phục các điều kiện chính trị, bởi lẽ luôn luôn có một nền tảng văn hóa chung. Quan trọng nhất là, ngoài những nét ngoại bang rất nhỏ, Đế chế Đức bao gồm những thành viên của một dân tộc duy nhất. Ở nước Áo, sự thể hoàn toàn trái ngược.

Ở đây, các tỉnh riêng lẻ, trừ Hungary, đều không có nhớ gì về tầm vóc của chính mình, hoặc vì điều đó đã bị thời gian xóa khỏi trí nhớ, hay ít nhất cũng bị che đậy và làm mờ đi. Tuy thế, trong thời điểm nguyên tắc chung của các dân tộc đang hình thành, các lực lượng dân tộc trỗi dậy ở nhiều tỉnh, và việc chống lại các lực lượng ấy khó hơn bao giờ hết khi mà ngay trên đường biên bao quanh nền quân chủ bắt đầu hình các quốc gia dân tộc mà dân cư của nó, tương ứng hoặc có quan hệ vê mặt chủng tộc với dân tộc Áo, giờ đây có thể tạo ra một lực hút lớn hơn cả.

Ngay cả thành Vienna cũng không thể chịu đựng được cuộc chiến này

mãi.

Khi Budapest phát triển thành một thành phố lớn, lần đầu tiên Vienna có một địch thủ mà nhiệm vụ của nó không còn là giữ gìn nền quân chủ như một tổng thể mà là củng cố sức mạnh cho một bộ phận của nền quân chủ ấy. Chỉ trong một thời gian ngắn, Prague cũng theo gương đó mà làm, rồi tới Lemberg, Laibach, v.v… Từ những thành phố nhỏ trở mình vươn lên trở thành thủ phủ của các nước thuộc Đế quốc, các trung tâm hình thành nên một đời sống văn hóa độc lập ở các nước này. Và chỉ khi đó, bản năng chính trị dân tộc mới giành được nền móng và chiều sâu tinh thần của mình. Chắc chắn đã đến lúc

sức mạnh công phá của các dân tộc riêng lẻ trở nên mạnh mẽ hơn sức mạnh cùa các lợi ích chung, và đó sẽ là sự kết thúc của Đế quốc Áo.

Sau cái chết của Joseph Đệ nhị, quá trình vận động biến đổi này càng trở nên rõ ràng. Sự phát triển mau lẹ của quá trình này phụ thuộc vào hàng loạt các yếu tố một phần nằm trong chính bản thân nền quân chủ, một phần là kết quả của quan điểm nhất thời về chính sách đối ngoại của Đế chế. Nếu cuộc đấu tranh nhằm bảo tồn đất nước này được tiếp tục và tiến hành một cách nghiêm túc, chỉ có một chính sách tập trung hóa kiên trì và không khoan nhượng mới có thể dẫn tới thành công. Trước

hết, cần phải nhấn mạnh sự gắn kết chính thức qua việc thiết lập các nguyên tắc về ngôn ngữ chung chính thức, và bộ máy chính quyền cũng phải được cung cấp các phương tiện kỹ thuật mà thiếu nó một quốc gia thống nhất không thể tồn tại. Tương tự như vậy, một ý thức về quốc gia thống nhất chỉ có thể được nuôi dưỡng mãi mãi bằng trường học và giáo dục. Điều đó không phải là điều có thể thực hiện được trong mười hay hai mươi năm; chắc chắc phải cần hàng trăm năm; bởi lẽ trong tất cả các vân đề về thuộc địa, sự bền bỉ, kiên trì có vai trò quan trọng hơn cả sức mạnh của thời khắc.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Hallsatt (Áo) là một làng cổ nhỏ với 800 hộ dân. Nó được UNESCO công nhận là Di sản thế giới từ năm 1997 bởi giá trị kiến trúc đặc sắc cũng như những phát hiện khảo cổ thời đại đồ sắt từ hàng trăm năm nay.

Chắc chắn rằng việc điều hành đất nước và định hướng chính trị phải được tiến hành với sự giống nhau sát sao. Với tôi, nhận biết chắc chắn lý do tại sao điều này không xảy ra là một bài học quan trọng, hay đúng hơn là, vì sao nó không được thực hiện. Người nào phạm phải lỗi lầm đã bỏ qua điều đó sẽ phải gánh tội cho sự sụp đổ của đế chế.

Hơn bất kỳ nước nào khác, nước Áo cũ phụ thuộc rất nhiều vào tầm vóc của những nhà lãnh đạo. Thiết chế

này đang cần một nhà nước dân tộc mà trong bản chất dân tộc của mình, luôn sở hữu một sức mạnh đế sống sót, bất kể ban bệ lãnh đạo của nó có kém cỏi thế nào. Một nhà nước dân tộc thuần nhất, chính vì tính trì trệ cố hữu của người dân, và sức mạnh kháng cự, đôi khi có thế vẫn trụ vững một cách đáng kinh ngạc cả trước sự điều hành hay lãnh đạo yếu kém nhất trong một thời gian dài mà không hề bị tan rã từ bên trong. Vào những thời điểm ấy như thể không còn chút sức sống này trong một cơ thể như vậy, như thể nó đã chết, nhưng rồi một ngày đẹp trời, cái cơ thể tưởng như đã chế ấy đột nhiên trỗi dậy và cho cả nhấn loại thấy

những dấu hiệu kinh ngạc của một sức sống không thể dập tắt.
Tuy vậy, điều đó hoàn toàn khác với một đế chế bao gồm những dân tộc không giống nhau, được tập hợp lại không phải bởi một dòng máu chung mà là cùng một bàn tay kiểm soát. Trong trường hợp này, khả năng lãnh đạo yếu kém không tạo ra sự ngưng trệ của đất nước mà là sự thức tỉnh của mọi bản năng cá nhân hiện có trong dòng máu nhưng chưa thể bộc lộ khi vẫn còn một ý chí chi phối. Chỉ có một nền giáo dục chung kéo dài nhiều thế kỷ, những truyền thống chung, những quyền lợi chung, v.v…, mới có thể làm giảm nguy cơ này. Vì thế các quốc gia được thành lập

càng non trẻ thì chúng càng phụ thuộc vào sự lớn mạnh của các nhà lãnh đạo, và nếu quốc gia ấy được tạo nên bởi những người lính ưu tú và những anh hùng tinh thần, chúng sẽ sụp đổ ngay sau khi người sáng lập vĩ đại duy nhất qua đời. Nhưng ngay cả sau hàng thế kỷ, những nguy cơ này vẫn không được xem là đã vượt qua được; chúng chỉ tạm ngủ yên và thường đột nhiên thức giấc ngay khi sự yếu kém của nhà lãnh đạo và sức mạnh của giáo dục cũng như những truyền thống cao cả không thể chiến thắng sự lấn tới của lời thúc giục mang tính sống còn của các bộ tộc riêng lẻ.

Đây có lẽ là lỗi râm bi thảm của

Vương triều nhà Habsburg.
Chỉ vì một trong những lỗi lầm ấy, số phận đã một lần nữa giương cao ngọn đuốc soi rọi tương lai của đất nước này, và rồi nó bị dập tắt mã mãi.
Joseph Đệ nhị, Hoàng đế La mã trị vì nước Đức, trong nỗi lo sợ và bối rối, đã nhìn thấy được vương triều của mình, bị đầy tới góc tận cùng nhất của Đế chế, một ngày nào đó chắc chán sẽ biến mất giữa mớ hỗn độn sự tranh giành của các dân tộc, trừ khi vào phút cuối cùng họ đều bò qua tổ tiên và quá khứ. Với sức mạnh phi thường, người bạn của loài người này gắng hết sức không lặp lại điều sơ suất của tổ tiên và cố

gắng lấy lại trong mười năm điều mà cả trăm năm nay chưa ai làm được. Nếu như ngài chỉ được ban tặng bốn mươi năm để thực hiện điều này, và nếu như hai thế hệ nối tiếp đó tiếp tục công việc ngài đã khởi xướng, điều kỳ diệu có thể xảy đến. Nhưng khi ngài mất đi, sau vỏn vẹn mười năm trên chiếc ngai vàng, kiệt quệ cả về thể chất và tâm hồn, sự nghiệp của ngài sẽ bị chôn vùi theo, chẳng còn đánh thức được ai và ngủ yên vĩnh viễn trong hầm mộ Capuchin. Những người kế nhiệm ngài không đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ, cả trong tâm trí và ý chí.

Khi những tia chớp cách mạng của một thời đại mới lóe sáng trên bầu

trời châu Âu, nước Áo cũng bắt lửa và dần dần cháy sáng.

Cuộc cách mạng năm 1848 nhẽ ra có thể là một cuộc đấu tranh giai cấp ở khắp nơi, nhưng ở Áo nó lại là khởi đầu của một cuộc chiến tranh sắc tộc mới. Không thừa nhận hay quên đi nguồn gốc của mình và đặt mình vào biến mình thành kẻ phục vụ cho cuộc cách mạng, người Đức đã định đoạt số mệnh của chính mình. Họ góp phần khơi dậy tinh thần về “nền dân chủ phương Tây” mà chi trong một thời gian ngắn chính nó đã xóa bỏ những nền tảng tồn tại của họ.

Sự hình thành của cơ quan đại diện quốc hội mà không cần phải thiết lập

và kết tinh một ngôn ngữ chung của đất nước đã đặt viên gạch nền đầu tiên, chấm dứt sự thống trị nền quân chủ của nước Đức. Từ thời khắc ấy, chính bản thân đất nước đã mất đi. Tất cả những gì diễn ra sau đó chỉ là sự chấm dứt mang tính lịch sử của một đế chế.



8340. P. Z. - WIEN. K.K. MUSEUM

Bảo tàng Vienna.

Theo dõi quá trình tan rã ấy là một việc làm vừa đau lòng vừa mang lại nhiều bài học bổ ích. Việc thi hành bản án của lịch sử được tiến hành chi tiết dưới vô vàn hình thức. Thực tế rất nhiều người bước đi mù quáng trong những biểu hiện của sự suy tàn chi cho thấy một điều: Chúa đã mong muốn nước Áo phải diệt vong.

Tôi sẽ không bàn chi tiết ở điềm này vì đây không phải là nhiệm vụ của cuốn sách này. Tôi sẽ chi đưa ra một cái nhìn triệt để hơn với những sự kiện luôn là những nguyên nhân không bao giờ thay đổi dẫn tới sự sụp đổ của các quốc gia và dân tộc, và vì thế cũng có ý nghĩa quan trọng

với thời đại cùa chúng ta, và cũng là những điều góp phần củng cố cơ sở nền tảng trong những suy nghĩ chính trị của chính bản thân tôi.
Hệ thống hai viện của người Anh được phục hồi một cách nghiêm trang trong Nghị viện và Viện nguyên lão. Chỉ trừ một việc là bản thân hai viện phần nào có điểm khác biệt. Khi Barry xây dựng các tòa nhà quốc hội của mình trên dòng sông Thames, việc làm đó đã dấn mình vào lịch sử của Đế chế Anh và lấy ra từ đó những mẫu trang chí cho một nghìn hai trăm hốc tường, thanh đỡ và cột chống trong công trình của mình. Vì thế, với các bức họa và các tác phẩm điêu khắc, hai tòa Thượng viện

và Hạ viện đã trở thành Nhà Lưu danh của đất nước.
Đó chính là chỗ khó khăn đầu tiên của thành Vienna. Khi Hansen, một kiến trúc sư người Đan-mạch, hoàn thành phần cuối cùng của tòa quốc hội xây bằng đá cẩm thạch, ông ta không biết lấy gì để trang trí ngoại trừ những thứ vay mượn từ các tác phẩm mỹ thuật cổ xưa. Hình ảnh những chính khách và các triết gia La Mã và Hy Lạp giờ đây tô điểm cho nhà hát Opera của nền dân chủ Tây phương, và trong sự mỉa mai biểu trưng, cỗ xe tứ mã thời La mã cổ bay lượn khắp bốn hướng phía trên hai tòa nhà, đem lại ấn tượng bên ngoài mạnh mẽ nhất về những

hoạt động diễn ra bên trong tòa kiến trúc.
Tính "đa dân tộc" đã nghiêm cấm mọi hành động nhằm tôn vẻ đẹp của lịch sử nước Áo trong công trình này và xem đó là sự khiêu khích và lăng mạ, cũng giống như trong bản thân Đế chế Đức, chỉ có dưới sấm sét cả các cuộc chiến tranh thế giới người ta mới dám dâng Tòa nhà Quốc hội của Wallot cho người Đức bằng một lời đề tặng.
Vào lúc chưa đầy hai mươi tuổi, khi tôi lần đầu tiên đặt chân tới tòa nhà hùng vĩ ở Franzensring để tham dự một phiên họp của Hạ viện với tử cách người xem và người nghe, lòng tôi tràn ngập những cảm giác xung

đột nhau mạnh mẽ.

# Chương 3: NHỮNG TƯ DUY CHÍNH TRỊ CHUNG THỜI TÔI Ở VIENNA

Nay tôi tin chắc rằng, nói chung trừ các trường hợp thiên tài đặc biệt, người ta không nên công khai làm chính trị trước tuổi ba mươi. Kẻ đó chẳng nên làm vậy, bởi lẽ đến tận thời điểm đó thường mới hình thành được một cương lĩnh chung, mà từ đấy ông ta thẩm tra các vấn đề chính trị khác nhau và xác định lập trường dứt khoát của mình. Chỉ sau khi tiếp thu được một thế giới qua

cơ bản như vậy, cùng cách quan sát riêng liên tục của mình đối với từng vấn đề thời sự mà qua đó thành tựu, kẻ đó chín chắn trong nội tâm mới nên tham gia vào việc lãnh đạo chính trị trong cộng đồng.



NGUYENTANDUNG
.ORG

Tòa nhà Quốc hội ở Vienna.

Nếu khác thế, thì có nguy cơ một ngày kia: hoặc là ông ta phải thay đổi lập trường của mình về những vấn đề cơ bản hoặc, trái với tri thức và nhận thức rõ hơn của mình, dừng lại ở một quan điểm, mà từ lâu nó đã chối từ sự hiểu biết và sức thuyết phục. Trong trường hợp đầu, điều này rất khó xử cho chính cá nhân ông ta, vì bây giờ ông ta tự thấy mình lung lay và có lý để không được phép chờ đợi rằng niềm tin của các tín đồ (của ông ta, ND), vẫn hướng về ông ta với độ bền chắc không gì lay chuyển nổi như trước; còn đối với những người do ông ta lãnh đạo thì một thay đổi quan điểm

của lãnh tụ như vậy đem đến sự lúng túng, cộng với cảm giác về một sự nhục nhã nhất định nào đó trước những người mà cho đến nay vẫn bị họ chống lại (phe đối lập, ND). Nhưng trong trường hợp sau, xuất hiện điều mà đặc biệt ngày nay chúng ta thường thấy là: lãnh tụ càng không còn tin điều ông ta nói, thì sự tự vệ của ông ta càng nông cạn và trống rỗng, cùng với nó là sự đê tiện trong cách lựa chọn phương tiện. Trong khi chính ông ta không còn nghĩ đến việc nghiêm túc bênh vực các chính kiến của mình (người ta chẳng chết vì điều mà chính người ta chẳng tin vào nó), thì những đòi hỏi đối với các tin đồ của mình theo

chính tỷ lệ nói trên ngày càng lớn và càng trơ trẽn hơn, cho đến khi cuối cùng ông ta hy sinh nốt phần sót lại của "lãnh tụ", để hạ cánh ở "nhà chính trị", nghĩa là ở loại người mà chính kiến thực duy nhất là không có chính kiến, kèm theo sự quấy rầy đến hỗn xược và một nghệ thuật dối trá phát triển tới mức trơ trẽn.

Thực bất hạnh cho những người nghiêm túc, nếu một gã như vậy lại len vào được nghị viện và ngay từ đầu, người ta nên biết rằng, bản chất chính trị đối với hắn chỉ còn là cuộc hiến ngoan cố giành quyền sở hữu mãi mãi miếng cơm manh áo cho cuộc đời và gia đình hắn. Vợ con càng phụ thuộc vào nó, hắn

càng tranh đấu bền bỉ hơn vì sự ủy quyền này. Qua đó, bất kỳ ai khác, chỉ riêng có bản năng chính trị đã là kẻ thù cá nhân của hắn: hắn đánh hơi thấy ở mỗi phong trào mới là bước khởi màu có thể cho đoạn kết của hắn và ở mỗi con người vĩ đại nào, là mối nguy cơ đe dọa trực tiếp từ người đó.

Tôi sẽ còn nói cặn kẽ hơn về "loại rệp nghị viện" này.

Ngay cả người ba mươi tuổi cũng còn phải học nhiều khi cuộc đời mình ngày còn tiến triển, tuy nhiên điều đó chỉ là một sự bổ sung và lấp đầy cho cái khung mà thế giới quan đã được chấp nhận làm cơ bản, đặt ra cho ông ta. Việc học của ông ta không

còn là sự học lại các nguyên tắc nữa, mà chỉ là sự học thêm, và các tín đồ của ông ta không phải cố nhét vào họng mình cái cảm giác bồn chồn rằng, cho đến nay những điều ông ta dạy là sai; mà trái lại: sự tăng trưởng hữu cơ thể hiện của lãnh tụ cho phép họ hài lòng, bởi lẽ việc học của ông ta thực ra chỉ là sự đào sâu cái học thuyết của chính họ. Trong mắt họ, điều đó lại là bằng chứng cho sự đúng đắn của những quan điểm tính đến nay của họ.

Tuy nhiên, ngày nay tương ứng với một phép xã giao như vậy là điều ít ỏi ra sao, thì chỉ riêng sự sa ngã nói chung của lũ súc sinh hiện đang tự cảm thấy mình được bổ nhiệm "làm"

chính trị, đã chứng minh.
Hầu như chẳng có ai trong bọn chúng được tuyển chọn cho việc đó. Hồi ấy, bằng cách nào đó tôi tránh xuất hiện trước công chúng, mặc dầu tin rằng mình đã tìm hiểu về chính trị nhiều hơn rất nhiều kẻ khác. Tôi chỉ nói, trong giới hết sức nhỏ, về những điều kích động hay cuốn hút nội tâm mình. Cái cách nói trong khuôn khổ hạn hẹp nhất này mang lại nhiều thuận lợi: tôi học được cách ít "diễn thuyết" hơn và nhờ vậy tôi hiểu biết con người với những quan điểm và phản kháng thường hết sức cổ sơ của họ. Khi ấy tôi tự đào tạo mình mà không để mất thời gian và khả năng tiếp tục tự đào tạo. Để làm

việc đó, chắc chắn thời ấy ở Đức chẳng đâu có cơ hội thuận lợi như ở Vienna.

Trước hết xét về phạm vi của mình, thì tư duy chính trị chung ở nền quân chủ Danub lớn hơn và bao quát hơn nước Đức già cỗi cùng thời gian đó – loại trừ các phần của Phổ, Hambourg và vùng ven bờ Baltic. Tuy nhiên trong trường hợp này, tôi hiểu tên gọi "Áo quốc" (Österreich, nghĩa đen theo tiếng Đức: đế chế của người miền Đông, ND) là cái vùng của đế chế Habsbourg (nguyên văn: Habsburgerreich, ND) vĩ đại mà do có nhiều người Đức đến cư trú, theo bất cứ phương diện nào không chỉ hoàn toàn là nguyên cớ lịch sử

cho sự hình thành nhà nước này, mà nó có thể hiện lực lượng duy nhất tồn tại trong cư dân của nó, có khả năng ban tặng cho cái thực thể quá nhân tạo về mặt chính trị này một cuộc sống văn hóa nội tại sẽ tồn tại nhiều thế kỷ nữa. Thời gian càng trôi đi, thì sự tồn tại và tương lai của nhà nước này càng phụ thuộc vào sự duy trì tế bào đó của đế chế.

Nếu như các nước thừa kế là trái tim của đế chế luôn lưu chuyển máu tươi cho sự tuần hoàn của cuộc sống nhà nước và văn hóa, thì Vienna đồng thời cũng là não bộ và ý chí. Ngay ở bố cục bên ngoài của nó, ta đã có thể quy cho thành phố này cái động lực để chễm chệ ngồi trên ngôi nữ

hoàng, có sức thống nhất một cố kết các dân tộc như vậy. Nhờ đó mà qua sự tráng lệ kiều diễm của chính mình, nó cho phép làm quên đi những biểu hiện già nua tồi tệ của tổng thể.

Nếu như trong cốt lõi của mình, đế chế đang còn dãy dụa vì các cuộc đấu tranh đẫm máu của các tộc người đến vậy; thì nước ngoài, đặc biệt là nước Đức, vẫn chỉ thấy hình ảnh đáng yêu của thành phố này. Sự nhầm lẫn lại còn lớn hơn nữa, khi vào thời này, Vienna có vẻ như đang lấy đà thực hiện bước nhảy vọt thể hiện cuối cùng và cũng là vĩ đại nhất. Dưới sự cai trị của một vị thị trưởng thật sự thiên tài, cái dinh đáng kính

của các hoàng đế đế chế cổ một lần nữa bừng tỉnh để sống lại cuộc đời trẻ trung kỳ diệu. Người Đức cuối cùng, mà dân tộc gồm những kiều dân Ostmark (nghĩa đen: vùng biên miền đông, ở đây chỉ Áo quốc và vùng phụ cận, ND) này từ hàng ngũ mình đẻ ra, tuy không chính thức được liệt vào hạng những người thường gọi là "chính khách cấp cao"; nhưng với việc vị tiến sĩ Lueger ớ cương vị thị trưởng của "thủ đô đế chế và thành phố dinh thụ'" Vienna phù phép ra hết thành tựu lớn này đến thành công chưa từng có khác, trên tất cả mọi lĩnh vực về chính sách kinh tế văn hoá địa phương, thì người ta được phép nói rằng, ông ta

khích lệ trái tim toàn thể đế chế và bằng con đường vòng này đã trở nên một chính khách cấp cao, hơn nữa tạo thành tập hợp toàn thể những người khi đó được gọi là “nhà ngoại giao”.



Nhà thờ Kafederalny tại Vienna.

Nếu như mặc dầu vậy, cuối cùng thì thực thể các dân tộc được gọi là “Áo quốc” vẫn đi đến chỗ diệt vong, thì điều đó cũng chẳng phản bác chút nào khả năng chính trị của chất Đức (ở đây xin hiểu là toàn bộ gốc kinh tế và văn hoá của cộng đồng dân tộc Đức, ND) tại Ostmark cổ, mà chỉ là kết quả tất yếu của điều không thể để cho mười triệu người đứng vững lâu dài trước một nhà nước năm mươi triệu các tộc người khác nhau, nếu như không kịp thời có những điều kiện nhất định. Người Áo quốc Đức (nguyên văn Deutschösterreicher: ý tác giả muốn nói người Áo gốc Đức, vì Áo quốc

cũng là nước đa chủng tộc, ND) nghĩ nhiều hơn cái chỉ là vĩ đại.

Trước nay hắn vẫn quen sống trong khuôn khổ một đế chế vĩ đại và chưa bao giờ mất đi những nhiệm vụ liên quan tới điều đó. Hắn là người duy nhất ở nhà nước này còn nhìn ra ngoài biên hạn hẹp của ngôi nhà vua để thấy được biên giới của đế chế; thậm chí khi cuối cùng số phận bắt hắn phải tách khỏi tổ quốc chung, thì hắn vẫn còn cố làm chủ cái nhiệm vụ phi thường là gìn giữ chất Đức, điều mà cha ông hắn nhờ những cuộc chiêÍn liên miên hồi ấy vốn giành lại được từ phía Đông. Khi ấy vẫn luôn phải nhớ rằng, việc đó chỉ có thể xảy ra với lực lượng đã bị chia xẻ; bởi lẽ

trái tim và khối óc của những người con ưu tú nhất chưa bao giờ ngừng cảm nhận về nước mẹ chung, và chỉ có một số ít là còn giữ lại với quê hương riêng.

Ngay tầm mắt chung của người Áo quốc Đức cũng đã tương đối xa hơn. Các mối quan hệ kinh tế của hắn thường bao gồm hầu như toàn bộ đế chế đa dạng. Gần như tất cả các doanh nghiệp thực sự lớn đều nằm trong tay hắn, số cán bộ kỹ thuật và quan chức cấp lãnh đạo phần lớn do hắn chỉ định. Hắn cũng là người chủ chốt ở ngành ngoại thương, ở chừng mức mà người Do Thái chưa dính dáng đến lĩnh vực thiên bẩm nhất này. Về mặt chính trị, duy nhất chỉ

mình hắn còn gắn kết được nhà nước lại làm một. Ngay ở thời gian quân dịch, hắn đã vượt xa ra ngoài biên giới hạn hẹp của quê hương. Anh tân bình người Áo quốc Đức có thể nhập ngũ ở một trung đoàn Đức, thế nhưng chính trung đoàn đó lại có thể đóng ở Herzegowina (vùng Nam Tư cũ, ND), Vienna hoặc Galizien (vùng Bắc Tây Ban Nha hiện nay, chắc tác giả nhầm vì không bao giờ thuộc nước Đức hay Áo quốc, ND) cũng thế. Giới sĩ quan vẫn luôn là Đức, giới quan chức cao cấp thì chiếm ưu thế. Nhưng cuối cùng thì Đức là nghệ thuật và khoa học. Không kể đến những sản phẩm tồi ở bước phát triển gần đây của nghệ

thuật, mà dẫu sao thậm chí đến dân mọi đen cũng sản sinh ra được, thì chủ nhân và cả người truyền bá quan niệm nghệ thuật chân chính chỉ có thể duy nhất là người Đức mà thôi. Còn trong âm nhạc, kiến trúc, điêu khắc và hội hoạ thì Vienna là nguồn cung cấp cảm hứng vô tận cho toàn bộ nền quân chủ kép (nguyên văn Doppelmonarchie: ý tác giả muốn nói là nước Đức và Áo quốc, ND) mà chính mình chưa bao giờ cạn kiệt.

# Chương 3:1: HITLER: KHÔNG AI HIỂU RÕ CHÍNH TRỊ HƠN TÔI

Cuối cùng chất Đức cũng còn là cái cốt lõi cho toàn bộ ngành ngoại giao, nếu ta bỏ qua số ít người Hung. Tuy nhiên toan tính nào để cố duy trì cái đế chế ấy cũng là vô ích bởi thiếu hẳn cái tiên đề quyết định nhất.

Chỉ có một khả năng cho nhà nước đa dân tộc Áo quốc là phải khống chế bằng được những lực lượng ly khai ở các bộ tộc riêng lẻ. Hoặc nhà nước phải được cai trị từ trung ương

trở xuống, mà như vậy thì ở bên trong cũng phải tổ chức giống thế; hoặc tuyệt không thể hình dung ra nó.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Vào những thời điểm sáng sủa khác nhau thì cái nhận thức ấy cũng đã từng lọt lên được đến tận vị trí “cao nhất”, nhưng rồi chỉ một quãng thời gian ngắn ngủi sau đó lại bị lãng quên hoặc giả lại bị xếp xó vì khó thực hiện. Ý tưởng nào nhằm để tạo dựng một đế chế có màu sắc liên bang hơn, tất yếu rồi cũng thất bại, bởi làm gì với cái mầm mống khoẻ khoắn của một thứ quyền lực trội hơn hẳn. Rồi lại còn những tiên đề bên trong của nhà nước Áo quốc, khác hẳn so với khuôn hình kiểu Bismarck (nhà lãnh đạo nhà nước của nước Phổ (1815-1898). Sau khi tiến hành chiến tranh với Đan Mạch,

Áo quốc, 1867 ông thành lập Liên Bang Bắc Đức, rồi tiến hành chiến tranh với Pháp. 1871/1890 ông trở thành Thủ tướng Đế chế (Reichskanzler), ND) của đế chế Đức. Ở Đức chỉ có vấn đề phải khống chế các truyền thống chính trị, bởi về văn hoá đã luôn luôn sẵn có một nền tảng chung. Nhất là, bỏ qua những dăm vụn ngoại lai, đế chế chỉ gồm có người của một dân tộc duy nhất.

Ở Áo quốc, tình hình ngược lại.

Ở đây ký ức chính trị trong các bang riêng rẽ, ngoại trừ Hungary, về tầm vóc của chính mình lại, hoặc đang còn quá đậm nét, hoặc chưa bị sỉ bọt của thời gian dập cho tắt hẳn,

chí ít cũng là xoá mờ để trở nên không rõ ràng. Thay vì thế, trong thời đại của nguyên lý dân tộc đã có những lực lượng bộ tộc nổi dậy, mà việc khống chế càng khó ở chỗ bên lề của chế độ quân chủ tầm nghiên thấy, bắt đầu hình thành những nhà nước của dân tộc; và các dân tộc của nhà nước này, xét dưới góc độ chủng tộc, lại gần với hoặc chính là các mảnh vụn về dân tộc của Áo quốc, chưa nói là từ phía họ, họ có nhiều khả năng thu hút hơn là Áo quốc ở Đức ngược lại.

Về lâu dài thì chính Vienna cũng không thể giải quyết được cuộc đấu tranh này nữa.

Với sự phát triển của Budapest, đô

thành lần đầu tiên đã có đối thủ, nhiệm vụ lại không phải là để thu gom cả nước quân chủ mà là để gia cố một phần của nó. Chỉ trong một thời gian ngắn thôi, tất đến lượt Praha, rồi Lemberg (nay là Lwow, thuộc nước cộng hoà Ucraina, ND), Laibach(nay là Ljubljana, thủ đô nước Slovenia, ND) v.v…; vốn trước chỉ là các đô thị tỉnh lẻ, nay tiến lên thành thủ đô bang, tất cũng thành tâm điểm của một đời sống văn hoá càng ngày càng độc lập. Song có như thế thì tiềm thức chính trị – dân tộc mới có được nền tảng tinh thần và chiều sâu của nó. Tất rồi sẽ đến thời điểm, những lực đẩy ấy của các dân tộc riêng lè át mất lực của

những quyền lợi chung, và đó là chuyện đa xảy ra với Áo quốc.
Sự phát triển ấy càng rõ nét sau ngày Joseph II. (1741-1790, hoàng đế các nước thừa kế Habsbourg từ 1765 cho đến khi qua đời, nhiều cải cách tư bản chủ nghĩa, ND) qua đời. Nhanh, vì nó bị chi phối cả loạt yếu tố, có phần nằm chính ở nền quân chủ, phần khác là kết quả của lập trường chính trị đối ngoại của đế chế.
Chấp nhận tiến hành cuộc đấu tranh để duy trì nhà nước ấy, thì để đi tới đích chỉ có một cách là tập trung hóa, kiên trì mà cũng không nương tay. Trước hết phải quy định nguyên tắc: nhà nước chỉ có một ngôn ngữ

thống nhất, vừa để nhấn mạnh sự ràng buộc chính thức về pháp lý vừa để cho hệ hành chính nắm được trong tay thứ phương tiện kỹ thuật, mà thiếu nó thì không thể thành một quốc gia thống nhất. Về lâu về dài lại còn phải thông qua nhà trường, thông qua giáo dục mà gầy dựng cho được một ý thức thống nhất về nhà nước. Không thể chỉ mươi, hai mươi năm có thể làm được, mà phải tính hàng trăm năm; ở đây cũng như ở mọi vấn đề thực dân khác, kiên trì còn quan trọng hơn quyết tâm tức thời. Rồi thì, lẽ đương nhiên, quản lý hành chính cũng như chỉ đạo chính trị phải được thống nhất triệt để.

Bây giờ tôi mới thật vỡ lẽ vô cùng,

thấy tại sao lại chưa từng có việc này hay nói cho đúng hơn, tại sao họ lại chẳng hề làm việc này. Một khi đế chế sụp đổ, kẻ duy nhất có tội chính là kẻ đã bỏ lơi việc này.
Áo quốc cũ vốn gắn bó với tầm vóc của bộ phận lãnh đạo nó hơn bất kỳ nhà nước nào khác. Ở đây thiếu hẳn cái nền tảng nhà nước dân tộc vốn hãy còn là một sức mạnh duy trì trong cơ sở dân chúng, một khi lãnh đạo với tư cách ấy rồi mà vẫn không đáp ứng được. Có đôi khi nhà nước dân tộc thống nhất, do quán tính tự nhiên của cư dân cùng với sức đề kháng gắn với nó, từng thời kỳ kéo dài đến kỳ lạ, lại vẫn có thể chịu đựng được sự quản lý hay là chỉ đạo

tồi tệ vào bậc nhất mà nội tình không vì vậy suy sụp đi. Rồi lắm khi cứ ngỡ trong cái cơ thể ấy làm gì còn sự sống – nó đã chết hẳn, bỗng nhiên lại thấy nó đột ngột hồi sinh, lại bộc lộ những dấu hiệu kỳ lạ cái sức sống chẳng thể hủy diệt của loài người.

Nhưng trong một đế chế lại khác: không cùng dân tộc, thay vì do huyết thống chung thì lại do một bàn tay chung nắm giữ. Ở đây, sự yếu kém của lãnh đạo sẽ không ru được nhà nước vào một giấc ngủ đông nào cả, mà nó sẽ tạo dịp để cho mọi tiềm thức cá nhân bừng tỉnh, những cái vốn sẵn có trong máu huyết, song đã không thể phát triển ở các thời kỳ có một ý chí trội hơn hẳn. Chỉ có trải

qua hàng trăm năm giáo dục chung, truyền thống chung, quyền lợi chung mới có thể làm dịu đi cái nguy cơ ấy. Vậy nên những hình thái nhà nước như thế, càng non trẻ lại càng lệ thuộc vào tầm cỡ của lãnh đạo – quả là tác phẩm của những bậc quyền uy kiệt xuất, những đấng anh hùng về tinh thần thật, song lại cũng dễ tan rã, và thường là tan rã ngay sau khi con người đơn độc đã lập ra nó qua đời. Phải hàng trăm năm nữa mới có thể khống chế nổi các nguy cơ ấy; chúng chỉ thiêm thiếp ngủ thế thôi, để thường là bừng tỉnh thật đột ngột, ngay khi mà lãnh đạo chung bộc lộ yếu kém và sức mạnh của giáo dục, mọi truyền thống cao quý

không còn át nổi sức trỗi dậy của các bộ tộc khác nhau vùng lên đòi quyền sống riêng.
Có khi lỗi lầm bi thảm của nhà Habsbourg lại ở chỗ đã không nhận thức ra được điều ấy.
Số phận còn dương cao ngọn đuốc soi sáng tương lai đất nước thêm một lần nữa, chỉ cho duy nhất một người trong nhà ấy, để rồi sau đó lại dập cho nó lụi hẳn mãi mãi.



Joseph II., vị hoàng đế La Mã của dân tộc Đức đã lo lắng nhiều khi nhìn thấy triều đình của ông đã bị đẩy ra đến tận sát lề ngoài cùng của đế chế, rồi tất sẽ phải biến đi trong vũng xoáy suy tàn của các dân tộc, nếu như đến thời khắc cuối cùng rồi mà thiếu sót của các bậc cha ông vẫn chưa được bù đắp. Giá như ông được ân hạn chỉ bốn chục năm thôi cho công việc, và giá như chỉ hai đời sau ông thôi, vẫn làm tiếp cũng như thế cái công việc đã được khởi động, thì hẳn là đã có chuyện thần kỳ xảy ra.
Song ông trị vì đâu có được đủ chục

năm, rã rời cả về thể xác lẫn tinh thần, ông đã ra đi và sự nghiệp cùa ông cùng theo ông xuống mồ, để rồi chẳng được ai đánh thức, cũng lại vĩnh viễn ngủ luôn dưới mồ.

Những người kế vị ông thảy đều không ngang tầm nhiệm vụ, về cả tinh thần và ý chí.

Đến khi những dấu hiệu giông bão cách mạng đầu tiên của một thời đại mới đã bùng lên khắp châu Âu thì ở Áo quốc lửa cũng từ từ tuần tự bén. Rồi cuối cùng cháy bùng lên, sức thiêu đốt của đám cháy ở thời điểm ấy lại ít do các nguyên nhân từ xã hội, tổ chức xã hội hay là thậm chí chính trị chung, mà do các lực đẩy có nguồn gốc từ dân là chính.

# Chương 3:2: CUỘC CÁCH MẠNG NĂM 1848

Cuộc cách mạng năm 1848 có thể là cuộc đấu tranh giai cấp ở các nơi, nhưng ở Áo quốc thì ngay từ đầu, vốn nó đã là một cuộc tranh chấp chủng tộc. Ở chỗ là ngày ấy người Đức, quên bẵng mất hay là không thừa nhận cái nguồn cơn ấy, đã đứng lên phụng sự cuộc nổi dậy cách mạng, tức thị đã chấp nhận số phận của chính mình. Người Đức đã góp phần thức tỉnh tinh thần dân chủ phương Tây, cái tinh thần chẳng mấy lâu sau đó đã rút ruột cuộc sống của

chính họ, khiến nó mất hết nền tảng. Dựng lên cả một giới đại diện nghị viên mà lại chẳng đề ra và xác định từ trước một ngôn ngữ chung của nhà nước, vậy là hòn đá tảng đã được đặt sẵn ở đó để chấm dứt dần cái thế áp đảo của tính cách Đức trong nền quân chủ. Kể từ thời điểm đó trở đi cũng mất luôn cả chính nhà nước. Tất cả những gì đã xảy ra sau đó thì chỉ là sự tan rã lịch sử của cả một đế chế.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Dõi theo sự giải thể ấy, mới thấy thật đáng kinh ngạc mà cũng bổ ích nữa. Bản án của lịch sử về chi tiết đã được thi hành thông qua cả ngàn dạng thức. Mà số đông người ta lại chẳng hề thấy các hiện tượng tan rã; vậy chỉ có thể là do ý của thánh thần đã quyết huỷ diệt Áo quốc.
Ở đây tôi không muốn sa đà vào chi tiết, bởi đó không phải là nhiệm vụ của cuốn sách này. Tôi chi có ý định kéo vào phạm vi nghiên cứu cho cơ bản hơn nữa, chính những quá trình vốn vẫn luôn luôn là những nguyên nhân làm cho các dân tộc và các nhà nước suy sụp mà vẫn hãy còn có ý nghĩa cho đến tận thời đại của chúng

ta ngày nay, và cuối cùng đã góp phần cho tôi bảo đảm được các nền tảng cho tư duy chính trị của mình.
Trong các thiết chế, mà đến người tiểu thị dân bảo thủ hẹp hòi không được trời phú cho đôi mắt sắc sảo cũng thấy rành rành, đã xâu xé nền quân chủ Áo quốc rồi thì vẫn có cái tự cho rằng mình nhiều quyền lực nhất – nghị viện hoặc giả hội đồng đế chế như người Áo quốc thường gọi.
Thấy rõ là hình mẫu của cái thiết chế ấy ở mãi tận bên Anh, đất nước của nền "dân chủ" cổ điển. Người ta đã tiếp thu từ bên đó cái tổ hợp đem lại hạnh phúc ấy rồi cứ thế bê nó nguyên si về Vienna.
Hệ thống lưỡng viện của người Anh

như thế đã được chào mừng sự tái sinh của nó trong Abgeordnetenhaus (nghĩa đen: viện các đại biểu, nghĩa bóng: hạ viện Đức và Áo, ND) và Herrenhaus (nghĩa đen: viện các ông chủ, nghĩa bóng: thượng viện Đức và Áo, ND). Chỉ có chính các “toà nhà” là hơi khác đi chút ít. Khi Barry(kiến trúc sư Anh (1795- 1860), đây là công trình lớn nhất của ông, ND) bắt đầu cho dựng toà lâu đài của nghị viện bên dòng sông Thames, ông đã bỏ công lục lại lịch sử của đế quốc Anh, cố tìm để nhặt ra các tiết trang trí dành cho 1200 cái hốc tường, rầm chìa, cột trụ ở công trình tráng lệ của ông. Vậy là trong nghệ thuật kiến trúc và mỹ thuật, ngôi nhà của

các Lord (đức ông, tiếng Anh trong nguyên bản, ND) và của nhân dân trở thành dấu ấn vinh quang của quốc gia.

Đến đây thì nảy sinh cái khó đầu tiên cho Vienna. Bởi khi Hansen (kiến trúc sư, ND), người Đan Mạch, hoàn thiện xong các bậu cửa cuối cùng ở toà nhà đá hoa cương của nghị viện mới, thì để làm đẹp, ông ta cũng chẳng còn cách nào khác, lại phải dựa vào cổ đại. Vậy là các chính khách và triết gia La Mã và Hy Lạp lúc này lại phải làm đẹp cho toà diễn trường ấy của "nền dân chủ phương Tây", và như thể một sự mỉa mai biểu tượng, trên hai tòa mái bốn cỗ xe tứ mã lại phóng toả ra bốn

phương, do vậy thể hiện rõ nét nhất cái lực đẩy bên trong hướng ngoại ở thời ấy.

Loại trừ các thứ "tính dân tộc" bởi lịch sử Áo quốc sẽ được ngợi ca trong công trình ấy, tựa như xúc phạm và khiêu khích, trong đế chế người ta đúng là đã phải đợi mãi cho đến tận khi đã rộ lên tiếng súng các trận đánh của thế chiến mới dám khắc lên cái công trình Reichstag (nghị viện Đức, ND) của Wallot (kiến trúc sư Đức, 1841-1912, công trình chính là nghị viện Đức, ND) dòng chữ tôn vinh dân tộc Đức.

Ngày đó tôi còn chưa tới tuổi hai mươi, lần đầu tiến đến cái toà nhà tráng lệ ở vành đai Franzen ấy, để

dự khán và dự thính một phiên họp của hạ viện, đã có ngay cảm giác thấy chối.

Tôi vốn đã căm ghét nghị viện từ trước rồi, song tuyệt không phải vì nó là thiết chế. Ngược lại chứ, là người cảm nhận tự do, tôi đã không thể nào tự hình dung nổi một khả năng cai trị khác, bởi do thái độ của tôi đối với nhà Habsbourg; với tôi ý tưởng về bất kỳ một nền chuyên chính nào cũng là tội ác, chống tự do và chống mọi lẽ phải.

Lại cũng không ít phần vì tôi là người còn trẻ, đọc báo chí nhiều mà không tự hình dung được thật rõ, cho nên ít nhiều cũng đã bị tiêm nhiễm lòng cảm mến nghị viện Anh, mà tôi

không định để cho nó dễ dàng mai một. Công sức mà ở bên đó, cả hạ viện nữa đã bỏ ra để chú tâm đến các nghĩa vụ của họ (như báo chí của chúng ta từng biết cách mô tả rất hay) đã để lại trong tôi những ấn tượng mạnh. Liệu có thể có được một dạng thức nào còn thanh cao hơn thế, để cho một cộng đồng dân tộc tự quản lấy mình?

Song chính vì thế mà tôi là kẻ thù của nghị viện Áo quốc. Tôi cho rằng cái dạng thức hiện ra toàn cảnh ấy thật chẳng xứng tầm với tấm gương lớn kia. Song thêm vào đó bây giờ lại còn có chuyện sau đây.

Số phận của chất Đức trong nhà nước Áo quốc phụ thuộc vào cái vị

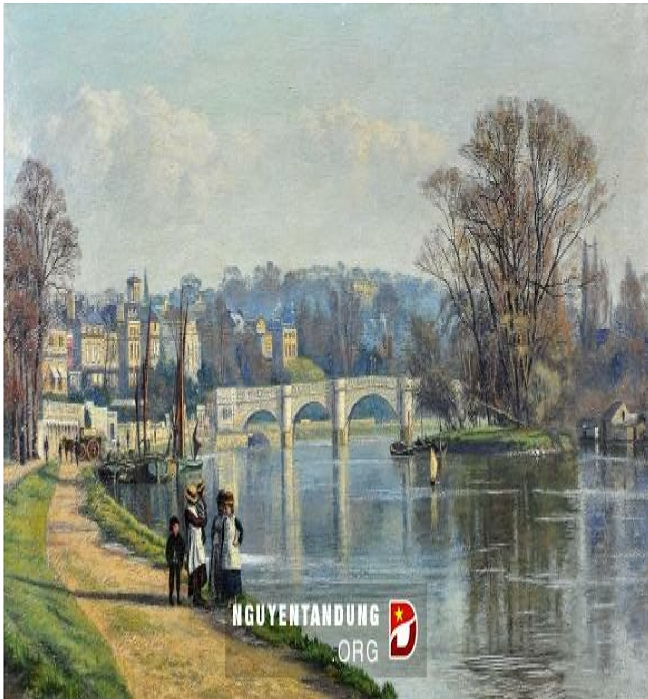
thế của nó trong hội đồng đế chế. Cho đến khi quyền bỏ phiếu phổ thông và bí mật (kín, ND) được áp dụng thì ở trong nghị viện vẫn còn một đa số Đức, tuy rằng không đáng kể. Chỉ cái tình thế ấy thôi đã là đáng để cho nghi ngại, bởi lẽ Đảng Xã hội Dân chủ với hành tung không đáng tin cậy về mặt dân tộc của nó: cứ mỗi khi có vấn đề gay cấn liên quan đến cộng đồng người Đức – để cho người đi theo (Đảng, ND) ở các dân tộc khác khỏi quay lưng lại với nó – là nó luôn luôn chống các đòi hỏi của người Đức. Nhưng với việc đưa quyền bỏ phiếu phổ thông vào thực thi thì cái thế áp đảo của người Đức đâu còn nữa, thuần tuý chì trên

những chữ số thôi cũng vậy. Bây giờ chẳng còn có trở ngại nào nữa trên con đường phi Đức hoá nhà nước.

Vì lý do đó nên ngay từ hồi ấy, do bản năng tự bảo tồn dân tộc, tôi đã chẳng thấy ưa một thứ cơ quan đại diện cho dân, mà trong đó cộng đồng Đức bị phản bội chứ không phải được đại diện. Chỉ từng ấy thôi đã là những thiếu sót mà, cũng như còn nhiều cái khác nữa, không thể đem gán cho tự thân sự vật được, mà phải quy về cho nhà nước Áo quốc mới thật đúng. Trước, tôi hãy còn tin là với việc tái lập đa số của người Đức trong các cơ quan đại diện rồi sẽ hình thành một lập trường nguyên tắc, thì nay ngược lại, không

còn vận hội nữa chừng nào mà cái nhà nước già cỗi này vẫn cứ tồn tại.

Đã tự xác định trong lòng như thế, lần đầu tiên tôi bước chân vào những căn phòng vốn được tôn phong mà cũng gây tranh cãi. Tuy nhiên tôi lại thấy là chúng được tôn phong chỉ vì vẻ đẹp thanh nhã của kiến trúc tráng lệ. Một kỳ quan thuộc thời cổ Hy Lạp ở ngay trên đất Đức.




Dòng sông Thames năm 1884.

Song nào có được mấy lúc, tôi đã nổi giận ngay khi được chứng kiến

cái màn kịch thảm thương diễn ra ngay trước mắt mình.
Có khoảng vài trăm vị đại diện cho dân đang có mặt ở đó, họ cần phải nói lên quan điểm của mình về một vấn đề có ý nghĩa kinh tế quan trọng. Chỉ một ngày đầu tiên ấy đã là đủ với tôi, để gợi cho tôi nghĩ ngợi mãi hàng tuần lễ sau.
Nội dung tinh thần của cái được nói ra quả là ở một “tầm cao” có thể thật sự làm cho ta suy sụp trong chừng mực mà ta còn có thể hiểu ra lời nói, bởi dăm ba vị nào đâu có nói tiếng Đức, mà lại nói các thứ tiếng Xlavơ mẹ đẻ, hoặc đúng hơn, các thứ phương ngữ. Cái mà cho tới hôm đó tôi đã biết qua báo chí, thì

bây giờ tôi được nghe tận tai của mình. Một đám đông náo loạn, la hét om sòm trong đủ mọi âm vực, khoa chân múa tay, còn trên kia là một ông “bác” đã già, vô hại, trong mồ hôi của kiếp người, đang ra sức lắc cho thật mạnh một cái chuông và, lúc thì dỗ dành, lúc lại cảnh cáo, cố gắng hô hào là hãy để cho phẩm chất của viện được quay lại dòng chảy.

Tôi đã phải bật cười.

Mấy tuần sau tôi lại đến toà nhà ấy. Hình ảnh đã khác chẳng còn nhận ra được. Hội trường trống trơn. Người ta ngủ ở bên dưới. Dăm đại biểu ngồi ghế đang ngáp vặt với nhau, lại có một vị đang “diễn thuyết”. Một vị

phó chủ tịch viện có mặt đó và thấy rõ là ông ta đang chán ở trong hội trường.
Những suy xét đâu tiên đã trào lên trong tôi. Bấy giờ, hễ cứ thời gian tạo cho khả năng thế nào đó là tôi lại chạy tới, âm thầm chăm chú quan sát từng hình ảnh, lắng nghe các diễn từ trong chừng mức còn hiểu được, nghiên cứu các gương mặt thông minh hơn hay kém của những con người đã được chọn lọc ra từ các dân tộc của cái nhà nước đáng buồn này – và rồi dần dần cứ thế tự hình thành lấy những ý kiến riêng của mình.
Một năm cứ lặng lẽ quan sát như thế đã đủ, để mà hoặc là thay đổi, hoặc

là bỏ hẳn đi cái quan điểm trước của tôi về thực chất của cái thiết chế này. Lòng tôi không còn chống đối cái hình thù bị biến dạng mà ý tưởng ấy ở bên Áo quốc đã chấp nhận; không, tôi không còn có thể nhận ra nghị viện là như vậy. Cho tới khi đó, tôi vẫn cho rằng điều chẳng may của nghị viện Áo quốc là ở chỗ không có một đa số Đức, bây giờ thì tôi lại thấy là nỗi bất hạnh không tránh được kia nằm ở chính trong toàn bộ bản chất và bản sắc của cái cơ cấu ấy.

Ngày ấy, cả một loạt câu hỏi đã rộ lên ở trong tôi.

Tôi đã bắt đầu hiểu ra cái nguyên lý dân chủ trong quyết định của đa số –

vốn là cơ sở của toàn bộ cái thiết chế ấy, và cũng đã chú ý không kém đến giá trị tinh thần và đạo lý của những vị đã được các dân tộc bầu chọn ra để phụng sự cho cái mục tiêu ấy.

Như vậy cùng lúc tôi đã được làm quen với cả thiết chế và những người gánh vác nó.

Chỉ mất có vài năm thôi, mà đã thành hình xong trong tôi, cả về nhận thức và cách nhìn, cái kiểu hình của thứ hiện tượng sáng giá nhất ở thời đại mới, mà rành rọt như đúc, như nặn: con người nghị sĩ. ông ta đã bắt đầu in dấu trong tôi ở một dạng thức mà không bao giờ còn có thể bị làm cho thay đổi về cơ bản.

Lần này cũng thế, cái cách học bằng trực quan ở chính chân lý của thực tế đã bảo vệ cho tôi khỏi bị bóp nghẹt bởi một thứ lý thuyết mà mới xem cứ ngỡ sẽ hấp dẫn nhiều người, song tuy thế lại thuộc về những hiện tượng làm suy sụp loài người.
Nền dân chủ phương Tây ngày nay vốn đã có từ trước chủ nghĩa Mác, không có nó thì tuyệt không thể tưởng tượng ra chủ nghĩa Mác. Chính nó lúc đầu đã cung ứng mảnh đất nuôi dưỡng cho căn bệnh dịch này, để rồi dịch bệnh đã lây lan ra từ chính mảnh đất ấy. Trong cái hình thái thể hiện ra ngoài của nó, là chế độ đại nghị, nó còn tự tạo ra cho mình một “thứ đáng kinh tởm toàn

bùn với lửa", mà vào đúng thời điểm ấy, tiếc là hình như tôi lại đã chì nhìn thấy có lửa cháy rụi.

Tôi mắc nợ số phận còn hơn cả hàm ơn, ở chỗ nó đã đặt cũng câu hỏi ấy cho tôi để nghiệm xem từ hồi đang còn ở Vienna, bởi tôi e rằng khi ấy mà ở Đức thì biết đâu, tôi đã chẳng trả lời quá khinh xuất. Giá như tôi được biết đến chỗ lố lăng của cái thiết chế gọi là "nghị viện" ấy ở Berlin trước, thì có khi tôi đã bị sa vào chỗ đối nghịch và đã tự mình, chẳng phải không có lý do hình như là xác đáng, đứng ngay sang phía những ai chỉ trông thấy vận hội của dân và nước duy nhất trong mỏi việc gia tăng sức mạnh cho ý tưởng hoàng đế, mà

như thế thì đứng trước thời đại với con người cùng lúc lại thành ra vừa đui mù vừa xa lạ.

Bên Áo quốc không thể có điều ấy được.

Ở Áo quốc người ta đâu có dễ dàng từ một sai lầm này lại sa vào sai lầm khác được. Một khi nghị viện chẳng được việc gì thì việc được của nhà Habsbourg lại ít hơn thế nhiều – tuyệt không còn trường hợp ấy. Ở đây chỉ riêng việc chối bỏ “chế độ đại nghị” thì chưa là gì cả, bởi như thế thì câu hỏi vẫn đang còn bị bỏ ngỏ: cái gì bây giờ? Việc chối bỏ và loại trừ hội đồng đế quốc sẽ dẫn đến – chỉ còn nhà Habsbourg làm quyền lực duy nhất điều hành đất nước,

một ý tưởng hoàn toàn không chấp nhận được đối với tôi.

# Chương 3:3: LÃNH ĐẠO VÀ NGHỆ THUẬT GIẢI THÍCH

Khó khăn của trường hợp đặc biệt này dẫn tôi tới việc xem xét kỹ càng hơn nữa bản chất vấn đề, điều vốn đã xuất hiện từ thời trẻ.

Điều đầu tiên mà cũng là điều gây cho tôi nhiều suy nghĩ nhất là sự thiếu hụt rõ ràng bất cứ trách nhiệm nào của một cá nhân.

Nghị viện đi đến một nghị định nào đó mà dù cho nó có thể dẫn đến nguy hại thế nào chăng nữa – không ai chịu trách nhiệm cho việc đó, chẳng có ai phải báo cáo về nó cả.

Bởi lẽ đó là nhận trách nhiệm ư, khi mà sau một vụ đổ vỡ như vậy thì chính phủ mắc lỗi từ chức? Hay liên minh thay đổi, thậm chí giải tán nghị viện?
Liệu bao giờ có thể hoàn toàn quy trách nhiệm cho một đa số người đang lung lay chăng?
Phải chăng mỗi ý nghĩ về trách nhiệm phải gắn cho một cá nhân?



Nhưng liệu trên thực tế, người ta có thể quy trách nhiệm cho cá nhân lãnh đạo một chính phủ về những hành động mà bước hình thành và việc thực thi hoàn toàn đặt vào tài khoản ý chí và xu hướng của nhiều người?
Hoặc: Phải chăng đó là nhiệm vụ của vị lãnh đạo nhà nước, thay vì chỉ đẻ ra ý tưởng sáng tạo hay những kế hoạch, lại chỉ chú trọng vào nghệ thuật giải thích, để cho một đàn cừu với những cái đầu bã đậu hiểu được tính thiên tài các bản phác thảo của ông ta, và sau đó nài nỉ xin sự đồng tình dễ dãi của họ?
Liệu đó có phải là tiêu chuẩn cho vị lãnh đạo nhà nước, là ông ta có

nghệ thuật thuyết phục ngang bằng nghệ thuật của sự khôn ngoan lãnh đạo nhà nước trong việc đề ra những hướng lớn hay những quyết định?

Liệu đã chứng minh được sự thiếu năng lực của một lãnh tụ qua sự kiện ông ta không thành công với việc thuyết phục đa số một đám người, được ghép lại nhờ những sự ngẫu nhiên nhiều hay ít sạch sẽ hơn, để họ theo một ý tưởng nhất định?

Liệu mỗi hành động thiên tài ở thế giới này có phải là sự phản kháng rõ rệt của thiên tài đó chống lại tính trơ ỳ của đám đông?

Nhưng vị lãnh đạo nhà nước phải làm gì khi ông ta không thành công

với việc nịnh hót để giành được sự ủng hộ của đám đông này cho những kế hoạch của mình?
Hay ông ta phải mua chúng?
Hay ông ta, do sự ngu dốt của đồng bào mình, phải từ bỏ việc thực thi những nhiệm vụ được coi là hệ trọng cho đất nước; rút lui, hay dẫu sao vẫn cứ nên ở lại?
Trong trường hợp này, liệu nhân cách có thật đi đến mâu thuẫn không giải quyết nổi, giữa nhận thức và nghi thức, hay nói đúng hơn là chính kiến trung thực chăng?
Ở đây đâu là biên giới cách biệt trách nhiệm của tính cộng đồng với nhiệm vụ danh dự của cá nhân?
Liệu mỗi lãnh tụ chân chính có phải

tự cấm mình không được bằng cách này hạ cấp xuống thành kẻ chợ đen chính trị chăng?
Ngược lại, phải chăng mỗi kẻ chợ đen không được phép cảm thấy thời cơ đến để “làm” chính trị do chẳng bao giờ anh ta phải nhận trách nhiệm cuối cùng, mà đó là cái không ai nhận thức được?
Liệu nguyên tắc đa số nghị viện của chúng ta có nhất thiết dẫn tới việc chủ tâm phá hủy cái ý tưởng lãnh tụ chăng?
Hay người ta tin rằng, tiến bộ trên thế giới này xuất phát từ não bộ số đông chứ không phải từ khối óc cá nhân?
Hay người ta tưởng rằng, có thể bỏ

qua điều kiện này của văn minh nhân loại cho tương lai chăng?
Phải chăng trái lại, ngày nay cần điều đó hơn bao giờ hết?
Bằng cách để cho nguyên tắc nghị viện là đa số quyết định phủ nhận uy tín cá nhân, và thay vào đó là con số của cái đám nào đó, nguyên tắc này phạm tội chống lại ý tưởng cơ bản của tự nhiên về giới quý tộc, tuy nhiên ở đây quan điểm về giới quý tộc không nhất thiết bằng bất cứ cách nào thể hiện sự suy đồi hiện nay của tầng lớp mười ngàn (người, ND) ở trên.
Cái cơ quan quyền uy nghị viện dân chủ hiện đại này gây bao nhiêu hoang tàn, thì dĩ nhiên bạn đọc của

những tờ báo Do Thái khó hình dung, chừng nào anh ta còn chưa suy nghĩ tự lập và chưa học được cách kiểm chứng. Trước hết nó là nguyên cớ cho việc toàn bộ đời sống chính trị bị tràn ngập bởi các hiện tượng thấp kém nhất của thời hiện tại.

Chừng nào mà lãnh tụ còn lùi bước trước hành động chính trị, chủ yếu nó không thể bao gồm năng lực và công việc sáng tạo, mà phần lớn trong việc buôn bán và mặc cả để giành sự ưu ái của đa số, thì chừng đó chính hành động này lại tương ứng với tư tướng tiểu nhân và từ đó cũng kéo theo nó.

Ngày nay một tên hoạn lợn như vậy

càng có tư duy và năng lực của gã lùn hơn, nhìn nhận của chính hắn về sự thảm hại thể hiện thật của hắn càng đi vào ý thức rõ rệt hơn, thì hắn càng ca ngợi cái hệ thống chẳng hề đòi hỏi ở hắn sức lực và thiên tài của một vị khổng lồ, mà trái lại hẳn càng bằng lòng hơn với tính láu cá của anh trưởng thôn, thậm chí thích thấy một loại thông thái như vậy hơn một viên đá quý. Khi đó một kẻ ngây ngô như vậy chẳng bao giờ phải dày vò bởi trách nhiệm về hành động của mình. Về cơ bản hắn đã rũ bỏ trách nhiệm này, bởi lẽ hắn biết rất rõ, dù kết quả của việc làm cẩu thả "lãnh đạo nhà nước" của hắn có ra sao đi nữa thì kết cục của hắn vẫn đã được

ghi trên số tử vi: một ngày kia hắn sẽ nhường chỗ cho một nhà tư tưởng cũng lớn hệt như vậy. Bởi lẽ đây cũng là một đặc trưng cho một sự suy vong như thế, khi số lượng các nhà lãnh đạo nhà nước tăng theo cùng tỷ lệ với sự hụt giảm của cá nhân (lãnh đạo, ND). Nhưng cá nhân phải càng ngày càng ít theo sự gia tăng sự phụ thuộc vào đa số trong nghị viện, bởi lẽ các nhà tư tưởng lớn sẽ từ chối làm tên mật thám cho những kẻ vô tích sự đần độn và khoác lác, hệt như ngược lại các đại diện cho đa số, nghĩa là cho sự ngu dốt, ghét cay ghét đáng hơn nữa bộ óc vượt trội.











Adolf Hitler là một nhà lãnh đạo nhưng ông vẫn thành lập một kết nối với hàng triệu người dân Đức rất thân thiện.

Đó luôn là một cảm giác khuây khoả cho một cuộc họp hội đồng lãnh đạo thành phố Schilda (thành phố đông Đức nổi tiếng với các trò tinh nghịch Schildbürger, ND), biết rằng đang có một lãnh tụ đứng đầu, mà sự thông thái của vị này chỉ tương đương với mức của những người hiện diện: mỗi người vẫn đều có niềm vui sướng đôi lúc cũng có thể nhét tư tưởng của mình vào được. Nhưng trước hết là: khi lúc này Hinze đã có thể là ông chủ, tại sao Peter lúc khác lại không?

Thế nhưng sâu xa nhất thì phát minh dân chủ này lại ứng với tính chất, mà

gần đây đã lớn lên thành một nỗi nhục thật sự – chính là sự hèn nhát của phần lớn cái gọi là “giới lãnh đạo” của chúng ta. Hạnh phúc xiết bao, nếu như trong mọi quyết định thật sự có thể dấu mình dưới váy của cái gọi là đa số!
Ta chỉ cần một lần ngắm một kẻ cắp chính trị như vậy, khi hắn ở mỗi công việc phải tiến hành, lại đi ăn xin sự chấp thuận của đa số, để qua đó bảo đảm được số đồng môn ti tiện cần thiết và như vậy bất cứ lúc nào cũng rũ bỏ được trách nhiệm. Nhưng đó cũng lại là nguyên nhân chính sao cho một loại hành động chính trị như vậy bị một người, có nội tâm đứng đắn và dũng cảm, ghê tởm và căm

thù đến thế; trong khi ngược lại, nó thu hút tất cả các nhân cách khốn nạn. Và những ai không muốn cá nhân mình đứng ra chịu trách nhiệm cho hành động của mình, mà đi tìm cái ô che, đều là kẻ đê tiện hèn nhát. Nhưng một khi những người lãnh đạo một quốc gia lại chỉ gồm những kẻ đáng thương như vậy, thì chỉ một thời gian ngắn sau, điều đó sẽ bị trả giá nặng nề. Sau đó người ta sẽ chẳng còn có gan quyết tâm đi đến một hành động nào nữa – sẽ dễ dàng chấp nhận ngay cả sự phỉ báng dù nhục nhã nhất, thay vì cố đứng lên đi đến một quyết định, vì chẳng còn ai nữa tự nguyện sẵn sàng đưa cá nhân với cái đâu mình ra cho một

quyết định nhẫn tâm.
Bởi lẽ có một điều mà không ai được phép quên: Ngay ở đây, đa số cũng chẳng bao giờ thay thế được con người. Nó không chỉ luôn luôn là đại diện cho sự ngu dốt, mà cả sự hèn hạ. Và hệt như trăm cái đầu bã đậu chẳng thể cho một cái đầu thông thái, thì từ trăm kẻ hèn nhát cũng chẳng thể đi đến quyết định anh hùng.
Nhưng nếu cá nhân lãnh tụ càng dễ nhận trách nhiệm, thì số những người ngay ở quy mô dù tội nghiệp nhất vẫn cảm thấy mình được bổ nhiệm đóng góp sức lực bất tử của mình cho đất nước. Thực vậy, họ sẽ chẳng khác được để cuối cùng cũng

đến lượt đứng trong hàng và đếm số người đứng chờ trước mình với sự nuối tiếc vô cùng, và tính trước được giờ mà theo cách đánh giá con người, đưa họ ra tàu. Bởi vậy họ kỳ vọng vào mỗi sự thay đổi về vị trí trước họ, và cám ơn mỗi vụ bê bối làm cho hàng của họ đỡ dài. Nhưng nếu có ai đó không chịu nhường vị trí đã lấy, họ có cảm giác gần như phá hoại một hiệp định thần thánh về tình đoàn kết chung. Rồi họ sẽ bức bối và không chịu yên chừng nào kẻ không biết ngượng, cuối cùng cũng bị đánh đổ, hiến cái chỗ đang còn nóng hổi đó cho cộng đồng. Hẳn chẳng nhanh chóng lấy lại được cái vị trí đó. Bởi lẽ khi một trong những

kẻ súc sinh này bị buộc phải bỏ chức vụ của mình, thì y lại phải cố gắng len vào cái hàng chung của những người đứng đợi, nếu như không bị tiếng la hét, chửi rủa của những kẻ khác ngăn lại.

Hệ quả của tất cả những cái đó là sự thay đổi nhanh một cách đáng sợ ở những vị trí và chức vụ quan trọng nhất của một thể chế nhà nước như vậy, một kết quả mà trong bất cứ trường hợp nào cũng là bất lợi, nếu không muốn nói, thậm chí đôi khi là tai hoạ. Bởi lẽ giờ thì không phải chỉ kẻ ngu đần và bất tài trong phẩm cách trở thành nạn nhân, mà hơn thế là cả lãnh tụ thật sự, nếu như số phận còn đưa được một người như

vậy vào vị trí đó. Chỉ cần một khi nhận ra điều này, ngay lập tức hình thành một mặt trận nhất trí nhằm phòng thủ, đặc biệt khi một cái đầu như vậy lại không xuất phát từ chính hàng ngũ mình, mà vẫn dám len lỏi vào cái xã hội thanh cao này. Về nguyên tắc, lẽ ra người ta chỉ muốn là người trong nhà với nhau thôi và ghét ở tư cách kẻ thù với bất cứ cái đầu nào mà có thể đạt tới điểm một trong cái nhóm toàn số không. Và theo hướng này thì bản năng nhạy bén hơn, dù cho về tất cả các mặt khác thì nó có yếu chăng nữa.

# Chương 3:4: CƯỚP ĐI TRÍ TUỆ CỦA NHÀ BÁO LƯU MANH

Thế nên, hậu quả là một sự càng ngày càng nghèo đi về trí tuệ lan toả ở tầng lớp lãnh đạo. Qua đó điều gì sẽ mang lại cho quốc gia và nhà nước, thì ai cũng có thể tiên liệu được, chừng nào cá nhân anh ta không thuộc vào loại các “lãnh đạo” này.

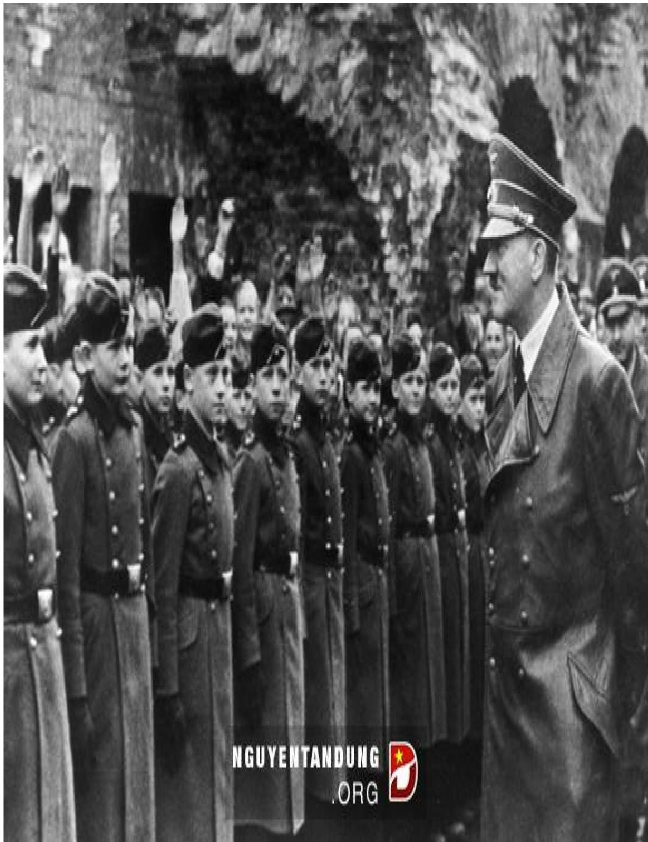
Áo quốc cổ xưa vốn đã có cách điều hành nghị viện ở dạng thuần tuý.

Chắc rằng các thủ tướng đều do

hoàng đế hay nhà vua đề cử, chỉ riêng sự đề cử này cũng đã không gì khác hơn là việc thực thi ý muốn nghị viện. Tuy nhiên sự mua bán và mặc cả từng chức bộ trưởng riêng lẻ lại đã là nền dân chủ phương Tây dạng tinh khiết nhất. Các kết quả cũng tương ứng với những nguyên tắc thực dụng. Đặc biệt, việc thay đổi từng nhân vật riêng lẻ lại đã xảy ra theo những thời hạn ngày càng ngắn đi, để cuối cùng trở nên một cuộc săn đuổi thực sự. Theo cùng mức độ đó thì tầm cỡ của "lãnh đạo nhà nước" tương ứng càng ngày càng co lại, để cuối cùng chỉ còn lại cái thể loại nhỏ nhoi của những kẻ buôn lậu nghị viện mà giá trị lãnh đạo nhà

nước của chúng chỉ được đo đạc và công nhận nhiều hơn theo năng lực mà với nó, chúng thành công với việc nhào nặn liên minh tương ứng, nghĩa là tiến hành những phi vụ buôn bán chính trị nhỏ bé nhất, mà chỉ riêng điều đó đã có thể lý giải cho sự phù hợp của các vị đại diện nhân dân này với các công việc thực tiễn.

Vậy nên trong lĩnh vực này, trường phái Vienna có thể cung cấp những ấn tượng tốt nhất.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Điều cuốn hút tôi chẳng ít là sự so sánh giữa khả năng và hiểu biết sẵn có của những đại biểu nhân dân này với những nhiệm vụ đang chờ họ. Dĩ nhiên, dù muốn hay không người ta vẫn phải tự mình quan sát kỹ hơn tầm tư duy của những người được các dân tộc lựa chọn này, khi đó sẽ hoàn toàn không tránh được việc phải dành sự lưu ý cần thiết cho cả những quá trình dẫn tới sự phát hiện ra những nhân vật tuyệt vời này của công chúng.

Cả cái cách mà khả năng thật sự của các quí ông được đưa vào dùng để phục vụ tổ quốc, nghĩa là quá trình kỹ thuật hoạt động của họ, đáng được nghiên cứu và kiểm tra

kỹ càng.

Khi đó sẽ thấy toàn bộ bức tranh đời sống nghị viện càng đáng thương hơn, nếu người ta quyết định càng đi sâu hơn vào các mối quan hệ nội tại này, nghiên cứu các cá nhân và cơ sở chuyên môn bằng sự khách quan sắc bén tới mức nhẫn tâm. Đúng vậy, điều này rất đáng cho một thể chế mà, nó tự thấy được có lý do để qua những người đại diện cho nó, sau mỗi câu lại lưu ý tới “tính khách quan” như là cơ sở công bằng duy nhất đối với bất cứ việc kiểm tra và bày tỏ thái độ nào. Người ta hãy kiểm tra chính các quí ông này và những quy luật sự tồn tại cay đắng của họ, và người ta sẽ chỉ có thể

ngạc nhiên về kết quả mà thôi!
Chẳng có nguyên tắc nào, nếu xét thật khách quan, lại sai hơn cái nguyên tắc nghị viện.
Khi đó người ta còn được phép hoàn toàn bỏ qua cái cách, ở đó tiến hành sự lựa chọn các quí ông đại biểu nhân dân, mà họ đi đến chức vụ và phẩm giá mới của mình như thế nào. Việc ở đây chỉ xoay quanh một phần thực sự tí xíu của sự thoả mãn ước vọng chung hay thậm chí một nhu cầu, thì ai cũng nhận ra ngay, nếu như người đó tự khai sáng mình rằng: hiểu biết chính trị của quảng đại quần chúng hoàn toàn còn chưa phát triển, để có thể tự mình đi đến những quan điểm chính trị khái quát

nhất định và tìm ra những người đáng để ý cho vấn đề đó.

Cái mà chúng ta hay gọi bảng từ “công luận”, chỉ dựa một phần nhỏ vào những kinh nghiệm tự mình đúc kết hay thậm chí nhận thức của từng người; trái lại đa phần dựa vào ý tưởng phát sinh thường từ một thể loại hoàn toàn có sức thuyết phục và kiên trì của cái gọi là “sự khai sáng”.

Hệt như quan điểm tôn giáo là kết quả của giáo dục và chi có chính nhu cầu tín ngưỡng mới âm ỉ bên trong con người, thì lập trường chính trị của quần chúng cũng chi thể hiện kết quả cuối cùng của sự xử lý đôi khi bền bỉ và kỹ lưỡng tới mức rất khó tin về tâm linh và tri thức.

Phần rõ ràng lớn nhất của “giáo dục” chính trị, mà ở trường hợp này người ta có thể gọi rất đích đáng bằng từ tuyên truyền, rơi vào tài khoản của báo chí. Trước hết nó chăm sóc “công tác khai sáng” này gần như là một trường học dành cho người lớn. Chỉ có điều việc học này không nằm trong tay nhà nước, mà trong nanh vuốt của những lực lượng phần nào đó rất thấp kém. Chính ở Vienna, khi còn là một người trẻ tuổi, tôi đã có cơ hội tốt nhất để tìm hiểu chính xác các ông chủ tinh thần và các nhà sản xuất ra cỗ máy giáo dục quần chúng này. Lúc đầu tôi phải ngạc nhiên rằng, chỉ với khoảng thời gian ngắn tới mức nào mà cái cường

quốc bậy bạ bên trong nhà nước này có thể tạo ra một ý kiến nhất định, dẫu cho ở đó xoay quanh sự xuyên tạc hoàn toàn những ước nguyện nội tâm và quan điểm chắc chắn vốn dĩ đã tồn tại trong quần chúng. Chỉ trong vài ngày, từ một sự kiện nực cười đã làm ra một phong trào nhà nước trọng đại; trong khi ngược lại, trong cùng thời gian đó, những vấn đề hệ trọng tới cuộc sống lại bị mọi người lãng quên, hay nói đúng hơn là dễ dàng đánh cắp chúng ra khỏi trí nhớ của quần chúng.

Như vậy là chỉ cần vài tuần đã có thể phù phép từ số không nên tên tuổi, gắn những kỳ vọng không tin nổi của công luận rộng rãi vào đó, thậm chí

tạo cho chúng tính đại chúng mà ngay với một người thật sự nổi tiếng cả đời cũng khó đạt được. Tên tuổi mà một tháng trước chẳng ai biết, ngay cả chẳng bao giờ nghe đến, trong khi cùng thời gian đó những nhân vật cũ, đã qua thử thách ở hoạt động nhà nước hay các mặt khác của đời sống xã hội, đang có sức khoẻ sung mãn nhất lại đơn giản biến mất khỏi thế giới liên đới, hay bị dèm pha tệ hại tới nỗi trong chốc lát tên họ có nguy cơ biến thành biểu tượng cho một sự đểu giả hết mức. Người ta phải tìm hiểu cái cách ti tiện này của bọn Do Thái nhằm trút trong chỉ một lần những thứ bẩn thỉu nhất về vu khống thấp hèn và bôi nhọ

danh dự lên một người, để có thể đánh giá hết mối nguy cơ của những tên lưu manh báo chí này.
Sau đó sẽ chẳng có gì không hợp với một tên cướp đường trí tuệ để hắn đi đến những mục tiêu trong sạch của hắn.
Hắn sẽ rình mò những vấn đề gia đình thầm kín nhất và không nghỉ chừng nào cái bản năng chó săn mồi của hắn chưa tìm ra bất kỳ một biến cố tội nghiệp nào, để sau đó quyết định tiêu diệt nạn nhân bất hạnh.
Nhưng nếu ngay khi đã đánh hơi kỹ càng nhất mà chẳng tìm thấy gì, cả ở đời sống cộng đồng lẫn cuộc sống riêng tư, thì một gã như thế đơn giản là dùng ngay sự vu khống với niềm

tin sắt đá rằng dù có tới ngàn lần cải chính thì vẫn luôn còn lưu lại cái gì đó; và do hàng vạn lần lặp đi lặp lại, việc bôi nhọ vẫn xảy ra ngay được nhờ tất cả những đồng đội gươm giáo của hắn. Trái lại, trong phần lớn trường hợp, nạn nhân chẳng thể chống cự; thế nhưng ở đây nhóm côn đồ này chẳng bao giờ tìm những nguyên cớ mà lẽ ra ở nhóm người khác là đáng tin hay ít nhất là cũng còn hiểu được. Xin Chúa cứu xét! Bằng cách kẻ lưu manh này tấn công thế giới đáng yêu xung quanh với sự đê tiện nhất, thì con cá mực đó cùng lúc lại tung ra đám mây của sự thật thà và những ngôn từ thành tâm, tràng giang đại hải về "trách nhiệm

của báo chí" và những thứ giả dối tương tự, thậm chí ở cả những cuộc hội đàm hay hội nghị – nghĩa là những dịp mà tai ương này nhóm họp ở số đông hơn nữa, còn lộng ngôn về một cái hết sức đặc biệt, chính là "danh dự" báo chí, mà sau đó lũ vô lại đang tụ tập này khẳng định với nhau đầy tôn kính.

Tuy nhiên nhóm quân súc sinh này lại tạo ra được hơn hai phần ba cái gọi là "công luận", mà lớp bọt của nó về sau còn vượt qua cả Aphrodite (nữ thần Hy Lạp, sinh ra từ bọt biển – ND) nghị viện.

Để mô tả đúng phương pháp này và thể hiện được toàn bộ tính giả dối vô độ của nó, người ta phải viết hàng

pho sách. Chỉ riêng, ngay cả khi người ta có hoàn toàn bỏ qua nó và chỉ xem xét sản phẩm đã sinh ra từ hoạt động của nó, thì với tôi có vẻ như đã đủ để gợi lên chứng điên khùng khách quan nhất của tổ chức này, ngay cả với những tâm hồn ngoan đạo nhất.



Lính Đức Quốc Xã chà đạp người Do Thái.

Vậy là người ta sẽ hiểu, sớm nhất và dễ nhất, sự nhầm lẫn cả vô lý lẫn nguy hiểm này của loài người, chừng nào người ta so sánh chế độ đại nghị dân chủ với một nền dân chủ Đức quốc thật sự.

Điều đáng lưu ý của khái niệm đầu là ở chỗ, chẳng hạn năm trăm ông, hay thời gian gần đây là cả bà, được bầu mà họ có quyền quyết định cuối cùng ở từng và mọi việc. Vậy duy nhất họ là quyền lực; bởi lẽ dù cho có một hội đồng nội các được họ bầu ra mà với bên ngoài thì nó thực hiện điều hành công việc nhà nước, song đó cũng chỉ làm vì. Trên thực tế thì cái gọi là chính phủ chẳng tiến

hành được dù chỉ là một bước, nếu trước đó không lấy được sự chấp thuận của đại hội đồng. Qua đó thì nó (chính phủ, ND) cũng chẳng nhận trách nhiệm gì, bởi lẽ trách nhiệm cuối cùng lại không bao giờ ở nó, mà ở đa số của nghị viện. Trong mọi trường hợp, thì nó chỉ là người thực thi của ý chí đa số đó. Lẽ ra người ta cũng có thể đánh giá khả năng chính trị của nó qua nghệ thuật mà nó hiểu: hoặc thích nghi với ý chí đa số, hoặc chèo kéo đa số về mình. Nhưng qua đó thì nó tụt từ tầm cao của một chính phủ thật sự xuống một kẻ đi ăn mày ở đa số tương ứng. Vâng, vậy thì nhiệm vụ trọng yếu nhất của nó bây giờ chỉ còn là từ

trường hợp này sang trường hợp khác: hoặc bảo đảm sự ưu ái của đa số đang tồn tại, hoặc tiếp nhận việc lập một đa số mới có xu hướng tốt hơn. Nếu thành đạt, thì nó lại được phép tiếp tục “điều hành” một thời gian ngắn sau đó, còn nếu không, nó có thể phải ra đi. Tính đúng đắn những ý định của nó, khi đó về cơ bản chẳng hề đóng một vai trò gì.

Nhưng qua đó thì trên thực tế, mọi trách nhiệm đều đã được rũ bỏ.

Điều này dẫn đến hậu quả gì, chỉ từ quan sát rất đơn giản sau đã lộ rõ:

Cấu tạo nội tại của năm trăm đại biểu nhân dân được bầu theo nghề nghiệp hay thậm chí theo khả năng của từng người cho ta một hình ảnh

của sự chắp vá mà thường cũng còn rất thảm hại. Bởi lẽ người ta chẳng thể tin rằng, những vị được chọn này của quốc gia lại cũng đã được lọc lựa về cả tư duy lẫn trí tuệ! Hy vọng người ta sẽ không cho rằng từ những lá phiếu của tập thể những người đi bầu – có mọi thứ, chỉ trừ tư duy, mà mọc lên cả trăm vị lãnh đạo nhà nước. Thực vậy, người ta chẳng thể chống lại điều vô lý đủ lớn là: từ những phổ thông đầu phiếu sinh thành ngay các thiên tài.

# Chương 3:5: TỔ CHỨC VÀ NHỮNG CON CHUỘT DỐI TRÁ HẠNG NHẤT

Trước tiên, trong một quốc gia ở mọi thời đại, một lần chỉ có một lãnh đạo nhà nước và không thể hàng trăm hay hơn thế một lượt; thứ nữa là sự nhạy cảm của quần chúng đối với mỗi nhân tài xuất chúng là mạnh đến gần như là bản năng. Con voi qua lỗ kim dễ hơn là một con người vĩ đại được "phát minh" qua cuộc bầu.

Cái thực sự vượt qua chuẩn thông thường tự cá nhân sẽ thông báo trên

lịch sử thế giới.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Adolf Hitler: Thủ tướng Đức từ năm 1933, là "Lãnh tụ và Thủ tướng đế quốc" (Führer und Reichskanzler) kiêm nguyên thủ quốc gia nắm quyền Đế quốc Đức kể từ năm 1934.

Nhưng như vậy là năm trăm người quá ư tầm thường lại quyết định về những lợi ích trọng đại nhất của quốc gia, thành lập chính phủ mà sau đó chính cái chính phủ này tự mình lại phải đi lấy, trong mỗi trường hợp cụ thể và ở mỗi vấn đề đặc biệt, sự chuẩn y của cuộc họp hội đồng thượng lưu. Vậy là qua đó chính trị được làm bởi năm trăm. Và nó cũng thường mang màu sắc đó.

Nhưng ngay khi hoàn toàn bỏ qua tính thiên tài của những đại biểu nhân dân này, người ta vẫn phải nghĩ

– các vấn đề chờ đợi để được giải quyết có thể loại khác biệt nhau đến thế nào, phải đi đến quyết định và tìm giải pháp cho các lĩnh vực xa nhau đến thế nào – thì người ta sẽ dễ dàng nắm bắt, một tổ chức chính phủ phải thiếu năng lực về việc đó đến thế nào mà nó chuyển quyền quyết định cuối cùng cho một hội nghị quần chúng của những người mà luôn chỉ có một số hết sức nhỏ trong số đó có tri thức và kinh nghiệm ở vấn đề đang chờ xử lý. Vậy là, những biện pháp kinh tế quan trọng nhất được truyền đi trong một nghị trường mà chỉ có một phần mười số thành viên chứng minh được là có đào tạo trước về kinh tế.

Nhưng điều đó lại chẳng nói gì khác hơn là: quyết định cuối cùng trong một sự việc lại nằm trong tay những người hoàn toàn thiếu bất cứ điều kiện gì cho việc đó!

Tuy nhiên điều đó lại cũng đúng cho mỗi vấn đề khác nữa. Luôn là quá đa số, những kẻ không hiểu biết và không khả năng, sẽ quyết định – bởi lẽ cái kết cấu của tổ chức này luôn không đổi, trong khi những vấn đề cần giải quyết lại trải rộng khắp hầu như toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, đòi hỏi tương ứng một sự thay đổi liên tục các nghị viên đánh giá và quyết định chúng. Nhưng bất khả kháng, nếu dùng cùng những người về các vấn đề giao thông,

chẳng hạn, cho cả một vấn đề cao siêu về ngoại giao. Nếu vậy thì đó chắc phải toàn là các thiên tài vạn năng mà trong cả trăm năm hầu như họ chẳng xuất hiện thực sự đến một lần. Đáng tiếc là ở đây lại thường liên quan tới chẳng phải là những “đầu óc” nào, mà là các nhà tài tử cả hạn hẹp lẫn tự phụ, được thổi phồng và một nửa, thế giới thần kinh thuộc loại đê tiện nhất. Vì lẽ đó nên cũng xuất hiện sự khinh xuất thường chẳng thể hiểu nổi, mà với chúng, các quí ông này thảo luận và quyết định về những việc mà chính những bộ óc vĩ đại nhất cũng phải lo lắng suy nghĩ dài dài. Các biện pháp có ý nghĩa trọng đại cho tương lai cả một

nhà nước, thậm chí cả một quốc gia khi đó được quyết định, cứ như trên mặt bàn chỉ là một ván Schaftskopf hay Tarock (các trò chơi bài tây ở Đức, ND), lẽ ra chắc chắn hợp với họ hơn là số mệnh của cả một tộc người.

Không, hoàn toàn không.

Nhưng khi hệ thống này bắt từng cá nhân phải nêu quan điểm về những vấn đề mà hắn chẳng thạo, thì nó dần làm hỏng tính cách. Chẳng còn ai dám dũng cảm tuyên bố: “Thưa các ngài, tôi tin rằng, chúng ta không hiểu chút gì về vấn đề này. ít nhất, riêng cá nhân tôi tuyệt nhiên không.” (Hơn nữa điều này cũng chẳng làm thay đổi mấy, vì loại ngay thẳng này

không những hoàn toàn không được cảm thông, mà thậm chí người ta còn chẳng bao giờ để một con lừa thật thà phá bĩnh cuộc chơi chung). Những ai hiểu được lòng dạ con người, sẽ nhận ra là, ở một xã hội danh tiếng thì chẳng ai muốn là kẻ ngu nhất, và trong một số giới nào đó thì thật thà luôn đồng nghĩa với ngu muội.

Vậy nên ngay vị đại biểu lúc đâu còn thật thà, rồi cũng buộc sa vào quỹ đạo này của sự dối trá và lừa đảo toàn diện. Chính niềm tin rằng sự không tham gia của một cá lè vào việc (dối trá và lừa đảo, ND) đó cũng chẳng làm thay đổi một chút gì, sẽ giết chết mọi hành động thật thà, mà

nó còn có thể khơi lên ở người này hay người khác. Cuối cùng hẳn còn tự an ủi rằng cá nhân hắn còn lâu mới là kẻ xấu nhất nếu so với những người khác, và qua sự cùng chịu chơi của hắn, hắn còn tránh được những khó chịu lớn hơn.

Dĩ nhiên người ta sẽ đưa ra lời phản đối rằng vị nghị viên đó không có hiểu biết đặc biệt trong lĩnh vực này hay khác, nhưng lập trường của ông ta đúng là đã được phe nhóm, ở tư cách bà trưởng nhóm chính trị phụ trách ông liên đới đó, tư vấn; bà này lại có những uý ban đặc biệt mà chúng dẫu sao đi nữa cũng đã được khai sáng quá đủ rồi.

Lướt qua thì có vẻ như điều đó

đúng. Nhưng câu hỏi sẽ là: tại sao người ta bầu năm trăm, trong khi chỉ vài vị có sự thông thái cần thiết để nêu quan điểm ở những vấn đề quan trọng nhất?

Vâng, thực chất vấn đề chính là ở đấy.

203647-S

Một số người Do Thái sống trong khu tập thể. Hitler luôn có thành kiến với người dân Do Thái.

Đó không phải là mục tiêu của chế độ đại nghị dân chủ ngày nay của chúng ta, chẳng hạn để lập một hội nghị các nhà thông thái, mà đúng hơn là, tập hợp một lũ các con số, không phụ thuộc về trí tuệ, để việc điều khiển (tập hợp đó, ND) theo những phương châm nhất định càng dễ hơn, nếu sự thiển cận cá nhân của từng thành viên càng lớn hơn. Chỉ như vậy thì mới có thể làm chính trị đảng phái theo cái nghĩa thông thường ngày nay. Nhưng cũng vì thế mà còn có thể xảy ra là: kẻ chính thức giật dây lại luôn có thể dè chừng đứng né sau và chẳng bao

giờ phải lãnh trách nhiệm cá nhân. Bởi lẽ bây giờ mỗi quyết định dù có hại cho quốc gia đến mấy chăng nữa cũng chẳng thuộc về tên vô lại hiển hiện trước mắt mọi người, mà trách nhiệm lại trút lên vai cả một nhóm. Nhưng qua đó thì bất cứ trách nhiệm thực tế nào cũng biến mất, bởi vi nó chỉ có thể nằm ở bổn phận của một cá nhân chứ không ở cam kết của một hội đoàn những kẻ tán lếu là nghị viện.

Tổ chức này chỉ có thể đáng yêu và có giá trị với những con chuột dối trá hạng nhất, rất sợ ánh sáng ban ngày; trong khi nó phải hết sức đáng ghét với mỗi người trung thực, thẳng thắn, sẵn sàng nhận trách nhiệm.

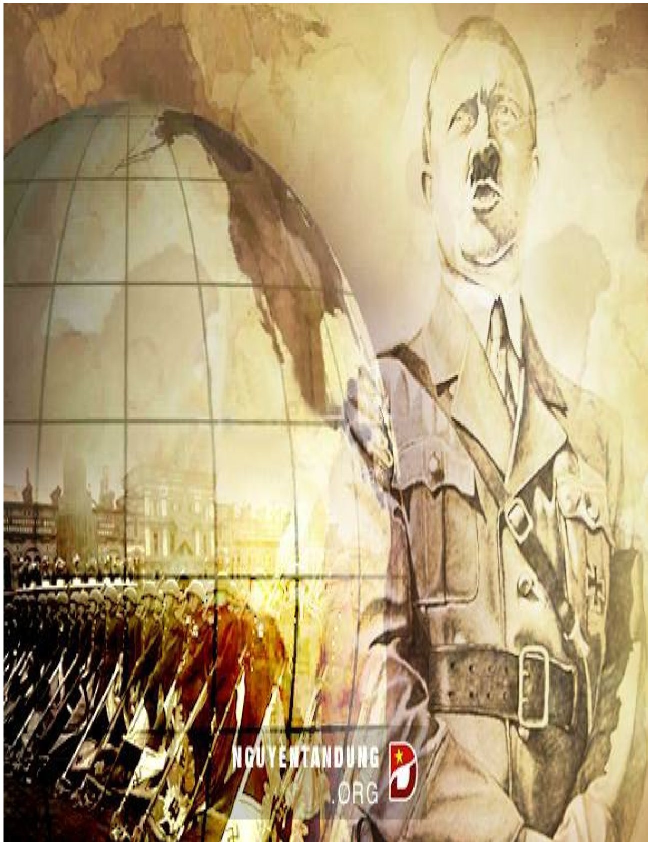
Bởi thế loại dân chủ này cũng đã trở nên công cụ của chủng tộc, mà từ những mục đích nội tại của mình sợ hãi ánh sáng mặt trời, bây giờ và mãi mãi sau này. Chỉ có dân Do Thái mới có thể ca ngợi một tổ chức bẩn thỉu và giả dối như chính hắn.

# Chương 3:6: THẾ GIỚI CHẲNG TỒN TẠI CHO NHỮNG DÂN TỘC YẾU HÈN

Đối ngược với nó là nền dân chủ Đức thực sự với việc tự do lựa chọn lãnh tụ, với nghĩa vụ phải hoàn toàn nhận mọi trách nhiệm về hành động và quyền hạn của mình. Trong nền dân chủ này không có biểu quyết đa số về từng vấn đề riêng lẻ, mà chỉ có quyết định duy nhất của một người, người với khả năng và cuộc sống của mình đứng ra bảo đảm cho nó.

Nếu có người phản đối rằng: trong

những điều kiện như thế khó mà tìm ra người dám hy sinh cá nhân mình cho một nhiệm vụ quá nhiều rủi ro như vậy, thì chỉ có thể có một câu trả lời mà thôi: Lạy Chúa, chính ở đó là ý nghĩa của một nền dân chủ Đức, sao cho không phải là kẻ quá nhiều tham vọng, chẳng giỏi nhất, không đủ tư cách và hèn nhát về đạo đức, bằng đường vòng lại có thể vào được vị trí lãnh đạo đồng bào mình; mà chỉ ngay qua độ lớn của trách nhiệm gánh chịu đã làm cho những kẻ bất tài và ươn hèn phải lánh xa.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Nếu mặc dù thế, một ngày kia vẫn có kẻ như vậy thử lẻn vào, thì người ta vẫn dễ dàng tìm ra hắn và quát: “Cút đi, thằng khốn hèn hạ kia! Hãy rụt chân lại, mi chỉ làm bẩn các bậc thang mà thôi, bởi lẽ lối vào điện Pantheon của lịch sử không dành cho những kẻ ươn hèn, mà chỉ dành cho các vị anh hùng!”.

Tôi đi đến quan điểm này sau hai năm tới dự nghị viện Vienna.

Sau đó tôi chẳng đến đó nữa.

Những năm qua, trung đoàn nghị viện góp phần chính làm cho sự suy yếu ngày càng gia tăng của nhà nước Habsbourg cổ lỗ. Nếu như tác

động của nó càng phá vỡ sự thống trị của chất Đức, thì cũng ngày càng thấy cái hệ thống này bị các dân tộc sử dụng để chống lại nhau. Còn chính trong hội đồng đế quốc thì điều đó luôn xảy ra nhờ vào công sức của người Đức và dĩ nhiên qua đó cuối cùng là bằng công sức của cả đế quốc; bởi vì vào bước chuyển giao thế kỷ (chuyển từ thế kỷ 19 sang thế kỷ 20 – ND) thì ngay kẻ ngu si nhất cũng thấy, sức lôi cuốn của nền quân chủ chẳng còn khắc phục được những nỗ lực tách ra của các bang.
Trái lại:
Các phương tiện mà nhà nước dùng để gìn giữ nó càng nghèo nàn bao nhiêu, thì sự khinh miệt chung đối với

nó càng to lớn bấy nhiêu. Không chỉ ở Hungary, mà ở từng tỉnh Xlavơ, người ta cũng ít cảm thấy sự đồng nhất với nền quân chủ chung tới mức, sự yếu kém của nó hoàn toàn không được cảm nhận như nỗi nhục của chính mình. Người ta thậm chí còn vui mừng vì những dấu hiệu như vậy về sự già nua đang đến gần; dẫu sao thì người ta kỳ vọng vào cái chết của nó hơn là sự hồi phục.

Ở nghị viện, sự sụp đổ hoàn toàn còn ngăn chặn được nhờ việc thoái lui vô liêm xỉ và thoả mãn (của nó, ND), và cũng nhờ cả sức ép, mà người Đức phải trả giá, qua việc sử dụng – càng khéo léo càng tốt, các dân tộc để chống lại nhau. Riêng có

đường hướng chung cho phát triển thì vẫn chống người Đức. Đặc biệt kể từ khi sau vụ nhường ngôi, Erzherzog (chức thái tử Áo quốc, ND) Franz Ferdinand bắt đầu được sắp xếp cho có chút ít ảnh hưởng hơn, thì việc Séc hoá (được lệnh từ trên xuống) đi vào kế hoạch và trật tự. Với tất cả phương tiện có thể có, bậc đế vương tương lai này của nền lưỡng quân chủ cố gắng thúc đẩy việc phi Đức hoá và tự mình khuyến khích nó, hoặc ít nhất cũng bảo vệ nó. Vậy là qua đường vòng chế độ quan chức nhà nước chậm chạp nhưng chắc chắn tới mức không hề nao núng, những địa phương thuần Đức bị kéo vào khu vực nguy hiểm

của ngôn ngữ hỗn hợp. Ngay ở vùng Hạ Áo quốc, quá trình này cũng bắt đầu càng ngày càng tiến triển nhanh hơn; và đối với nhiều người Séc, Vienna đã trở thành đô thị lớn nhất của họ.
Ý tưởng chủ đạo người hùng mới này của nhà Habsbourg, mà gia đình ông ta chỉ còn nói tiếng Séc là chính (vợ Erzherzog, với tư cách trước đây là nữ công tước Séc, chi được làm lễ cưới không chính thức cùng thái tử; bà này vốn xuất thân từ giới có truyền thống chống Đức), là dần lập nên một nhà nước Xlavơ ở Trung Âu để tạo nên sự an toàn, chống lại nước Nga dựa trên cơ sở Gia tô giáo chính thống. Qua đó tín

ngưỡng, như vẫn thường xảy ra trong nhà Habsbourg, được dùng làm công cụ phục vụ cho một ý tưởng chính trị thuần tuý; thêm vào đó còn có một ý nghĩ – ít nhất là xét từ giác độ Đức – đen đủi.

Kết cục, xét trên nhiều phương diện, còn buồn hơn người ta tưởng: Cả nhà Habsbourg lẫn nhà thờ Gia tô giáo nhận được phần thưởng vốn mong đợi.

Nhà Habsbourg mất ngai vàng, Roma mất một nhà nước to lớn. Bởi lẽ một khi vương miện cũng dùng các giờ phút tôn giáo để phục vụ những cân nhắc chính trị của mình thì nó đồng thời gợi nên một ý nghĩ, mà lúc đầu dĩ nhiên chính nó cũng

chẳng hề cho là có thể nảy ra được. Từ nỗ lực bằng tất cả mọi phương tiện để huỷ diệt tận gốc chất Đức ở nền quân chủ trước đây, tại Áo quốc bùng lên phong trào toàn Đức như là câu trả lời.

Vào những năm tám mươi, chủ nghĩa tự do mang tính Manchester với quan điểm cơ bản là Do Thái cũng đạt được đỉnh điểm, nếu chẳng muốn nói là đã vượt quá ngưỡng đó rồi. Trái lại, phản ứng – như mọi sự ở Áo quốc cổ, trước hết không đến từ những giác độ xã hội, mà lại từ quan điểm dân tộc. Bản năng tự bảo tồn buộc chất Đức phải đứng lên bảo vệ ở mức độ quyết liệt nhất. Ở tuyến hai, cả những cân nhắc kinh tế

cũng dần dần bắt đầu mang đến ảnh hưởng quyết định. Vậy là từ mớ hỗn độn chính trị nói chung, hình thành nên hai thực thể đảng phái, cái này nhiều tính dân tộc, cái kia nhiều tính xã hội hơn, nhưng cả hai đều rất lý thú và mang tính giáo dục hết sức cho tương lai.

Sau kết cục nặng nề của cuộc chiến tranh năm 1866, nhà Habsbourg nung nấu ý chí trả thù trên chiến trường. Chỉ có cái chết của hoàng đế Max von Mexiko (Đại công tước Áo Ferdinand Maximilian Joseph von Österreich, 1832-1867, chết tại Mehico, trong cuộc chiến tranh Mehico, được người Pháp đưa lên làm hoàng đế Mehico từ 1864-1867,

ND) mà cuộc thám hiểm bất hạnh của ông phải quy cho Napoleon III., và việc người Pháp bỏ rơi ngài vẫn giữ mãi nỗi phẫn nộ nói chung, ngăn cản bước đi đến gần nhau hơn với nước Pháp. Tuy nhiên khi đó nhà Habsbourg vẫn ở thế mai phục. Nếu như cuộc chiến tranh 1870/71 không trở thành một chiến tháng độc đáo như thế, thì triều đình Vienna chắc còn dám mở trò chơi đẫm máu để trả thù cho Sadovva (tên làng gần thành phố Königsgratz, nay là Hradec Králové thuộc Séc, nơi diễn ra trận đánh mà Phổ thắng ngày 3. 7.1866 để quyết định cho cuộc chiến Áo – Phổ, ND). Nhưng khi những câu chuyện anh hùng, kỳ lạ đến khó tin

nhưng lại là sự thực, từ chiến trường về đến, thì vị quân chủ “thông thái nhất” mọi thời, nhận ra được cái giờ bất lợi và cố làm bộ mặt thánh thiện nhất có thể, để lao vào cuộc chơi ác. Cuộc đấu tranh anh dũng của hai năm này mang lại một kỳ tích còn vĩ đại hơn, bởi lẽ ở nhà Habsbourg sự thay đổi quan điểm chẳng bao giờ ứng với niềm đam mê từ trái tim, mà với điều thôi thúc từ các mối quan hệ. Nhưng nhân dân Đức ở Ostmark lại bị niềm hân hoan của chiến thắng lôi kéo, và hết sức xúc động thấy sự trỗi dậy giấc mơ của cha ông trở thành hiện thực huy hoàng.

Bởi lẽ người ta chẳng lầm: người Áo mang ý thức thật sự Đức, ngay ở

Königsgratz thì kể từ giờ phút này cũng nhận ra điều kiện vừa bi ai nhưng vừa cần thiết để dựng nên một đế chế, không còn gắn liền với tình trạng tiều tuỵ rữa nát của liên bang cũ, mà điều đó cũng chẳng còn đúng nữa. Anh ta trước hết cũng học cách cảm nhận sâu xa nhất từ tận đáy lòng rằng nhà Habsbourg cuối cùng thì cũng đã kết thúc sứ mạng lịch sử của mình và đế quốc mới nay chỉ được phép bầu người nào lên làm hoàng đế, nếu như người đó, với ý chí anh hùng của mình về "vương miện của dòng Rhein" có thể chưng diện một bộ mặt khả kính. Nhưng còn hơn thế phải ngợi khen số phận, bởi lẽ nó đã thực hiện việc sinh ra

mầm non này cho một vương triều mà với Friedrich dem Groβen (Friedrich đại đế hay Friedrich II., 1712-1786, vua Phổ, được xem là người đại diện cho chính thể chuyên chế khai sáng, ND) từ thời xa xưa nó đã ban tặng một biểu tượng sáng chói cho sự nổi dậy.

Nhưng, sau cuộc chiến tranh vĩ đại nhà Habsbourg bằng quyết tâm cuối cùng bắt đầu cố gắng huỷ diệt tận gốc, chậm rãi nhưng kiên trì cái chất Đức nguy hiểm của nền lưỡng quân chủ (mà quan điểm nội tại của nó chẳng thể nghi ngờ được – bởi lẽ điều đó phải là kết cục của chính sách Xlavơ hoá), khi đó nổi lên sức đề kháng của dân tộc đã được xác

định cho hồi kết rồi, lên đến mức mà lịch sử hiện đại Đức chưa hề biết tới. Lần đầu tiên, những người mang ý tưởng dân tộc chủ nghĩa và yêu nước trở thành kẻ phiến loạn.

Những kẻ phiến loạn chẳng phải để chống quốc gia, mà cũng không phải chống nhà nước theo chính thể, mà kẻ phiến loạn chống lại một thể loại chính phủ, mà theo niềm tin của họ thì chính nó sẽ dẫn dân tộc mình tới sự suy tàn.

Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại Đức, chủ nghĩa yêu nước thường mang tính vương triều tách ra khỏi tình yêu tổ quốc và dân tộc.

Đó là công lao của phong trào toàn Đức những người Áo gốc Đức trong

những năm chín mươi khi họ đã xác định rõ ràng và đơn nhất rằng, một uy quyền nhà nước chỉ có quyền đòi hỏi được tôn trọng và bảo vệ khi nó tương ứng với các quyền lợi của một dân tộc, ít nhất là không làm hại dân tộc này.





Chiến tranh Áo - Phổ năm 1866.

Uy quyền nhà nước với tư cách là ý nghĩa tự thân chẳng thể có, bởi lẽ

trong trường hợp đó bất cứ chế độ bạo chúa nào trên thế giới này cũng sẽ là bất khả xâm phạm và được tôn thờ.

Nếu một dân tộc, qua các phương tiện bạo lực của chính phủ bị dẫn tới suy tàn, thì sự phiến loạn của mỗi thành viên dân tộc này không chỉ là quyền lợi, mà còn là nghĩa vụ nữa.

Tuy nhiên câu hỏi, bao giờ có trường hợp như thế, không được quyết định bởi các luận văn lý thuyết, mà qua bạo lực và – sự thành công.

Bởi lẽ mỗi bạo lực chính phủ dĩ nhiên đòi hỏi cho mình nghĩa vụ bảo vệ uy quyền nhà nước, nên dù nó có xấu đến đâu chăng nữa và phản bội lợi ích dân tộc có đến cả ngàn lần, thì

bản năng tự bảo tồn dân tộc nhằm đánh tan một thế lực như vậy, để giành tự do hay độc lập, cũng phải dùng chính thứ vũ khí mà đối thủ đã dùng để cố gắng giữ mình. Bởi vậy cuộc chiến đấu sẽ được tiến hành với các phương tiện "hợp pháp", chừng nào cái thế lực phải đánh đổ cũng dùng chúng; nhưng nó cũng chẳng ngần ngại dùng những thứ bất hợp pháp, nếu như kẻ đàn áp dùng đến chúng.

Nhưng nói chung, không bao giờ được phép quên rằng, việc gìn giữ một nhà nước hay thậm chí một chính phủ là mục đích tối thượng của sự tồn tại những con người, và là việc gìn giữ loài người.

Nhưng nếu một khi chính loài người gặp nguy cơ bị đàn áp hay thậm chí bị loại bỏ, thì câu hỏi về tính hợp pháp chi đóng vai trò phụ. Có thể xảy ra là, trong cách thức hành động của mình, thế lực cầm quyền dùng đến cả ngàn lần những phương tiện gọi là "hợp pháp", thế nhưng bản năng tự bảo tồn của những kẻ bị áp bức thì luôn là sự biện minh cho cuộc chiến bằng mọi thứ vũ khí.

Chỉ từ chấp nhận câu nói này thì đã thấy những ví dụ lịch sử to lớn từ các cuộc đấu tranh vì tự do, chống lại những vụ nô lệ hoá các dân tộc trên trái đất này từ trong và cả ngoài.

Quyền con người bẻ gãy quyền nhà

nước.
Nhưng nếu một dân tộc trong cuộc đấu tranh của mình bị thua, thì dĩ nhiên là bởi trên cán cân số phận, nó đã bị hẫng lên đối lại niềm khát khao được tiếp tục tồn tại trên trái đất. Bởi vì nếu ai không sẵn sàng hay không có khả năng tranh đấu cho sự tồn tại của mình, thì thiên ý muôn đời công bâng đã quyết định hồi kết cho kẻ đó.
Thế giới chẳng tồn tại cho những dân tộc yếu hèn.

# Chương 3:7: NGUYÊN NHÂN SỤP ĐỔ PHONG TRÀO TOÀN ĐỨC TRÊN ÁO

Thế nhưng ở ví dụ Áo quốc lại cho thấy rõ nhất và cũng có sức thuyết phục nhất, dễ dàng biết bao đối với một chế độ bạo chúa để quàng vào mình cái gọi là "tính hợp pháp".

Uy quyền nhà nước hợp pháp khi đó dựa trên nền tảng thù địch Đức với nghị viện có đa số không phải người Đức – và gia đình nhà cầm quyền cũng thù địch với Đức hệt vậy. Trong

hai yếu tố này đã thể hiện toàn bộ uy quyền nhà nước. Muốn từ đây để thay đổi số phận của dân tộc Đức-Áo là điều ngớ ngẩn. Nhưng lẽ ra theo ý kiến những kẻ hâm mộ của chúng ta, đó là con đường duy nhất có thể “hợp pháp” và với uy quyền nhà nước thì phải dẹp bỏ đi bất cứ một phản kháng nào; bởi lẽ nó chẳng khả thi bằng các phương tiện hợp pháp. Nhưng đó lại là sự cần thiết (sự phản kháng, ND) bắt buộc – chính là ở thời gian ngắn nhất – nếu không sẽ có nghĩa là sự kết liễu của dân tộc Đức trong nền quân chủ. Thực ra, việc cứu chất Đức khỏi số phận đó cũng chỉ duy nhất có thể qua sự sụp đổ của nhà nước này.

Dĩ nhiên lý luận gia đeo kính cận luôn luôn muốn chết vì học thuyết của bản thân hơn là vì dân tộc mình.



Một góc của Vienna.

Bởi lẽ đầu tiên con người tạo ra luật, nên anh ta tin rằng, sau này chúng tồn tại là để cho những người này.

Đó là công lao của phong trào toàn Đức hồi đó ở Áo quốc, khi họ dẹp bỏ đến tận gốc rễ cái điều ngớ ngẩn để gây kinh ngạc cho tất cả các lý luận gia luôn cưỡi trên những nguyên tắc cũng như các dân đảo quốc là tín đồ theo bái vật giáo là nhà nước.

Khi những người nhà Habsbourg cố gắng dùng mọi biện pháp để công kích chất Đức, thì đảng này đã tấn công chính nhà cầm quyền "cao cả", và thực là thẳng tay.

Lần đầu tiên, họ đã dám đặt ống dò vào nhà nước mục nát này và mở

mắt cho hàng chục vạn người. Đó là công lao của họ khi dám tách khái niệm tuyệt vời về tình yêu tổ quốc ra khỏi sự ôm ấp cái nên quân chủ đáng buồn này.

Vào thời đầu khi mới xuất hiện, số đồng chí của đảng quá đông, thậm chí có nguy cơ biến thành cơn lốc thật sự. Tuy nhiên, duy nhất thành công lại chỉ gang tấc. Khi tôi tới Vienna, phong trào từ lâu đã bị lấn át bởi Đảng xã hội Thiên chúa giáo – nay đã trở nên cầm quyền, thậm chí bị dấn xuống chỗ gần như hoàn toàn vô nghĩa.

Đối với tôi, một mặt thì toàn bộ quá trình sinh tử của phong trào toàn Đức, và mặt khác là sự thăng tiến

không ngừng của Đảng xã hội Thiên Chúa giáo sẽ là đối tượng nghiên cứu kinh điển đây ý nghĩa.

Khi tôi tới Vienna, thiện cảm của tôi hoàn toàn thuộc về phía xu hướng toàn Đức.

Việc người ta có dũng khí để dám hô vang khẩu hiệu "**Hoch Hohenzollern**" ("Hohenzollem muôn năm", Hohenzollern vốn là bang lịch sử Tây Nam Đức, 1849 – 1945 thuộc Phổ, nay thuộc bang Baden-Würtemberg của CHLB Đức, với người Đức có ý nghĩa như vùng đất Tổ, ND) cũng gây ấn tượng cho tôi, hệt như tôi vui sướng rằng, người ta luôn coi là mình chỉ tạm thời là phần tách biệt khỏi đế quốc Đức chứ

chẳng bỏ lỡ dù giây phút để công khai tuyên bố điều này, đánh thức nơi tôi niềm tin mãnh liệt là người ta công khai thừa nhận, thẳng thừng mang màu sắc Đức ở tất cả mọi vấn đề liên quan tới chất Đức và không bao giờ cho phép có nhượng bộ. Nó chỉ ra cho tôi rằng, có lẽ đó là con đường duy nhất còn có thể đi theo để cứu rỗi dân tộc chúng ta, tuy nhiên việc phong trào này sau bước thăng tiến ngoạn mục ban đầu của mình, nay lại suy sụp nhanh như vậy, thì tôi chẳng thể hiểu nổi. Còn ít hiểu hơn nữa là việc Đảng xã hội Thiên chúa giáo trong cùng thời gian đó lại đạt tới quyền lực lớn lao đến thế. Khi đó họ đã đạt tới tuyệt đỉnh vinh

quang.
Khi tôi bắt đầu so sánh hai phong trào, thì ngay ở đây, số phận cũng ban cho tôi, được tăng tốc qua trạng huống nói chung đáng buồn của tôi, bài học hay nhất đặng tìm ra được lời giải cho bài toán đố này.
Trước hết bắt đầu cân nhắc giữa hai người đàn ông được coi là lãnh tụ và người sáng lập của hai đảng: Georg v. Schönerer và TS. Karl Lueger.
Nếu xét về mặt thuần túy con người, họ, người này cũng như người kia, đều vượt xa cái khung và kích cỡ của những thực thế vốn gọi là nghị viên. Trong vũng lầy của tham nhũng chính trị tràn lan, cả cuộc đời họ trong sạch và không ai có thể đụng

đến được. Nhưng ban đầu tôi dành hết tình cảm cá nhân cho vị toàn Đức Schönerer, để sau đó dần dần cũng quan tâm đến lãnh tụ xã hội Thiên chúa giáo.

Nếu so sánh về năng lực của họ, ngay từ thời đó, tôi đã có cảm tưởng như về những vấn đề thuộc nguyên tắc, Schönerer là nhà tư tưởng giỏi hơn và sâu sắc hơn. Hơn bất cứ người nào khác, ông nhận thức đúng và rõ hơn cái kết cục tất yếu của nhà nước Áo quốc. Đặc biệt, nếu như trong đế quốc người ta đã biết lắng nghe những lời cảnh báo của ông về nền quân chủ Habsbourg, thì cuộc thế chiến bất hạnh của nước Đức chống lại toàn Âu châu đã

không bao giờ xảy ra.
Khi duy nhất chỉ Schönerer nhận biết các vấn đề theo đúng bản chất nội tại của chúng, thì ông lại càng nhầm lẫn hơn với giữa muôn người.
Nhưng đây lại chính là điểm mạnh của TS. Lueger.
Ông này là một người am hiểu con người ở mức hiếm hoi, nhưng ông đặc biệt tránh không nhìn thấu vào con người hơn như họ vốn là vậy. Bởi vậy ông cũng tính kỹ hơn đến những khả năng thực của cuộc sống, trong khi về vấn đề đó, Schönerer lại ít hiểu biết. Tất cả những gì mà vị toàn Đức suy nghĩ, nếu xét về lý thuyết thì đều đúng, duy chi thiếu mất sức lực và tri thức để truyền bá

cái nhận thức lý thuyết này cho quảng đại quần chúng, nghĩa là chuyển chúng về dạng sao cho nó tương xứng với khả năng tiếp nhận của mọi tầng lớp nhân dân, vì dẫu sao khả năng đó đang và vẫn hạn hẹp. Vì thế mà mọi nhận thức đều chỉ là cái thông thái của nhà tiên tri chứ chẳng bao giờ đi vào thực tiễn được.

Nhưng chính cái thiếu am hiểu con người thực sự này trong bước tiếp theo sẽ dẫn đến sự nhầm lẫn trong việc đánh giá lực lượng của cả những phong trào lẫn những thể chế cổ xưa.

Dẫu sao cuối cùng thì Schönerer cũng nhận thức ra rằng, ở đây vấn

đề xoay quanh các thế giới quan, nhưng lại không hiểu được rằng, chỉ có quảng đại quần chúng của một dân tộc mới trước hết và luôn luôn tương thích với sự tiếp nhận một niềm tin gần thành tín ngưỡng như thế.

Ông thấy đáng tiếc chi ở một mức độ rất nhỏ cái tính hết sức hạn hẹp trong ý chí chiến đấu của cái gọi là giới "tiểu tư sản" ngay do vị thế kinh tế của họ, làm cho từng cá nhân lo sẽ mất quá nhiều và bởi vậy cũng cản trở họ nhiều hơn.

Tuy nhiên, nói chung thế giới quan chỉ có tương lai cho thắng lợi, khi quảng đại quần chúng với tư cách người tiếp thu học thuyết mới tuyên

bố sẵn sàng nhận về chính mình cuộc chiến không sao tránh khỏi đó. Nhưng sau đó, sự thiếu hiểu biết về ý nghĩa của các tầng lớp dưới trong nhân dân làm nảy sinh ra quan niệm hoàn toàn hụt hẫng về vấn đề xã hội. Trong tất cả những vấn đề như thế, TS. Lueger tương phản với Schönerer. Sự am hiểu cặn kẽ con người cho phép ông đánh giá đúng tương quan lực lượng, cũng như qua đó thận trọng trước việc đánh giá thấp những thể chế đang tồn tại, thậm chí có thể chính vì thế học được cách tận dụng những thứ đó cho việc đạt tới các ý định của mình. Ông cũng hiểu quá rõ rằng sức chiến đấu chính trị của tầng lớp tư sản ở

thời nay quá yếu, không đủ để giành thắng lợi cho một phong trào lớn. Bởi vậy ông đặt trọng tâm hoạt động chính trị của mình vào việc thu phục những giới, mà sự tồn tại của họ đang bị đe doạ. Cũng vậy, ông có xu hướng muốn tận dụng những công cụ quyền lực vốn có sẵn để những tổ chức đầy quyền lực đang tồn tại phải thiên về mình, đặng có thể rút ra được những ích lợi lớn nhất có thể, từ những nguồn lực cũ như vậy.

Chân dung Georg Schönerer năm 1899.

Như vậy ông đã điều chỉnh đảng mới của mình trước hết hướng vào giới trung lưu đang bị đe doạ huỷ diệt và qua đó bảo đảm cho mình một đám quần chúng cảm tình khó lay chuyển

được, có tính sẵn sàng hy sinh lớn lao cũng như sức chiến đấu bền bỉ. Quan hệ vô cùng khôn khéo ông tạo dựng được với nhà thờ Gia tô giáo còn làm cho ông trong thời gian ngắn thu hút được giới tăng lữ trẻ mà cái đảng giáo đồ cũ hoặc buộc phải dọn dẹp chiến trường hoặc nếu thông minh hơn, đầu quân vào đảng mới để bằng cách đó chiếm lại dân dần từng vị thế một.

Nhưng nếu chỉ duy nhất coi những điều đó là bản chất đặc trưng của người đàn ông này thì ta đã bất công với ông. Bởi lẽ ngoài việc là nhà chiến thuật khôn ngoan, ông còn có thêm những tính chất của một nhà cải cách vĩ đại và thiên tài. Tuy

nhiên ngay ở đây cũng hạn chế bởi việc nhận biết chính xác những khả năng vốn có cũng như năng lực của bản thân mình. Đó là một mục đích vô cùng thực tế mà người đàn ông thực sự nổi tiếng này đã tự đặt ra cho mình, ông muốn chinh phục Vienna.

Vienna là trái tim của nền quân chủ, từ thành phố này còn trào ra sức sống cuối cùng cho cơ thể ốm yếu và già nua của cái đế quốc mọt ruỗng. Trái tim càng khoẻ thì lẽ ra cả phần cơ thể còn lại càng phải tươi mát bùng lên. Đó là một ý nghĩ đúng trên nguyên tắc, nhưng lại chi có thể đưa vào ứng dụng cho một khoảng thời gian hạn hẹp nhất định mà thôi.

Và đây chính là điểm yếu của người đàn ông này.
Những gì ông đã làm ở cương vị thị trưởng thành Vienna là bất tử, theo đúng nghĩa nhất của từ ngữ, song ông đã không còn có thể cứu vãn nền quân chủ – quá muộn rồi.
Điều đó thì đối thủ của ông, Schönerer, đã thấy rõ.
Trong thực tế TS. Lueger, đánh đâu là được đó, rất tuyệt; mong thì lại không thấy đến.
Còn Schönerer muốn cũng chẳng được; mà lo thì lại văn cứ gặp, thật đáng sợ.
Thế là cả hai đều đã không đạt được cái đích xa của họ. Lueger đã không thể cứu được Áo quốc; Schönerer

đã không ngăn nổi thoái trào của dân Đức.
Thật là bổ ích vô cùng cho thời đại của chúng ta ngày hôm nay, nếu chịu tìm hiểu sâu vào các nguyên nhân đã khiến cho cả hai đàng đều bế tắc. Sẽ đặc biệt có lợi cho các ông bạn tôi, bởi tình hình ngày nay cũng na ná như hồi ấy ở nhiều điểm, có thể tránh được những sai râm đã khiến phong trào này phải kết thúc còn phong trào kia thì vô hiệu.
Như tôi thấy thì phong trào toàn Đức trên Áo quốc đã sụp đổ vì ba nguyên nhân:
Một là đảng mới, cách mạng từ bản chất bên trong, thế mà ý niệm về tầm quan trọng của vấn đề xã hội lại

không rõ.
Do Schönerer và người của ông trước hết nhằm vào các giới tư sản Đức nên kết quả chỉ là rất yếu, rất mờ nhạt.
Tầng lớp tư sản Đức, nhất là các giới ở phía trên, tuy lẻ tẻ cũng có khi vượt quá mong đợi, thường hòa bình chủ nghĩa tới mức có thể dứt khoát tự phủ định, mỗi khi chạm đến các công việc của nhà nước hay của dân tộc. Thời buổi mà thuận, ý nói đây là có một chính phủ tốt, thì cái thái độ ấy chính là cơ sở của các giá trị đến cực kỳ của các tầng lớp đó đối với nhà nước; song gặp thời buổi cai trị dở thì chính nó lại phá phách ghê gớm. Ngay để có thể tiến hành một

cuộc đấu tranh thật sự nghiêm túc, vốn phong trào toàn Đức đã phải tranh thủ quần chúng trước hết. Lại đã không làm như thế, nên ngay từ đầu đến cái đà sơ đẳng nhất mà một phong trào như thế phải có cũng chẳng có, vậy là chỉ sau một thời gian ngắn nó đã yếu và thiếu hẳn.

Ngay từ đầu đã không để ý đến, không thực hiện cái nguyên lý cơ bản ấy, đảng mới sau đó cũng mất khả năng sửa lại thiếu sót. Vì kết nạp quá nhiều phần tử tư sản ôn hòa, lập trường trong đảng ắt bị các phần tử này chi phối, thế thì triển vọng thu hút lực lượng đáng kể từ quảng đại quần chúng tất phải chịu thiệt thòi.

Một phong trào như thế làm sao thoát ra được khỏi tình trạng chỉ biết có phàn nàn và chỉ trích. Không còn bao giờ thấy được lòng tin ít nhiều mang tính tôn giáo, gắn với tinh thần xả thân cũng ít nhiều mang tính tôn giáo. Thế vào chỗ đó là cái xu thế công tác "tích cực", ý nói ở đây là chấp nhận cái đã sẵn có, mài mòn dần ý chí đấu tranh, để rồi cuối cùng đi đến một nền hòa bình cam chịu.

Với phong trào toàn Đức cũng thế, ngay từ đầu đã không đặt nặng việc tranh thủ người theo mình từ các giới của đám đông rộng rãi. Nó đã trở thành "tư sản, quý tộc, cấp tiến vừa phải".

Từ sai lầm ấy đã nảy sinh cái

nguyên nhân thứ hai của thoái trào nhanh chóng.

Hồi mới có phong trào toàn Đức thì vị thế của khối người Đức ở trên đất Áo quốc vốn đã là mập mờ. Mỗi năm qua đi nghị viện càng thiên về triệt tiêu từ từ dân tộc Đức. Muốn thử cứu vãn vào giờ chót, giờ thứ mười hai, thì chỉ còn mỗi cách là xóa bỏ cái thiết chế ấy thì mới có được cái triển vọng nhỏ nhoi để chuyển bại thành thắng.

Khi ấy thì phong trào lại sẽ đứng trước một vấn đề mang tính nguyên tắc. Để xóa bỏ nghị viện, liệu có nên vào để rồi, như người ta hay nói “phá từ trong phá ra” không, hay là chỉ từ ngoài đánh vào?

Vào để rồi thua mà ra? Đương nhiên phải vào.
Chống lại một quyền lực như thế từ bên ngoài có nghĩa là phải dũng cảm đến cùng, sẵn sàng hy sinh không giới hạn. Nắm sừng con bò tót, chịu để cho nó húc nhiều lần, húc mạnh, có khi bị hất văng xuống đất, gãy tay gãy chân, may lắm mới gượng đứng dậy được. Chỉ khi đã vật lộn đến mức cam go nhất thắng lợi mới ngả sang phía người tân công gan dạ. Tầm vóc của hy sinh sẽ kéo thêm chiến sĩ mới đến với chính nghĩa, để rồi cuối cùng chiến thắng sẽ là phần thưởng dành cho sự dẻo dai, bền bỉ.
Nhưng thế thì phải có những đứa con của dân, những người của

quảng đại quần chúng. Chỉ họ mới đủ quyết tâm và kiên trì để đưa cuộc chiến đẫm máu kia đến chỗ kết thúc. Vậy mà phong trào toàn Đức lại chẳng nắm được đông đảo quần chúng, cho nên chẳng còn cách nào khác, đành chịu vào nghị viện.

Sẽ là sai lầm nếu cho rằng cái quyết định đó vốn là kết quả của những năm tháng dằn vặt nội tâm, suy lui nghĩ tới. Không, họ đâu có nghĩ đến cái gì khác. Chẳng qua họ tham gia vào cái trò vô bổ ấy chi vì họ đã thất bại, họ đã hình dung sai về ý nghĩa và tác động của việc tham gia vào một thiết chế mà nhận thức của họ về nguyên tắc cũng đã sai. Nhìn chung họ những tưởng sẽ bớt đi

được việc tuyên truyền trong quần chúng rộng rãi, bởi đã có cơ hội, giờ đây chỉ việc cứ lên “diễn đàn của toàn dân tộc”. Mà dường như họ thấy như thế là đánh vào tận gốc rễ của ung nhọt ắt phải có hiệu quả công kích từ bên ngoài. Đã có quyền miễn trừ bảo vệ ắt là càng an toàn cho người lính xung kích, như thế sức mạnh công phá phải càng lớn hơn.

Trong thực tế sự việc lại diễn ra khác hẳn.

Diễn đàn, chỗ các vị đại biểu của toàn dân lên tiếng lại không lớn hơn mà ngược lại, nhỏ hơn. Vì mỗi người chỉ nói trước có một đám người muốn nghe; có khi đám người ấy lại

nhận thẳng bản thông cáo báo chí thuật lại lời người đã nói.

Mà cái diễn đàn lớn nhất, trực tiếp nhất với người nghe đâu có phải cái hội trường của nghị viện, mà là hội họp công khai với đông đảo quần chúng.





634?. [illegible] MARIA THERESIA - DENKMAL.

Tượng đài nữ hoàng Marie Theresa ở Vienna.

Bởi lẽ khi đó hàng ngàn người kéo đến, với chỉ mục đích để xem diễn giả nói gì? Còn ở hội trường của nghị viện giỏi lắm được độ vài trăm, lắm khi họ đến cốt chỉ để ăn bữa ăn theo chế độ, tuyệt chẳng hề có ý định để sự uyên bác của "dân biểu" này hay là "dân biểu" kia soi sáng cho bản thân mình.

Mà ngán ngẩm nhất là bao giờ cũng vẫn một đám người ấy, họ chẳng bao giờ muốn học thêm cái gì, vì họ không có được cái vốn hiểu biết cần thiết và cũng không có cả ý chí nữa, dù chỉ chút đỉnh.

Không bao giờ có một vị dân biểu tự

nguyện nhận vinh dự vì chân lý mà đứng ra phục vụ nó. Không, chẳng một ai, trừ phi họ khấp khởi hy vọng là nếu quay ngoắt lại như vậy thì may ra cứu được nhiệm chức của mình thêm một khóa nữa. Vậy là chỉ khi tinh thần của thời đại thay đổi, cảm thấy đảng hiện nay khó lòng trọn vẹn vượt qua được kỳ bầu cử sắp tới, những hình nộm trang trí kia mới bắt đầu động đậy, tìm hiểu xem liệu có nên và có cách nào chuyển sang cái đảng hoặc cái phong trào phỏng đoán là rồi sẽ thành công hơn hay không và lẽ đương nhiên, phải có vô vàn lý do đủ giải thích cho bước chuyển đối vị trí ấy. Vậy là bao giờ cũng thế, đến khi một đảng hiện

hữu rơi vào vòng sa sút, đến nỗi mất gần hết tín nhiệm của người dân, cầm chắc nguy cơ thất bại và giải thể, tức thì dấy lên một cuộc di trú lớn: lũ chuột nghị viên từ bỏ con tàu của đảng.
Không có vấn đề biết hơn hay muốn hơn mà ở đây chỉ có cái tài đánh hơi thấy trước, nó cảnh báo cho con rệp hút máu ở nghị viện kia vừa đúng lúc, để còn kịp tìm đến cái giường của đảng khác ấm áp hơn.
Lên tiếng từ một diễn đàn như thế khác gì quăng hạt trai cho lũ thú. Thật không bõ. Kết quả ở đầy dứt khoát không thể là gì khác hơn con số không.
Mà cũng đúng là thế. Các ông nghị

toàn Đức cứ việc rát họng diễn thuyết: hoàn toàn chẳng thấy tác động gì.

# Chương 3:8: BIẾN ĐỘNG LỚN TRÊN THẾ GIỚI ĐƯỢC CHỈ ĐẠO BỞI NGÒI BÚT?

Báo chí lại thường hay lờ tịt đi hoặc giả cắt xén vụn vặt, khiến nội dung mất liên tục, ý nghĩa của diễn từ bị méo mó, thậm chí mất hẳn; chỉ còn phô ra trước công luận một thứ hình ảnh rất xấu xa về các quan điểm của phong trào mới. Thành thử lời từng vị nói ra hoàn toàn vô nghĩa; ý nghĩa vốn nằm ở trong cái mà người ta đọc ra được từ chính các vị: Đây chỉ

là trích lục diễn từ, đã xé lẻ như vậy ắt chỉ còn có thể và tất phải tác động vô nghĩa. Mà cái diễn đàn duy nhất, nơi các vị lên tiếng, thật sự cũng chỉ đếm được vỏn vẹn có năm trăm ông nghị – chỉ điều này thôi cũng đã nói lên quá đủ.



Chưa từng có bao giờ mà những biến động lớn nhất trên thế giới này lại được chỉ đạo bởi ngòi bút!

Tuy nhiên cái sau đây mới lại là cái tồi tệ nhất:

Phong trào toàn Đức chỉ có thể tính đến thành công nếu như ngay từ ngày đầu tiên đã nhận ra được là – ở đây không có vấn đề đảng mới mà chỉ có vấn đề thế giới quan mới. Chỉ có thế giới quan mới mới đem lại nội lực để vào cuộc chiến đầy cam go ấy. Cũng chỉ những cái đầu sáng giá nhất và gan dạ nhất mới xứng tầm thủ lĩnh.

Khi cuộc đấu tranh vì một thế giới quan lại không do những nhân vật chính sẵn sàng xả thân cầm đầu thì chỉ một thời gian ngắn sau đó sẽ

không thể tìm ra được những chiến sĩ dũng cảm đến mức dám hy sinh tính mạng. Chỉ vì sự tồn tại của riêng mình thì chẳng còn gì nhiều cho cái chung.
Để có được tiền đề ấy thì từng người lại cần biết là phong trào mới sẽ chỉ đem lại danh dự và vinh quang cho mai sau thôi chứ chưa đem lại được gì cho hiện tại. Phong trào càng sắp đặt nhiều chức trách, vị thế dễ với tới thì càng lắm kẻ tầm thường kéo nhau đến, để rồi cuối cùng bè lũ cơ hội chính trị ấy áp đảo hẳn về số lượng. Người chiến sĩ trung thành không còn nhận ra được cái phong trào gốc nữa và sẽ bị những kẻ đến sau kiên quyết khước

từ, xem như “người ngồi không đúng chỗ”, chỉ hay quấy nhiễu, thêm khó chịu. Tuy nhiên, vậy là “sứ mạng” của một phong trào kiểu ấy đã được hoàn tất.

Do phong trào toàn Đức đã nguyện sẽ hết mình vì nghị viện, tự nó lại cũng có “nghị viên” thay vì thống lĩnh và chiến binh. Tức là tự nó đã tụt xuống trình độ của một trong những phe đảng chính trị sự vụ tầm thường, không còn sức để, với ý chí tử vì đạo, chống chọi với số phận vẫn còn đầy rẫy bất trắc. Thay vì chiến đấu, bây giờ nó cũng học “ăn nói”, học “thương lượng”. Song rồi chẳng bao lâu, vị nghị viên mới kia đã cảm thấy ngay rằng, với nhiệm vụ

chiến đấu đến cùng cho thế giới quan mới toàn bằng vũ khí “tinh thần” của phép hùng biện, chẳng có gì nguy hiểm, thật sự còn thú vị hơn nhiều so với lao đầu vào một cuộc chiến có thể mất mạng, mà kết cục lại không chắc chắn, và dù thế nào đi nữa thì cứ vẫn chẳng được gì.
Vì người lúc này đã ngồi trong nghị trường cho nên ở bên ngoài đám người ủng hộ đêm ngày khắc khoải hy vọng, trông chờ phép màu. Lẽ đương nhiên phép màu không tới và cũng chẳng bao giờ tới được. Thế cho nên chẳng mấy chốc người hết kiên nhẫn; còn vì một lẽ nữa, những gì mà người được nghe thốt ra từ miệng các ông nghị đâu có ứng với

lòng mong mỏi của cử tri. Dễ hiểu điều này, báo chí thù nghịch vốn thận trọng lắm, họ muốn giới thiệu với dân một hình ảnh trung thực về tác động của các vị đại diện cho toàn dân của nước Đức.

Các vị đại diện mới cho dân càng bén mùi đấu tranh “cách mạng ôn hoà” trong nghị viện và trong các hội đồng cấp bang, thì lại càng ít vị thấy mình sẵn sàng quay về với cái việc có phần nguy hiểm hơn thế, là đi giải thích trong những tầng lớp nhân dân rộng rãi.

Thế cho nên việc hội họp với quần chúng, con đường duy nhất thật sự có hiệu quả, bởi cá nhân trực tiếp tác động vào dân và cũng chỉ như

vậy mới thu hút được đại bộ phận dân, cứ luôn luôn bị gạt lùi lại phía sau.

Khi mà bàn bi a nơi phòng họp đã dứt khoát bị thay thế bởi diễn đàn chốn nghị trường, để rồi từ diễn đàn ấy mọi diễn từ chẳng được rót thẳng xuống đến dân, mà lại chỉ dành cho các nhân vật quan trọng nhất trong cái đám gọi là “đã được dân bầu”, thì ôi thôi, phong trào toàn Đức đâu còn là một phong trào của người dân nữa; nó tụt hạng, chẳng mấy lâu sau đó, thành một thứ câu lạc bộ của những cuộc luận bàn mang tính hàn lâm, đáng xem trọng nhiều hay ít thì còn tuỳ.

Vì vậy, ấn tượng xấu do báo chí loan

truyền tuyệt nhiên không còn được hoạt động hội họp cá nhân của từng vị đính chính, thành thừ cuối cùng cái từ “toàn Đức” đâm ra nghe chối tai trong quảng đại quần chúng.
Bởi xin tất cả các vị hiệp sĩ và những con người thời thượng lố lăng văn hay chữ tốt hãy chịu khó nghe cho: chưa từng có bao giờ mà những biến động lớn nhất trên thế giới này lại được chỉ đạo bởi ngòi bút!
Không, công việc dành cho ngòi bút chỉ là tạo dựng cơ sở lý luận.
Còn sức mạnh, cái sức mạnh đã từng lay chuyển đến cả những khối băng đồ sộ, tôn giáo hay chính trị, của lịch sử thì tự ngàn xưa vốn vẫn chỉ có thể là sức mạnh của lời lẽ nói

ra miệng.
Quảng đại quần chúng trước hết và khi nào cũng chỉ chịu tác động ghê gớm của lời nói. Mọi phong trào lớn thảy đều là phong trào của dân, là những đợt phun trào núi lửa của đam mê và xúc cảm tự trong lòng người, được khuấy động bởi bàn tay nghiệt ngã của nữ thần đói khát hoặc bởi ngọn đuốc của lời nói bùng cháy trong quần chúng, chứ không phải bởi thứ nước mát ngọt ngào của các vị bậc thầy mỹ học hay các vị anh hùng trong phòng khách.
Chỉ giông bão của đam mê cháy bỏng mới xoay chuyển được số phận của người dân, và chỉ người vốn đã mang sẵn đam mê trong tâm

hồn mới thức tỉnh được đam mê.
Chỉ đam mê mới gợi mở được cho người có nó, từng lời lẽ như tiếng búa gõ để mở cánh cửa đi vào trái tim của nhân dân.



Hitler công nhận chỉ có đam mê mới gợi mở được cho người có nó. Như ông từng đam mê việc vẽ tranh.

Kẻ không có đam mê, kẻ miệng khoá, Trời không chọn để làm người nói ra ý định của Trời.

Vì vậy xin mỗi người viết hãy chịu khó ngồi lại bên lọ mực của mình – nếu có đủ hiểu biết và năng lực, bởi đã không được sinh ra để làm thủ lĩnh.

Vì vậy một phong trào với những mục tiêu lớn phải biết lo, cố gắng không để mất liên hệ với quảng đại quần chúng.

Phải soát xét từng vấn đề trước hết dưới quan điểm ấy và phải ra từng quyết định theo chiều hướng ấy.

Phải tránh tất cả những gì làm mất

đi, thậm chí chỉ làm yếu đi, khả năng tác động vào quần chúng – chẳng phải vì "mị dân" đâu, không, mà đơn giản chỉ vì nhận thức: không có sức mạnh ghê gớm của quảng đại quần chúng thì sẽ không có một ý tưởng nào, cho dù cao quý đến đâu, có thể thành hiện thực.

Con đường đi đến đích phải do duy nhất thực tế khắc nghiệt xác định. Trên thế gian này, không muốn đi những lối cam go, dù muốn hay không thường vẫn có nghĩa là từ bỏ mục đích.

Vì phong trào toàn Đức, thiên về quan điểm nghị trường, đã chuyển trọng tâm hoạt động từ dân vào nghị viện nên nó đã đánh mất tương lai và

chỉ thu được những thành quả rẻ tiền trước mắt.
Nó đã chọn cách đấu tranh nhẹ nhàng, vậy nên không còn giá trị liên quan đến thắng lợi cuối cùng.

# Chương 3:9:

Hồi còn ở Vienna tôi đã từng suy nghĩ rất sâu về chính những vấn đề đó và cũng đã thấy: việc không nhận thức ra chúng chính là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụp đổ cái phong trào, mà trong mắt tôi hồi ấy, vốn là thích đáng nhất để nắm lấy quyền lãnh đạo khối toàn dân Đức.

Hai sai lầm đầu khiến phong trào toàn Đức không thành công, có quan hệ gần gũi với nhau. Không hiểu biết hết nội lực của những biến động lớn nên không đánh giá được hết tầm quan trọng của quảng đại quần chúng, dẫn đến ít quan tâm tới vấn đề xã hội, thiếu tranh thủ tâm hồn

của những tầng lớp dân bên dưới và thiên về quan điểm nghị trường.



Việc sử dụng linh mục và những người chăm sóc tâm linh là người Séc chỉ là một trong nhiều thủ đoạn để tiến đến cái đích ấy, Xlavơ hoá Áo quốc trên tổng thể.

Giá mà đã nhận thức được cái sức mạnh tuyệt vời ấy, sức mạnh chống đối mang tính cách mạng vốn tiềm tàng trong quần chúng ở mọi thời đại, thì hẳn đã làm khác về mặt xã hội cũng như về mặt tuyên truyền vận động. Hẳn đã không chuyển trọng tâm vận động vào nghị viện, mà đặt ở trong công xưởng và ngoài đường phố.

Rồi đến sai lầm thứ ba cũng lại mang mầm mống của việc không nhận thức được giá trị của quần chúng, lúc đầu khởi phát từ mấy bộ

não ưu tú đã chèo lái nó đi theo một chiều nhất định, để rồi như đã có đà, sau đó nó điên cuồng và bạo cường phá phách.

Cuộc đấu cam go mà phong trào toàn Đức đã gây ra chống nhà thờ công giáo cũng chỉ có thể được giải thích như thế: vì thiếu hiểu biết mà người ta đã cố tình đi ngược lại một thiên hướng vốn đã ăn sâu bắt rễ trong lòng người.

Đảng mới đã công kích dữ dội Roma vì những nguyên nhân sau:

Ngay sau khi nhà Habsbourg quyết định dứt khoát tái cơ cấu Áo quốc thành một nhà nước Xlavơ thì người ta không từ một thủ đoạn nào xem ra tương thích với chiều hướng đó.

Đến cả các thiết chế tôn giáo cũng bị cái triều vua vô ý thức nhất ấy không ngần ngại bắt phải phục vụ cho "ý tưởng nhà nước" mới.

Việc sử dụng linh mục và những người chăm sóc tâm linh là người Séc chỉ là một trong nhiều thủ đoạn để tiến đến cái đích ấy, Xlavơ hoá Áo quốc trên tổng thể.

Quá trình đại khái như sau:

Linh mục người Séc được điều động về những giáo xứ thuần Đức; từng bước song chắc nịch, họ bắt đầu đặt quyền lợi của dân gốc Séc lên trên cả quyền lợi của nhà thờ và trở thành những mầm mống của toàn bộ quá trình tuần tự phi Đức hoá.

Đáng tiếc là hàng giáo phẩm người

Đức lại gần như chẳng có phản ứng gì trước một diễn tiến như vậy. Không những họ chẳng phát động được một cuộc đấu tranh tương tự nào theo tinh thần Đức, mà cũng chẳng thấy họ chống chọi với mức độ phải có trước các đợt tấn công của những người kia. Vậy là, một mặt qua con đường vòng lạm dụng đức tin, mặt khác vì không thấy đề kháng đầy đủ, cứ thế từng bước song không hề dừng, bản thể Đức đã bị đẩy lùi.

Trong tiểu tiết diễn biến đã là như thế, tiếc rằng trên tổng thế cũng chẳng có gì khác mấy.

Ngay ở chỗ này, mưu toan chống Đức của nhà Habsbourg, trước hết

thông qua giới tăng lữ bề trên là chính, đã không hề gặp sức đề kháng đáng phải có, mà đến chính phái lẽ ra phải đại diện cho các quyền lợi Đức lại cũng đã tự nguyện rút hoàn toàn vào hậu trường.

Ấn tượng chung không khác được, ở chỗ này các quyền lợi Đức đã bị hàng giáo phẩm Gia tô giáo xâm phạm trắng trợn.

Như vậy là dường như nhà thờ đã không hề đồng cảm với dân tộc Đức, mà lại bất công đứng sang phía đối thủ. Cội rễ của tất cả cái dở này, theo Schönerer, chủ yếu là do lãnh đạo nhà thờ Gia tô giáo không hề sống trên đất Đức và chỉ vì thế thôi đã đủ để họ hằn học với yêu cầu của

dân Đức chúng ta.
Các vấn đề gọi là văn hoá ở nơi đó, cũng như ở mọi nơi trong Áo quốc thời ấy, hầu như bị gạt hẳn về vị trí phụ. Lập trường của phong trào toàn Đức đối với nhà thờ Gia tô giáo ít bị chi phối bởi thái độ của nhà thờ đối với những vấn đề, như khoa học chẳng hạn, mà bị chi phối nhiều bởi thái độ của nhà thờ thiếu quan tâm đến các quyền của người Đức mà ngược lại, thường xuyên đặc biệt khích lệ tính ngạo ngược và lòng tham của người Xlavơ.
Georg Schönerer không phải là con người chỉ làm đến nửa chừng rồi bỏ. Ông lao vào cuộc đấu tranh chống nhà thờ với niềm tin sắt đá là chỉ có

đấu tranh mới bảo toàn được dân tộc Đức. Phong trào “Tách khỏi Roma” dường như là phong trào mạnh nhất hồi đó, và đương nhiên cũng là đòn nặng nhất, giáng cho đại bản doanh của đối thủ phải tan nát. Giá mà chiến thắng hẳn nhà thờ trên đất Đức đã không bị chia cắt vô lối, với nội lực của nước Đức, dân Đức đã thắng lợi cực lớn.

Chỉ có điều, tiền đề của cuộc đấu tranh đó không đúng, kết cục cũng không đúng.

Không còn nghi ngờ gì nữa, sức mạnh đề kháng mang tính dân tộc của hàng giáo phẩm Gia tô giáo có quốc tịch, trong mọi vấn đề liên quan đến tính Đức, không thể sánh với cái

sức mạnh ấy của đồng cấp không phải người Đức, đặc biệt của đồng cấp người gốc Séc.
Đúng thế, chỉ kẻ dốt nát mới không thể thấy, giới tăng lữ Đức đã hầu như không bao giờ dám, thậm chí chỉ nghĩ đến, tấn công để bảo vệ quyền lợi của người Đức.
Cũng đúng thế – đến kẻ loà cũng phải thừa nhận, là trước hết do một tình huống mà mọi người Đức, tất tật, đều đã phải gánh chịu cực kỳ nặng nề, ấy chính là thái độ ngoài cuộc của chúng ta trước vấn đề tính Đức của chúng ta, hệt như trước bất cứ vấn đề nào khác.
Hàng giáo phẩm Séc chủ quan đối với dân tộc họ và chỉ khách quan đối

với nhà thờ như thế nào, thì giới tăng lữ Đức lại chủ quan đối với nhà thờ và khách quan đối với dân tộc họ như thế ấy. Một hiện tượng mà bất hạnh thay, chúng ta còn có thể thấy hệt như vậy ở cả ngàn trường hợp khác nữa.

Nó tuyệt không chỉ là một di sản đặc biệt của giáo lý Gia tô giáo mà nó đã nuốt gọn – chỉ trong một thời gian ngắn, hầu như tất tật; nhất là những cơ sở nhà nước hoặc tinh thần.

Người ta chỉ cần so sánh vị thế mà giới quan chức chúng ta nắm bắt khi có những nổ lực hồi sinh đất nước, với cùng trường hợp đó ở giới quan chức một nước khác. Hay liệu ta có

thể tin rằng, giới quan chức của toàn thể cái thế giới đó cũng tương tự như ở ta từ năm năm nay là tất nhiên đặt lợi ích quốc gia bên dưới sáo ngữ “uy quyền nhà nước”, thậm chí coi đó là đóng góp đặc biệt? Chẳng hạn trong vấn đề Do Thái, ngày nay cả hai tôn giáo (Tin lành và Gia tô giáo, N.D.) đều lấy chung một lập trường mà nó chẳng hề tương ứng với lợi ích quốc gia lẫn những nhu cầu thật sự của tín ngưỡng? Người ta cũng chỉ cần so sánh quan điểm của một thầy tu Do Thái về mọi vấn đề chi cần có chút ít ý nghĩa đối với dân Do Thái ở nghĩa chủng tộc với lập trường của phần lớn hơn rất nhiều các tu sĩ chúng ta, nhưng xin

nhớ là cả hai tôn giáo!
Chúng ta luôn có hiện tượng này khi nó liên quan tới việc đại diện cho một ý tưởng trừu tượng.


WIEN

Nhà thờ Kafederalny tại Vienna "Quyền lực của nhà nước", "nên dân chủ", "chủ nghĩa hoà bình", "tình đoàn kết quốc tế" v.v toàn là những khái niệm ở nước ta gần như luôn luôn trở thành những hình ảnh cứng nhắc, thuần tuý học thuyết, đến nỗi chỉ được phép duy nhất đi từ những quan điểm ấy mỗi khi đánh giá các tất yếu sống còn của dân tộc nhìn chung.

Cái kiểu cách vô lối ấy – nhìn nhận mọi vấn đề dưới góc độ của một định kiến có trước, đã bóp chết mọi khả năng suy nghĩ chủ quan vào sâu một sự việc; nó mâu thuẫn khách quan với chính học thuyết, cuối cùng dẫn đến đảo ngược hẳn phương tiện

và mục đích. Người ta sẽ chống bất kỳ một cuộc thử nổi dậy nào mà nếu như để làm được thì phải mất trước một trung đoàn tồi. Vì thế là vi phạm “quyền lực của nhà nước”, thứ “quyền lực nhà nước” mà dưới mắt của kẻ cuồng nhiệt – khách quan đâu có phải phương tiện để phục vụ cho mục đích; đó chính là mục đích đủ choáng hết cả cuộc đời khốn khổ của mình. Chẳng hạn, người ta sẽ phẫn nộ đứng lên chống chuyên chính, dù cho có là Friedrich đại đế cầm đâu đi nữa, dù cho chính lúc này những kẻ đang diễn trò đa số nghị viện chi là những chú lùn bất lực, thậm chí là vô tích sự. Bởi, với người cứng rắn về nguyên tắc đến

thế thì sắc luật dân chủ thậm chí còn thiêng liêng hơn hạnh phúc của dân tộc. Vậy là, người này thì che chắn cho cái vòng câu thúc tồi tệ nhất, đang làm cho cả một dân tộc đi đến chồ lụn bại – song lúc này là hiện thân của “quyền lực nhà nước”; trong khi chính người kia thì đây đẩy khước từ cái hình thái chính quyền, có thể giàu năng lực nhất, chỉ bởi nó không tương thích với ý niệm “dân chủ” riêng của mình.

Hệt như vậy, dù cho dân tộc có bị hiếp đáp đẫm máu đến đâu – bạo lực quân sự được dung túng, thì người theo chủ nghĩa hoà bình trên đất Đức vẫn cứ im lặng vì: tuy rằng chỉ có chống lại cũng bằng bạo lực

thì mới mong thay đổi số phận, nhưng như thế lại là đi ngược tinh thần xã hội hoà bình. Con người xã hội theo chủ nghĩa quốc tế ở nước Đức có thể bị thiên hạ nơi khác trấn lột tàn tệ trong tình đoàn kết, anh ta vẫn lo liệu chu đáo trên tinh thần anh em, không hề nghĩ đến chuyện được đền đáp mà cũng không hề nghĩ đến phản ứng, chỉ vì anh ta chính là – người Đức.

Có thể là buồn, song muốn thay đổi sự vật thì phải nhận chân ra nó đã.

Một bộ phận tăng lữ yếu đại diện cho quyền lợi của người Đức, cũng hệt như vậy.

Thật tình không có ác ý (ý xấu vì còn bị lệnh "trên" chi phối), mà sự thiếu

kiên quyết vì dân tộc này chi là hệ quả của một quá trình giáo dục thanh niên thiếu mất bản thể Đức, mặt khác còn do sự khuất phục hoàn toàn trước cái ý tưởng đã thành tượng Thánh.

# Chương 3:10: TRIẾT LÝ “THIÊN TÀI” CỦA BẬC THỦ LĨNH CỠ LỚN?

Giáo dục về dân chủ, về chủ nghĩa xã hội kiểu quốc tế, về chủ nghĩa hoà bình khô cứng và độc nhất như thế nên nhìn từ phía họ, thuần tuý khách quan, cái hình ảnh chung của thế giới còn lại dưới cái ý niệm cơ sở ấy cũng bị chi phối, trong lúc quan điểm về bản thể Đức lại rất chủ quan suốt từ thời trẻ tuổi. Vậy, người theo chủ nghĩa hoà bình, bởi chủ quan vốn đã toàn tâm toàn ý với ý tưởng của

mình, nên mỗi lần dân tộc bị đe doạ – dù bất công, dù nghiêm trọng thế nào thì anh ta (nếu vẫn còn đúng là người Đức) bao giờ cũng cứ đi tìm các quyền lợi khách quan trước đã, và chẳng bao giờ vì bản năng tự bảo tồn thuần tuý mà đứng vào hàng ngũ của bầy đàn để cùng chiến đấu.



Hitler: Với thủ lĩnh chính trị, các tín điều và cơ sở tôn giáo của dân tộc bao giờ cũng phải là bất khả xâm phạm, bằng không thì không thể là nhà chính trị

Đúng đến đâu với từng đức tin thì lại như sau đây:

Đạo Tin lành tự thân nó đại diện cho các quyền lợi của người Đức tốt hơn, bởi lẽ vốn đã có cơ sở từ lúc mới sinh và cả trong truyền thống sau đó, tuy nhiên nó cũng bế tắc khi phải bảo vệ quyền lợi cho dân tộc trên lĩnh vực mà ở đường lối chung về thế giới quan và ở quá trình phát triển truyền thống của nó lại không có hay không được chấp nhận vì một nguyên nhân nào đó.

Vậy nên, vì tất cả những gì liên quan đến tính Đức bao giờ nó cũng tự

thân vào cuộc, ngay khi có những vấn đề nảy sinh như thanh lọc nội bộ, chiều sâu của tính dân tộc bảo tồn bản thể Đức, ngôn ngữ Đức, tự do Đức, bởi tất cả đều từng cùng lúc hình thành, đã bén rễ sâu trong nó. Song nó lại tức thời và cực kỳ kiên quyết chống bất kỳ một thử nghiệm nào nhằm giải thoát cho dân tộc ra khỏi cái vòng kìm kẹp của kẻ tử thù số một của mình. Là bởi lập trường của nó đối với vấn đề người Do Thái đã được xác lập, chắc chắn ít nhiều có tính giáo điều. Mà đây lại chính là vấn đề, mà nếu như không được giải quyết, thì mọi thử nghiệm khác để cho nước Đức tái sinh hay là để nổi dậy hết thảy đều hoàn toàn vô

nghĩa, đang và sẽ còn là bất khả thi.
Hồi ở Vienna, tôi đã có đủ thời gian rảnh rỗi và có dịp để, không định kiến, xem xét lại vấn đề này và qua giao tiếp thường ngày kiểm chứng lại nó đến cả ngàn lần.
Ở chốn hội tụ đa sắc tộc nhiều màu nhiều vẻ nhất này thì thấy cực rõ ngay, là chỉ có người Đức theo chủ nghĩa hoà bình mới luôn luôn tìm cách khách quan xem xét quyền lợi của dân tộc mình. Với quyền lợi của dân tộc mình thì dân Do Thái chưa bao giờ được như thế. Lại chỉ có người Đức theo chủ nghĩa "quốc tế" mới chịu đi cầu xin công bằng cho dân tộc mình, bởi lẽ tinh thần ấy cấm họ làm khác – họ chỉ được phép

khóc lóc, rên rỉ với các đồng chí quốc tế. Đến người Séc, người Ba Lan cũng chẳng thèm làm theo cách đó bao giờ. Nói ngắn gọn, hồi ấy tôi đã nhận thức được, chỉ có một phần bất hạnh nằm ở tự thân các học thuyết ấy, còn phần khác nằm ở chỗ tính dân tộc đã được dạy dỗ hoàn toàn không đây đủ và vì vậy ít có tinh thần cống hiến, xả thân vì nó.

Thế là đã rơi rụng mất cái cơ sở thuần tuý lý thuyết đầu tiên của phong trào toàn Đức trong cuộc chiến chống Gia tô giáo.

Người ta giáo dục dân chúng Đức ngay từ khi còn ở tuổi thơ – chỉ dạy thừa nhận quyền của chính dân tộc mình, mà đã không làm ô uế tâm

hồn con trẻ bằng câu chữ “tính khách quan” của chúng ta, cả trong việc giữ gìn cái Tôi của chính mình. Nên chỉ trong một thời gian ngắn, đã thấy (miễn rằng đó cũng là một chính phủ dân tộc cấp tiến) giống như ở Ai Len, Ba Lan hoặc Pháp, cả ở Đức nữa, người Gia tô giáo luôn luôn là người Đức.

Minh chứng thuyết phục nhất vốn đã có từ cái thời mà lần chót vì bảo vệ sự tồn tại, dân tộc ta đã phải ra trước toà án lịch sử trong cuộc đấu tranh sống còn của mình.

Thời đó thiếu lãnh đạo từ trên, dân vẫn gồng mình lo đầy đủ nghĩa vụ và trang trải hết nợ nần. Mục sư Tin lành hay linh mục Gia tô giáo cũng

như nhau, cùng góp sức chung lòng không hạn chế để bảo tồn sức đề kháng lâu dài, không chỉ ngoài trận tuyến mà ở ngay hậu phương lại còn hơn thế. Những năm ấy và nhất là khi mới bùng cháy, ở cả hai bến thật sự chỉ có một nước Đức thiêng liêng – mỗi bên có một khoảng trời riêng, song đều cầu nguyện cho sự sống và tương lai của nó.

Lẽ ra đã có lúc mà phong trào toàn Đức ở trên Áo quốc phải tự hỏi mình: Liệu có bảo tồn được chất Đức trên Áo quốc dưới một đức tin Gia tô giáo? Nếu được thì đảng phái chính trị chẳng cần quan tâm đến các vấn đề tôn giáo hay thậm chí đức tin; nếu không thì lại phải có một

cuộc cải cách tôn giáo và không bao giờ được có một đảng phái chính trị. Cho thấy là, với những ai tưởng vòng qua một tổ chức chính trị có thể đi tới cuộc cải cách tôn giáo, ánh sáng lấp lánh của các ý niệm tôn giáo, các học thuyết tín ngưỡng và những tác động của chúng vào nhà thờ đã lìa bỏ chính họ.

Ở đây thật tình không thể cùng lúc vì cả hai ông chủ. Theo tôi thì dựng lên hay là dẹp đi một tôn giáo là chuyện lớn, lớn hơn dựng hay dẹp một nhà nước nhiều, huống là một đảng phái.

Người ta không nói tấn công, mà chi là đáp trả tấn công của đối phương.

Tất nhiên là thời nào cũng có đứa bất lương không ngần ngại lạm dụng

đến cả tôn giáo để mặc cả chính trị (với kẻ như thế hầu như khi nào cũng là và chỉ thế). Song (cũng hẳn nhiên) là sai nếu lại đổ trách nhiệm cho tôn giáo hoặc đức tin (hẳn nhiên cũng bị nó lạm dụng), bởi lẽ để thoả mãn dục vọng thấp hèn đứa lưu manh sẽ không từ bỏ bất kỳ thủ đoạn nào.

Đổ trách nhiệm cho cho tôn giáo hoặc đức tin vì nó xấu ư, tức thì nó lu loa om sòm, nó xin thiên hạ chứng giám là cho tới đó hành xử của nó không xấu, và chỉ nhờ nó với cái lưỡi dẻo quẹo của mình mà đã cứu được tôn giáo, cứu được nhà thờ. Lúc đó vì om sòm như thế, đám người đã ngớ ngẩn lại chóng quên kia, tất không thể nhận chân ai mới đích

thực là người đã đứng ra phát động cả cuộc đấu tranh, thậm chí họ còn chẳng nhớ ra nó là người nào nữa. Thế là đứa lưu manh đạt được mục đích của nó.

Thừa biết chẳng có gì liên quan đến tôn giáo hết, con cáo già bưng miệng cười thầm. Trong lúc đối thủ trung thực nhưng vụng về bị thua cuộc để rồi đến một ngày, không còn lòng thành và niềm tin đối với mọi người nữa, đành ngấm ngầm bỏ cuộc.

Mà mặt khác cũng không phải lẽ, nếu buộc tự thân tôn giáo hay buộc chính nhà thờ phải chịu trách nhiệm về từng người. Đối chiếu cái tầm vóc hiển hiện ngay trước mắt với cái

kém cỏi bình quân của con người nhìn chung ắt hẳn phải thừa nhận, tỷ lệ tốt xấu ở đây hơn hẳn ở bất cứ đâu khác. Tất nhiên rồi, trong giới tu sĩ cũng có vị xem cái giáo chức thiêng liêng của mình chỉ như cái công cụ nhằm thoả mãn tham vọng cá nhân, quá mê mải đấu tranh chính trị cho nên quên phắt cả nghĩa vụ là phải bảo vệ một chân lý thiêng liêng hơn chứ không phải là đi biện hộ cho dối trá và lừa bịp. Cứ một người không xứng danh như thế thì vẫn còn cả ngàn người đáng trọng, hết mực trung thành với sứ mạng là những người chăm sóc linh hồn, tuy số người như thế này chỉ tựa như mô đất nhỏ trồi lên giữa đám sình lấy là

cái xã hội bây giờ vừa giả dối vừa chưa hoàn thiện.
Nếu tôi không nỡ và không dám công kích nhà thờ vì chỉ có một ai đó bận áo choàng linh mục mà lại làm ô uế đạo lý, thì tôi cũng không đành lòng và không thể làm như vậy khi chỉ có một người nào đó trong số đông lại làm vấy bẩn và phản bội dân tộc mình, ở vào thời mà cái việc như vậy mặc nhiên đúng là chuyện cơm bữa thường ngày. Đặc biệt hôm nay đây xin đừng quên, lỡ có gặp phải một Ephialtes (có hai nghĩa: lãnh đạo nhà nước Hy Lạp, chết năm 461 trước công nguyên; và người khổng lồ theo truyền thuyết Hy Lạp, có lẽ ở đây tác giả muốn nói theo ý thứ hai,

ND) như vậy thì vẫn còn gặp được cả ngàn con người tâm huyết, và hệt như những người con ưu tú nhất của dân tộc họ vẫn đau đáu chờ mong đến một ngày rồi ông Trời sẽ lại rạng rỡ mỉm cười với tất cả chúng ta.




Ephialtes: người khổng lồ theo truyền thuyết của Hy Lạp (ảnh minh họa).

Song ai dám đáp lại rằng ở đây không có vấn đề của thường ngày, chỉ có vấn đề chân lý hay giáo điều thì xin giải đáp cho một vấn đề nữa:

Bạn tin là bạn được chọn để truyền bá chân lý, thế thì cứ việc, nhưng hãy dũng cảm, đừng tính đến chuyện đi con đường vòng của một đảng chính trị – bởi như vậy là rẽ ngang.

Xin hãy dựng lên cái tốt hơn của ngày mai thế vào chỗ cái xấu của ngày hôm nay; dù thế nào đi nữa thì cũng xin đừng tính chuyện vòng qua con đường của một phong trào chính trị để mà với tới, bằng mánh khoé kín đáo, cái mà bạn đã cầm chắc là không thể có nếu cứ sòng phẳng và minh bạch.

Đảng chính trị chẳng có gì phải bận bịu vì tôn giáo, chừng nào mà tôn giáo không xa lìa dân, buông bỏ tập quán và đạo lý dân tộc; hệt như vậy, tôn giáo không phải lo đảng chính trị ứng xử không thoả đáng.

Một khi hàng giáo phẩm lại sử dụng các cơ sở hay học thuyết của tôn giáo có hại cho dân tộc thì (người ta, ND) không thể đi theo và còn được phép chống trả với chính những vũ khí ấy.

Với thủ lĩnh chính trị, các tín điều và cơ sở tôn giáo của dân tộc bao giờ cũng phải là bất khả xâm phạm, bằng không thì không thể là nhà chính trị mà (ông ta, ND) nên là nhà cải cách nếu có được công cụ cần

thiết!

Một thái độ khác (với ở trên, ND) có thể sẽ dẫn đến thảm hoạ, đặc biệt ở Đức.

Khảo sát phong trào toàn Đức và cuộc đấu tranh chống Roma của nó ngay từ hồi đó và nhất là cả những năm tiếp sau, tôi đã đi đến chỗ tin rằng: vì phong trào ấy thiếu hiểu biết ý nghĩa của vấn đề xã hội cho nên nó đã mất quần chúng thật sự có sức chiến đấu; đi vào nghị viện, nó đã bị mất cái đà vốn mạnh rồi lại phải gánh vác tất cà các điểm yếu của chính cái thiết chế ấy; cuộc đấu tranh chống nhà thờ Gia tô giáo, làm cho nó thành ra không chấp nhận được đối với nhiều giới vừa và nhỏ,

đã cướp đi của nó vô số phần tử ưu tú nhất.

Kết quả thực tế của cuộc đấu tranh văn hoá trên Áo quốc gần như bằng không.

Cũng lôi kéo được của nhà thờ khoảng 100.000 thành viên thật, chỉ có điều là số người này chẳng phải mất mát gì đặc biệt. Như thế ở trường hợp này, nhà thờ không cần khóc "con chiên nhỏ" bởi nó chỉ mất cái mà nội tâm đã từ lâu không còn hoàn toàn thuộc về nó. Chỗ khác giữa cải cách mới với cải cách trước đây chính là ở đó: trước đây những con chiên ngoan ngoãn nhất đã vì đức tin tôn giáo trong nội tâm mà quay lại nhà thờ, thì bây giờ bỏ đi lại

là những kẻ mới chỉ có được nửa chữ tâm, mặc nhiên vì những “cân nhắc” chính trị.

Nhìn dưới góc độ chính trị, cái kết quả này thật sự đáng cười mà cũng lại đáng buồn.

Lại có một phong trào chính trị cứu nước hứa hẹn thành công cho dân tộc Đức bị diệt vong bởi lẽ nó không được lãnh đạo bằng sự tinh táo đến tàn nhẫn cần thiết, mà lại bị rơi vào những lĩnh vực chỉ dẫn nó đến sự phân rã.

Bởi lẽ có điều sau là hết sức đúng đắn:

Phong trào toàn Đức sẽ không phạm sai lầm đó, nếu như nó đã không am hiểu quá ít tâm lý đám đông. Nếu

như lãnh tụ của nó biết rằng, muốn giành thẳng lợi thì những cân nhắc thuần tuý tình cảm không bao giờ được phép để quần chúng cùng lúc thấy hai đối thủ hay nhiều hơn thế, vì như vậy sức chiến đấu sẽ hoàn toàn bị xé lẻ; lẽ ra hướng công kích của phong trào toàn Đức phải nhằm vào chỉ một đối thủ mà thôi. Không có gì nguy hiểm hơn cho một đảng chính trị là lúc ra các quyết định lại để bị chèo lái bởi những kẻ "gì cũng biết" song lại chẳng làm được một tí gì cho thật trọn vẹn.

Ngay cả khi mà ở từng đức tin thấy sự phô bày quá nhiều đi nữa, thì đảng chính trị cũng không được rời mắt chỉ một lúc khỏi cái sự thật là,

theo tất cả kinh nghiệm xưa nay, trong lịch sử chưa từng có bao giờ một đảng chính trị thuần tuý ở vào những tình thế như vậy lại đã có thể đi đến cải cách được tôn giáo. Ta không học lịch sử để rồi đến lúc cần vận dụng vào thực tế lại không nhớ hay là không tin vào những bài học của nó, cho rằng sự vật ở thời đó lại khác kia, vậy nên không còn vận dụng được những nguyên lý của cái thời xa xưa ấy nữa; mà ta học ở nó cách vận dụng có lợi cho hiện tại. Ai không làm được điều đó thì xin chớ mơ tưởng làm lãnh tụ chính trị; thật tình anh ta chỉ là một kẻ nông cạn, lẩm khi còn là một kẻ rất cao ngạo, hão huyền đáng thương, và dù thiện

chí có đến đâu cũng không biện hộ được cho cái bất tài trong thực tế. Nghệ thuật của các vị thủ lĩnh thật sự lớn ở mọi thời đại chính là không phân tán sự chú tâm của nhân dân, mà biết luôn tập trung vào chi một đối thủ duy nhất. Sức chiến đấu của dân càng được thống nhất huy động thì lực hút của phong trào càng lớn và sức công phá càng mạnh. Thiên tài của bậc thủ lĩnh cỡ lớn chính là ở chỗ: đối thủ thì nhiều thật song lại biết gom tưởng như chỉ có một, bởi lẽ ở những người cá tính yếu đuối, không kiên định thì nếu nhận ra lắm kẻ thù quá rất dễ là ngay từ đầu đã sinh nghi những quyền chính đáng của mình.

Quần chúng dao động vào cuộc tranh đấu mà lại thấy lắm kẻ thù quá, tức thời tính khách quan thức tỉnh và câu hỏi được đặt ra: Có thật chỉ có dân, chỉ có phong trào mới là đúng còn tất cả những người kia là sai không?
Vậy là nội lực bắt đầu tê liệt. Vì thế phải biết gom, sao để đối thủ thì nhiều và khác nhau ở nội tình song quần chúng lại thấy như chỉ có một kẻ thù. Họ sẽ càng tin vào lẽ phải của mình và càng căm thù đối phương.
Từ ban đầu phong trào toàn Đức vốn không nhận thức ra được như thế nên đã thất bại.
Mục tiêu đặt đúng, ý chí trong sạch,

song đi sai đường. Như người leo núi, ngước lên nhìn thấy đỉnh, quyết tâm cao, ra sức leo; song bởi chỉ nhìn lên đinh mà không nhìn xuống nên không thấy rõ, không nắm chắc được con đường leo lên, cuối cùng thất bại.

# Chương 3:11: NHỮNG THU HOẠCH TỪ VIENNA

Tình hình đối thủ lớn của nó là Đảng xã hội Thiên chúa giáo dường như ngược lại.

Con đường mà đảng này đã chọn là đúng và khôn ngoan, song mục tiêu lại không được rõ ràng. Trong mọi yêu cầu, nơi phong trào toàn Đức bị khuyết, thì cách đứng chân của Đảng xã hội Thiên chúa giáo lại đúng và rất có kế hoạch.

Đảng ấy đã có sự hiểu biết phải có về ý nghĩa của số đông và đã tranh thủ được chí ít cũng là một phần

quần chúng nhờ công khai nhấn mạnh tính xã hội ngay từ những ngày đầu. Bằng cách định hướng cơ bản nhằm thu hút các giới tiểu thủ công nhỏ và vừa lớp dưới, đã kéo theo được đoàn người vừa trung thành vừa kiên định, lại có tinh thần xả thân. Vì đảng tránh mọi cuộc đấu tranh chống tôn giáo nên cũng rất được các cơ sở của cái tổ chức cực mạnh này, như nhà thờ chẳng hạn, ủng hộ. Thế là đảng chỉ còn có một đối thủ lớn, đích thực và duy nhất.

BRIGITTE HAMANN

# HITLER'S VIENNA

## A DICTATOR'S APPRENTICESHIP





Đảng nhận thức được giá trị của việc tuyên truyền rộng rãi và là bậc kỳ tài trong cách thức tác động đến tận sâu thẳm trong tâm hồn của đám đông theo mình.
Tuy vậy đã không đạt đến được mục đích từng mơ ước là giải cứu cho Áo quốc vì đảng đã có hai thiếu sót và chính mục đích vốn cũng chưa thật rõ ràng.
Chủ trương bài Do Thái của phong trào mới thay vì được xây dựng trên nhận thức về chủng tộc lại đã xuất phát từ ý niệm tôn giáo.
Nguyên nhân phạm phải cái sai lầm ấy cũng còn là nguyên nhân dẫn đến sai lầm thứ hai nữa.

Cứ như những người đã sáng lập ra nó suy nghĩ thì muốn giải cứu Áo quốc, Đảng xã hội Thiên chúa giáo không thể đứng trên nguyên lý chủng tộc được, vì chỉ trong một thời gian ngắn nữa nhà nước nói chung tất phải bị giải thể. Song đặc biệt tình hình ở chính Vienna khi đó lại đòi hỏi, như lãnh tụ của đảng nhận định, phải cố gắng đến tối đa gạt sang bên tất cả các mômen chia rẽ và thay vào đó hãy ra sức đề cao mọi quan điểm có sức mạnh thống nhất.

Vienna hồi đó đã áp đặt mạnh tới mức, đặc biệt với những người gốc Séc, là chỉ có khoan dung đến tối đa trong mọi vấn đề chủng tộc mới giữ được họ ở lại trong một cái đảng

vốn không phải là chống Đức từ đầu. Muốn giải cứu Áo quốc thì không thể không có họ. Người ta bèn tìm cách tranh thủ những người Séc làm các nghề tiểu thủ công, đặc biệt rất đông đảo ở Vienna, thông qua cuộc đấu tranh chống trào lưu kinh tế tự do kiểu Manchester, và những tưởng vậy là đã tìm được một thứ khẩu hiệu đấu tranh bài Do Thái trên cơ sở tôn giáo, vượt qua mọi khác biệt sắc tộc của Áo quốc ngày xưa.

Những tưởng đấu tranh trên cơ sở như thế cầm chắc không có gì nhiều đáng lo ngại, ở trường hợp tồi tệ nhất thì chỉ cần vẩy ít nước rửa tội là đã cùng lúc cứu vãn được cả công chuyện lẫn người Do Thái.

Cơ sở hời hợt đến thế thì chẳng bao giờ xử lý nghiêm túc và khoa học được toàn bộ vấn đề, chỉ tổ đẩy ra xa quá nhiều người, bởi họ không thể hiểu cách bài Do Thái như thế. Vậy nên sức mạnh thu hút của ý tưởng hầu như chỉ đến được những giới mà vốn hiểu biết chỉ có hạn, vì cảm xúc thuần tuý nhiều hơn là do nhận thức thật sự. Giới trí thức thì kiên quyết khước từ. Càng lúc càng lộ rõ, cứ như toàn bộ công chuyện chỉ là một thử nghiệm để người Do Thái cải tạo, thậm chí là một chút ganh tị trong cạnh tranh. Vậy là cuộc đấu tranh mất đi đặc điểm của một cuộc cống hiến trong tâm linh và cao cả hơn; nhiều người – mà không chỉ

những kẻ tồi tệ nhất, thấy nó phi đạo lý và đáng nguyền rủa. Thiếu niềm tin rằng đây chính là vấn đề sống còn của cả nhân loại, mà số phận của mọi dân tộc không phải Do Thái lại phụ thuộc vào cách giải quyết vấn đề này.

Nửa vời như vậy nên lập trường bài Do Thái của Đảng xã hội Thiên chúa giáo không còn có giá.

Bài Do Thái giả vờ còn tồi tệ hơn không bài vì chắc chắn có người bị ru ngủ. Những tưởng kéo được tai đối thủ mà thành ra chính mình bị dắt mũi!

Song, người Do Thái chỉ sau một thời gian ngắn đã quen với kiểu bài Do Thái ấy tới mức, với anh ta chắc

chắn thà bị bỏ quên còn hơn là bị chính sự tồn tại của mình cản đường.
Ở đây nhà nước đa sắc tộc đã phải chịu hy sinh nặng nề, song quyền lợi của người Đức cũng đã phải hy sinh còn nặng nề hơn thế.
Không được phép là “người theo chủ nghĩa dân tộc” nếu như không muốn mất đất đứng ở chính giữa Vienna. Người ta cứ tưởng nhẹ nhàng lảng tránh vấn đề ấy thì cứu được nhà nước Habsbourg, song chính như vậy lại đẩy nó nhanh đi đến diệt vong. Phong trào bị mất cái nguồn lực cần cho một đảng phái chính trị. Phong trào xã hội Thiên chúa giáo vốn đã trở thành được một đảng như

bất kỳ một đảng nào khác chính là nhờ thế.
Hồi ấy tôi đã hết sức chăm chú theo dõi cả hai phong trào: phong trào này thì bởi từ nhịp đập sâu thẳm trong con tim, phong trào kia thì do bị hấp dẫn bởi con người hiếm có, ngay hồi đó đã dường như là một biểu tượng lớn của cả khối người Đức trên đất Áo quốc.
Lúc đám tang linh đình của vị thị trưởng đã qua đời bắt đầu chuyển động từ toà thị chính ra phía con đường bao quanh Ringstraβe, tôi cũng đứng lẫn trong số mấy trăm ngàn người đến xem tang lễ. Xúc động sâu sắc trong lòng như bảo tôi rằng, thế là sự nghiệp của con người

này thật sự vô vọng bởi cái nhà nước này rồi cũng tiêu vong, một số phận bất khả kháng. Giá như TS Karl Lueger đã sống ở bên Đức, ắt là sẽ được xếp vào hàng những bộ óc vĩ đại của dân tộc chúng ta; song ông lại đã hoạt động ở cái nhà nước không thể chấp nhận được này, đó là nỗi bất hạnh cho sự nghiệp của ông và của chính ông.

Ông vừa mất đi, thì lửa đã vội bùng cháy trên dải đất Balcan, càng lúc càng dữ dằn, tháng này qua tháng khác; vẻ như số phận khoan dung muốn cho ông không phải thấy nó, cái mà ông vẫn từng tin là có thể ngăn chặn được.

Tôi lại thử cố tìm hiểu xem vì đâu mà

một phong trào bế tắc, một phong trào thất bại và đi đến chỗ tin chắc rằng, loại trừ chuyện củng cố nhà nước trên đất Áo quốc cũ vốn là chuyện không thể có, thì những sai lầm của hai đảng như sau đây:

Phong trào toàn Đức đúng là có quan điểm nguyên tắc rõ ràng về mục đích cuộc canh tân của người Đức, song lại không may mắn khi chọn đường đi. Phong trào có tính dân tộc, song tiếc rằng lại không đủ tính xã hội để tranh thủ số đông. Tính bài Do Thái cũng lấy nhận thức đúng về ý nghĩa của vấn đề chủng tộc làm cơ sở chứ không dựa vào các ý niệm tôn giáo. Nhưng, việc nó đấu tranh chống chỉ một đức tin nhất

định thì lại là sai. Sai cả về thực tiễn lẫn chiến thuật.
Phong trào xã hội Thiên chúa giáo hình dung mục đích cuộc tái sinh của người Đức không rõ ràng, nhưng hiểu và may mắn tìm được đường đi cho mình như thể một đảng phái. Nắm được ý nghĩa của vấn đề xã hội, song lầm lạc trong đấu tranh chống người Do Thái và không có khái niệm gì về sức mạnh của tư tưởng dân tộc.
Giá như Đảng xã hội Thiên chúa giáo, với nhận thức khôn ngoan về quần chúng lại có thêm ý niệm vê ý nghĩa của vấn đề chủng tộc như của phong trào toàn Đức nữa, thì chính nó cuối cùng cũng theo chủ nghĩa

dân tộc. Hoặc giá như phong trào toàn Đức thêm vào nhận thức đúng đắn của nó về mục đích vấn đề Do Thái và về tầm quan trọng của tư tưởng dân tộc, cả sự khôn ngoan trong thực tiễn của Đảng xã hội Thiên chúa giáo nữa và đặc biệt, lập trường của cái đảng ấy về chủ nghĩa xã hội thì ắt sẽ trở thành cái phong trào mà như tôi đã tin tưởng hồi đó, đủ khả năng can thiệp thành công vào số phận của người Đức.

Lại đã không được thế, phần lớn nhất do tự bản chất của nhà nước Áo quốc.

Vì tôi không tin vào bất cứ đảng nào khác nữa nên về sau tôi đã quyết định không gia nhập một tổ chức nào

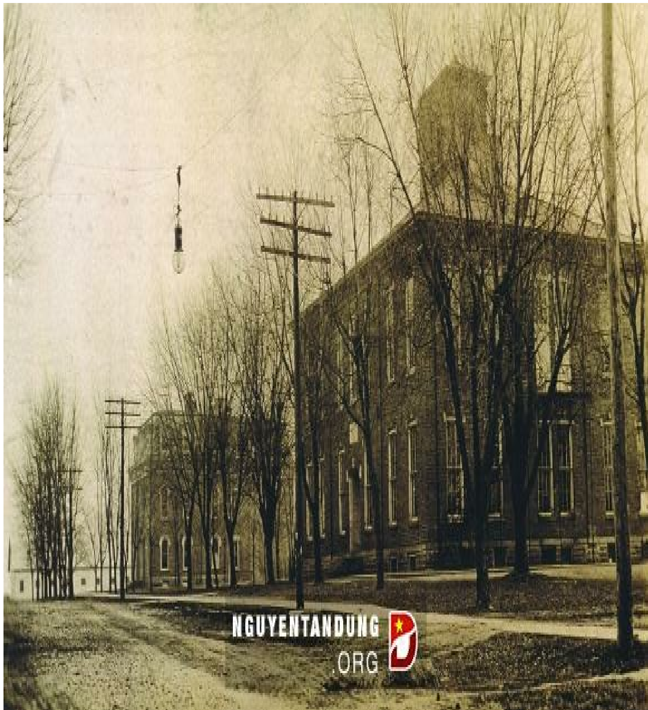
hết trong số các tổ chức đã có, thậm chí còn không cùng đấu tranh với họ. Ngay hồi đó tôi đã cho rằng tất cả các phong trào chính trị đều có chỗ khiếm khuyết và không có khả năng, không thể làm nổi một cuộc tái sinh ở quy mô lớn chứ không chỉ ở vẻ ngoài cho dân tộc Đức.

Ác cảm của tôi đối với nhà nước của dòng họ nhà Habsbourg không ngừng gia tăng. Tôi càng bắt đầu chú tâm đặc biệt đến các vấn đề chính trị đối ngoại thì niềm tin của tôi càng có thêm cơ sở, là các hình thái nhà nước ấy rồi sẽ trở thành cái hoạ cho dân tộc Đức. Cuối cùng tôi cũng càng thấy rõ là số phận của dân tộc

Đức không còn được quyết định từ nơi đó nữa, mà phải là ở trong nước. Không chỉ nói về các vấn đề chính trị chung, mà về mọi hiện tượng của toàn bộ đời sống văn hoá cũng hoàn toàn như vậy.

Ở đây cũng thế, trên lĩnh vực các công việc thuần tuý văn hoá hay nghệ thuật, nhà nước Áo cũng cho thấy đủ mọi đặc điểm của một trạng thái mệt mỏi, chí ít cũng là của một sự vô nghĩa đối với dân tộc Đức. Thường thấy nhiều nhất trên lĩnh vực kiến trúc. Vì vậy nghệ thuật xây dựng mới không thể có thành quả đặc biệt lớn trên Áo quốc. Tính từ khi mở rộng con đường bao quanh Ringstraβe, chí ít cũng ở Vienna,

không có công trình nào đáng kể nữa so với những kế hoạch vẫn không ngừng cất cánh trên nước Đức.




Trường học ở Vienna năm 1910. Nơi Hitler từng theo học.

Vậy là tôi bắt đầu cùng lúc hai cuộc

sống; kiến thức và chân lý đã bắt tôi phải trải qua một trường học thật nghiệt ngã song cũng giàu thu hoạch trên Áo quốc, chỉ duy trái tim thì cứ ở tận đâu đâu.
Càng nhận ra chỗ trống rỗng của cái nhà nước ấy, thấy chẳng còn có thể cứu vãn nó thì càng bất bình day dứt, song cũng càng tin chắc nó chỉ còn là nỗi bất hạnh của dân tộc Đức, hoàn toàn là thế.
Tôi tin là với cái nhà nước ấy, cứ cái gì là Đức thật sự tất nó phải hạn chế và ngăn cản; còn ngược lại, cứ cái gì không phải là Đức hẳn nó rồi sẽ khuyến khích.
Tôi rất ngán khối sắc tộc tụ hội ở thủ đô, ngán vô cùng cái khối pha trộn

ấy, nào người Séc, người Ba Lan, người Hung, người Ruthenen (tến gọi xưa những người Ucraina sống tại nền quân chủ Áo – Hung, ND), người Sécbia, người Croatia, và lẫn lộn giữa họ, những con khuẩn vĩnh hằng của nhân loại – người Do Thái và lại người Do Thái.

Tôi thấy cái thành phố khổng lồ ấy như thể là hiện thân của tệ loạn luân. Tiếng Đức của tôi thời còn trẻ là thứ phương ngữ mà ở Niederbayern họ cũng nói, tôi không có ý định quên nó đi mà cũng chẳng có ý muốn học lây thứ biệt ngữ của Vienna. Càng nán lại lâu ở cái thành phố ấy thì càng căm ghét cái đám hổ lốn sắc tộc xa lạ, nó đã bắt đầu gặm nhấm cái di

sản văn hoá cổ xưa ấy của người Đức.
Tuy nhiên với tôi, ý nghĩ rằng nhà nước này còn tồn tại dài dài, tỏ ra khá nực cười.
Vào thời đó, Áo quốc như là một bức tranh ghép hình mà chất keo kết dính các hình đã cũ nát và dễ vỡ; chừng nào chưa ai đụng tới nó thì tác phẩm nghệ thuật này còn tiếp tục giả vờ như vẫn hiện hữu được mãi, song nếu có va chạm thì nó sẽ vỡ ra muôn mảnh ngay. Câu hỏi luôn là, bao giờ thì cú va chạm nọ sẽ đến.
Bởi trái tim tôi đập, không bao giờ vì Áo quốc quân chủ mà luôn luôn chỉ vì nước Đức, cho nên với tôi, giờ sụp đổ của cái nhà nước ấy chỉ có thể là

lúc khởi đầu để giải thoát dân tộc Đức.
Vì tất cả các lý do ấy mà tôi càng ngày càng nung nấu khát khao, cuối cùng sẽ đến cái nơi mà những ước mơ và những mối tình thầm kín đã từng thu hút tôi từ những tháng năm tôi còn trẻ.
Tôi mong mỏi sau này rồi sẽ là một kỹ thuật viên ngành xây dựng có tên tuổi, và trong phạm vi nhỏ hay lớn thì còn tuỳ theo số phận, được trung thực phục vụ dân tộc.
Rốt cuộc tôi muốn được chia sẻ cái may mắn được sống và tác động ở đó, nơi mà năm xưa tôi đã phải từ đó ra đi vì khát vọng cháy bỏng nhất trong tôi, đúng như vậy, là sáp nhập

chốn quê hương yêu dấu của tôi vào tổ quốc chung, vào vùng lãnh thổ của người Đức.
Lắm người cho đến tận ngày nay vẫn chưa ý thức được tầm vóc của cái khát vọng ấy. Tôi chỉ xin nói với những ai mà số phận, hoặc đã không cho hưởng hoặc đã nghiệt ngã tước đi mất cái may mắn ấy. Xin nói với tất cả những ai bị tách ra khỏi đất mẹ đã phải chống chọi – dù chỉ để cố giữ lấy chút di sản ngôn ngữ thiêng liêng, đã từng bị bắt bớ tù đầy chỉ vi trung thành với tổ quốc, những ai lúc này đây vẫn đang đau đáu mong đợi từng giờ cái ngày lại được về sống giữa lòng đất mẹ. Xin nói với tất cả những con người mà

tôi biết ấy: Các người sẽ hiểu tôi!
Chỉ ai tự cảm nhận được tận sâu thẳm trong tâm, người Đức là như thế, mà lại không được thuộc về chính tổ quốc thân yêu của mình thì mới có thể biết đến và đo được cái niềm khát khao vào mọi lúc mọi thời vẫn không ngừng cháy bỏng trong tâm khảm của những đứa con đã phải lìa xa đất mẹ. Nó dằn vặt người ta, chẳng để cho ai được yên hưởng hạnh phúc, chừng nào mà cánh cửa ngôi nhà của bố mẹ còn rộng mở, để cho dòng máu chung được thấy lại hoà bình và no ấm trong vùng lãnh thổ chung.
Dù sao trước sau gì Vienna vẫn cứ là cái trường học nghiệt ngã nhất

nhưng cũng lại cơ bản nhất của đời tôi. Lúc đến, tôi hãy còn là một cậu bé. Lúc đi, tôi đã thành người trầm tĩnh và đúng mực. Tôi đã thu hoạch được ở đó cái cơ sở cần cho một thế giới quan ở phạm vi rộng và một tầm nhìn chính trị ở phạm vi hẹp; đương nhiên là sau đó tôi còn phải bổ sung cho chi tiết, song cái cơ sở đó thì tôi sẽ chẳng bao giờ quên được. Giá trị đích thực của những năm tháng miệt mài học hỏi đó, cũng đương nhiên, chỉ bây giờ tôi mới đánh giá được đúng và đủ.

Vậy nên tôi đã xử lý cả thời kỳ ấy có phần sâu kỹ, bởi lẽ chính nó đã ban phát cho tôi bài học đầu đời về quan điểm ở những vấn đề mà sau này lại

thuộc về cơ sở của cái đảng, lúc mới sinh còn nhỏ bé đến cực kỳ, vậy mà chỉ sau năm năm đã vụt lớn thành cả một phong trào quần chúng rộng khắp. Tôi không biết là về vấn đề Do Thái, về nền dân chủ xã hội, thậm chí về toàn bộ chủ nghĩa v.v… lập trường của tôi đã có thể ra sao? Nếu như đã không sẵn có ngay từ buổi sớm mai ấy cái vốn liếng ban đầu đó, mà vì áp lực của số phận và cũng nhờ tự học, tôi đã tự tạo được cho mình.

Vì, dù bất hạnh của dân tộc có gợi mở cùng suy ngẫm về các nguyên nhân nội tại của sự sụp đổ cho cả ngàn ngàn người đi nữa, thì cũng chẳng bao giờ có thể hình thành cái

chính xác tỷ mỷ kia, vốn đã phải mất nhiều năm lăn lộn làm chủ số phận mới có được.

# Chương 4: MUNICH

Đầu năm 1912, cuối cùng thì tôi cũng đến Munich.

Tôi biết về thành phố kỹ đến mức cứ tưởng như mình đã ở đây từ nhiều năm rồi. Điều đó xuất phát từ lý do là từ thời tôi còn đi học, mỗi bước đi đều đã hướng về thủ phủ này của nền nghệ thuật Đức. Nếu ta chưa biết Munich, ta không chỉ chưa biết nước Đức. Không, là ta chưa biết trước hết nền nghệ thuật Đức, nếu ta chưa biết Munich.

Dù sao đi nữa thì thời tiền chiến này là quãng thời gian hạnh phúc và thoả mãn nhất, vượt xa mọi thời khác của cuộc đời tôi. Dẫu cho thu nhập của tôi vẫn còn rất thấp thì tôi cũng

chẳng sống để được vẽ, mà chỉ vẽ để qua đó bảo đảm khả năng cho cuộc đời tôi, nói đúng hơn là, qua đó cho phép tôi được tiếp tục học. Tôi tin chắc rằng, những mục tiêu mà tôi đã tự đặt ra cho mình thì dẫu sao cũng phải đạt cho được một. Và duy chi điều đó thôi đã cho phép tôi dễ dàng và vô tư chịu đựng mọi lo toan nho nhỏ khác trong đời sống thường nhật.


ADOLF HITLER IN MUNICH
NGUYENTANDUNG
.ORG

Tuy nhiên, thêm vào đấy còn có tình yếu thầm lặng mà tôi dành cho thành phố này hơn mọi nơi tôi đã biết, hầu như ngay từ phút đầu đến đó. Một thành phố Đức! Khác biệt biết bao so với Vienna. Tôi thấy choáng váng ngay khi chỉ cần thoáng nghĩ đến cái thành Babylon đầy chủng tộc kia. Thêm nữa, thổ âm ở đây rất gần gũi với tôi, đặc biệt khi tôi tiếp xúc với người Niederbayern (người vùng Hạ Bavaria, ND) tôi luôn có thể nhớ lại thời trai trẻ của mình. Có hàng ngàn hay hơn thế những thứ mà từ thâm tâm tôi đã và dần cảm thấy yêu mến và quý trọng. Nhưng cuốn hút tôi nhiều nhất là sự hôn phối tuyệt diệu

giữa sức mạnh hoang sơ với không khí nghệ thuật của nó, cái tuyến duy nhất này từ Hofbräuhaus (nhà Hofbräu, là một lâu đài bia nổi tiếng toàn cầu của Munich, từ xa xưa vốn là xưởng bia Hofbräu, nằm ở khu phố cổ, gần Platzl, ND) đến Odeon (Quảng trường Odeon, nằm ở khu phố cổ. Mang tên này vì từ 1827 có phòng hoà nhạc Odeon do vua Ludwig I. xây ở phía nam quảng trường, ND); từ Oktoberfest (Oktoberfest là Hội bia tháng mười, cũng còn gọi theo tiếng thổ âm là d'Wiesn, một trong những lễ hội dân gian lớn nhất hành tinh, tổ chức hàng năm từ 1810. Mỗi năm đón khoảng trên sáu triệu khách và các xưởng

bia Munich sản xuất loại bia với gia vị đặc biệt và lượng cồn khoảng 6-7% có tên là Wiesn Märzen dành cho lễ hội đó, ND) đến Pinakothek (bảo tàng nghệ thuật Munich gồm ba bảo tàng con: Alte Pinakothek – Pinakothek cũ trưng bày tác phẩm của các hoạ sĩ thời Trung cổ đến thế kỷ 18; Neue Pinakothek – Pinakothek mới, thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20; Pinakothek der Moderne – Pinakothek thời hiện đại, thế kỷ 20 và 21, ND) v.v… Việc tôi ngày nay gắn bó với thành phố này hơn bất cứ địa điểm nào khác trên thế giới, chắc còn có lý do ở sự kiện là nó đã và vẫn gắn chặt tới mức không ai tách nổi với bước đường phát triển chính

cuộc đời tôi; thế nhưng việc ngay từ thời đó tôi đã cảm nhận được diễm phúc của một sự thoả mãn nội tâm thực sự thì chỉ có thể quy về phép màu mà Wittelsbacherresidenz (dinh Wittelsbacher, khu biệt thự, một trong những địa danh nổi tiếng nhất thành phố Munich, xây từ 1508 đến 1518, gồm kiến trúc các thời phục hưng, Barock, Rococo và chủ nghĩa kinh điển. Đó vốn là nơi ở và làm việc của vua chúa và giới quý tộc Bavaria, bằng chứng cho nền văn hoá cung đình Bavaria. Nó nằm ở khu phố cổ, ND) tuyệt diệu gây ra ở những ai không chỉ có khối óc tính toán mà còn được Chúa trời ban cho một tâm hồn đầy cảm xúc.

Ngoài công việc chuyên môn, cái lôi cuốn tôi nhiều nhất ở đây vẫn là việc nghiên cứu các sự kiện chính trị thường nhật, trong đó đặc biệt là những quá trình thuộc về chính sách đối ngoại. Tôi đến với chúng qua chính sách liên minh đường vòng của Đức mà ngay từ thời tôi còn ở Áo quốc tôi đã nhất thiết cho rằng là sai. Tuy nhiên khi ở Vienna tôi còn chưa thật rõ về toàn thể phạm vi sự tự huyễn hoặc của đế quốc. Khi đó tôi thiên về giả thiết – hay có lẽ cũng chỉ tự nói với mình như lời xin lỗi – rằng có thể ngay ở Berlin người ta đã biết là trên thực tế người yếu và ít đáng tin cậy đến mức nào, nhưng do những nguyên nhân ít nhiều bí ẩn

vẫn nén điều hiểu thấu này lại để trợ giúp chính sách liên minh mà chính đích thân Bismarck trước đây đã lý giải và việc đột nhiên cắt đứt không thể là điều đáng mong, vì không muốn gây sự khiếp đảm cho phía nước ngoài đang sốt ruột chờ đợi hoặc làm những tên thiển cận bên trong phải lo ngại.

Dĩ nhiên cái cách ứng xử, trước hết trong chính quần chúng, chỉ sau thời gian ngắn đã làm tôi hãi hùng thấy ngay rằng niềm tin này là sai. Một cách ngạc nhiên, ở đâu tôi cũng nhận thấy rằng chính ngay đến giờ lẽ ra phải rất thông thạo lại chẳng hề có một chút khái niệm gì về bản chất của nền quân chủ Habsbourg. Lại

chính trong quần chúng, người ta bị giam trong cơn điên khùng rằng có thể coi các "đồng chí trong liên minh" như là một thế lực đáng nể mà trong giờ phút lâm nguy chắc chắn sẽ đưa ra ngay được người của mình. Trong quảng đại quần chúng, người ta luôn coi nền quân chủ như là một nhà nước "Đức" và cũng có thể từ đó lập nên sự nghiệp. Người ta cho rằng, ngay ở đây lực lượng cũng có thể đến số hàng triệu, hệt như ở chính Đức chẳng hạn mà hoàn toàn quên rằng, thứ nhất: từ lâu Áo quốc đã ngưng là một thể chế nhà nước Đức; và còn cả điểm thứ hai: những mối quan hệ nội tại của đế chế này ngày càng tiến sâu vào giai đoạn giải thể.

Khi đó tôi biết về cái thực thể nhà nước này kỹ hơn cái gọi là "giới ngoại giao" chính thức đó, cái giới mù quáng, luôn gần như vậy, chao đảo rơi vào tai ương; bởi lẽ tâm trạng của nhân dân luôn chỉ là cửa cống công luận cho cái mà từ trên người ta rót xuống. Nhưng từ trên người ta đang cùng "các đồng chí trong liên minh" chăm bẵm tệ sùng bái như chăm bẵm con bò vàng. Chắc người ta hy vọng rằng có thể dùng sự nhã nhặn thay cho thứ người ta đang thiếu là sự ngay thẳng. Ở đó người ta luôn coi lời nói là giá trị sẵn có.

Ở Vienna đôi khi tôi đã điên lên khi thấy sự khác biệt xuất hiện giữa các

bài diễn văn chính thức của các vị lãnh đạo nhà nước với nội dung báo chí Vienna. Mà khi đó Vienna vẫn còn là, ít nhất theo bề ngoài, một thành phố Đức. Tuy nhiên sự thể mới khác biệt làm sao khi người ta đi từ Vienna hay rõ hơn nữa là từ vùng Áo quốc tính Đức tới những tỉnh lẻ Xlavơ của đế quốc. Người ta chỉ cần cầm lên tay các tờ báo Praha để biết, ở đó toàn bộ cái trò ảo thuật của liên minh tay ba được đánh giá như thế nào. Ở đó chẳng còn gì khác hơn cho cái "công trình tài ba mang tính lãnh đạo nhà nước" ngoài lời chế diễu và mỉa mai thấm thía. Người ta hoà nhã nhất khi hai vị hoàng đế ôm hôn nhau thân thiện,

nhưng vẫn chẳng hề giấu giếm rằng liên minh này sẽ biến mất vào cái ngày mà có người cố gắng đưa nó từ Schimmer des Nibelungen Ideals (nguyên văn: mờ ảo của các tư tưởng Nibelungen – truyền thuyết Đức, tạm dịch lý luận, ND) vào thực tế.

Nhưng sau đó vài năm người ta mới bối rối làm sao khi vào cái giờ cuối cùng phải đến đó, lúc liên minh được thử thách, thì Italia lại rút khỏi liên minh để "hai người đồng chí" tự kéo cày, rồi cuối cùng thậm chí lại thành kẻ thù của nhau. Việc trước đây người ta dám tin rằng, dù chỉ một phút, Italia sẽ cùng chiến đấu với Áo quốc, thì với bất cứ ai nếu không bị

phép ngoại giao làm mù mắt, đều đơn giản là không thể tin nổi. Tuy nhiên duy nhất ở Áo quốc thì mọi thứ lại diễn ra chẳng khác đi, dù chỉ một sợi tóc.

Ở Áo quốc, những người mang ý tưởng liên minh chỉ là những người thuộc nhà Habsbourg và người Đức. Những người nhà Habsbourg do từ mưu toan và bất buộc, những người Đức từ niềm tin đầy thiện ý và sự ngu xuẩn về chính trị. Từ niềm tin đầy thiện ý, bởi lẽ họ tưởng nhầm, qua liên minh tay ba đã mang được cho chính đế quốc Đức một cống hiến vĩ đại, giúp củng cố và bảo vệ nó. Tuy nhiên lại từ ngu xuẩn về chính trị, vì điều nói trên là không

đúng, mà trái lại qua đó họ chỉ giúp buộc chặt đế quốc vào một thây ma nhà nước mà nó sẽ kéo cả hai xuống vực, nhưng trước hết vì chỉ qua liên minh này mà chính họ càng ngày càng bị phi Đức hóa. Bởi lẽ trong khi người nhà Habsbourg qua liên minh với đế quốc tin rằng mình có thể chắc là an toàn trước sự hòa trộn từ phía này và đáng tiếc còn coi đó là đúng, thì rõ ràng họ dám thực thi chính sách đối nội dần dần lấn át chất Đức dễ dàng hơn và ít rủi ro hơn. Không chỉ có việc người ta hoàn toàn chẳng cần phải sợ "tính khách quan", mà mặt khác người ta có thể bất cứ lúc nào cũng lập tức làm chính đám người Đức ở Áo

quốc với tiếng nói bất bình đang muốn cất lên để chống lại cái cách Xlavơ hoá (có thể là) quá hèn hạ, phải câm họng ngay, khi lưu ý tới liên minh.

Người Đức ở Áo quốc liệu còn phải làm gì nữa khi chính đám người Đức của đế quốc lại thể hiện sự công nhận và tin cậy với chính phủ Habsbourg? Liệu anh ta phải chống đối, để rồi sẽ bị sỉ nhục là kẻ phản bội chính dân tộc mình trước toàn bộ công luận Đức chăng? Chính anh ta, người từ hàng thập niên nay đã chịu những hy sinh chưa từng có nhất cho dân tộc mình!

Nhưng liệu liên minh này có giá trị gì, một khi trước tiên chất Đức đã bị

xoá bỏ khỏi nền quân chủ Habsbourg? Liệu cái liên minh tay ba có phụ thuộc vào chính việc giữ địa vị thống trị của người Đức ở Áo quốc chăng? Hay người ta thực sự tin là còn có thể chung sống trong một liên minh với đế quốc Habsbourg Xlavơ?

Lập trường của giới ngoại giao chính thức của Đức cũng như toàn bộ công luận không chỉ ngu trước vấn đề đa dân tộc ở Áo quốc, mà đơn giản là điên! Người ta tạo dựng một liên minh, cố thích nghi tương lai và sự an toàn của một dân tộc 70 triệu dân vào đó và từ năm này sang năm khác ngắm nhìn cái cơ sở duy nhất cho liên minh này bị đối tác kiên trì

phá huý một cách có kế hoạch và chắc chắn. Một ngày kia tất sẽ chi còn lại một “hợp đồng” với giới ngoại giao Vienna và sự trợ giúp của một đế quốc cho liên minh sẽ biến mất.

Với Italia, trường hợp này xảy ra ngay từ đầu.



Hình vẽ Munich năm 1912.

Lẽ ra, nếu như ở Đức người ta chỉ cần nghiên cứu kỹ hơn lịch sử và khảo sát sâu hơn tâm lý học dân tộc, thì người ta chẳng bao giờ có thể tin rằng, một lúc nào đó chính phủ Italia và hoàng cung Vienna sẽ đứng chung trong một chiến hào. Italia lẽ ra đã biến thành một núi lửa trước khi một chính phủ dám gửi chỉ một người lính Italia ra mặt trận vì cái bị ghét đến cuồng nhiệt là nhà nước Habsbourg, chỉ trừ trường hợp khi nó là kẻ thù. Tôi đã từng thấy, nhiều hơn một lần, ngọn lửa của sự khinh bỉ tột độ và căm thù ghê gớm mà người Italia "ưu ái" dành cho nhà nước Áo quốc, bừng lên ở Vienna.

Những tội mà nhà Habsbourg đã gây ra với nền độc lập tự do Italia trong nhiều thế kỷ qua là quá lớn để người ta, dẫu cho ý chí có muốn chăng nữa, có thể hầu quên đi. Nhưng điều đó chẳng bao giờ tồn tại, cả trong nhân dân lẫn ở chính phủ Italia. Bởi vậy với Italia chỉ có hai khả năng trong cuộc chung sống với Áo quốc: hoặc liên minh hoặc chiến tranh.

Bằng cách chọn cái thứ nhất, ta tạo bình yên cho mục hai.

Đặc biệt kể từ khi mối quan hệ với Nga càng ngày càng xô tới một cuộc xung đột gần như chiến tranh, thì chính sách liên minh đối với Đức là hoàn toàn vô nghĩa và nguy hiểm.

Đó là trường hợp kinh điển, ở đó thể

hiện sự thiếu vắng bất kỳ một đường hướng suy nghĩ lớn và đúng đắn nào.
Tại sao người ta lại cứ phải lập liên minh? Chắc rằng vì qua đó bảo vệ được tốt hơn tương lai của đế quốc, còn nếu chỉ một mình thì chẳng được. Nhưng tương lai này của đế quốc lại chẳng có gì khác hơn là sự bảo đảm khả năng tồn tại của dân tộc Đức.
Nhưng khi đó câu hỏi chỉ có thể là: sự sống của dân tộc Đức trong một tương lai gần phải được tổ chức như thế nào, và làm sao người ta có thể bảo đảm những cơ sở cần thiết và sự an toàn cần có trong khuôn khổ mối tương quan lực lượng chung của

châu Âu?

# Chương 4:1: CÓ 4 CON ĐƯỜNG ĐỂ TRÁNH MỘT TƯƠNG LAI ĐÁNG SỢ

Khi quan sát kỹ các điều kiện cho hoạt động ngoại giao của nghệ thuật điều hành nhà nước Đức, người ta phải đi đến nhận thức sau:

Nước Đức có mức gia tăng dân số hàng năm gần 900.000 người. Khó khăn nuôi sống đội quân những công dân mới này ngày càng tăng và sẽ kết thúc bằng thảm hoạ, nếu không tìm ra được phương tiện và đường

lối để sớm tránh khỏi nguy cơ chết đói này.

Có bốn con đường để tránh một tương lai đáng sợ như vậy:

1. Người ta theo gương nước Pháp hạn chế một cách nhân tạo sự gia tăng sinh sản và qua đó đối mặt được với nạn dư thừa dân số.

4





Ngay chính thiên nhiên cũng thường đi đến một sự hạn chế sinh sản ở một số nước hay chủng tộc nhất định trong những thời đói kém ghê gớm hay thiên tai ác liệt; tuy nhiên lại theo những phương cách cả khôn ngoan lẫn nhẫn tâm. Đó là không ngăn cản chính khả năng sinh sản, mà ngăn cản sự tiếp tục tồn tại của loài vừa sinh ra, bằng cách cho chúng chịu những sự thử thách và thiếu thốn ghê gớm sao cho mọi thứ thiếu sức lực, yếu đuối đều bắt buộc phải quay về cái nôi hư không vĩnh hằng. Và những thứ vượt qua được các khó khăn của sự-tồn tại, đã được nó

(thiên nhiên, ND) thử nghiệm cả ngàn lần và vì rất khó khăn nên giờ đây quá thích hợp để sinh sản tiếp, mà sau đó sự lựa chọn kỹ càng lặp lại từ đầu. Bằng cách hành xử rất thô bạo như vậy đối với từng cá thể, nó (thiên nhiên, ND) bảo vệ chính chủng tộc và các loài mạnh mẽ, thậm chí gia tăng chúng lên những khả năng tối đa.

Song qua đó thì việc giảm số lượng lại là sự tăng cường cho cá thể và cuối cùng là cho sự củng cố giống loài.

Thế nhưng sự việc sẽ khác đi khi con người dự định tiến hành tự hạn chế số lượng của mình. Anh ta không được gọt từ thớ gỗ của thiên

nhiên, mà mang “nhân tính”. Anh ta giỏi giang hơn nữ hoàng tàn bạo này của mọi sự thông thái (thiên nhiên, ND). Anh ta không hạn chế việc tiếp tục tồn tại của từng cá thể mà hơn thế – hạn chế chính sự sinh sôi. Với anh ta điều đó có vẻ như nhân đạo và hợp lý hơn con đường ngược lại, bởi lẽ anh ta luôn thấy trước mắt mình là bản thân chứ không phải chủng tộc. Nhưng đáng tiếc là các hậu quả cũng trái ngược:

Trong khi thiên nhiên, bằng cách cho tự do sinh đẻ và bắt việc tiếp tục tồn tại của từng cá thể phải chịu sự ngặt nghèo nhất, từ số quá đông các cá thể chọn ra những cái quý nhất làm thứ đáng sống và như thế cho phép

chúng thành kẻ mang sứ mệnh; thì con người hạn chế sinh đẻ nhưng lại cố gắng hết sức sao cho mỗi sinh linh khi ra đời sẽ được duy trì bằng mọi giá. Đối với anh ta, sự hiệu chỉnh này cho ý chí Chúa có vẻ như có cả thông thái lẫn nhân tính, và anh ta vui mừng vi đã thêm một lần nữa vượt trội hơn so với thiên nhiên, thậm chí còn chứng minh được sự khiếm khuyết của nó. Dĩ nhiên chú vượn của tạo hoá này lại ghét nghe hoặc thấy rằng: song trên thực tế tuy con số được hạn chế nhưng cũng vì thế mà cả giá trị từng cá thể bị suy giảm.

Bởi lẽ sinh sản ngay khi chính nó bị hạn chế và số trẻ sinh ra giảm, thay

cho cuộc đấu tranh sinh tồn chỉ cho phép kẻ khoẻ mạnh và cường tráng nhất được sống, dĩ nhiên xuất hiện chứng nghiện muốn “cứu” kẻ yếu nhất, thậm chí bệnh tật nhất, qua đó gieo mầm mống cho một thế hệ kế cận tất là càng ngày càng thảm hại hơn, nếu sự nhạo báng thiên nhiên và ý chí của nó như thế cứ tiếp diễn. Nhưng cuối cùng rồi sẽ là, một ngày kia dân tộc đó sẽ biến mất khỏi Trái đất; bởi lẽ trong khoảng thời gian nhất định, loài người chắc có thể coi thường các định luật muôn thuở về ý chí duy trì nòi giống, tuy nhiên sự báo thù phải đến chẳng chóng thì chầy. Một giống mạnh hơn sẽ đuổi những kẻ yếu đi, bởi vì ý chí muốn

sống ở dạng tối hậu của nó nhất định sẽ luôn bẻ gẫy mọi xiềng xích nực cười về cái gọi là tính nhân đạo của từng người thay cho tính nhân đạo của thiên nhiên – nó tiêu diệt kẻ yếu để ban tặng chỗ cho kẻ mạnh.

Vậy là, ai muốn bảo đảm sự tồn tại cho dân tộc Đức bằng con đường tự hạn chế sinh sản chính là đã cướp đi tương lai của nó.

2. Con đường thứ hai là, như chúng ta ngày nay hay nghe phát biểu và tán dương: thực dân hoá nội tại. Đó là kiến nghị do nhiều người nêu lên với dụng ý tốt, nhưng lại hay bị phần lớn mọi người hiểu nhầm, gây nên mối hại lớn tới mức người ta chỉ có thể mường tượng hoặc nghĩ ra được

mà thôi.
Chẳng nghi ngờ gì nữa, độ phì nhiêu của đất có thể gia tăng. Nhưng chỉ đến một giới hạn nhất định chứ không vô hạn được. Vậy, trong một thời gian nhất định có thể cân bằng giữa gia tăng dân số Đức bằng tăng hiệu quả sử dụng đất mà chẳng sợ nạn đói. Tuy nhiên điều đó đòi hỏi lại phải đối mặt với sự thật là các yêu cầu cuộc sống nói chung tăng nhanh hơn là chính dân số. Đòi hỏi của con người về ăn mặc tăng mỗi năm và chẳng theo một tỷ lệ nào so với yêu cầu của tổ tiên ta trước đây một trăm năm. Vậy sẽ là điên khùng nếu cho rằng, tăng sản xuất cũng tạo điều kiện cho tăng dân số: Không;

điều đó chỉ đúng ở mức độ nhất định, khi ít nhất một phần số sản phẩm dư ra của đất đai được dùng hết nhằm thoả mãn nhu cầu gia tăng của con người. Dù cho ngay chính khi một mặt có hạn chế tối đa, mặt khác chăm chỉ đến cực độ, thì ở đây vào lúc nào đó vẫn đi đến một giới hạn mà đất đai tự nó đặt ra. Cho dù có chăm chỉ đến mấy nữa, cũng sẽ không đạt được việc có thể kiếm lời thêm nhiều hơn từ nó, và khi đó tai hoạ một lần nữa lại xuất hiện. Trước hết là nạn đói, xảy ra khi mất mùa. Khi dân số tăng, nó xảy ra thường xuyên hơn – nó chỉ không xảy ra khi những năm được mùa hiếm hoi nhất đổ đầy các vựa lúa. Nhưng rồi cuối

cùng cũng sẽ đến lúc không dẹp được nghèo đói nữa, và nó trở nên bạn đồng hành thường xuyên của dân tộc. Bấy giờ thiên nhiên lại phải trợ giúp và chọn ra những người mà nó đã lựa để cho sống tiếp, hoặc con người lại phải tự giúp chính mình: nghĩa là anh ta sử dụng sự hạn chế sinh sản bằng cách nhân tạo và nó có những hậu quả nặng nề, như đã nói trên, cho nòi giống.

Tuy nhiên người ta vẫn có thể phản bác là tương lai này đang đứng trước toàn thể nhân loại theo cách này hay cách khác và bởi thế mà dĩ nhiên từng dân tộc một cũng chẳng thể tránh được.

Điều đó thực tình là đúng nếu nhìn

sơ qua. Tuy nhiên ở đây vẫn nến ngẫm nghĩ như sau:
Chắc chắn đến một thời điểm nhất định, toàn thể nhân loại (do không còn khả năng khác, bắt buộc phải tiếp tục cân bằng với sự liên tục tăng dân số) ngừng sự sinh sôi nảy nở – hoặc để thiên nhiên quyết định hoặc qua việc tự giúp, khi có thể, dĩ nhiên bằng con đường đúng hơn ngày hôm nay – để tạo mức cân bằng cần thiết. Nhưng điều này sẽ đúng cho mọi dân tộc, trong khi hiện tại có những chủng tộc bị đói khổ đến vậy, bởi vì họ không đủ sức lực để bảo đảm cho mình số đất đai cần cho họ trên cái thế giới này. Bởi lẽ sự vật vẫn thế, trên Trái đất này hiện vẫn

còn đất với diện tích vô cùng lớn đang nằm yên không sử dụng và chỉ chờ người đến khai khẩn. Nhưng tương tự, cũng đúng là đất đai này chẳng do thiên nhiên chỉ trao riêng cho một dân tộc hay chủng tộc nhất định ở tư cách là bảo tồn diện tích bảo lưu dành cho tương lai, mà nó là đất đai cho người dân cái dân tộc nào có đủ sức mạnh để chiếm lấy nó và có đủ tính chuyên cần để khai khẩn nó.

Thiên nhiên chẳng hề biết đến biên giới chính trị. Trước hết nó rải con người lên Trái đất rồi đứng nhìn cuộc chơi tự do của các lực lượng. Sau đó kẻ mạnh nhất về lòng dũng cảm và tính chuyên cần, với tư cách đứa

con ngoan nhất của nó, nhận quyền làm ông chủ của sự sống.

Nếu một dân tộc chi giới hạn ở thực dân hoá nội tại do bởi các chủng tộc khác giữ chặt những diện tích đất đai ngày càng lớn hơn, đến một lúc nào đó nó bắt buộc phải chiếm lấy, vì những dân tộc còn lại vẫn luôn gia tăng. Trường hợp này sẽ xảy ra, và dĩ nhiên càng sớm hơn, nếu không gian sống thuộc quyền sử dụng của dân tộc đó càng hẹp. Nhưng vì, đáng tiếc nói chung, quá thường xuyên các dân tộc giỏi nhất, hay chính xác hơn là duy nhất các dân tộc thực sự văn minh, là những người nắm giữ tất cả mọi tiến bộ của loài người, trong cơn mù quáng hoà

bình chủ nghĩa của mình đã quyết định khước từ việc xâm chiếm đất đai mới để tự hài lòng với sự thực dân hoá “nội tại”, chấp nhận để các dân tộc thấp kém tự giữ cho mình những diện tích sống bao la. Điều đó sẽ dẫn đến những hậu quả sau:
Những chủng tộc văn hoá cao hơn, song ít nhẫn tâm hơn, với thời gian phải tự hạn chế sinh sản vì có đất đai hạn hẹp, trong khi những dân tộc văn hoá thấp hơn và dĩ nhiên về bản chất tàn bạo hơn do diện tích sống bao la nên cũng sẽ có khả năng sinh sản đi đến vô độ. Nói cách khác: Qua đó một ngày kia, thế giới sẽ rơi vào quyền sở hữu của cái loài người văn hoá thấp kém hơn, nhưng hiệu

dụng hơn.
Khi đó thì trong một tương lai dù cho là khá xa chỉ có hai khả năng: Hoặc thế giới được điều hành theo những ý tưởng của nền dân chủ hiện đại của chúng ta, khi đó trọng tâm của mỗi quyết định phụ thuộc vào các chủng tộc nhiều hơn về con số; hay thế giới lại được thống trị theo các định luật của trật tự sức mạnh thiên nhiên, khi đó các dân tộc có ý chí dã man, và dĩ nhiên không phải là cái dân tộc biết tự hạn chế, sẽ thắng.
Thế nhưng việc cái thế giới này hiện vẫn còn bị điều khiển bởi những cuộc đấu tranh cam go nhất vì sự tồn tại, thì chẳng ai nghi ngờ được. Cuối cùng thì mãi mãi chỉ cơn nghiện của

sự tự tồn tại là thắng. Dưới nó, cái gọi là “nhân đạo tính” sẽ tan ra như là biểu hiện của hỗn hợp gồm ngu dốt, hèn hạ và sự lầm tưởng mình hiểu biết hơn mọi người, hệt như tuyết dưới ánh nắng mặt trời cuối xuân. Trong cuộc đấu tranh muôn thuở – loài người đã lớn lên. Trong hòa bình muôn thuở – nó sẽ tàn tạ.

Tuy nhiên với người Đức chúng ta thì ngay vì thế, khẩu hiệu “thực dân hoá nội tại” đã là khủng khiếp, bởi lẽ nó sẽ gia tăng ngay ở trong chúng ta ý kiến là đã tìm ra phương tiện cho phép có thể “đạt tới” sự tồn tại cuộc sống mê muội êm dịu của ý tưởng theo chủ nghĩa hoà bình. Học thuyết này, một khi được chúng ta coi là

nghiêm chỉnh, sẽ có nghĩa là kết cục của nỗ lực gìn giữ trên cái thế giới này vị trí mà chúng ta xứng đáng được hưởng. Cũng hệt như khi người Đức trung bình đi tới niềm tin rằng, cũng bằng con đường này có thể bảo đảm cuộc sống và tương lai, nên sẽ tan biến mọi cố gắng để thể hiện một cách tích cực và qua đó duy nhất hiệu quả tính sống còn của dân tộc Đức. Nhưng với một lập trường như vậy thì mỗi chính sách đối ngoại thật sự hữu hiệu sẽ được xem là đưa dân tộc Đức cùng tương lai của nó xuống mồ.

Khi nhận thức ra những hậu quả này, chẳng tình cờ là trước tiên, người Do Thái luôn luôn là kẻ cố gắng và

biết cách tiêm những đòn suy nghĩ nguy hiểm chết người như thế vào dân tộc chúng ta. Hắn hiểu quá rõ điểm yếu của kẻ khác để biết rằng, kẻ đó sẽ cám ơn bất cứ tên Tây mũi lõ (Tây Ban Nha, ND) mua thầy bán bạn nào và tự biến chính mình thành vật hiến khi tên này biết cách chứng minh rằng, đã tìm ra được biện pháp để biến cuộc đấu tranh cam go, không khoan nhượng vì sự tồn tại trở nên vô bổ và thay cho nó, qua lao động, đôi khi chỉ cần qua duy nhất mồi người ngồi rồi "tuỳ thích", mà thành ông chủ của cái hành tinh này.




Trường Đại học Khoa học Ứng dụng - München (Munich) được thành lập vào năm

Khó nói cho đủ sắc bén là bất kỳ công cuộc thực dân hóa nội tại nào của người Đức cũng nhằm để trước tiên xóa sổ các rối ren xã hội, trên hết trút bỏ chỗ đứng chân cho tệ nạn đầu cơ nói chung, song lại không bao giờ có thể đủ để bảo đảm chắc chắn nền móng và đất đứng mới cho tương lai của dân tộc.
Hành động khác đi thì chỉ một thời gian ngắn sau không những chẳng còn đất mà lực cũng chẳng còn.
Cuối cùng lại còn phải thấy như sau:
Thực dân hóa nội tại mà lại giới hạn chỉ nội trong một diện tích đất đai hẹp nhất định rồi cùng lúc hạn chế dân số, tất sẽ dẫn đến một vị thế

chính trị quân sự cực kỳ bất lợi cho dân tộc.
Địa bàn cư trú của một dân tộc rộng hay hẹp, chỉ chừng đó thôi đã là một nhân tố có thể quyết định an ninh của dân tộc đối với bên ngoài. Không gian có trong tay càng lớn thì khả năng được bảo vệ tự nhiên càng lớn. Vì lẽ quyết định chống bằng quân sự các dân tộc co cụm trên địa bàn hẹp bao giờ cũng nhanh hơn, tức là dễ hơn, đặc biệt hiệu quả và hoàn thiện hơn so với khi chống lại các nhà nước có lãnh thổ rộng bao la. Tức là, nước lớn bao giờ cũng tự nhiên ít nhiều được bảo vệ vì lẽ nếu nhẹ dạ tấn công nó thì chỉ có thể thắng sau cuộc chiến rất lâu dài và quyết liệt,

chưa nói rủi ro có thể quá lớn do xâm lược liều lĩnh, trừ phi vì những lý do thật đặc biệt. Như thế tầm cỡ to lớn của đất nước đã là một cơ sở để giữ tự do và độc lập cho dân tộc; còn ngược lại, bé nhỏ chỉ dễ khêu gợi cho người ta xâm chiếm.

Trong thực tế thì cả hai khả năng để tạo cân bằng giữa dân số gia tăng với đất đai vẫn đều không được những giới gọi là quốc gia chấp nhận. Tất nhiên lập trường ấy có những lý do khác những gì đã nói trên kia. Không chấp nhận hạn chế sinh sản trước tiên vi cảm nhận đạo lí; phản đối thực dân hóa nội tại vì thấy tấn công vào giới đại địa chủ như thế cũng là bắt đầu cuộc chiến

chống chế độ tư hữu nói chung. Với cái dạng mà đặc biệt bản thông điệp cứu rỗi thứ hai đã được đề xuất thì quả thật người ta dễ cho là như thế.
Nhìn chung thì với đám đông rộng rãi phản kích như vậy không được khôn ngoan lắm mà cũng không nhằm trúng cốt lõi của vấn đề.
Vậy chi còn có hai con đường để bảo đảm công ăn việc làm cho dân số gia tăng.
3. Tìm kiếm đất đai mới để giãn mấy triệu thừa hàng năm, và như vậy vẫn duy trì được dân tộc trên nền tảng tự nuôi mình. Hay là:
4. Chuyển qua tạo ra công nghiệp và thương mại cho nhu cầu ở bên ngoài, để có thu nhập mà trang trải

cho đời sống.
Vậy: hoặc đất đai hoặc chính sách thực dân và thương mại.
Cả hai con đường từng đã được xem xét từ nhiều phía khác nhau, được rà soát, được đề xuất, được giành giật để rồi, cuối cùng, đi con đường thứ hai.
Đương nhiên, con đường lành mạnh đáng lẽ là con đường thứ nhất.
Kiếm đất đai mới để di số dân thừa có vô vàn cái lợi, đặc biệt nếu không chi nhìn thấy hiện tại mà nhìn cả vê tương lai.
Chưa hề bao giờ, khả năng duy trì một giới nông dân khỏe mạnh làm nền móng cho toàn dân tộc được đánh giá cao cho xứng tầm. Lắm nỗi

khổ của chúng ta ngày hôm nay chính là hệ quả của mối quan hệ không được lành mạnh giữa dân nông thôn và dân thành thị.

# Chương 4:2: SỐ PHẬN VÀ VIỄN CẢNH CỦA NƯỚC ĐỨC SẼ RA SAO?

Một khối vững chắc của trung và tiểu nông ở mọi thời đại vẫn là cái vỏ bảo vệ tốt nhất để chống lại các căn bệnh xã hội như của xã hội chúng ta ngày nay. Mà đó cũng là giải pháp duy nhất để cho một dân tộc tìm ra được miếng ăn hàng ngày trong vòng chu chuyển nội tại của một nền kinh tế. Công nghiệp và thương mại rút khỏi cái vị trí dẫn đâu không lành mạnh và tự xếp mình vào trong cái

khuôn chung của một nền kinh tế quốc dân có nhu cầu và cân đối. Cả hai không còn là nền tảng mà bây giờ là một phương tiện trợ giúp để nuôi sống dân tộc. Vì chỉ còn có việc giữ cân đối giữa sản xuất và nhu cầu cho chính mình trên tất cả các lĩnh vực, mà cái ăn của toàn dân nhiều hay ít không còn phụ thuộc vào nước ngoài, và như thế cũng là trợ giúp để bảo đảm nhà nước tự do và dân tộc độc lập, nhất là trong những ngày khó khăn.

# MÜNCHEN



Toàn cảnh Munich chụp năm 1900.

Tuy nhiên một chính sách đất đai như thế ngày nay hầu như chỉ có thể ở châu Âu mà không thể thành hiện thực ở Camerun được. Thế thì phải lạnh lùng và tỉnh táo mà đứng sang quan điểm, chắc chắn chẳng có ý trời nào lại đã định ban phát đất đai cho dân tộc này nhiều gấp những năm chục lần dân tộc khác trên trái đất này. Ở trường hợp này không được phép để cho những đường biến chính trị kéo ra khỏi các biên giới của cái quyền vĩnh cửu. Chỉ khi trái đất này có đủ không gian để sống cho hết thảy mọi người thì người ta mới có thể sẵn lòng cho ta phần đất mình cần để sống.

Lẽ đương nhiên là người ta chẳng dễ đến thế đâu. Thì khi ấy quyền tự bảo tồn phát huy tác dụng. Cái không được trái tim cho, phải giành lấy bằng nắm đấm. Nếu như tổ tiên của chúng ta thời xa xưa cũng bị chi phối bởi tinh thần hoà bình chủ nghĩa như chúng ta giờ đây trong mọi quyết định thì hẳn đã chỉ còn độ phần ba đất đai hiện nay là của chúng ta; hẳn một dân tộc Đức đã không thể làm cho châu Âu còn phải ngán ngại. Không – chính là nhờ ở quyết tâm chiến đấu rất tự nhiên vì lẽ sống còn mà chúng ta đã có được hai đường ranh giới phía Đông của vùng lãnh thổ, đã có được cái nội lực vĩ đại của vùng quốc gia và dân

cư đủ để cho chúng ta tồn tại đến tận ngày nay.
Giải pháp ấy là đúng, chắc còn vi một nguyên nhân nữa:
Nhiều vùng quốc gia châu Âu ngày nay giống nhau, đều đã đứng trên ngọn tháp. Phần đất đai châu Âu của họ lại nhỏ bé đến tức cười so với những gì còn lại trong vòng tác động của họ ở thuộc địa, ở ngoại thương v.v… Có thể nói: ngọn ở châu Âu mà đáy lại ở khắp thế giới. Liên bang Hoa Kỳ lại khác, đáy ở ngay trong lục địa của chính mình, chỉ có ngọn tiếp giáp với thế giới còn lại. Cái nội lực ghê gớm của quốc gia này chính là vì thế và cái yếu của số đông các cường quốc thực dân châu Âu cũng

bởi vì vậy.
Ngay nước Anh cũng không phải là minh chứng ngược lại. Không thể đem vị thế của nước Anh so với bất kỳ một quốc gia châu Âu nào khác bởi nước Anh chung ngôn ngữ và nền văn hoá chỉ với mỗi Hoa kỳ.
Thế thì để thi hành một chính sách đất đai lành mạnh, nước Đức chỉ có cách duy nhất là tìm kiếm đất mới ở ngay tại châu Âu. Thuộc địa không đáp ứng được mục đích, vì không thể ồ ạt đưa người Âu di trú đến đó. Mà ở thế kỷ 19 vốn cũng đã không còn có thể chiếm thuộc địa chỉ bằng đường lối hoà bình. Có chiến đấu quyết liệt mới có thuộc địa, mà khi đó đất đai mới có lại ở ngoài châu

Âu thì thật chẳng bõ, phải là đất ở ngay trên châu lục của mình.
Quyết rồi là phải đi đến cùng. Không có chuyện nửa vời, càng không thể rụt rè, đã vào cuộc là phải gồng mình căng sức mới có thể thành. Khi ấy lãnh đạo chính trị phải tập trung vì cái mục đích duy nhất đó, từng bước đi không thể vì cân nhắc này nọ mà phải vì nhiệm vụ và tình hình. Phải dứt khoát là chỉ có chiến đấu thì mới đến đích và như thế phải đĩnh đạc và đàng hoàng đối mặt với chiến trận.
Cần rà soát lại tất cả mọi mối liên minh, đánh giá lại khả năng khai thác. Cũng dưới quan điểm ấy, đất đai châu Âu nhìn đại thể chỉ còn có ở bên Nga, thế thì quốc gia mới tất

phải đi lại con đường mà các hiệp sĩ đời xưa đã từng đi; thanh kiếm Đức lật đất cho lưỡi cày Đức, và dân tộc Đức có bánh mì mà ăn hàng ngày.
Tuy nhiên với chính sách như thế thì ở châu Âu chỉ còn mỗi nước Anh là cùng hội cùng thuyền.
Chỉ với nước Anh thôi là lưng đã kín, người Đức đã có thể lên đường hành tiến. Cái quyền ở đây không hề nhỏ hơn cái quyền của tổ tiên chúng ta thời xa xưa. Ăn bánh mì của phía Đông, rồi sẽ không một vị hoà bình chủ nghĩa nào của chúng ta từ chối, cho dù nguyên thuỷ cái cày vốn đã có tên là "thanh kiếm"!
Tranh thủ nước Anh đồng tình thì cũng không phải hy sinh quá lớn.

Khước từ thuộc địa, thôi tác động ngoài biển khơi, đừng cạnh tranh với công nghiệp Anh. Lập trường có rõ ràng dứt khoát thì mới đi được đến đích: không giao thương quốc tế và thuộc địa, không hạm đội, tập trung hết mọi phương tiện cho lục quân.

Kết quả có vẻ như bó hẹp trước mắt, nhưng tương lai lại rộng mở.

Từng có dạo nước Anh để ngỏ khả năng trao đổi trên tinh thần ấy. Nước Anh thừa hiểu là nước Đức bí vì dân số gia tăng đang muốn tìm lối ra; hoặc là cùng với nước Anh ở ngay châu Âu, hoặc là không có nước Anh trên thế giới ngoài kia.

Cảm nhận này xuất phát từ chỗ vốn từ dạo đầu thế kỷ, nước Anh đã

từng tìm cách nhích lại gần với nước Đức. Từ dạo ấy đã từng có dấu hiệu của cái mà những năm sau đó, chúng ta đã thấy và thật sự kinh ngạc. Dạo ấy người ta đã khó chịu lắm, bởi cho rằng người Anh có ý đồ gắp lửa bỏ tay người, rằng vậy hẳn là liên minh trên một cơ sở nào khác chứ không phải trên cơ sở đôi bên cùng có lợi. Ngoại giao Anh vẫn đủ thông minh để hiểu rằng, không có đi thì đừng mong có lại.

Song người ta lại đã hình dung rằng, khôn ngoan ra thì chính sách đối ngoại của Đức có lẽ nên là tiếp nhận lấy vai trò của Nhật năm 1904, và người ta chẳng lường được, rồi việc đó đã có thể có những hệ quả như

thế nào cho nước Đức.
Chắc là đã không khi nào đi đến một cuộc “thế chiến”.
Chắc là lượng máu đổ năm 1904 đã tiết kiệm được cho các năm 1914-1918, khi lượng máu đổ còn nhiều gấp mười.
Song rồi nước Đức sẽ đứng ở vị thế nào trên cái thế giới ngày hôm nay?
Hẳn thế rồi, như thế liên minh với Áo quốc là vô nghĩa.
Vì cái nhà nước xác ướp nay đi với Đức không phải là để làm chiến tranh, mà là để giữ lấy một nền hoà bình vĩnh cửa rồi khéo léo sử dụng nó, chầm chậm song chắc chắn, xoá sổ dứt điểm cái chất Đức của nền quân chủ.

Song liên minh ấy lại còn là không thể vì lẽ, không thể cứ ngồi đó mà trông chờ mãi một nhà nước đứng ra tích cực bênh vực quyền lợi dân tộc cho người Đức, một khi chỉ để chấm dứt tiến trình phi Đức hoá ngay ở đường biên sát nách thôi mà nó cũng đã không có được sức mạnh và quyết tâm. Nếu nước Đức chưa có đủ tinh thần “vì dân tộc thì bất chấp” để mà tước lấy quyền quyết định số phận của mười triệu con em mình từ tay cái nhà nước Habsbourg không chấp nhận được ấy, thì thật thế xin đừng trông chờ là rồi cũng đến lúc nó sẽ tiếp tay cho các kế hoạch nhìn xa táo bạo kia. Thái độ của nước Đức chính là hòn

đá thử vàng, thử thách hành xử của nó trong cuộc đấu tranh vì sự sinh tồn của toàn thể dân tộc.
Dù thế nào cũng không được ngồi nhìn tính Đức cứ thế bị đẩy lui hết năm này qua năm khác; chi có duy trì nhân tố Đức mới quyết định được giá trị cho khả năng liên minh của phía Áo quốc.
Rõ ràng không thể đi theo con đường ấy.
Không sợ gì bằng sợ chiến đấu mà cuối cùng đến lúc bất lợi nhất vẫn cứ phải chiến đấu.
Lánh số phận thì số phận tự nó ập đến. Thôi giữ gìn hoà bình thế giới thì sa vào thế giới chiến tranh.
Đó chính là nguyên nhân quan trọng

nhất đã khiến người ta chưa từng có lần nào để mắt đến con đường thứ ba để tạo dựng một tương lai cho người Đức. Chỉ có thể kiếm được đất mới ở phía Đông, người ta đã biết. Thế thì phải có một cuộc chiến, người ta đã thấy. Song người ta lại muốn hoà bình bằng bất cứ giá nào. Bởi lẽ đã từ lâu lắm rồi, ở chính sách đối ngoại của Đức, khẩu hiệu chẳng còn là bảo tồn dân tộc Đức bằng mọi con đường, mà lại là bảo vệ hoà bình thế giới bảng mọi cách. Rồi chuyện gì xảy ra thì chúng ta biết cả.

Tôi sẽ còn đặc biệt trở lại vấn đề này.

Còn khả năng thứ tư: công nghiệp và

thương mại thế giới, sức mạnh trên biển và các thuộc địa.

P.Z. - MÜNCHEN KARLSPLATZ





Ảnh tấm bưu thiếp Munich năm 1890-1905.

Phát triển cách này hẳn nhiên lúc đâu dễ hơn và đi tới cũng nhanh hơn nhiều. Đợi cho đất có dân thường rất chậm, nhiều khi phải mất hàng thế kỷ. Nhưng nội lực lại nằm ở đây, không bộc phát, phát triển từ từ, bền bỉ song chắc chắn. Phát triển công nghiệp thì khác, có khi chỉ vài năm sau đã phình to ra, song lại như bong bóng xà phòng, không phải thứ nội lực bền bỉ. Đóng một hạm đội hẳn nhiên nhanh hơn tạo ra một vùng cư dân – kiên trì lập nông hộ rồi đưa dân đến, nhiều lần. Song hủy diệt một hạm đội cũng nhiều lần nhanh hơn hủy diệt một vùng cư dân.

Nếu mà nước Đức, mặc dù vậy, vẫn

cứ theo con đường này thì chí ít cũng phải thấy được là rồi cũng đến một ngày tất cách phát triển này phải kết thúc bằng một cuộc chiến. Chỉ con trẻ mới tin là – như người ta thích nói quá cho vui: hãy cứ hành xử cho hữu nghị và đứng mực, hãy cứ luôn miệng nhấn mạnh tinh thần hoà hoãn, rồi tất sẽ được ăn chuối trong cuộc “thi đua hoà bình giữa các dân tộc”. Ý nói chẳng cần đụng đến vũ khí!

Không: nếu đi con đường ấy tất có ngày nước Anh thành kẻ thù. Còn hơn cả vô nghĩa nếu cứ phải lo – mà đúng thế với khẩu khí hoà hoãn của chúng ta, có ngày nước Anh đáp lại ứng xử hiền hoà của chúng ta bằng

bạo lực thô thiển của kẻ vị kỷ.
Song chúng ta đã không bao giờ làm.
Khi chính sách đất đai châu Âu chỉ nhằm chống nước Nga và xem nước Anh là bạn thì ngược lại, chính sách thuộc địa và thương mại quốc tế lại chỉ có thể là chống nước Anh, xem nước Nga là bạn. Như thế thì phải không được ngần ngại rút từ đây ra các hệ luỵ mà trước hết thật nhanh tay dẹp bỏ nước Áo.

# Chương 4:3: LIÊN MINH CÓ THẬT SỰ "DỞ HƠI" ?

Nhìn nhận theo chiều nào đi nữa thì liên minh với Áo quốc hồi đầu thế kỷ vẫn cứ là dở hơi thật sự.

Trước kia, không một ai nghĩ đến liên minh với Nga để chống Anh, cũng chẳng một ai nghĩ đến liên minh với Anh để chống Nga vì cho rằng cả hai trường hợp rồi kết cục vẫn là chiến tranh. Nghĩ rằng vốn đã có một phương sách tiện dụng là chiếm thế giới bằng "kinh tế hoà bình", nó sẽ vĩnh viễn xoá xổ phương sách bạo lực. Song dường như lại thấy cũng

không được chắc chắn, đặc biệt là vì từ phía người Anh thỉnh thoảng vẫn có những đe doạ hoàn toàn khó hiểu. Bèn quyết định xây dựng một hạm đội, tuy nhiên không phải để tấn công tiêu diệt nghị viện Anh, mà cốt để "bảo vệ" cái "hoà bình thế giới" kia, bảo vệ cuộc "hoà bình chiếm đoạt thế giới". Nên cũng quyết định đại thể là quy mô sẽ chỉ khiêm nhường, không chỉ về số lượng con tàu, mà về cả tải trọng và trang bị của từng con tàu, cốt để cuối cùng lại một lần nữa cho thấy rõ ý đồ "hoà bình".



Hitler khẳng định iên minh với Áo quốc hồi đầu thế kỷ vẫn cứ là dở hơi.

Chuyện vớ vẩn đi chiếm thế giới bằng “kinh tế hoà bình” đúng là chuyện tào lao nhất, thế mà được đôn lên thành nguyên lý chỉ đạo chính sách quốc gia. Càng tào lao khi họ không ngán dẫn nước Anh ra làm nhân chứng sống cho cái khả năng ấy. Những gì các vị dạy sử, viết sử ở nước ta từng “tòng phạm” thật khó sửa, song cũng chứng minh rõ, biết bao người “học” sử song chẳng hiểu, chẳng nắm được sử. Phải thấy nước Anh chính là phản chứng thuyết phục nhất: không dân tộc nào hơn được dân tộc Anh, bạo ngược khi chiếm đoạt bằng gươm

rồi cũng khốc liệt lúc bảo vệ bằng gươm. Tự sức mạnh chính trị rút ra thành quả kinh tế rồi khi kinh tế đủ mạnh, lại rót nó trở vào sức mạnh chính trị: đó chẳng phải chính là đặc điểm ở nghệ thuật điều hành nhà nước của họ sao? Sẽ thật sai lầm, nếu nghĩ nước Anh đích thân hình như hèn quá, chẳng dám đổ máu của chính họ cho chính sách kinh tế của mình! Bảo người Anh không có "quân đội nhân dân", song vấn đề đâu có ở hình thái tổ chức quân đội, mà lại ở ý chí và quyết tâm sử dụng quân đội. Người Anh luôn có đủ lực lượng cần phải có. Chừng nào họ thấy lính đánh thuê là đủ thì họ đánh bằng lính đánh thuê. Nhưng họ vẫn

sẵn sàng hy sinh cả dòng máu quý giá của dân tộc họ, một khi họ thấy chiến thắng đòi hỏi phải thế. Chiến đấu quyết tâm, chiến đấu kiên trì, lãnh đạo kiên quyết thì trước sau vẫn như một.

Thế nhưng ở Đức qua nhà trường, báo chí, chuyện hài về bản chất người Anh và đế chế Anh, người ta lại đã dựng lên một hình ảnh để đi đến một ảo ảnh vào hàng tồi tệ nhất. Rồi điều phi lý cứ vậy từ từ truyền lan mà hệ luỵ là sự xem thường với những tác động xấu xa nhất. Xuyên tạc sâu đến mức người ta tin chắc, người Anh vốn chỉ là dân thương lái mưu mẹo mà con người thì lại ươn hèn đến khó tưởng tượng. Một đế

quốc tầm cỡ đến như thế bị bêu riếu, bị bôi bác, vậy mà dường như các vị học giả uyên bác của chúng ta không nhận thức ra. Cũng có người cảnh báo. Song chẳng ai thèm nghe hoặc họ giả điếc. Tôi còn nhớ như in gương mặt kinh ngạc của các bạn tôi hồi ấy ở Flandern (phần cực Tây đồng bảng Trung Âu từ Hà Lan tới Bác Pháp, ND), khi chúng tôi được thấy cánh Tommies tận mắt. Chỉ sau vài thi đấu, đầu óc của từng người đã sáng ra: người Scotland đâu có phải như người ta vẫn tô vẽ lâu nay trong các chuyện hài và phóng sự.
Hồi ấy tôi đã bắt đâu ngẫm nghĩ về tính mục đích của hình thức tuyên truyền.

Xuyên tạc như thế tuy nhiên ít nhiều cũng có cái hay cho người đi vận động: mặc dù lấy ví dụ không đúng lại đã chứng minh được xâm chiếm thế giới bằng kinh tế là đúng. Người Anh làm được thì ta tất làm được. Đặc biệt, ta còn hơn vì ta vẫn được tiếng là thật thà hơn, chẳng có cái "xảo" riêng của người Anh. Mong mỏi nhờ đó dễ tranh thủ thiện cảm của các dân tộc nhỏ và lòng tin của các dân tộc lớn.

Nói như thế quả thật là có tội với người khác, song hồi ấy chúng tôi chưa thấy, bởi chúng tôi đang còn hoàn toàn nghiêm túc tin là thật thế, trong lúc cả thế giới đã thấy đó chỉ là chuyện hoang đường, bịa đặt để

đánh bóng. Kỳ cho đến khi cách mạng đem lại một cái nhìn sâu sắc hơn, một nhận thức trung thực, chúng tôi mới giật mình ngơ ngác vô cùng.
Chỉ từ cái tào lao của cuộc “chiếm đoạt thế giới bằng kinh tế trong hoà bình” là đã rõ ra và hiểu được ngay cái tào lao của liên minh tay ba. Vậy có thể liên minh với nhà nước nào đây? Với Áo quốc thì hẳn nhiên là không thể phát động chiến tranh để chiếm đất, cho dù chỉ ở châu Âu. Đó chính là chỗ yếu nội tại của liên minh ngay từ ngày đầu tiên: Một Bismarck có thể vời đến cái phương sách bần cùng ấy, nhưng một hậu duệ bất tài thì quyết không thể, nhất là khi

không còn nữa những tiên đề cơ bản đã có cho liên minh của Bismarck. Bismarck thời ấy vẫn tin Áo quốc là một nhà nước của người Đức. Song kể từ khi thực hiện phổ thông đầu phiếu, để cho nghị viện cai trị, nhà nước ấy đã tụt hạng, chỉ còn là một mớ bòng bong phi Đức.

Chỉ nhìn từ góc độ chủng tộc đã đủ thấy liên minh với Áo quốc chẳng thể bền. Chấp nhận hình thành một cường quốc Xlavơ mới ở sát nách nước Đức thì rồi sớm muộn gì nó cũng sẽ chống Đức chứ không chống Nga. Qua từng năm, những ai cổ vũ cho ý tưởng ấy ở trong nền quân chủ mà yếu thế đi, mất chức quyền đi, thì rồi tất liên minh cũng

rỗng ruột, yếu đi theo.
Ngay từ hồi đầu thế kỷ, liên minh với Áo quốc đã sa vào tình trạng hệt như liên minh giữa Áo quốc với Italia. Ở đây chi có hai khả năng: hoặc vẫn liên minh với nền quân chủ Habsbourg, hoặc phải chống sự đẩy lui người Đức. Song nếu lại bắt đầu cách này thì kết thúc thường là sự giành giật công khai.
Nhìn từ góc độ tâm lý cũng đã thấy giá trị của liên minh tay ba thật khiêm nhường. Càng thu về giữ nguyên hiện trạng thì tính bền của liên minh càng kém. Ngược lại, càng mạnh khi các đối tác cùng mong với đến những mục tiêu bành trướng nhất định trong tầm tay. Ở đâu cũng

thế cả: sức mạnh chẳng ở thủ mà ở công.
Ngay hồi ấy từng đã có người nhận thấy tình hình đó, đáng tiếc lại không phải là “người thích hợp”. Bản ghi nhớ năm 1912 của đại tá Ludendorff ở Bộ tổng tham mưu từng đã chỉ ra các chỗ yếu đó. Lẽ đương nhiên là bị các “chính khách” xem thường, không thèm bận tâm. Vẻ như những con người rất đỗi bình thường kia sáng suốt sao được, trên nguyên tắc họ chỉ là “những nhà ngoại giao”.
May cho nước Đức là chiến cuộc năm 1914 lúc nổ ra đã đi vòng qua Áo quốc, nhà Habsbourg buộc phải tham gia. Không thì đã chỉ có một mình nước Đức. Nhà nước

Habsbourg không bao giờ muốn hoặc tự có ý muốn tham gia một cuộc chiến do nước Đức gây ra. Chuyện này người ta trách Italia thì hồi đó đã có Áo quốc: giữ "trung lập" thì chí ít cũng cứu được nhà nước trước cuộc cách mạng ngay từ lúc đầu. Thay vì để giúp Đức, người Xlavơ ắt sẽ đập tan nền quân chủ ngay trong năm 1914.

Liên minh với nền quân chủ vùng Đanuýp nguy hiểm khó khăn bao nhiêu, lại chỉ có rất ít người thấy.

Một là Áo quốc vốn lắm kẻ thù mà kẻ nào cũng ao ước thừa kế cái nhà nước đã xập xệ ấy. Thế rồi dần dần sinh ra căm ghét nước Đức vì cho rằng vật cản, khiến sự sụp đổ mà tứ

phía cùng trông chờ kia chậm diễn ra, chính là nước Đức. Họ tin rằng chi có qua được Berlin thì mới lật nổi Viena.

Hai là như thế nước Đức đã mất những khả năng liên minh tốt nhất, giàu triển vọng. Thay vì, với Nga và cả với Italia nữa, căng thẳng đã gia tăng. Ở Roma sự thân Đức, giống như thân Áo quốc cũng đã tàn lụi, lắm khi thậm chí bùng phát đến tận trong tâm thế của người Italia cuối cùng.

Đã ngả sang chính sách thương mại và công nghiệp thì còn có cớ gì để mà gây chiến chống Nga. Chỉ kẻ thù của cả hai dân tộc mới có thể có quyền lợi sống còn trong vấn đề này.

Mà thế thật, trước tiên là người Do Thái, người Mác xít, họ thường vẫn tìm mọi cách kích động để cố dấy lên một cuộc chiến tranh giữa hai nhà nước.
Cuối cùng, ba là liên minh ấy tiềm ẩn một nguy cơ vô cùng lớn cho nước Đức, bởi lẽ cái cường quốc vốn là kẻ thù của đế chế thời Bismarck, bất kỳ khi nào cũng có thể dễ dàng động viên cả một loạt quốc gia cùng chống Đức, với lời hứa rồi sẽ có phần cho từng người trên lưng anh chàng đồng minh là Áo quốc.
Chống nền quân chủ Đanuýp thì phải huy động cả khối Đông Âu, đặc biệt Nga và Italia. Sẽ không bao giờ thành được một liên minh quốc tế,

vốn từng đã được nhà vua Eduard (Eduard VII., 1841-1910, vua Anh, người tích cực tạo dựng thành lập liên minh chống việc các đế quốc kình địch nhau, ND) khởi xướng, nếu như không có anh chàng đồng minh Áo quốc của người Đức làm miếng mồi nhử. Chỉ như vậy mới lôi kéo nổi vào mặt trận tấn công duy nhất những kẻ mà mơ ước và mục đích quá khác nhau đến vậy. Ai cũng mơ màng đi với rồi sẽ có phần. Nếu lại kéo được cả nước Thổ vào cái liên minh bất hạnh ấy làm thành viên nữa thì mặc nhiên nguy cơ nói trên càng lớn đến tột củng.
Giới tài phiệt quốc tế người Do Thái vốn cần miếng mồi nhử ấy để hoàn

thành kế hoạch hằng mơ ước, là tiêu diệt cái nước Đức bướng bỉnh vẫn đứng ngoài vòng khống chế kinh tế và tài chính siêu quốc gia của họ. Chỉ có vậy mới ra đời được một khối liên minh đủ sức mạnh và sức thuyết phục, với quân số hàng triệu, để mà dồn ép anh chàng Siegfried (nhân vật chính trong huyền thoại Đức, anh hùng diệt rồng – đại diện cho cái ác, ND) có sừng có mỏ.




Siegfried: nhân vật chính trong huyên thoại

Đức, anh hùng diệt rồng - đại diện cho cái ác. Ảnh minh họa.

Tôi đã hoài nghi liên minh với nền quân chủ Habsbourg ngay từ ngày còn bên Áo quốc. Tôi suy nghĩ thêm nhiều về nó suốt một thời gian dài nhưng vẫn thấy ý kiến trước của mình là đúng.

Ngày đó tôi đã từng không ngần ngại nói toạc ra ý của mình ở từng nhóm nhỏ, nơi tôi vẫn lui tới, rằng ký kết với một cái nhà nước khốn khổ trước sau gì cũng sẽ đổ sẽ là một thảm hoạ cho nước Đức nếu không kịp buông bỏ. Tôi đã từng tin chắc nịch như thế, chẳng hề dao động dù chi giây lát cho đến tận khi giông tố của cuộc thế chiến ập đến khiến lý

trí dường như bị ru ngủ và có những người, vốn chỉ quen lạnh lùng toan tính, đã vội vàng hoan hỉ. Ra mặt trận rồi, ở bất kỳ đâu mà vấn đề được bàn tới, tôi vẫn giữ ý kiến là rã được liên minh ấy càng nhanh càng tốt cho dân tộc Đức, trả giá cho nền quân chủ Habsbourg đâu phải là hy sinh, nước Đức có thể bớt được kẻ thù. Hàng triệu người đội mũ sắt đâu phải để giữ lấy một triều đại đang ngắc ngoải mà chính là để cứu vãn dân tộc Đức.

Trước chiến tranh có đôi lúc, chí ít cũng là ở một phe, thấy nổi lên thoáng chút nghi ngại về tính đúng đắn của chính sách liên minh đã được chọn, cũng thoáng thấy giới

bảo thủ ở Đức bắt đầu lên tiếng cảnh báo đừng vội quá sùng tín. Chỉ có điều lời cảnh báo ấy rồi cũng như bất kỳ cái gì khác thuộc về lý trí lại chỉ như gió thoảng. Người ta văn cứ mê mải tin là đang đi đúng đường để "chiếm đoạt" thế giới – được sẽ vô cùng mà mất chẳng bao nhiêu.

"Con người không thích đáng" đâu còn cách nào khác, đành ngậm tăm đứng nhìn những "con người thích đáng" thẳng đường hành tiến đến diệt vong, kéo dân tộc thân yêu lếch thếch theo sau, tựa như trong chuyện cổ ngày xưa ở Hameln (thành phố nhỏ ở Trung Đức, xin xem thêm ở "Truyện cổ' Grimm", ND) có kẻ chỉ thổi tiêu mà dụ được cả đàn

chuột ra ngoài thị trấn.

# Chương 4:4: HITLER: “TƯƠNG LAI CỦA DÂN TỘC ĐỨC CHÍNH LÀ PHẢI TIÊU DIỆT CHỦ NGHĨA MÁC”

Sở dĩ họ đã vạch ra lại còn dụ được toàn dân lấy “chiếm đoạt bằng kinh tế” làm mục tiêu thực tế, lấy “giữ gìn hoà bình thế giới” làm mục tiêu chính trị còn do một nguyên nhân sâu xa nữa: bấy lâu nay toàn bộ tư duy chính trị của chúng ta nói chang đã ốm yếu, què quặt rồi.

Chuỗi thắng lợi liên tiếp của kỹ thuật và công nghiệp Đức, những thành quả không ngừng đi lên của thương mại Đức đã làm lu mờ mất cái nhận thức là có nhà nước mạnh làm tiên đề thì mới được thế. Ngược lại, ở nhiều giới họ lại tin là chính nhà nước phải hàm ơn các hiện tượng ấy để mà tồn tại, trước tiên nó phải là một định chế kinh tế, phải cai trị thể theo yêu cầu kinh tế trên hết; vì thế kinh tế quyết định thực chất của nó, tuỳ theo kinh tế thấy và đánh giá trạng thái nào là lành mạnh nhất cũng như là tự nhiên nhất.



Ảnh chụp Hitler tham gia lễ hội đám đông ở Munich ngày 02/08/1914.

Song nhà nước chẳng liên quan gì đến một quan niệm kinh tế hay là một đường lối phát triển kinh tế nhất định nào.

Nó đâu có phải là một tập hợp các đối tác kinh tế nội trong một không gian sống hạn định để thực thi các nhiệm vụ kinh tế. Mà là tổ chức của một cộng đồng những con người như nhau về thể chất cũng như tâm hồn, để tạo điều kiện tốt hơn nhằm lâu dài thì bảo tồn được bản sắc, trước mắt thì đạt được cái mục tiêu tồn tại mà nhờ nhìn xa trông rộng đã tự vạch ra được. Mục tiêu và ý nghĩa của một nhà nước chính là ở đó chứ chẳng ở

đâu khác. Kinh tế chỉ là một trong nhiều thứ phương tiện hỗ trợ thôi, tuy có nó thì mới với tới được mục tiêu. Không bao giờ nó lại là ý nghĩa hay mục tiêu của nhà nước, vì nếu như thế thì ngay từ đầu nền tảng của nhà nước đã sai, bởi phi tự nhiên. Nhà nước với danh nghĩa ấy (kinh tế là nền tảng, ND) tự thân không cần có giới hạn lãnh thổ. Điều này (nhà nước có giới hạn lãnh thổ, ND) chỉ cấp thiết với những dân tộc vốn muốn tự nuôi sống, tức thị sẵn sàng giành giật với cuộc sống bằng lao động của chính mình. Có những dân tộc lại chỉ ưa kín đáo luồn lách, sống bám vào nhân loại còn lại, với đủ mọi nguyên cớ, chỉ chực để người khác

lao động cật lực cho mình – thế thì họ, cho dù chẳng có lấy một không gian sống nhất định nào, họ vẫn lập nhà nước được. Điều này đặc biệt đúng với một dân tộc mà ngày nay tất cả nhân loại lương thiện vẫn đang phải chịu nuôi báo cô: người Do Thái.

Nhà nước Do Thái chưa hề có giới hạn không gian bao giờ, về không gian thì nó không có giới hạn trên cả địa cầu, nhưng về chủng tộc thì nó lại có giới hạn, duy nhất một. Vì vậy dân tộc ấy luôn luôn thành ra một nhà nước ở bên trong các nhà nước. Cho các nhà nước ấy giong buồm ra khơi như thể “tôn giáo”, quả là đã nghĩ ra được một trong những cái

mẹo thiên tài bậc nhất xưa này; vốn là người Arier (dân tộc chính gốc du mục, hồi thế kỷ thứ 2 trước công nguyên nô dịch dân bản địa ở Ấn Độ rồi dựng nên xã hội có giai cấp và các nhà nước theo chế độ nô lệ, nhưng thời phát xít Đức bị lạm dụng chỉ dân tộc Đức mắt xanh tóc vàng, lẽ ra không khoa học nếu xét từ góc độ nhân chủng học, ND) xưa nay bao giờ cũng sẵn lòng công nhận đức tin. Mà trong thực tế cái tôn giáo như ghép mảnh ấy đâu có là cái gì khác, chính là giáo lý để bảo tồn chủng tộc Do Thái. Nên nó bao quát gần như đủ mọi lãnh vực xã hội, chính trị, khoa học, tất cả những gì có thể cần đến.

Xu thế bảo tồn nòi giống vẫn là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến hình thành những cộng đồng người. Thế thì nhà nước phải là một cơ cấu của dân chứ không thể là một tổ chức kinh tế. Khác nhau đến thế mà lắm kẻ được gọi là “chính khách” thời nay lại không nắm được. Vậy nên họ mới tin là có thể dựng được nhà nước bằng kinh tế, trong lúc thật ra thì mãi mãi nó vẫn chỉ là kết quả tác động của trước hết là ý chí bảo tồn – bảo tồn giống nòi và chủng tộc. Thế thì lại rất cần đến các đức tính của người anh hùng và tối kỵ thói vị kỷ hám lợi lặt vặt. Bởi tiên đề để duy trì sự sống còn cho một giống nòi chính là tinh thần sẵn sàng hy sinh

của từng con người một. Cổ thi có câu “Không dám liều mạng sống thì chẳng có cuộc sống” chính là thế: cá nhân dám xả thân thì mới giữ được nòi giống. Song như thế thì cái tiên đề cơ bản nhất để dựng và giữ một nhà nước còn phải là tình cảm cố kết trên cơ sở cùng cội nguồn, cùng bản sắc và ý chí quyết sử dụng hết tất cả các phương tiện vì cái đích ấy. Điều này ở những dân tộc đã sống trên đất đai của chính mình tất sẽ dẫn đến các đức tính anh hùng, mà ở những kẻ lười nhác sống dựa dẫm ắt sẽ dẫn đến thói gian dối, xảo trá và thói mưu mẹo tàn bạo, nếu như các tính chất đó lại chưa phải là tiên đề vốn đã sản có trong hình thái

của các nhà nước rất khác nhau đó. Để hình thành một nhà nước chí ít lúc nguyên thuỷ, bao giờ cũng chỉ có mỗi cách là vận dụng các tính chất đó, thế rồi trong cuộc vật lộn nhằm tự bảo tồn thế nào cũng có những dân tộc đành thua cuộc, tức là chịu bị đè nén và bị diệt vong, hoặc sớm hoặc muộn. Tuy thế ngay ở trường hợp này thường vẫn không phải vì họ thiếu khôn ngoan, mà chủ yếu vì họ thiếu kiên cường, dũng mãnh và thường lại là ẩn trong cái vỏ bọc của tình người.

Các tính chất để dựng và giữ nước ít liên quan đến kinh tế thế nào thì sự kiện đã chỉ rõ: chỉ ở những trường hợp cực hiếm mới thấy sức

mạnh bên trong của nhà nước khớp đúng vào thời kỳ gọi là thăng hoa của kinh tế, còn ở vô số vi dụ khác dường như sự thăng hoa lại là dấu hiệu báo trước nhà nước sắp đến hồi suy tàn. Thành nhà nước mà trước hết lại do tự các lực lượng hay là động lực kinh tế thì thời kỳ kinh tế phát triển nhất cũng phải là thời kỳ nhà nước mạnh nhất, chứ không thể ngược lại.

Đặc biệt, lòng tin ở sức mạnh dựng và giữ nước của nền kinh tế khiến cho khó hiểu vi sao nó lại ứng nghiệm ở cả một xứ sở mà bấy lâu rõ ràng đại thể chỉ nhìn thấy rặt những phản chứng của lịch sử. Chính là nước Phổ, rất sâu sắc, đã

cho thấy không phải các tính chất vật chất, mà chỉ các đức tính tinh thần là đã đủ để dựng được nước.
Thế rồi kinh tế cũng nở rộ dưới sự bảo trợ của các đức tính ấy, lâu dài, kỳ cho đến khi các khả năng dựng nước đã suy sụp thì nền kinh tế mới suy thoái theo; một quá trình mà cho đến tận nay chúng ta có thể vẫn còn thấy tiếc đến lạ lùng. Mối quan tâm vật chất của người ta chừng nào đang còn núp bóng đức hạnh thì vẫn còn có thể phát triển cực tốt, thế nhưng nếu như nó lại tìm cách len lỏi vào cuộc sống ngay từ vòng đầu thì nó đã tự phá đi tiên đề sự tồn tại của chính nó.
Thường là ở Đức, cứ mỗi lần quyền

lực chính trị nổi lên thì kinh tế cũng bắt đầu đi lên, rồi đến khi kinh tế trở thành nội dung duy nhất của cuộc sống trong dân và bóp nghẹt các đức tính lý tưởng, thì nhà nước lại suy sụp và chỉ một thời gian ngắn sau đó đến lượt kinh tế cũng sụp đổ theo.

Tuy nhiên nếu đặt câu hỏi, thật sự các sức mạnh dựng nước và giữ nước ấy là gì, thì có thể gói gọn tất cả chỉ trong một mã hiệu duy nhất, là khả năng và ý chí hy sinh của từng người vì tất cả mọi người. Bảo các đức tính ấy chẳng có gì mắc míu với kinh tế chính vì xuất xứ từ nhận thức đơn giản, là con người không khi nào lại chịu hy sinh vì những thứ (vật

chất, ND) đó, có nghĩa: người ta không hy sinh vì những doanh vụ mà vì các lý tưởng.

Thật không có gì tốt hơn minh chứng cho tính hơn hẳn về tâm lý của người Anh trong nhận thức về tâm hồn của dân chúng là cái động cơ của họ trong chiến đấu. Chúng ta giành giật vì miếng ăn, còn người Anh lại vì “tự do”, không vì tự do của chính họ đâu, không, mà vì tự do của các dân tộc bé nhỏ. Ở ta có khi người ta cười cho sự cao ngạo ấy hay là người ta nổi giận vì nó song đó cũng lại là minh chứng, rằng cái gọi là nghệ thuật điều hành nhà nước ở Đức ngay từ hồi trước chiến tranh đã tối tăm tuỳ tiện tới mức nào. Đã

không còn có một khái niệm mờ nhạt nào về bản chất của cái sức mạnh dẫn dắt người ta tự nguyện và quyết tâm đi vào chỗ chết.

Chừng nào dân Đức năm 1914 còn tin mình chiến đấu vì lý tưởng thì còn trụ được; nếu để cho chiến đấu chỉ vì miếng ăn thì chắc đã bỏ cuộc.

Song các "chính khách" sáng suốt của ta hình như lại ngạc nhiên về sự thay đổi tinh thần ấy. Họ đã không khi nào hiểu là con người, kể từ lúc chiến đấu vi quyền lợi kinh tế, lại cố hết sức tránh cái chết, vì nếu thế thì mãi mãi còn hưởng sao được thành quả cuộc chiến đấu của mình. Lo cứu đứa con của chính mình thì đến người mẹ yếu đuối nhất cũng sẽ trở

thành anh hùng và chỉ cuộc chiến để giữ lấy nòi giống, quê hương và nhà nước của chính nó mới đẩy được trai tráng lao vào mũi giáo của quân thù.

Người ta có thể xem điều sau đây là chân lí có giá trị vĩnh viễn:

Chưa từng bao giờ có một nhà nước được dựng bằng kinh tế trong hoà bình, luôn luôn phải do bàn năng bảo tồn giống nòi; hoặc bằng hành động anh hùng hoặc bâng mưu mô xảo trá: một đằng sinh ra các nhà nước có lao động, có văn hoá của người Arier, một đằng sinh ra các tập đoàn di thực, ăn bám của người Do Thái. Vì lẽ chỉ ở trong một dân tộc hay ở trong một nước, nền kinh tế mới bắt

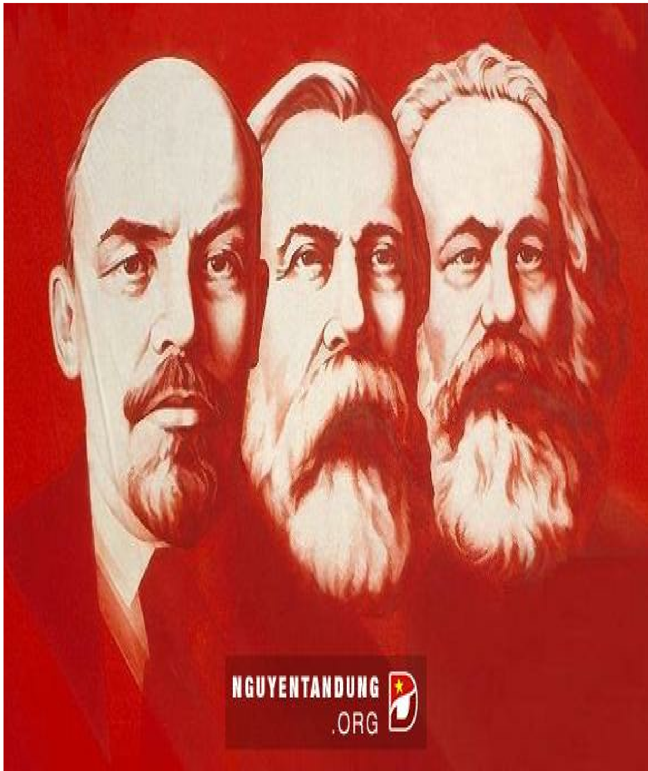
đầu sinh sôi nẩy nở, nên chính nó lại thành nguyên nhân câu nhừ để xích xiềng và đè nén.
Niềm tin ở thời tiền chiến, rằng dân tộc Đức bằng chính sách thương mại và thuộc địa trên con đường hoà bình sẽ có thể khai thác, thậm chí chiếm đoạt được cả thế giới, chính là một dấu hiệu kinh điển, đã đánh mất quan điểm dựng nước đích thực, mất sức mạnh ý chí, mất cả quyết tâm hành động. Cái giá đã phải trả, theo đúng quy luật tự nhiên, chính là cuộc thế chiến với những hệ luỵ của nó.
Với người nghiên cứu không sâu thì lập trường đó của dân tộc Đức – vì thật tình nó chỉ nói chung – có khi lại

chỉ là một câu đố không giải được; tuy nhiên chính nước Đức vốn lại là một ví dụ tuyệt vời cho một đế chế đã xuất xứ từ những cơ sở thuần tuý chính trị quyền lực. Nước Phổ, mầm mống của đế chế, đã sinh ra từ chủ nghĩa anh hùng chói lọi chứ không phải từ các hoạt động tài chính hay là các doanh vụ thương mại, và chính bản thân đế chế cũng không phải là thành quả rực rỡ của lãnh đạo chính trị quyền lực và tinh thần dũng cảm dám không sợ chết của binh sĩ. vậy vì đâu mà bản năng chính trị của dân chúng Đức lại thành ra ốm yếu quặt quẹo đến mức ấy? Vì đây không chi là thứ hiện tượng riêng lẻ, đó là các mômen tan rã với

số lượng thật sự khủng khiếp, cứ như ánh sáng ma trơi lúc xuống lúc lên chập chờn loe lét, hay là như ung nhọt độc hại gậm nhấm dần dân cơ thể dân tộc. Dường như có một thứ chất độc vĩnh cửu đã bị một sức mạnh thần bí nào đó đẩy ra cho đến tận những mạch máu ngoại biên, làm cho lý trí lành mạnh và rồi đến cả bản năng tự bảo tồn nữa cũng càng ngày càng tê liệt đi.

Vì quan điểm của riêng tôi về chính sách liên minh và chính sách kinh tế của đế chế với Đức trong những năm 1912 – 1914, đã không biết bao nhiêu lần tất cả những câu hỏi ấy lại lướt trong tôi. Lời giải cho cầu đố nọ chắc chỉ còn thể hiện ở cái sức

mạnh mà trước đó, từ dạo còn ở Viena vì những quan điểm khác, tôi đã từng được biết đến, là học thuyết của Mác với thế giới quan cũng như tác động của nó về mặt tổ chức.



Chủ nghĩa Mac.

Đó là lần thứ hai trong đời, tôi khoan

sâu vào các học thuyết mang tính huỷ diệt ấy. Lần đó không còn vì cảm xúc và tác động của môi trường thường nhật quanh mình nữa, mà vì quan sát các tiến trình chung của đời sống chính trị. Một lần nữa bới sâu vào mớ tài liệu về lý luận của cái chân trời mới đó, tôi tìm cách làm rõ cho mình những tác động có thể có, rồi lại đối chiếu những tác động ấy với những hiện tượng và sự kiện có thật về hiệu quả của chúng trong đời sống chính trị, văn hoá và cả kinh tế nữa.

Đó là lần đầu tiên tôi đã hướng sự chú ý của mình vào cả những việc để thử tiến đến làm chủ cái bệnh dịch ấy của thế giới.

Tôi đã từng khảo sát rất kỹ đạo luật ngoại lệ của Bismarck về ý đồ, kế hoạch và kết quả. Qua đó đã tuần tự thu hoạch được cho niềm tin của riêng mình một cái nền tảng chắc như đá hoa cương, vì thế kể từ ngày đó không còn tự thấy mình phải thay đổi quan điểm ở nội tâm về vấn đề đó nữa. Cũng như thế, quan hệ với chủ nghĩa hoà bình Mác và với vấn đề Do Thái đã được rà soát lại thêm thật kỹ.

Hồi còn ở Viena trước kia, tôi đặc biệt thấy nước Đức cứ như một gã khống lồ chẳng thể lay chuyển được. Giờ thì thi thoảng lại bắt đầu thấy băn khoăn lo ngại. Chỉ dám âm thầm bàn bạc với nhau trong từng nhóm

nhỏ những người tôi quen biết về chính sách đối ngoại của Đức cũng như về cái phương cách – tôi thấy nhẹ dạ đến khó tưởng tượng, mà người ta thường xử lý cái vấn đề tối hệ trọng của nước Đức hồi ấy, vấn đề chủ nghĩa Mác. Tôi thật tình không hiểu nổi, vi đâu mà người ta lại có thể mù quáng và chao đảo đến thế trước mối hiểm hoạ, mà cứ như ý đồ đích thực của chủ nghĩa Mác thì tác động ắt phải cực kỳ khủng khiếp. Ngay hồi đó trong môi trường quanh tôi và giờ đây trong một môi trường lớn hơn thế, tôi đã từng cảnh báo về cái khẩu hiệu ru ngủ mà lũ người yếu đuối ươn hèn thường vẫn rêu rao là “không gì có thể xẩy đến

cho chúng ta!” Từng đã có một đế chế khổng lồ tan nát chỉ vì một thứ dịch bệnh tinh thần tương tự. Liệu rồi đây nước Đức có phải chịu khuất phục vẫn những quy luật nghiệt ngã ấy, như tất cả mọi cộng đồng người khác chăng?

Từ những năm 1913 – 1914, cũng lần đầu tiên trong những giới khác nhau mà một bộ phận cho đến tận nay vẫn còn trung thành với phong trào quốc gia xã hội, tôi đã từng tuyên bố rằng tôi tin chắc, vấn đề tương lai của dân tộc Đức chính là vấn đề phải tiêu diệt chủ nghĩa Mác.

Ở chính sách đối ngoại của Đức, tôi chỉ nhìn thấy có mỗi một trong số những hiện tượng hệ luỵ do tiêu trừ

cái học thuyết ấy – đúng vậy, vì điều đáng sợ nhất chính là rồi cái nọc độc không nhìn thấy ấy sẽ làm băng hoại gần như tất cả những nền tảng của một quan niệm lành mạnh về kinh tế, về nhà nước, vậy mà rồi chính những ai phải hứng chịu lại cũng chỉ cảm nhận mơ hồ được rằng đáng lẽ phải kiên quyết cự tuyệt, thì với mong muốn và bằng hành động, chính họ lại đã thông đồng cho cái thế giới quan ấy.

Suy thoái từ bên trong của dân tộc Đức đã bắt đầu ngay từ hồi đó. Thế mà – như vẫn thường xảy ra, người ta lại chẳng thấy rõ kẻ phá hoại cuộc sống. Đôi khi còn chữa chạy loanh quanh, tuy như thế chỉ làm thay đổi

hình thái của hiện tượng. Vì không biết hay là không muốn biết mầm bệnh nên cuối cùng, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Mác cũng lại chi có giá trị như trò lang băm huyên thuyên khoác lác.

# Chương 5: THẾ CHIẾN

Khi còn làm thợ săn thú, trong những năm tháng thoải mái của tôi, tôi chẳng hề buồn phiền vì được sinh ra trong chính cái thời mà rõ ràng nó chỉ trao ngọn cờ vào tay những tên hàng xén hay những vị quan chức nhà nước. Cơn sóng của các sự kiện lịch sử có vẻ như thật sự đã chèo lái sao cho chỉ có "cuộc thi đua hoà bình của các dân tộc" là có tương lai, nghĩa là trong một cuộc lừa dối lẫn nhau một cách thanh bình khi gạt bỏ các phương pháp tự vệ dùng bạo lực. Các nước bắt đầu ngày càng giống nhau hơn về các dự

án để chiếm dụng đất đai, cướp khách hàng hay đơn hàng của nhau và cố tìm mọi cách để kiếm lãi hơn người, và như vậy đưa mọi việc vào một kịch bản gây một tiếng kêu thật to mà cũng thật vô tư lự. Sự phát triển này chẳng những có vẻ như muốn tiếp tục, mà trong tương lai sẽ còn (theo yêu cầu chung) biến toàn thế giới thành một siêu thị lớn, ở các tiền sảnh của nó sẽ trưng bức tượng bán thân những tên đầu cơ lão luyện nhất và những vị quan chức quản lý vô hại nhất của sự bất tử. Các doanh nhân sau đó sẽ có thể đặt hàng để người Anh làm, các vị quan chức quản lý thì người Đức, thế nhưng để làm ông chủ thì phải hiến

người Do Thái, bởi lẽ theo lời thú nhận của chính họ thì chưa bao giờ họ biết kiếm chi chút tiền, mà chỉ ”mất tiền” và ngoài ra lại còn nói nhiều ngoại ngữ nhất nữa.

# THẾ CHIẾN II





Ảnh minh họa.

Tại sao người ta chẳng thể sinh ra trước đây cả trăm năm nhỉ? Chẳng hạn vào thời các cuộc chiến giành độc lập, khi đó người ta chẳng cần phải qua “Geschäft” (tạm dịch việc buôn bán, ND) để còn có giá một chút?!

Như thế, tôi thường có những suy nghĩ không vui về chuyến lữ hành trần thế được tiến hành, mà tôi cứ tưởng thế, quá chậm và xem khoảng thời gian phía trước tôi của “bình an và trật tự” như là một hành động đê tiện chẳng đáng của số phận. Ngay từ khi còn nhỏ, tôi đã chẳng là kẻ “hoà bình chủ nghĩa” và tất cả mọi nỗ lực dạy dỗ theo hướng này đều

thất bại.
Khi đó, cuộc chiến Boer (hậu sinh người nhập cư Đức – Hà Lan tại Nam Phi, ND) bừng loé lên trong tôi hệt như một tia chớp.
Hàng ngày tôi theo dõi báo chí và ngấu nghiến nuốt chửng những bức điện và báo cáo, và thế là đã đủ hạnh phúc rồi, để ít nhất được là nhân chứng từ xa cho cuộc đấu tranh anh hùng này.
Còn cuộc chiến tranh Nga – Nhật lại được tôi quan sát khi đã chín chắn nhiều hơn rồi, và cũng kỹ lưỡng hơn. Ở đó tôi đã xác định được lập trường, đa phần từ những lý do dân tộc và khi thể hiện các ý kiến của chúng ta như thế, tôi đã tự đặt mình

ngay vào phe người Nhật. Tôi thấy ngay ở việc bại trận của người Nga cũng là thất bại của chế độ nô lệ Áo quốc.
Từ đó đến nay đã trôi qua nhiều năm, và cái mà thời trẻ tôi coi như là tình trạng ốm yếu đến thối rữa, thì nay tôi cảm nhận như là giờ phút lặng yên trước cơn bão tố. Ngay từ thời ở Vienna, vùng Balcan đã lơ lửng cái oi nồng khó chịu mà trận cuồng phong thường hay cho thấy, và đôi khi cũng đã loé lên một tia chớp sáng láng, nhưng lại biến mất ngay vào cõi đêm huyền bí. Nhưng rồi cuộc chiến tranh Balcan bùng lên, và với nó, cơn gió đầu tiên cuốn qua đất châu Âu đã trở nên bản tính.

Thời gian sắp tới tác động lên con người như cơn mê sảng nặng nề, nóng cháy da như cái nắng nhiệt đới, tới mức cảm giác về tai hoạ gần đến, do nỗi lo âm ỉ nay cuối cùng đã trở thành ước vọng: Vào đoạn kịch này thì ông Trời hãy để cho số phận, vốn chẳng thể cản nữa, được tiến triển tự nhiên. Và xem kìa, tia chớp mạnh mẽ đầu tiên đã giáng xuống trái đất: cơn giông tố bát đầu nổi lên, và trong tiếng sấm của Trời đã hoà trộn tiếng gầm thét của những pháo đội Thế chiến.

Khi tin về vụ ám sát đại công tước Franz Ferdinand (1863-1914, là đại công tước Áo quốc và thái tử đế quốc Áo Hung, là con vua Karl

Ludvvig Áo quốc và công chúa Maria Annunziata của Neapel – Sicil và cháu Franz Joseph I., ND) đến Munich (tôi đang ngồi nhà và chỉ láng máng nghe về tiến trình vụ việc), thì trước hết tôi cảm thấy lo rằng, có khi là viên đạn bắn ra từ nòng súng của những sinh viên người Đức, vốn căm thù vị thái tử vì công việc nô dịch liên miên, muốn giải phóng nhân dân Đức khỏi ách kẻ thù nội xâm này. Người ta có thể nghĩ ra ngay cái gì sẽ có thể là hậu quả: Một đợt bắt bớ mới mà sẽ được “viện cớ” và “bào chữa” trước toàn thế giới. Nhưng khi ngay sau đó tôi nghe thấy tên của những nghi phạm và ngoài ra còn đọc được xác nhận chúng là

người Xécbi, trong tôi bắt đầu lan toả nỗi hãi hùng nhè nhẹ về bước báo oán của số phận chưa được thẩm tra này.

Người bạn lớn nhất của người Xlavơ lại ngã xuống dưới làn đạn của những tên cuồng tín Xlavơ. Ai trong những năm cuối có cơ hội liên tục quan sát mối quan hệ Áo quốc với Xécbi, người đó chắc hầu như chẳng hề có đến một phút nghi ngờ rằng, bánh xe đã làn và không gì còn cản lại được nữa.

Sẽ bất công với chính phủ Viena khi ngày nay trách mắng té tát họ về hình thức và nội dung của tối hậu thư do họ đề xuất. Không có thế lực khác nào trên thế giới có thể hành

động khác được khi ở cùng vị trí và hoàn cảnh. Áo quốc có ở biên giới đông nam của mình một kẻ thù sống còn tàn nhẫn mà cứ luôn theo những chu kỳ ngày càng ngắn hơn dám thách thức nền quân chủ và chẳng bao giờ yên cho tới khi cuối cùng ắt xảy ra giờ phút thích hợp để phá tan đế quốc. Người ta có lý do để sợ rằng trường hợp này chậm nhất phải đến với cái chết của vị hoàng đế già; nhưng nếu thế thì nền quân chủ có lẽ hoàn toàn chẳng có khả năng chống đối một cách nghiêm túc. Trong những năm qua, toàn bộ nhà nước đã quá chững lại bởi nhãn quan của Franz Joseph (1830- 1916 từ nhà Habsbourg; 1848-1916 hoàng đế Áo

quốc cũng như vua Hungary và Croatia 1848/67- 1916., ND) cho nên cái chết của sự thể hiện cổ xưa cho đế quốc, ngay từ đầu sẽ được quảng đại quần chúng cảm nhận như cái chết của chính đế chế. Thậm chí đó thuộc những nghệ thuật láu cá nhất của nền chính trị đặc biệt Xlavơ là gây cảm giác rằng dẫu sao thì sự tồn tại của nhà nước Áo quốc hoàn toàn dựa trên nghệ thuật đặc biệt tuyệt diệu của vị quân chủ này; một lời ve vãn mà với hoàng cung càng đáng quý hơn vì nó tương ứng ít nhất với những đóng góp thật sự của vị hoàng đế này. Người ta chẳng thể có khả năng tìm ra cái gai ngầm mai phục trong lời khen này. Người ta

chẳng thấy, hay có lẽ cũng chẳng muốn thấy rằng, nếu nền quân chủ càng dựa chỉ vào cái nghệ thuật lãnh đạo siêu việt – như người ta thường nói, của “nhà quân chủ khôn ngoan nhất” mọi thời đại, thì hoàn cảnh sẽ càng phải mang tính thảm hoạ hơn nữa, nếu một ngày kia ngay ở đây số phận cũng đến gõ cửa để lấy cống vật của mình.

Phải chăng hoàn toàn có thể tưởng tượng ra cái Áo quốc cổ lỗ mà không có vị hoàng đế già nua?!





Người Boer tấn công tàu của Anh tại Transvaal, tháng 10 năm 1899.

Liệu bi kịch mà ngày xưa đã xảy đến với Maria Theresia (1717-1780) là

nữ công tước nhà Habsbourg. Bà là đại công tước, nữ hoàng Hunggary và Bohemia (1740-1780) và thuộc những nhà quân chủ gây dấu ấn cho thời đại chế độ chuyên chế khai sáng, cũng là vợ hoàng đế Đức – La Mã Franz I. Stephan và các hoàng đế Đức – La Mã kế vị, ND) sẽ lặp lại ngay?
Không, ta sẽ thực sự bất công với các giới trong chính phủ Vienna khi ta trách họ, rằng họ cứ lao thẳng vào cuộc chiến mà lẽ ra đã có thể tránh được nó. Không thể tránh được nó đâu, cùng lắm là chỉ lùi được một hai năm là nhiều. Chỉ riêng điều đó thôi đã là hệ quả tại hại của nền ngoại giao Đức và Áo quốc khi

họ luôn cố gắng đẩy ra xa cái giờ tính sổ không tránh được cho đến khi cuối cùng nó điểm vào cái thời gian chẳng thuận chút nào. Ta có thể tin chắc rằng, mỗi cố gắng vãn hồi hòa bình, chỉ đẩy cuộc chiến xảy ra vào thời điểm còn bất thuận hơn nữa.
Không, ai không muốn cuộc chiến tranh này, người đó phải dũng cảm chấp nhận các hệ quả. Mà chúng lại đã có thể là sự hy sinh Áo quốc. Chiến tranh vẫn sẽ xảy ra, duy nhất có thể không còn là cuộc chiến tất cả chống lại chúng ta mà ở dạng phá tan nền quân chủ nhà Habsbourg. Khi đó người ta phải quyết định, cùng tham gia hay chi

đứng nhìn để chấp nhận số phận giáng xuống và tay không ra đi.
Nhưng chính những ai giờ đây chửi bới nhiều nhất về cái bắt đầu của cuộc chiến và đánh giá thông thái nhất, lại là những kẻ nguy hiểm nhất kín đáo giữ gìn để lái vào đó.
Nền xã hội dân chủ từ nhiều thập niên đã xúi bẩy chiến tranh khốn nạn nhất chống Nga, tuy nhiên từ các quan điểm tôn giáo thì ở trung tâm, nhà nước Áo quốc lại làm điểm tựa tích cực nhất cho chính sách Đức. Khi đó lời của chính phủ Đức là, để giữ gìn hòa bình nó luôn để lỡ cái giờ cho chiến sự nổ ra, bị lôi cuốn vào liên minh bảo vệ hòa bình thế giới và như vậy cuối cùng là vật tế

cho một liên minh thế giới mà nó do cố gắng giữ gìn hòa bình thế giới lại chèo chống trước quyết tâm mở cuộc thế chiến.



Mai phục tấn công đường sắt trong cuộc chiến Boer.

Nhưng nếu như khi đó chính phủ Vienna đã trao tối hậu thư ở một dạng khác, mềm dẻo hơn, thì hoàn cảnh cũng chẳng có gì thay đổi, hay nhiều nhất cũng chỉ là, nó sẽ bị chính nhân dân tức giận mà quét sạch. Bởi lẽ trong con mắt quảng đại quần chúng thì giọng điệu của tối hậu thư còn khá trân trọng và hoàn toàn không đi quá xa hay tàn nhẫn. Ai ngày hôm nay cố gắng phủ nhận điều đó, hoặc là cái đầu bã đậu hay quên hay là kẻ dối trá chủ tâm.

Cuộc chiến đấu năm 1914 không do quần chúng; là Chúa Trời thật sự ép buộc mà được toàn dân khao khát.

Người ta muốn cuối cùng chuẩn bị một hồi kết cho sự bất ổn chung. Chỉ bằng cách đó người ta mới hiểu rằng, để đi đến cuộc đấu cam go nhất này, trên hai triệu thanh niên và những người đàn ông Đức đã tự nguyện đứng dưới cờ để sẵn sàng bảo vệ nó đến giọt máu cuối cùng.

# Chương 5:1: HITLER THAM GIA CUỘC CHIẾN

Riêng với tôi, những giờ phút thời đó như một bước giải thoát ra khỏi những cảm xúc buồn bực thời trẻ. Ngay hôm nay đây, tôi cũng chẳng thẹn thùng mà bảo, bị choáng ngập vì sự phấn chấn tột độ, tôi đã quỳ xuống và từ sâu thẳm trái tim cám ơn Đức Chúa Trời đã cho tôi cái diễm phúc được sống ở thời đại này.



Hitler cùng những người đồng hành trận chiến.

Một cuộc cuộc đấu tranh cho tự do vừa nổ ra, mạnh mẽ nhất từ trước tới nay trên Trái Đất này; bởi lẽ cùng với bất hạnh vừa bắt đầu, cũng đã hé mở cho quảng đại quần chúng niềm tin rằng lần này vận mệnh không chỉ xoay quanh Xécbi hay cả Áo quốc, mà trước hết quanh sự tồn tại hay không tồn tại của chính dân tộc Đức.

Lần cuối cùng sau biết bao năm, nhân dân lại đã tiên tri được về tương lai của chính mình. Thế nên ngay vào đoạn khởi đầu của cuộc vật lộn vô cùng gay go, cũng đã xuất hiện ngay giọng trầm nghiêm túc cần

thiết hoà vào cơn say của niềm hưng phấn thái quá; bởi lẽ duy chỉ có nhận thức này mới không biến cuộc nổi dậy tầm cỡ quốc gia thành ngọn lửa rơm. Sự nghiêm túc này là quá ư cần thiết; bởi vì khi đó nói chung người ta chẳng hề có đến óc tưởng tượng nhỏ nhất về việc cuộc đấu đang bắt đầu có thể lâu đến mức nào. Thậm chí người ta còn mơ thấy đến mùa đông đã có thể về nhà để lại tiếp tục với công việc của thời bình.

Cái mà con người muốn thì hắn hy vọng và tin tưởng. Đa số áp đảo toàn quốc gia từ lâu đã chán ngấy với tình trạng bất an muôn thuở; nên việc tuy người ta hoàn toàn chẳng tin

vào một bước hoà hoãn cho cuộc xung đột Áo quốc – Xécbi, nhưng lại đặt niềm hy vọng rằng vụ tranh chấp sẽ kết thúc dứt khoát, quá ư là dĩ nhiên. Trong số hàng triệu người này cũng có tôi.
Khi cái tin về vụ mưu sát vừa được loan báo ở Munich, trong đầu tôi bùng ngay lên hai ý nghĩ: đầu tiên, cuối cùng chiến tranh cũng là điều không thể tránh khỏi, nhưng thứ nữa là nhà nước Habsbourg nay bắt buộc phải củng cố liên minh; bởi lẽ điều tôi luôn lo lắng nhất là khả năng chính nước Đức một ngày kia, có thể ngay do liên minh này, sẽ lao vào một cuộc xung đột mà chẳng cần Áo quốc phải tạo ra một nguyên cớ trực

tiếp, và bởi vậy từ những lý do đối nội, nhà nước Áo quốc chẳng hội tụ được sức mạnh để quyết định tham gia liền minh. Đa số người Xlavơ trong đế quốc sẽ bất đầu phá hoại ngầm ngay tắp lự một ý tưởng vừa nhen nhóm như thế và sẵn sàng huỷ diệt ngay toàn thể nhà nước thay vì ban phát sự trợ giúp mà các đồng minh yêu cầu. Tuy nhiên nguy cơ này vừa được loại bỏ. Giờ thì cái nhà nước giả cỗi này phải đấu súng, cho dù nó có muốn hay không cũng vậy.
Lập trường của tôi về cuộc xung đột cũng rất đơn giản và rõ ràng trước chính mình; với tôi, Áo quốc chẳng tranh đấu vì muốn làm điều gì vừa ý cho Xécbi, mà vì sự tồn tại của

nước Đức, vì sự tồn tại hay không tồn tại của chính quốc gia Đức, vì tự do và tương lai. Công trình của Bismarck phải được triển khai; điều mà trước đây cha ông bằng giòng máu anh hùng của mình đã chiến đấu ở các trận từ Weiβenburg (thành phố ở Bavaria, ND) đến Sedan (thành phố ở Pháp, đều liên quan đến cuộc chiến tranh của Napoleon III., ND) và Paris, thì giờ đây cái nước Đức non trẻ này lại phải được hưởng. Nhưng nếu cuộc đấu tranh này thành công thì dân tộc chúng ta lại được tham gia vào nhóm các nước lớn với cái uy thế đối ngoại của họ, chi khi đó thì đế quốc Đức mới có thể khẳng định mình là

chỗ dựa vững chắc cho nền hoà bình mà con em của nó chẳng hề phải nhịn ăn hàng ngày vì cái nền hoà bình đáng yêu nọ.

Thời nhi đồng và thanh niên, tôi thường có ước muốn ít nhất qua hành động để chứng minh rằng, lòng yêu nước của tôi chẳng là ảo tưởng hão huyền. Tôi gần cảm thấy như mắc tội khi hô vang "muôn năm" mà có lẽ chưa nắm quyền dụng tâm cho nó; bởi lẽ ai được phép dùng từ đó khi chưa một lần được thử lửa, khi mà mọi cuộc chơi kết thúc, và cánh tay không hề biết thương tiếc của vị thần số mệnh bắt đầu cân đong từng người và từng dân tộc về sự thật và bản chất chính kiến của họ? Vậy là

trái tim tôi, cùng như hàng triệu người khác trào dâng niềm hạnh phúc kiêu hãnh, cuối cùng rồi cũng thoát được ra khỏi cảm giác què quặt này. Tôi phải chăng từng thường xuyên hát vang “Deutschland über alles” (“Nước Đức trên hết”, quốc ca thời Đức quốc xã, ND) và khản cổ hét Heil (muôn năm, câu chào thời Đức quốc xã, ND), tới mức gần như là một ân huệ ban trao muộn màn, khi giờ đây ở buổi dâng thánh lễ với vị quan toà muôn thuở, tôi được làm nhân chứng cho buổi tuyên thệ trung thành với chính kiến này. Bởi vì ngay từ đầu tôi đã cương quyết rằng, khi chiến tranh – mà tôi thấy là bất khả kháng – nổ ra, thì

bằng cách nào đi chăng nữa, tôi vẫn phải xếp việc bút nghiên. Tương tự như vậy tôi cũng biết rõ rằng, vị trí của tôi sẽ là chỗ mà cái giọng nói nội tâm này đã chỉ ra.

Từ các lý do chính trị, trước tiên tôi rời Áo quốc; nhưng điều còn tất nhiên hơn là, bởi lẽ cuộc đấu tranh đã bắt đầu, thì tôi càng (phải có trách nhiệm với chính kiến này. Tôi chẳng hề muốn đầu quân cho nhà nước Habsbourg, tuy bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng chết cho dân tộc mình và đế quốc biểu trưng cho nó.

Ngày mùng ba tháng tám tôi gửi một đơn xin khẩn tới vua Ludwig III. (vua của Bavaria (1845 – 1921) kế vị vua Ludvvig II., là anh em họ cùng tuổi,

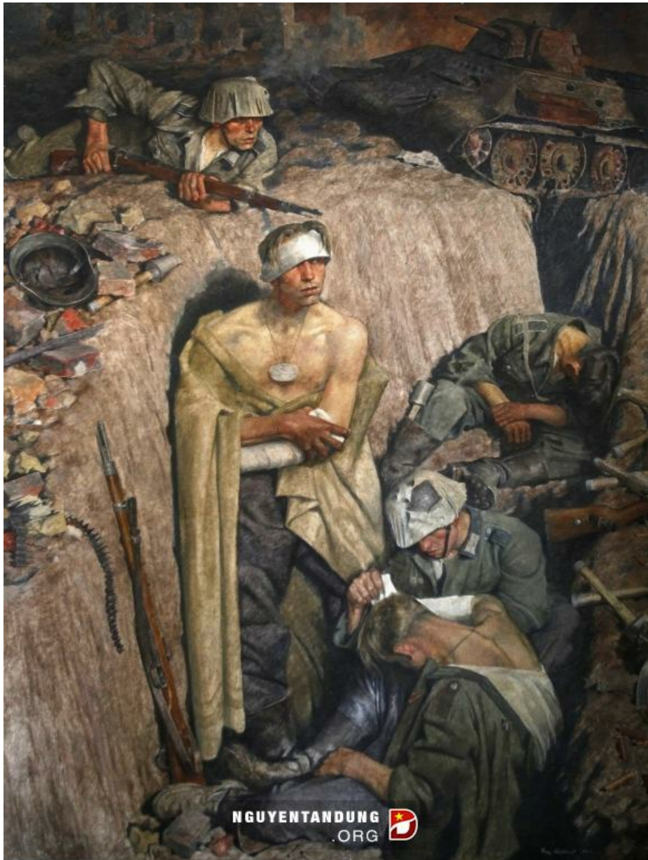
chết như trong màn kịch, 1913 lên ngôi và trị vì chỉ trong 6 năm. 1918 cách mạng đã đuổi ông đi, ND) với lời đề nghị được nhập ngũ tại một trung đoàn xứ Bavaria. Vào những ngày này, chắc văn phòng nội các chẳng thiếu việc phải làm; vậy nên niềm vui của tôi càng lớn hơn khi ngay ngày hôm sau tôi đã nhận được thư trả lời. Khi tôi, với tay còn đang run, mở lá thư và thấy trong đó lời chấp thuận yêu cầu của mình cùng đòi hỏi tôi tới đăng ký ở một trung đoàn xứ Bavaria, thì niềm hân hoan và lòng biết ơn tràn ngập. Ít hôm sau tôi mặc bộ quân phục mà gần sáu năm sau tôi mới trút bỏ.

Vậy là, như với mọi người Đức, với

tôi cũng bắt đầu cái thời gian khó quên nhất và cũng vĩ đại nhất trong cuộc đời hạ giới của tôi. So với các sự kiện của cuộc đấu vĩ đại nhất này thì mọi sự đã qua rơi về một cõi hư vô nhạt thếch. Chính vào những ngày đang kỷ niệm mười năm sự kiện vĩ đại này, cùng nỗi ưu sầu kiêu ngạo tôi hồi tưởng lại những tuần đầu này của cuộc đấu tranh anh hùng của dân tộc ta mà số phận đã rộng lòng cho phép tôi tham gia.

Từng hình ảnh một lướt qua tôi như mới xảy ra hôm qua, tôi thấy mình được thắng bộ quân phục trong đám bạn bè thân thuộc, rồi lần đầu hành quân, luyện tập, v.v… cho đến cuối cùng là ngày hành quân ra trận.

Vào thời gian này có nỗi lo duy nhất dày vò chúng tôi, tôi và rất nhiều người khác nữa, là liệu chúng tôi đến chiến trường có chậm quá chăng. Tất cả những điều này thường chẳng để tôi được yên. Vậy với mỗi tiếng hoan hô chiến thắng về một hành động anh hùng lại ẩn dấu một giọt nhỏ niềm cay đắng, vi với mỗi chiến thắng lại làm tăng nguy cơ cho việc chúng tôi đến muộn.



Bức ảnh về thương binh Đức trú ẩn.

Vậy cuối cùng cũng đến cái ngày mà chúng tôi rời Munich để bước vào việc hoàn thành trách nhiệm của chúng tôi. Lần đầu tiên tôi thấy sông Rhein, khi chúng tôi đi về phía Tây ngược theo các con sóng của nó; để bảo vệ nó, con sông mẹ của các con sông, trước lòng tham của kẻ thù cũ. Khi qua bức màn mảnh của lớp sương mù buổi sáng, những tia nắng dìu dịu cho phản chiếu về phía chúng tôi hình đài kỷ niệm Niedervvald (nghĩa đen: rừng cây thấp nhỏ. Nằm ở vùng biên khu bảo tồn thiên nhiên Niedervvald gần thành phố Růdesheim am Rhein mà ở dưới chân nó là các vườn nho của dãy núi

Rüdesheim. Đài kỷ niệm ca ngợi sự thống nhất nước Đức năm 1871 và xây từ đó tới 1883 mới xong. Cùng các đài tưởng niệm khác, đài kỷ niệm Niedervvald được xếp vào nhóm các công trình tưởng niệm vĩ đại nhất Đức, ND), người lính canh già bên dòng sông Rhein lướt qua chuyên tàu chở hàng dài vô tận lên bầu trời sớm, làm tôi cảm động đến nghẹt thở.

Rồi đêm lạnh ẩm đến, chúng tôi im lặng hành quân, và khi ngày tách ra khỏi màn sương ban mai, bỗng có một lời chào bằng sắt rít qua đâu chúng tôi rồi một tiếng nổ đanh tung những viên bi nhỏ giữa hàng quân chúng tôi, quất mạnh trên nền đất

ẩm; nhưng trước khi đám mây nhỏ bay qua, thì từ hai trăm cái miệng vang lên tiếng “Hoan hô” để chống lại tín hiệu đâu tiên của tử thần. Sau đó bắt đầu tiếng ầm ỳ vang dội, tiếng hát và hét, và kéo mọi người với cặp mắt hừng hực lên phía trước, ngày càng nhanh hơn, cho đến khi trên các cánh đồng củ cải và các thảm cỏ, cuộc chiến đấu bắt đầu, cuộc chiến một chọi một. Nhưng từ xa vọng lại tiếng một bài hát tới tai chúng tôi, nó đến càng lúc càng gần hơn, lan tới từ hết đại đội này sang đại đội khác, và trông kìa, khi chính lúc tử thần hăng hái bổ xuống hàng ngũ chúng tôi, thì bài hát cũng đã đến với chúng tôi và chúng tôi lại

truyền đi tiếp: Nước Đức, nước Đức trên hết, trên mọi thứ nơi thế gian này!

Sau bốn ngày, chúng tôi quay trở lại. Ngay bước đi bây giờ cũng đã khác trước. Những đứa trẻ mười bảy bây giờ trông giống như những người đàn ông trưởng thành.

Những lính tình nguyện của trung đoàn List có lẽ đã chưa học kỹ cách đánh cho tốt, riêng cách chết thì họ đều biết như những người lính già.

Đó là bước khởi đầu.

Sự việc cứ thế tiếp tục năm này qua năm khác, thế nhưng thay vào cái lãng mạn chiến trận, nỗi rùng rợn lại đến. Niềm hân hoan nguội dân và sự phấn kích thái quá nghẹt lại trước

cơn sợ chết. Đã đến thời điểm mà mồi người phải vật lộn giữa bản năng sinh tồn và nghĩa vụ đang kêu gọi. Ngay với tôi, cuộc đấu tranh này cũng chẳng từ. Luôn luôn mồi khi tử thần đến gọi, có một cái gì đó bất định muốn nổi loạn, nhân danh lý trí bắt cơ thể yếu đuối phải tưởng tượng, nhưng rồi đó lại chỉ là sự ươn hèn nguỵ trang như vậy để bao vây từng người. Có cái lôi kéo rồi cảnh tỉnh nổi lên, tôi thường chỉ còn mẩu cuối cùng của lương tâm mang tính quyết định. Nhưng nếu cái giọng nhắc phải cẩn thận càng cố lên tiếng, nếu nó càng lớn tiếng và khẩn khoản quyến rũ hơn, thì sức phản kháng cũng càng mãnh liệt hơn, cho đến

cuối cùng sau cuộc vật lộn nội tâm rất lâu, ý thức trách nhiệm thắng thế. Ngay từ mùa đông 1915/16, ở tôi cuộc đấu tranh này đã kết thúc. Cuối cùng ý chí đã hoàn toàn làm chủ. Nếu như những ngày đầu tôi còn hân hoan cười nói tham gia tấn công, thì giờ đây tôi bình thản và quyết tâm. Nhưng chính cái đó mới bền lâu. Chỉ đến khi đó số phận mới có thể đi đến những cuộc thử cuối cùng mà các dây thần kinh không bị đứt hay lý trí tỏ ra bất lực.

# Chương 5:2: CHÀNG CHIẾN SĨ NGÀY NÀO GIỜ ĐÃ TRỞ THÀNH NGƯỜI LÍNH GIÀ

Từ chàng chiến sĩ tình nguyện trẻ đã thành người lính già.

Nhưng cuộc chuyển biến này cũng đã xảy ra trong toàn thể đoàn quân. Nó đi lên từ các trận chiến liên miên, trở nên già dặn và kiên định, và những gì không chịu được bão tố, dĩ nhiên bị gẫy đổ.

Nhưng trước hết người ta phải đánh giá đoàn quân này. Giờ đây sau hai,

ba năm, khi nó bị vứt hết từ trận chiến này sang trận chiến khác, luôn phải đấu lại với kẻ địch vượt trội về quân số và vũ khí, chịu đói khát và thiếu thốn, thì bây giờ đã đến lúc phải kiểm lại chất lượng của đoàn quân có một không hai này.

Garanten
deutscher
Wehrkraft!





Ảnh minh họa.

Nhiều thiên niên kỷ sẽ trôi qua, nhưng người ta sẽ chẳng được phép diễn thuyết hay đàm luận mà không nhắc đến đoàn quân Đức của thế chiến. Khi đó, từ màn khói dĩ vãng sẽ hiện lên chiến tuyến thép của chiếc mũ sắt xám lạnh, không lung lay mà cũng chẳng lui bước, một tượng đài bất tử. Chừng nào còn có người Đức sống thì họ còn tưởng nhớ rằng, có thời đó chính là con em dân tộc họ.

Khi ấy tôi là người lính và chẳng hề muốn chính trị hoá. Mà muốn vậy thì thật ra, đó cũng chẳng là thời điểm thích hợp. Ngay ngày hôm nay đây, tôi vẫn tin chắc là, cái anh người hầu

tận đáy vẫn có những đóng góp quý giá cho tổ quốc hơn hẳn chính người đứng đầu, chẳng hạn như “vị nghị viên”. Tôi căm ghét cái bọn mách lẻo này hơn bao giờ hết lại chính vào cái thời gian mà mỗi chàng trai chân chính nếu muốn nói gì đó thì phải thét vào mặt kẻ thù, hay tốt hơn hết là cất cái miệng hắn ở lại nhà để tại đâu đó im lặng làm nghĩa vụ của mình. Vâng, khi ấy tôi đã căm ghét tất cả những “nhà chính trị” này, và nếu như tôi được quyết định, thì tôi đã ngay lập tức lập một tiểu đoàn lính nghị viên xúc đất, để cho chúng tha hồ mách lẻo với nhau thoả thích mà chẳng hề chọc giận hay thậm chí làm hại nhân loại ngay thẳng và thật

thà.
Vậy là khi đó tôi chẳng hề muốn dính dáng gì đến chính trị, nhưng lại không làm khác được là phải thể hiện lập trường trước một vài hiện tượng nào đó mà chúng liến quan đến toàn đất nước, nhất là đến giới lính chúng tôi.
Có hai việc, khi đó tôi coi là chúng chọc tức nội tâm và làm hại mình.
Ngay sau những tin thắng trận đầu tiên, một số tờ báo bất đầu chầm chậm, và có lẽ số đông lúc đầu không nhận ra được, nhỏ vài giọt rượu Wermut (ngải đẳng, ND) vào niềm hân hoan chung. Điều này diễn ra dưới vỏ bọc một ý tốt và hảo tâm nào đó, thậm chí một mối bận tâm

nhất định. Người ta lo lắng về một sự thái quá trong các buổi lễ chiến thắng. Người ta sợ rằng điều đó, ở dạng này, không xứng đáng với một quốc gia lớn như vậy. Sự dũng cảm và khí phách anh hùng của người lính Đức lẽ ra là điều hoàn toàn dĩ nhiên đến mức không phải vì thế mà người ta bị cuốn hút vào những cách biểu hiện vui mừng bồng bột thiếu suy nghĩ; ngay cả xuất phát từ góc độ nước ngoài, mà với họ, một dạng vui mừng lặng lẽ mà xứng đáng sẽ nói được nhiều hơn là la hét không kiềm chế, v.v… Cuối cùng với người Đức chúng ta, ngay giờ đây cũng chẳng nên quên là chiến tranh không phải là ý định của chúng ta và chúng

ta cũng không phải hổ thẹn để nói thẳng thắn với tư cách người đàn ông rằng, bất cứ lúc nào chúng ta cũng sẵn sàng đóng góp phần mình vào sự hoà giải của nhân loại. Nhưng chính vậy, chẳng khôn ngoan khi làm vấy bẩn sự trong sạch của các hành động của quân đội qua tiếng la hét ầm ĩ, bởi lẽ thế giới còn lại sẽ ít thông cảm với một hành vi như thế. Chẳng có gì làm người ta trân trọng hơn là sự khiêm nhường mà với nó một vị anh hùng chân chính lặng lẽ và bình thản – quên đi, bởi lẽ tất cả mọi chuyện còn vươn xa hơn thế nữa.

Thay vì lẽ ra phải bứt hai cái tai dài của một gã như thế ra mà buộc hắn

vào cột dài rồi kéo lên, để Tintenritter (nghĩa đen: hiệp sĩ mực, tạm dịch: “anh hùng rơm”, ND) không còn có thể lăng mạ cả cái dân tộc đang hành lễ bằng cảm xúc thẩm mỹ của mình, thì người ta lại thật sự bắt đầu tiến hành nhắc nhở về cái cách “không thích hợp” để hoan nghênh chiến thắng.

Người ta chẳng biết tí gì rằng một khi niềm hân hoan bị dập tắt, thì khi cần sẽ không còn đánh thức lại được nữa. Nó là một cơn say và phải tiếp tục được giữ ở trạng thái này. Nhưng làm sao người ta có thể chẳng dùng quyền uy của sự gây phấn kích mà thắng trong một cuộc đấu tranh, nếu lấy theo tiêu chuẩn

con người, sẽ đặt ra những yêu cầu ghê gớm nhất về những tính chất tâm linh của cà dân tộc?
Tôi quá biết tâm lý quảng đại quần chúng để lại không biết rằng, ở đây người ta chẳng thể bằng cách nâng cao “thẩm mỹ” để có thể giữ lửa cháy sao cho sắt luôn nóng. Trong mắt tôi người ta điên cả khi người ta chẳng hề làm gì cả để nâng cao ngọn lửa đam mê; nhưng chính cái đam mê may mắn đã có cũng dập đi, thì tôi chẳng thể hiểu nổi.
Điều thứ hai làm tôi bực là cái cách người ta cho là hay nếu tự đem mình đối chiếu với chủ nghĩa Mác. Trong mắt tôi qua đó người ta chỉ minh chứng rằng, người ta chẳng biết tí gì

về căn bệnh dịch hạch này. Dù cho nghiêm túc nhất, người ta vẫn có vẻ muốn tin rằng, qua việc khẳng định không biết đến các đảng phái nữa, là đã đưa được chủ nghĩa Mác về tỉnh ngộ và tự kiềm chế.

Nhưng sự việc ở đây hoàn toàn chẳng hề liên quan gì đến đảng, mà là cả một học thuyết tất phải dẫn đến sự huỷ diệt toàn thể nhân loại, thì người ta lại càng biết ít hơn nữa bởi lẽ dĩ nhiên ở các trường đại học đã bị Do Thái hoá chẳng thể nghe được về nó; mà lại còn quá nhiều người, đặc biệt là giới quan chức cao cấp chúng ta do cái tính kiêu ngạo ngu xuẩn đã được tập thành thói quen, không bao giờ thấy cần

phải cầm lên tay một cuốn sách mà học cái điều vốn không nằm trong giáo trình trường đại học của mình. Chuyển biến mạnh nhất cũng hoàn toàn đi mất tăm khỏi những “cái đầu” này, vì vậy mà các cơ quan nhà nước cũng thường tụt hậu so với các đơn vị tư nhân. Với họ thì, lạy Chúa, đúng nhất là câu tục ngữ dân gian: Cái nhà nông không biết, hắn chẳng gắp.

Là điều ngu xuẩn chẳng gì sánh kịp khi vào những ngày tháng tám năm 1914 đồng nhất giai cấp công nhân Đức với chủ nghĩa Mác. Vào giờ phút đó thì người công nhân Đức đã tách được khỏi vòng tay ôm ấp của cái căn bệnh dịch thổ tả này, bởi lẽ

nếu không thì anh ta đã chẳng thể bao giờ tham gia vào cuộc đấu tranh được. Nhưng người ta lại đủ ngu ngốc để nói rằng, có lẽ bây giờ chủ nghĩa Mác đã trở thành “mang tính quốc gia”; một ánh chớp ý tưởng mà nó chi loé lên để chứng tỏ rằng, trong những năm dài vừa qua, chẳng có một ai trong cái đám lãnh đạo nhà nước mặc áo quan chức này chịu dù chỉ khó nhọc chút đỉnh để nghiên cứu bản chất cái học thuyết ấy, bởi nếu không thì một điều vô lý như vậy đã không xảy ra.

Chủ nghĩa Mác, mà mục tiêu cuối cùng của nó đang và vẫn sẽ là tiêu diệt tất cả mọi nhà nước không phải là Do Thái, đã phải hãi hùng thấy

rằng vào những ngày tháng bảy năm 1914, giai cấp công nhân Đức vốn được nó ôm ấp trong vòng tay mình bỗng bừng tỉnh để càng ngày càng tiến nhanh hơn vào việc phục vụ tổ quốc. Chỉ trong vài ngày, toàn bộ cái tin lờ mờ và cả dối trá của cú lừa nhân dân đê tiện này tan biến, đám lãnh đạo người Do Thái bỗng đứng trơ ra đơn côi, cứ như chẳng còn bất cứ dấu tích gì của những điều ngớ ngẩn và điên khùng mà trong sáu mươi năm chúng đã tiêm nhiễm vào quần chúng. Đó là giờ phút nhục nhã cho những kẻ lừa dối giai cấp công nhân của dân tộc Đức. Nhưng một khi đám thủ lĩnh nhận thức ra mối nguy cơ đang đe doạ chúng,

chúng nhanh chóng đeo ngay cái mặt nạ dối trá ra phía trước và hỗn hào đóng giả cuộc nổi dậy toàn quốc.
Nhưng giờ đã đến thời điểm tiến hành đấu tranh chống lại toàn bộ cái tập đoàn dối trá gồm những tên đầu độc nhân dân người Do Thái này. Giờ đây phải ngay lập tức xử chúng mà không thèm để ý dù chỉ chút đỉnh đến những tiếng kêu la khóc lóc. Tháng tám năm 1914, lời bịp bợm Do Thái về tình đoàn kết quốc tế tức thì biến mất khỏi khối óc giai cấp công nhân Đức, thay vào đó, chỉ vài tuần sau đạn cối Mỹ đã ào ào trút những lời ban phúc về tình anh em xuống đầu các đơn vị đang hành

quân. Giờ đây người công nhân Đức đã lại tìm thấy con đường về với dân tộc và lẽ ra trách nhiệm của giới lãnh đạo nhà nước là phải luôn bận tâm, không thương tiếc diệt đến tận gốc cái lũ kích động dân tộc.

Khi những người con ưu tú nhất đổ máu trên chiến trường thì ít ra, ở hậu phương người ta cũng phải tiệt trừ lũ sâu bọ.

Nhưng thay vào đó, đích thân vị hoàng đế tối cao lại bắt tay những kẻ vốn phạm tội và qua đó lượng thứ cho những tên giết người xảo quyệt và đê tiện, kẻ thù quốc gia, và tạo cho chúng điều kiện lấy lại tinh thần.

Vậy là lũ rắn độc đó lại có thể tiếp tục làm việc, cẩn trọng hơn trước

kia, nhưng chính vì thế lại nguy hiểm hơn. Trong khi những người lương thiện mơ về một cuộc tạm ngừng chiến thì lũ tội phạm bội thề lại đang tổ chức cuộc cách mạng.

Về nội tâm, tôi càng ngày càng bất bình hơn về việc khi đó người ta đi đến quyết định nửa vời đáng sợ này; nhưng việc cái kết cục của nó lại khủng khiếp đến thế, thì lúc đó tôi hoàn toàn chẳng ngờ được.

Nhưng người ta phải làm gì đây? Bắt giam lũ thủ lĩnh của toàn bộ phong trào, xét xử chúng để loại bỏ chúng ra khỏi quốc gia. Người ta phải nhẫn tâm sử dụng toàn bộ phương tiện quân sự để triệt đến tận gốc cái bệnh dịch này. Phải giải tán

các đảng phái, nên cần dùng vũ lực giải tán (nghị viện Đức, ND) để làm cho chúng thấy lẽ phải, tuy nhiên tốt nhất là bãi nhiệm ngay. Như ngày nay nền cộng hoà có thể giải tán các đảng phái, lẽ ra thời đó người ta càng phải có cái cớ để áp dụng biện pháp này. Khi đó vận mệnh sống còn của cả một dân tộc đang bị mang treo lên sợi tóc!

Dĩ nhiên còn có một vấn đề được đặt ra: Liệu người ta hoàn toàn có thể triệt đến tận gốc những lý tưởng chỉ bằng mũi gươm? Liệu người ta có thể dùng vũ lực thô thiển để tiệt trừ các "thế giới quan"?

Thời đó tôi đã nhiều lần tự đặt cho mình câu hỏi đó.

Khi ngẫm lại hết những trường hợp tương tự, đặc biệt những cái dựa trên cơ sở tôn giáo thì từ lịch sử thu được những nhận thức sau:
Các quan niệm và ý tưởng, cũng như các phong trào với cơ sở tinh thần nhất định, dù chúng là đúng hay sai, sẽ có thể bị bẻ gẫy bằng những phương thức quyền lực ngay từ một thời điểm nhất định trong bước phát triển của chúng, nếu như những vũ khí vật chất này đồng thời chính mình cũng là vật mang cho một ý nghĩ mới – mang tính châm ngòi, một ý tưởng hay một thế giới quan.
Việc chỉ dùng thuần vũ lực mà không động tới lực đẩy của một khái niệm tinh thần cơ bản làm điều kiện, sẽ

chẳng bao giờ dẫn tới việc hủy diệt một ý tưởng và sự truyền bá nó, một sự triệt đến tận gốc cả vật mang cùng cái rơi rớt cuối cùng. Bởi lẽ theo kinh nghiệm, vật hiến sinh đó sẽ rơi vào thành phần tuyệt nhất của nhân dân, và chính là mỗi sự truy nã xảy ra mà chưa có điều kiện tinh thần ban đầu, đều phải coi là không công bằng về mặt đạo đức và những thành phần còn tuyệt hơn trong nhân dân sẽ đứng lên phản đối, nhưng điều này lại tác động đến sự lĩnh hội nội dung tinh thần của phong trào đang bị truy nã một cách bất công. Điều đó xảy ra ở nhiều người đơn giản từ cảm giác chống đối với nỗ lực đánh đổ một ý tưởng bằng vũ

lực.
Nhưng qua đó số người ủng hộ từ nội tâm sẽ tăng cùng với mức độ gia tăng truy nã. Qua đó chỉ có thể tiến hành hủy diệt hoàn toàn một học thuyết mới bằng con đường triệt tận gốc rất lớn và ngày càng tăng, tới mức vì việc đó mà cuối cùng tất cả gì là thực sự tinh túy sẽ bị rút hết khỏi dân tộc hay nhà nước đó. Điều đó lại bị trả thù bằng cách là có thể xảy ra một cái gọi là thanh trừ từ "bên trong", duy nhất bởi một sự bất lực chung. Nhưng ngay từ đầu, một quá trình như vậy luôn là vô ích, một khi học thuyết cần đánh đổ đã vượt quá một nhóm nhỏ nhất định.
Bởi vậy ngay ở đây, như với mọi sự

tăng trưởng, thời gian đầu của tuổi ấu thơ còn có nhiều khả năng nhất để hủy diệt, trong khi với năm tháng, sức chống đối tăng lên để mãi khi tuổi già ập đến cùng sức khỏe suy giảm, thì lại phải nhường bước cho tuổi trẻ, dù cho ở dạng khác và vì những lý do khác.

Tuy nhiên hầu như mọi cố gắng triệt tận gốc một học thuyết và tác động tổ chức của nó bằng vũ lực mà không có cơ sở tinh thần, đều dẫn đến thất bại, thậm chí không hiếm khi kết thúc hoàn toàn ngược với điều mong muốn, vì những lý do sau:

Điều kiện đầu tiên cho cách chiến đấu trần trụi bằng vũ khí là, và vẫn luôn là, tính kiên định. Nghĩa là, nó

nằm ở sự vận dụng đều đặn và liên tục các phương pháp để trấn áp một học thuyết hoặc khả năng hoàn thành một ý định. Nhưng chừng nào ở đây chỉ cần do dự chuyển đổi bạo lực với khoan hồng, thì không chỉ học thuyết cần trấn áp luôn lặp lại, mà thậm chí từ mỗi lần trấn áp nó tìm ra những giá trị mới để có khả năng, sau khi một đợt sóng áp lực như thế giảm đi thì sự căm giận về nỗi khổ nhục đã phải chịu đựng, góp thêm nhiều người cảm tình mới cho học thuyết, còn những người cũ sẽ ngoan cố và căm thù hơn lúc trước để gắn với nó, thậm chí những kẻ vốn đã phản bội và vương vãi tứ tung, nay sau khi nguy hiểm trôi qua

lại cố gắng quay trở lại với lập trường cũ.
Duy chỉ có việc vận dụng luôn luôn đều đặn bạo lực mới là điều kiện đầu tiên cho thành công. Tuy nhiên tính kiên định này luôn chỉ là kết quả của một niềm tin tinh thần nhất định. Bất cứ bạo lực nào không xuất phát từ một cơ sở tinh thần vững chắc, sẽ do dự và chậm chân. Nó thiếu tính ổn định, cái vốn chi có thể dựa trên một thế giới quan cuồng tín. Đó là lối thoát ra cho năng lượng tương ứng và quyết tâm đến tàn bạo của một cá nhân, nhưng tương ứng quy thuận là sự thay đổi về nhân cách, bản chất và sức mạnh.
Nhưng thêm vào đó còn có điểm

khác:
Mỗi thế giới quan, dù nó là tôn giáo hay chính trị – đôi khi ở đó biên giới khó xác định – không tranh đấu vì sự huỷ diệt mang tính tiêu cực thế giới tư tưởng của kẻ thù, mà vì việc thực hiện mang tính tích cực thế giới tư tưởng của chính mình. Qua đó, cuộc đấu tranh của nó không phải là tự vệ mà là tấn công. Khi ấy, ngay ở việc xác định mục tiêu nó đã có ưu thế rồi, bởi vì mục tiêu này thể hiện sự thẳng lợi tư tưởng của chính mình, trong khi ngược lại rất khó xác định, bao giờ thì có thể bảo đảm được phép coi mục tiêu tiêu cực huỷ diệt học thuyết của kẻ thù là đã đạt được. Ngay vì vậy mà cuộc tấn công

của thế giới quan có kế hoạch hơn và cũng vĩ đại hơn là sự tự vệ nó; cũng hoàn toàn như vậy, quyết định là dành cho tấn công chứ không phải là tự vệ. Nhưng cuộc đấu tranh chống lại quyền lực tinh thần bằng các phương sách bạo lực vẫn còn chỉ là tự vệ, chừng nào mà chính lưỡi gươm chưa xuất hiện như là người mang, người thông báo và người tuyên truyền cho một học thuyết tinh thần mới.

Vậy ta có thể tóm tắt lại như sau:

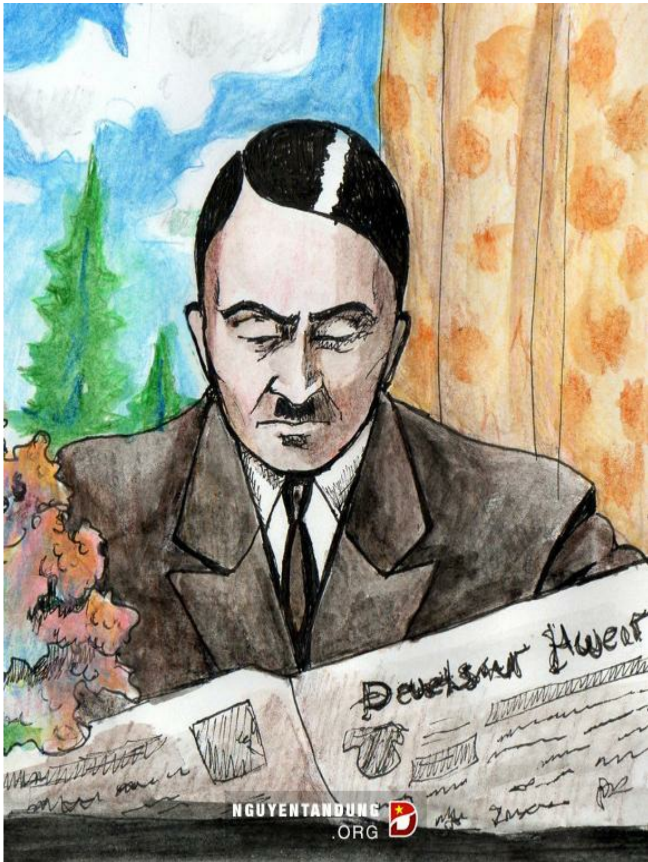
Mỗi nỗ lực đấu tranh nhằm tiêu diệt một thế giới quan bằng các phương tiện quyền lực cuối cùng sẽ thất bại, chừng nào cuộc đấu tranh không có cái dạng của cuộc tấn công vì một

quan điểm tinh thần mới. Chỉ trong cuộc vật lộn giữa hai thế giới quan với nhau thì vũ khí của quyền lực bạo tàn, được vận dụng một cách kiên định và nhẫn tâm, mới có thể dẫn tới quyết định cho phía mà nó bổ trợ.

Tuy nhiên cho đến nay chính ở việc đó, cuộc đấu tranh nhâm tiêu diệt chủ nghĩa Mác còn luôn luôn thất bại.

Đó là nguyên nhân vì sao việc ban hành đạo luật của những người xã hội của Bismarck cuối cùng dù sao cũng thất bại; và nhất định phải thất bại. Nó thiếu cơ sở cho một thế giới quan mới mà lẽ ra vì sự vươn lên của nó đã có thể tiến hành cuộc đấu

tranh. Bởi lẽ chỉ có sự thông thái điển hình của những quan chức cao cấp cấp bộ mới dám nói được rằng, câu chuyện vớ vẩn về cái gọi là "uy quyền nhà nước" hay "yên bình và trật tự" lẽ ra đã là nền tảng thích hợp cho bước khởi động tinh thần cuộc đấu tranh một mất một còn.


NGUYENTANDUNG
.ORG

Nhưng vì thiếu một vật mang tinh thần thật sự cho cuộc đấu tranh này nên Bismarck cũng phải trao việc thực thi sự ban hành đạo luật của những người xã hội cho sự mong muốn và đánh giá của cái thể chế mà chính nó vốn đã là chốn sinh ra cái quái thai là nếp tư duy mác xít. Bằng cách trao vận mệnh cuộc chiến của ông với những người mác xít cho thiện ý của nền dân chủ tư sản, vị Thủ tướng thép đã biến con cừu thành người chăn cừu.
Nhưng tất cả những điều đó lại chỉ là hệ quả tất yếu của sự thiếu hụt một thế giới quan mới cơ bản, đối kháng với chủ nghĩa Mác, có ý chí chiếm

đoạt mạnh mẽ.
Bởi vậy kết quả cuộc đấu tranh của Bismarck chỉ là một sự thất vọng ê chề.
Thế nhưng các điều kiện trong thế chiến hay lúc khởi đầu thế chiến có khác chăng? Đáng tiếc là không.
Khi ấy, tôi càng để tâm đến suy nghĩ về cần phải thay đổi lập trường của lãnh đạo nhà nước đối với nền dân chủ xã hội ở tư cách là biểu hiện đương thời của chủ nghĩa Mác thì tôi càng nhận thức ra được sự thiếu hụt một cái thay thế khả dĩ cho học thuyết này. Người ta muốn cho quần chúng cái gì, nếu giả dụ, nền xã hội dân chủ đổ vỡ? Chẳng sẵn có một phong trào mà ở đó người ta có thể

mong chờ rằng nó sẽ thành công trong việc lôi kéo về mình đám đông những người công nhân ít nhiều đã trở nên không có thủ lĩnh. Là điều vô lý và hơn nữa là ngu xuẩn khi nói rằng kẻ cuồng tín quốc tế một khi đã rời bỏ đảng giai cấp bây giờ sẽ ngay lập tức gia nhập một đảng tư sản, nghĩa là một tổ chức giai cấp mới. Bởi lẽ dù cho điều đó có gây khó chịu đến mấy cho các tổ chức khác nhau, thì vẫn chẳng thể phủ nhận rằng với các chính trị gia tư sản thì sự phân giai cấp đa phần là hiển nhiên chừng nào về mặt chính trị nó không bắt đâu tác động xấu cho họ.

Phủ nhận sự kiện này chi minh chứng không chỉ thói hỗn xược, mà cả sự

ngu dốt của những kẻ dối trá.
Người ta nên tránh xem quảng đại quần chúng ngu hơn là nó vốn vậy. Trong các vấn đề chính trị, không hiếm khi tình cảm quyết định đúng hơn là lý trí. Tuy nhiên ý kiến cho rằng, với sự không đúng của tình cảm này của quần chúng thì quan điểm quốc tế ngu dốt của nó đủ tương ứng, lại có thể ngay lập tức phản bác tận gốc bởi dẫn chứng đơn giản là nền dân chủ theo chủ nghĩa hoà bình cũng chẳng hề ít điên khùng hơn, mà người mang nó lại hầu như hoàn toàn xuất phát từ phe tư sản. Chừng nào còn có hàng triệu công dân mỗi sáng lại kính cẩn tôn thờ tờ báo dân chủ Do Thái của họ

thì các quí ông rất khó đàm tiếu về sự ngu ngốc của người “đồng chí”, người này rồi cuối cùng cũng chỉ xơi món phân hệt như vậy, dù được trình bày khác đi. Trong cả hai trường hợp thì người sản xuất vẫn luôn chỉ duy nhất là một kẻ Do Thái.

Vậy là người ta rất nên tránh phủ nhận những điều mà chúng vốn là vậy. Sự kiện là ở vấn đề giai cấp, nó hoàn toàn không chỉ xoay quanh các vấn đề thuộc tư tưởng như người ta đặc biệt trước các cuộc bầu cử vẫn thường hay muốn khai tỏ, chẳng thể phủ nhận được. Tính kiêu ngạo về thứ bậc của một bộ phận lớn nhân dân chúng ta, cũng như trước hết sự coi thường người lao động chân tay,

là một hiện tượng chẳng hề xuất phát từ óc tưởng tượng của một kẻ mắc tật nghiện mặt trăng.
Nhưng thấy rõ rằng, dù hoàn toàn bỏ qua cái khả năng tư duy lùn của cái gọi là trí thức của chúng ta, khi chính ở trong những giới này người ta không hiểu là một tình huống mà nó không đủ cản sự lan truyền căn bệnh dịch hạch mà chủ nghĩa Mác vốn là vậy, thì ngày nay càng không có khả năng lấy lại cái gì đã đánh mất.
Các đảng "tư sản", như họ tự gọi mình như vậy, sẽ chẳng bao giờ nữa đủ khả năng để kéo quần chúng "vô sản" về phe mình, bởi lẽ ở đây có hai thế giới đối diện nhau, một phần bị chia cắt tự nhiên, phần kia nhân

tạo, mà trạng huống ứng xử lẫn nhau của chúng chi có thể là cuộc đấu tranh mà thôi. Nhưng ở đây phần thắng phải thuộc kẻ trẻ hơn – và đó là chủ nghĩa Mác.

Thực ra từ năm 1914 đã có thể nghĩ tới một cuộc đấu tranh chống lại nền xã hội dân chủ, duy chi, có thể duy trì cái trạng thái này với sự thiếu hụt bất cứ một sự thế chân thực tế nào, có thể là đáng ngờ.

Ở đây đang có một lỗ hổng lớn.

Tôi có ý kiến này từ rất lâu trước chiến tranh và bởi vậy cũng chẳng quyết định được trước việc nhích gần đến một trong những đảng đang tồn tại. Trong tiến trình các sự kiện ủa cuộc thế chiến, tôi còn được củng

cố thêm ý kiến này thông qua điều rõ ràng bất khả thi là, chính vì thiếu một phong trào như thế mà nó phải hơn là một đảng "nghị viện", nhẫn tâm tiến hành cuộc đấu tranh chống lại nền xã hội dân chủ.

Tôi thẳng thắn nói hết về những điều đó với các người bạn gần gũi tôi.

Rút cục, bây giờ những ý nghĩ cũng đến với tôi lần đầu tiên, sau này sẽ có lúc nào đó đi làm chính trị.

Nhưng chính điều này lại là nguyên cớ để tôi luôn khẳng định ở nhóm nhỏ các bạn tôi rằng sau chiến tranh tôi muốn làm nhà diễn thuyết nghiệp dư.

Tôi tin là với tôi, điều đó rất nghiêm túc.

# Chương 6: TUYÊN TRUYỀN CHIẾN TRANH

Chăm chú theo dõi mọi diễn biến chính trị bao giờ tôi cũng để tâm đến hoạt động tuyên truyền vì thấy nó hết sức hấp dẫn. Thấy nó chính tà cái công cụ, với tài khôn khéo bậc thầy, đã nắm được rất chắc các tổ chức xã hội mác xít và lôi kéo được các tổ chức ấy hành động hoạt dụng. Tôi sớm nhận ra rằng sử dụng tuyên truyền cho chuẩn xác thực sự là một nghệ thuật, bấy lâu nay các đảng tư sản gần như không biết, vẫn chưa biết. Chi có mỗi phong trào xã

hội Thiên chúa giáo, đặc biệt thời Lueger, là còn đưa được thứ công cụ này lên mức ít nhiều nhuần nhuyễn và sở dĩ đã thành công nhiều cũng chính là nhờ có nó.

Song vẫn phải mãi đến thời chiến mới thấy, làm tuyên truyền đúng đắn thì kết quả ghê gớm như thế nào. Tiếc rằng lại đã phải học đối phương tất tật, vì bên ta hoạt động ấy vẫn quá ư khiêm nhường. Người lính nào cũng thấy bên phía Đức hoàn toàn không có chuyện giải thích, tuyên truyền; thế là đã đủ khiến tôi càng đi sâu hơn vào vấn đề tuyên truyền.

# Adolf Hitler









NGUYENTANDUNG
.ORG



Tuyên truyền chiến tranh (Ảnh minh họa).

Thời gian để ngẫm nghĩ lắm khi quá thừa, tiếc là lại phải học thực hành ở đối phương mà họ dạy tốt quá.

Những gì bên ta buông trôi thì họ lại biết kịp thời nắm bắt, khôn khéo đến vô cùng mà tính toán cũng thực sự điêu luyện. Ở cách họ làm tuyên truyền chiến tranh học mãi vẫn chẳng hết. Thế mà bên ta có những cái đầu, lẽ ra đã phải học từ lâu mà cứ để mặc thời gian phí hoài qua đi, phần vì cho là mình khỏi cần học ai và cũng có phần không thật tình muốn học.

Bên ta có tuyên truyền không?

Tiếc rằng tôi chỉ có thể trả lời là không. Tất cả những gì đã được làm

theo chiều hướng này ngay từ buổi ban đầu đã không đủ, đã sai, cho nên chẳng lợi lộc gì mà đôi khi lại có hại.

Bất cập về hình thái, sai về bản chất, nếu để ý rà soát lại cách người Đức tuyên truyền chiến tranh thì kết quả là thế.

Ngay về vấn đề đầu tiên, tôi đã thấy không rõ: tuyên truyền là phương tiện hay là mục tiêu?

Nó là phương tiện, nên phải đánh giá nó dưới quan điểm của mục tiêu. Hình thái của nó là một thứ hỗ trợ cho mục đích mà nó phục vụ, vậy tất phải phù hợp với mục đích. Cũng rõ là ý nghĩa của mục đích có thể là một ý nghĩa khác nhìn từ góc độ của

nhu cầu chung, mà như thế thì tuyên truyền trong cái giá trị nội tại của nó phải khác đi. Trong chiến tranh vốn mục đích chiến đấu là cái cao quý nhất và dữ dội nhất khiến con người phải ngẫm nghĩ: nó là tự do, độc lập của toàn dân, là an ninh lương thực cho tương lai, là danh dự của dân tộc. Mặc ai nói ngược nói xuôi, nó là cái gì đó hiện đang có hay là còn phải tốt hơn thế nữa. Vì dân tộc mất danh dự tất trước sau gì cũng mất tự do, độc lập; cũng là ứng với lẽ phải ở một cấp độ còn cao hơn nữa: đời đời chịu rách rưới, ô danh thì xứng đáng hưởng tự do sao được. Chịu làm nô lệ ươn hèn tất là không có, mà cũng không thể có danh dự;

danh dự bị tiêu ma nhanh lắm, chớp mất đã không còn có ai tôn trọng mình.
Dân tộc Đức chiến đấu để tồn tại, ủng hộ chiến đấu là mục tiêu của tuyên truyền, hỗ trợ mục đích là chiến thắng.
Song khi mà các dân tộc trên hành tinh này đã đứng lên chiến đấu vì cuộc sống của chính mình, tức thì nổi lên vấn đề số phận, tồn tại hay không tồn tại. Khi ấy không thể còn có những chuyện cân nhắc vì nhân đạo, vì mỹ học, bởi tất cả các quan niệm ấy đâu phải lơ lửng sẵn trong không gian mà chỉ do con người huyễn tưởng mới có và chỉ gắn với con người. Con người giã từ thế giới

thì các khái niệm nó cũng đi vào hư không bởi chúng không phải là của tự nhiên. Mà giữa người với người thì cũng chi là nội trong đôi ba dân tộc hoặc nói cho đúng hơn, chủng tộc vì xuất xứ từ cùng một cảm xúc. Nhân đạo, mỹ học thậm chí rồi cũng mất theo, khi những tộc người vốn từng sinh ra nó và mang nó trong mình không còn tồn tại nữa.

Thế thì trong cuộc chiến của một dân tộc để còn tồn tại trên thế giới này tất cả các khái niệm ấy làm gì còn có ý nghĩa quyết định; sẽ hoàn toàn không còn quyết định được các hình thái của cuộc chiến nữa nếu như vì chúng mà sức mạnh tự bảo tồn của dân tộc bị tê liệt đi. Mà cũng

chi thấy duy nhất cái kết quả ấy.
Về vấn đề nhân đạo, Moltke (1800-1891, nguyên soái Phổ, 1866 thắng Áo quốc, 1857/88 thắng Pháp, người tạo cơ sở cho việc chỉ huy những đoàn quân lớn hiện đại, lấy chiến lược tấn công làm chủ đạo, ND) đã nói rằng trong chiến tranh còn tuỳ ở độ lâu mau của chiến sự, nghĩa là tương ứng với phương thức chiến đấu nghiệt ngã nhất.
Nếu trong những chuyện ấy lại cứ tìm cách mà nhích lên với mớ bòng bong mỹ học thì thực sự chỉ có mỗi một câu trả lời: không có bất kỳ nghĩa vụ mỹ học nào ở các vấn đề hệ trọng như đấu tranh để sống còn. Ách nô lệ xưa nay vốn là và vẫn là

cái xấu xa nhất trong đời người. Hay lũ người Schvvaben (vùng đất nông nghiệp ở Tây Nam Bavaria giữa các con sông Iller và Lech – là các nhánh sông Đanuýp; thủ đô là Augsburg với công nghiệp chế tạo máy và công nghiệp dệt, ND) ngây ngô đần độn kia lại cứ thấy số phận của dân tộc Đức hiện nay là “đẹp”. Với đám Do Thái, với tư cách kẻ phát minh ra thứ mùi vị văn hoá ấy thì thực sự chẳng cần bàn làm gì. Sự tồn tại của họ vốn phải chăng là sự phản kháng đến thành máu thịt chống lại mỹ học ở chính hình ảnh của Chúa.

Nếu các quan điểm nhân đạo và mỹ học không còn đất đứng chân trong chiến đấu, tất không thể dùng làm

thước đo cho tuyên truyền được nữa.
Tuyên truyền là một phương tiện để nhắm đến mục tiêu trong chiến tranh, mà chiến tranh lại là cuộc đấu tranh vì sự sống còn của dân tộc Đức, thế thì chỉ có thể từ đó mà suy ra các nguyên tắc cơ bản phải có! Đến khi ấy, nếu đem được chiến thắng đến sớm hơn thì những thứ vũ khí man rợ nhất vẫn cứ là nhân đạo, và đẹp thì chỉ có những phương sách nào hỗ trợ giữ được phẩm giá của tự do cho dân tộc.
Đó là lập trường duy nhất có thể có lúc tuyên truyền chiến tranh trong cuộc chiến sống còn.
Một khi những điểm gọi là thước đo

như thế đã rõ thì không còn có thể bấp bênh lúc dùng đến nó và hình thái của nó – vì nó cũng chỉ là một thứ vũ khí, thậm chí một thứ thực sự khủng khiếp trong tay người biết dùng.
Vấn đề thứ hai có ý nghĩa cũng quyết định là: Tuyên truyền cho ai? Cho giới trí thức có học hay là đám quần chúng ít học?
Bao giờ tuyên truyền cũng hướng vào quần chúng!
Với trí thức hoặc giả với những người, hỡi ôi, lâu nay vẫn tự nhận là trí thức, chẳng có vấn đề tuyên truyền mà phải là thuyết giảng khoa học. Song tuyên truyền lại quá ít khoa học trong nội dung, về cách thể

hiện nó đại khái chỉ là thứ nghệ thuật áp phích. Nghệ thuật trên áp phích tuỳ khả năng của người thiết kế, lưu ý nội dung bằng hình thức và màu sắc. Áp phích triển lãm nghệ thuật chỉ lưu ý người xem đến nghệ thuật triển lãm, càng thành công thì áp phích càng có tính nghệ thuật cao. Áp phích còn phải gợi ra cho người xem tự hình dung lấy ý nghĩa của triển lãm, tuyệt nhiên không thể thay thế được nghệ thuật triển lãm. Ai quan tâm đến nghệ thuật thì phải xem áp phích cho kỹ hơn, những người này tuyệt nhiên không chỉ xem lướt qua triển lãm được. Xem thật kỹ, đắm mình vào từng tác phẩm thế rồi dần dần tự đánh giá lấy.

Tình trạng cũng tương tự ở những vấn đề mà ngày nay ta vẫn gọi là tuyên truyền.
Nhiệm vụ của tuyên truyền không phải là để đào tạo từng người về mặt khoa học, mà chỉ ra cho quần chúng thấy những thực tế, quá trình, tất yếu v.v… nào đó, mà chỉ qua đó rồi ý nghĩa sẽ phải lọt dần vào tầm ngắm của số đông.
Nghệ thuật chỉ nằm ở chỗ ưu tiên làm cách nào để rồi sẽ thành một tín điều chung là thực tế ấy có thật, quá trình ấy là tất yếu, tất yếu ấy là đương nhiên v.v… Vì tự thân nó lại không phải và cũng không có thể là tất yếu, vì nhiệm vụ của nó hệt như của áp phích là phải lôi kéo được sự

chú ý của đám đông, chứ không phải là thuyết giảng khoa học cho người còn ít hiểu biết hoặc đang ham học hỏi để hiểu biết, nên tác động của nó nhiều phần phải nhằm vào cảm xúc là chính và chỉ hướng vào cái gọi là hiểu biết rất hãn hữu.

Tuyên truyền gì thì cũng phải dân dã, phải điều chỉnh mức độ trí tuệ sao cho vừa khớp với khả năng tiếp thu của kẻ đầu óc hạn hẹp nhất trong số người mà tuyên truyền hướng tới. Như vậy quần chúng định nhằm vào càng đông thì phải đặt mức trí tuệ thuần tuý càng thấp. Nhưng khi tuyên truyền muốn đứng vững được trong một cuộc chiến mà vấn đề là phải tác động vào cả một

dân tộc thì cho dù có thận trọng, cố gắng tránh, không quá ư trí tuệ đến mấy đi nữa thì vẫn cứ là chưa đủ.
Phần khoa học tải thừa càng khiêm tốn, càng để tâm đến và chỉ để tâm đến cảm xúc của quần chúng thì thành công càng thêm thấu suốt. Mà đó lại chính là minh chứng cho tính đúng đắn hay là không đúng đắn, chứ không phải cho sự thể là đã thoả mãn được đôi ba học giả hoặc dăm bảy chàng trai vẫn ham hố mỹ học.
Nghệ thuật của tuyên truyền chính là ở chỗ nắm được thế giới quan theo xúc cảm của đám đông, biết tìm ra con đường có hình thái tâm lý đúng để giành lấy sự quan tâm rồi giành

lấy trái tim của quần chúng. Thế mà có những vị chín lần thông thái của chúng ta lại chẳng hiểu, chỉ chứng tỏ hoặc họ lười suy nghĩ, hoặc họ tự huyễn quá nông cạn.

Hiểu được tất yếu phải hướng nghệ thuật thu hút của tuyên truyền rồi, thì từ cái hiểu biết ấy mà có bài học sau:

Là sai nếu định gán cho tuyên truyền cái đa dạng, ví dụ của giảng dạy khoa học.

Khả năng tiếp thu của đám đông hạn chế lắm, hiểu đã ít mà lại quên nhiều. Suy từ thực tế đó ra, muốn hiệu quả thì phải giới hạn bớt đi, thu về chỉ rất ít điểm, diễn đạt xúc tích mà dễ hiểu, sao cho người cuối cùng

cũng có thể qua đó hình dung ra điều định nói. Nếu lại hy sinh cái nguyên tắc cơ bản ấy vì muốn cho phong phú, thì tác động sẽ rã ra từng mảng rời rạc, bởi lẽ với lượng ấy nội dung sẽ hoặc là khó tiêu hoặc là khó nhớ. Như vậy kết quả đạt được giảm dần đi và cuối cùng sẽ triệt tiêu.

Nội dung phải thể hiện càng nhiều thì xét tâm lý càng phải chọn chiến thuật cho đúng.

Chẳng hạn, bêu riếu đối thủ như trong các chuyện cười trước hết của người Áo quốc, người Đức dứt khoát là sai. Bởi lẽ đến lúc người ta gặp được đối thủ tức thì có ngay một ấn tượng khác, rồi hệ luỵ thật khôn lường. Trước áp lực chống trả

trực tiếp của đối thủ, đến lượt nhà nước tự thấy, thì ra lâu nay chính mình bị lỡm bởi những kẻ nói năng dại dột kia và như vậy thay vì củng cố được ý chí hoặc chi sức bền bỉ chiến đấu thôi, thì tác dụng lại ngược lại. Người ta đã mất lòng tin.

Đổi lại, phía người Anh, người Mỹ lại đã có một phương sách tuyên truyền chiến tranh rất đúng đán về mặt tâm lý. Họ để cho dân tộc họ hình dung ra người Đức như thể những kẻ man rợ, chuộng điên cuồng phá phách; họ chuẩn bị trước cho binh sĩ quen dần với những điều khủng khiếp của chiến tranh để sau này khỏi thất vọng. Đến khi người lính phải đối mặt với thứ vũ khí khủng khiếp nhất,

anh ta sẽ chỉ thấy là điều chính phủ đã nói bây giờ được xác nhận, anh ta càng tin ở những gì chính phủ nói là đúng và càng căm thù kẻ địch. Tác động tàn bạo của vũ khí đến từ phía địch, anh ta thấy chính là minh chứng cho thói man rợ “điên cuồng phá phách” của kẻ thù tàn độc như đã từng nghe nói và không khỏi thoáng có lúc tiếc, đáng ra thì vũ khí của mình có thể, thậm chí phải tác động còn khủng khiếp hơn thế.

Người lính Anh không cảm thấy bị phía nhà mình lừa dối. Người lính Đức, tiếc thay, ngược lại, cuối cùng anh ta thấy chối, thì ra tất cả những gì được nghe từ phía bên mình lại toàn là trò lên gân, bịp bợm. Và hệ

luỵ là cứ ngỡ tuyên truyền kiểu ấy thì rồi sẽ lừa được cả con lừa ít đần độn nhất (hay là con người ít bất thường nhất), mà không hề biết rằng chỉ đến nhà tâm lý học tài ba nhất vào cái việc ấy cũng vẫn còn gặp khó khăn nữa là.

Tức thị, vì hoàn toàn thiếu hiểu biết đúng đắn tâm lý học mà kiểu tuyên truyền chiến tranh của người Đức đã thành một ví dụ có một không hai về "giải thích" vận động để dẫn đến các tác động thực sự nghịch chiều.

Ai chịu mở to mắt nhìn, và cảm xúc cũng chưa bị vôi hoá đến đỗi chẳng còn nghiền ngẫm được, thì hẳn là suốt bốn năm rưỡi trời nghe đối phương ào ạt tuyên truyền đã thấy

có rất nhiều điều để học.
Tồi tệ nhất chính là cách hiểu tiên đề tiên quyết của hoạt động tuyên truyền, cụ thể là lập trường nguyên tắc chủ quan, một chiều trước từng vấn đề mà nó phải xử lý. Sai trên lĩnh vực này ngay từ đầu cuộc chiến tranh, sai suốt từ trên xuống dưới, nên người ta có quyền nghi ngờ, liệu có đúng chỉ vì dốt nát mà lắm điều vô lý đến thế chăng.
Nói gì đây về một tấm áp phích chẳng hạn, đáng lẽ phải đề cao một nhãn xà phòng, thì lại cũng bảo các nhãn khác “tốt”?
Chỉ còn có thể lắc đầu ngao ngán.
Quảng cáo chính trị cũng hệt vậy thôi.

Nhiệm vụ của tuyên truyền chẳng hạn không phải là so đo cân nhắc những thứ quyền khác nhau, mà là nhấn mạnh chỉ một thứ quyền mà nó phải đại diện. Không có nhiệm vụ khách quan khảo sát ngay cả chân lý, khi thấy lại thuận cho những người khác, để rồi giáo điều thành thật đưa ra trước quần chúng, mà phải không ngừng nghỉ phục vụ cho chính cái của mình.

Tìm hiểu nguyên nhân sâu xa của chiến tranh, chính là sai tận gốc nếu lại đi từ quan điểm cho rằng không thể chỉ buộc tội một mình nước Đức đã gây thảm hoạ, mà đúng hơn, phải đổ tất cả trách nhiệm cho đối thủ, cho dù không đúng thế, mà thực tình

thì diễn biến chính là như thế.

Hệ luỵ của sự nửa vời này ra sao? Quảng đại quần chúng nhân dân đâu phải chỉ rặt các nhà ngoại giao, các học giả về luật pháp nhà nước, những bậc trí giả biết đường phân xử cả mà lại chính là những đứa trẻ thiên về dao động hay hoài nghi, thiếu vững vàng. Nếu như do tuyên truyền của mình mà chỉ lấp lánh một chút thôi cái lý cũng được phía bên kia thừa nhận, thì đã có cơ sở để mà nghi ngờ cái lý của mình. Quần chúng không thể phân định được cái phi lý của phía bên kia đến đâu thì hết để cho cái lý của mình bắt đầu. Ở trường hợp này họ đâm ra bấp bênh chẳng tin, nhất là nếu như đối

phương không làm cũng cái điều ngốc nghếch ấy, mà họ lại chất hết mọi tội lỗi lên đầu đối thủ. Còn gì dễ hiểu hơn, thế rồi cuối cùng dân mình lại tin ở tuyên truyền của địch hơn là của ta, bởi lẽ nó chặt chẽ hơn, nhất quán hơn. Lại là ở một dân tộc vốn xưa nay vẫn chuộng đến mức gần như nghiện khách quan như dân tộc Đức! Bởi ở nơi đó bây giờ ai ai cũng cố tìm cách chỉ để đừng có bất công với địch, cho dù dân tộc mình và nhà nước mình có bị cáo buộc cực nặng, có bị đe doạ bởi nguy cơ huỷ diệt.




Tìm hiểu nguyên nhân sâu xa của chiến

tranh, chính là sai tận gốc nếu lại đi từ quan điểm cho rằng không thể chỉ buộc tội một mình nước Đức đã gây thảm hoạ...

Quần chúng chẳng hề biết là những người cầm cân nẩy mực lẽ đương nhiên đâu có nghĩ thế.

Tuyệt đại đa số nhân dân vì đã được sắp đặt, điều chỉnh nên "đàn bà" đến nồi từ tư duy đến hành động ít theo đắn đo suy ngẫm mà theo cảm nhận, cảm tính nhiều hơn.

Mà cảm nhận không phức tạp, rất đơn giản, rất nhất quán, không nhiều biệt hoá, chỉ có tích cực hay tiêu cực, yêu hay ghét, có lý hay phi lý, sự thật hay dối trá. Không bao giờ có nửa thế này nửa thế kia, hoặc phần nào, v.v…

Tuyên truyền của người Anh đặc biệt

quan tâm đến và cũng đã nắm được tất cả những điều đó một cách thực sự điêu luyện. Thực sự không có chuyện nửa vời gây nghi ngờ.

Dấu hiệu của sự tinh thông về tính nguyên thuỷ trong cảm nhận của quần chúng nằm ngay ở cái cách tuyên truyền kích động hợp với tình trạng ấy – không đắn đo mà cũng thật tài tình, nhằm tạo tiên đề để giữ vững tinh thần trên trận tuyến, ngay cả những khi bị thua đau. Và còn ở cách đóng đanh kẻ thù Đức như là kẻ duy nhất có tội gây chiến: một điều dối trá mà cách đưa đã đơn phương, vô điều kiện, trâng tráo, ngạo mạn lại đã tính đến cả thiên hướng cảm tính và luôn luôn quá

khích của đám đông nên cũng đã chiếm được lòng tin.
Cái cách tuyên truyền này hiệu quả đến đâu thì sự kiện cho thấy hiển hiện nhất là sau bốn năm, nó không chỉ có thể tác động được để kẻ thù nghiêm ngặt giữ đến cùng, mà thậm chí còn bắt đầu gặm nhấm cả vào chính nhân dân chúng ta.
Việc tuyên truyền của chúng ta không đạt được thành công này chẳng làm ai thực của ngạc nhiên. Nó đã chứa mầm mống cho tính không hiệu quả ngay từ tính mang hai nghĩa trong nội tâm của mình. Cuối cùng thì ngay từ nội dung của mình, ít xác suất là nó sẽ gây được ấn tượng cần thiết ở quần chúng.

Chỉ có các “vị lãnh đạo nhà nước” đâu bã đậu của chúng ta mới dám hy vọng rằng, với loại nước rửa bát nặng mùi của những người theo chủ nghĩa hoà bình, nó thành công trong việc mê hoặc người ta đi đến cửa tử.

Bởi vậy, cái sản phẩm tồi tệ này là vô dụng, thậm chí có hại. Nhưng tất cả cái thiên tài của bố cục tuyên truyền sẽ chẳng dẫn đến một thành công nào, nếu như không luôn đặc biệt lưu ý tới một nguyên tắc cơ bản. Đó là giới hạn về ít nhất và lặp lại điều đó mãi mãi. Ở đây tính kiên trì cũng như với biết bao thứ khác trên thế gian này là điều kiện đầu tiên và cũng quan trọng nhất dẫn đến thành

công.
Chính trong lĩnh vực tuyên truyền này không bao giờ người ta được để cho lũ duy mỹ học hay kẻ khoe khoang dẫn dắt: không ở lũ đầu, bởi vì nếu không thì nội dung về hình dáng và sức thể hiện trong thời gian ngắn nhất sẽ chỉ tập trung phát triển sức hút cho các hội trà đạo văn chương, chứ không thích hợp với quần chúng; còn ở lũ thứ hai người ta phải lo lắng giữ gìn, bởi lẽ do chúng thiếu cảm xúc cá nhân tươi mát nên luôn đi tìm những kích thích mới lạ. Với loại người này chỉ sau thời gian ngắn mọi thứ đều trở nên chán ngấy; họ mong thay đổi và không bao giờ hiểu cách đi vào

những nhu cầu của thế giới xung quanh mà họ chưa thuộc kỹ hay thậm chí lĩnh hội chúng. Họ luôn là những nhà phê bình đầu tiên cho tuyên truyền hay đúng hơn là về nội dung của nó, mà với họ thì cái này tỏ ra quá cổ kính, quá nhàm chán, rồi thì lại quá lỗi thời. Họ luôn muốn cái mới, đi tìm sự phong phú đa dạng và qua đó trở thành những kẻ tử thù thực sự của bất cứ phép chinh phục chính trị quần chúng hiệu quả nào. Bởi lẽ một khi việc tổ chức và nội dung sự tuyên truyền bắt đâu hướng vào các nhu cầu của nó, thì chúng đánh mất ngay mọi sự đoàn kết nhất trí và thay vi thế, hoàn toàn tan rã.

Tuy nhiên tuyên truyền chẳng nhầm

mục đích liên tục cung cấp cho các quý ông kiêu ngạo những thay đổi thú vị mà là thuyết phục, cụ thể là thuyết phục quần chúng. Nhưng với sự trì độn của mình thì quần chúng lại luôn cần một thời gian nhất định, ngay khi chỉ để sẵn sàng chú ý đến một việc gì, và chỉ sau hàng ngàn lần lặp lại các khái niệm đơn giản nhất, cuối cùng chúng mới dành bộ nhớ của mình cho nó.

Mỗi sự thay đổi không bao giờ được phép làm biến đổi nội dung của cái mà qua tuyền truyền muốn mang đến và phải luôn nói ra cùng điều đó khi đến kết. Vậy chắc phải rọi sáng từ thường dùng từ các phía khác nhau, duy chỉ mỗi khi lặp lại thì hồi kết của

mỗi lần quan sát lại phải nằm ở chính từ thường dùng đó. Chỉ có vậy thì tuyên truyền mới có thể và sẽ tác động được bằng một cách đồng bộ và nhất trí.

Chỉ với cái đường nét lớn này, mà ta không bao giờ được phép rời xa, cho phép cái thành công cuối cùng chín muồi, khi luôn nhấn mạnh đều đặn và bền bỉ. Rồi người ta sẽ có thể kinh ngạc mà xác định rằng, một tính kiên trì như thế sẽ dẫn đến những kết quả vĩ đại đến mức nào, hầu như chẳng hiểu được vì sao.

Mỗi sự quảng cáo, dù đó thuộc lĩnh vực thương mại hay chính trị, chỉ mang lại thành công khi vận dụng nó lâu dài và với tính thống nhất hài

hoà.
Ngay ở đây thì ví dụ về tuyên truyền chiến tranh của kẻ thù cũng là tấm gương: giới hạn về một số ít những giác độ, tính toán hoàn toàn cho quần chúng, được theo đuổi bằng tính kiên định chẳng hề biết mệt mỏi. Trong toàn bộ cuộc chiến tranh chỉ dùng những ý tưởng cơ bản và dạng thực thi một khi đã được nhận ra là đúng, mà không bao giờ tiến hành một sự thay đổi dù chỉ là nhỏ nhất. Lúc dầu nó có vẻ điên rồ trong những lời khẳng định hỗn hào của mình, sau đó là khó chịu nhưng cuối cùng lại được tin. Sau bốn năm rưỡi ở Đức nổ ra một cuộc cách mạng mà những từ thường dùng của nó

xuất phát từ tuyên truyền chiến tranh của kẻ thù.
Nhưng ở Anh người ta còn lĩnh hội cái này: đó chính là với thứ vũ khí tinh thần này thì thành công có thể đạt được sẽ chi thấy vận dụng cho quần chúng, nhưng thành công lại sẽ hào phóng trả giá cho mọi phí tổn.
Ở đó tuyên truyền được coi là thứ vũ khí thượng hạng, trong khi ở ta nó chỉ là miếng cơm manh áo thừa cặn dành cho các chính khách thất nghiệp và là vị trí đóng quân xa chỗ hiểm nguy dành cho các vị anh hùng khiêm nhường.
Thành công của họ dĩ nhiên, khi lấy tổng, chỉ là con số không.

# Chương 7: CUỘC CÁCH MẠNG

Năm 1915 tuyên truyền của kẻ thù bắt đầu vào trong nước, từ 1916 càng ngày nó càng mãnh liệt hơn, để rồi cuối cùng đến đầu năm 1918 nó cuồn cuộn lên thành một cơn lũ thật sự. Vậy là ở mọi nơi cũng đã nhận ra các tác động của cách tóm bắt tâm hồn này. Dần dà quân đội học cách nghĩ theo cách mà kè thù muốn thế.

Nhưng tác động ngược từ phía Đức lại hoàn toàn thất bại.

Ở người chỉ huy thời ấy về tinh thần và ý chí, quân đội chắc có ý định và quyết tâm, cũng tiến hành cuộc chiến

cả trên mặt trận này, duy nhất ở đây họ lại thiếu cái công cụ cần thiết cho việc đó. Cả về mặt tâm lý cũng sai khi phó mặc cho quân đội tự tiến hành sự khai sáng này. Lẽ ra để thật sự có hiệu quả, nó phải từ trong nước đến. Chỉ khi đó người ta mới hòng tính đến thành công ở những người vì quê hương mà đã từ gần bốn năm nay, trong thiếu thốn vô cùng, hoàn thành những hành động bất tử của người anh hùng.



Tuy nhiên, cái gì đến đây từ quê hương?
Thất bại này là ngu dốt hay tội phạm?
Giữa hè 1918, sau khi phải rút lui khỏi bờ nam sông Marne (nhánh sông Seine, ND), trước hết là báo chí Đức đã ứng xử vụng về đẹn khốn nạn, thậm chí ngu si gần như tội phạm, tới mức càng ngày tôi càng giận dữ tự hỏi, liệu thật sự chẳng có ai đứng ra để kết thúc cái sự phung phí tinh thần về lòng dũng cảm của quân đội như thế này chăng?
Cái gì đã xảy ra ở Pháp khi vào năm 1914, trong cơn lốc chiến thắng chưa từng có, chúng ta ào ạt lao

vào đất nước này? Vào những ngày mặt trận Isonzo (tên Italia, tên Slovenia là Soca; là khu giáp ranh hai nước, lấy gốc là sông Soca bắt nguồn từ chân núi Travnik (2379 m) thuộc dãy Anpợ, có chiều dài 140 km kéo đến thành phố Triest để đổ vào vịnh Adriatic. Mười hai trận đánh ở Isonzo trong thế chiến I bắt đầu ngày 23.5.1915 khi Italia tấn công quân Áo Hung, chiến trận kéo đến tận Isonzo. Rồi tiếp bốn trận Isonzo năm đó, năm sau 6 trận, 1917 hai trận nữa nhưng đều vô ích. Italia nướng hàng chục vạn quân mà không đánh tới được Triest. Chi trận cuối cùng tháng sáu 1918 ở Piave quân Áo Hung mới thua để kết thúc

thế chiến I, ND) vỡ, Italia đã làm cái gì? Còn Pháp sẽ có động thái gì, vào mùa xuân 1918 khi cuộc tấn công của các sư đoàn Đức có vẻ như muốn cất vó các trận địa và cánh tay dài ngoẳng của các đại đội đại pháo tầm xa bắt đầu gõ cửa Paris?

Ở đó, cơn say sôi sục lòng nồng nàn yêu nước của chiến sĩ các trung đoàn đang phải vội vã rút lui bị dội gáo nước lạnh vào mặt tê tái đến thế nào! Khi đó ngành tuyên truyền làm gì và cách ảnh hưởng tài tình lên quần chúng lúc này càng phải làm gì để bơm niềm tin vào chiến tháng cuối cùng vào lại trái tim khối óc ở các mặt trận đã bị vỡ!

Thay vào đó, cái gì đã xảy ra tại nước ta?
Chẳng một chút gì hay thậm chí còn tệ hơn thế.
Thời đó trong tôi thường bùng lên nỗi bực dọc và căm hận khi tôi cầm lên tay những số báo mới nhất và trước mắt tôi hiện lên tội diệt chủng tâm lý.
Nhiều lần tôi quân quại với ý nghĩ, nếu như mệnh trời đã đặt tôi ngồi vào vị trí này của ngành tuyên truyền nước ta thay cho những tên bất tài và vô dụng, thậm chí là tội phạm này, thì lẽ ra cuộc đấu tranh đã mang số phận khác.
Ở những tháng này, lần đầu tiên tôi cảm nhận tất cả mọi nham hiểm của

cái tai ách đang giam giữ tôi tại mặt trận và ở cái vị trí mà phát đạn tình cờ của bất cứ một tên mọi đen nào cũng có thể bắn nát tôi, trong khi tổ quốc lẽ ra cần tôi phục vụ ở nơi khác với cương vị khác!

Bởi lẽ ngay khi đó tôi đã đủ táo tợn để tin rằng tôi sẽ hoàn thành việc này.

Điều duy nhất cản trở là tôi đang là kẻ vô danh, một trong số tám triệu!

Thế nên tốt nhất là im miệng và làm tốt, tới mức có thể, trách nhiệm ở cái vị trí này.

Hè 1915, những lá truyền đơn đầu tiên của kẻ thù bay đến tay chúng tôi.

Nội dung của chúng hầu như luôn hệt

giống nhau, dẫu cho có ít nhiều thay đổi về hình thức trình bày, đó là: nước Đức càng ngày càng khốn khổ hơn, chiến tranh sẽ kéo dài bất tận trong khi khả năng chiến thắng càng ngày càng tan biến, bởi vậy nhân dân quê nhà ao ước hoà bình, duy chỉ "chủ nghĩa quân phiệt" cũng như "hoàng đế" không cho phép điều này xảy ra; bởi vậy toàn thế giới – ở đó ai cũng biết điều trên – cũng không tiến hành chiến tranh chống lại nhân dân Đức mà trái lại chỉ chống tên tội phạm duy nhất chính là hoàng đế; bởi vậy cuộc chiến chưa kết thúc chừng nào kẻ thù của nhân loại yêu hoà bình này chưa bị loại; sau khi chiến tranh kết thúc, các quốc gia

dân chủ yêu tự do sẽ kết nạp dân tộc Đức vào liên minh vĩnh viễn của hoà bình thế giới mà nó sẽ được bảo đảm một khi “chủ nghĩa quân phiệt Phổ” bị tiêu diệt.

Sau đó để minh hoạ tốt hơn cho những điều vừa trình bày, không hiếm các bản in “thư từ quê hương” mà nội dung của chúng có vẻ như muốn chứng thực cho những khẳng định trên.

Khi đó nói chung người ta chỉ cười trước tất cả những nỗ lực này. Những tờ truyền đơn được đọc rồi gửi về các bộ tư lệnh cấp cao hơn và thường bị lãng quên ngay, cho tới khi cơn gió lại mang từ trên trời xuống chiến hào một đợt mới; đó

thường là từ máy bay để chuyển tải những tờ truyền đơn này.
Ở thể loại tuyên truyền này nổi bật lên ngay một điều, đó là ở mỗi vùng hành quân mà có người Bavaria thì đều luôn xảy ra trận chiến rất quyết liệt với người Phổ, với điều khẳng định rằng không chi một mặt thì đứng ra người Phổ mới là kẻ phạm tội và kẻ chịu trách nhiệm chính cho toàn bộ cuộc chiến tranh, còn mặt khác thì riêng với người Bavaria vốn chẳng có một chút xíu hận thù gì; tất nhiên người ta cũng chẳng thể giúp ích gì anh ta được, chừng nào anh ta còn đang tham gia phục vụ chủ nghĩa quân phiệt Phổ để giơ đầu chịu báng cho nó.

Cái cách gây ảnh hưởng này thật ra đã bắt đầu đạt được những tác động nhất định ngay từ năm 1915. Không khí chống Phổ trong quân đội tăng lên trông thấy – mà không hề có bước động đậy nào từ trên, dù chỉ một lần. Điều đó cũng đã hơn chỉ là một tội sơ suất đơn giản mà sớm muộn rồi cũng phải được quả báo ở mức khủng khiếp nhất, dĩ nhiên không phải với "người Phổ", mà với dân tộc Đức, và tất nhiên cũng chẳng phải cuối cùng mới kể đến chính người Bavaria.

Theo hướng này, ngay từ năm 1916 ngành tuyên truyền của kẻ thù đã đạt những kết quả vô song.

Cũng vậy, từ lâu những lá thư ca

thán từ quê nhà đã gây tác động. Hoàn toàn chẳng cần kẻ thù phải đặc biệt truyền tới mặt trận qua những tờ truyền đơn, v.v… Để chống lại, ở đây cũng chẳng hề có chút gì ngoại trừ một số “khuyến cáo” từ “phía chính phủ” mà về mặt tâm lý là cực kỳ ngu xuẩn. Trước sau thì mặt trận vẫn choáng ngập bởi chất độc này, thứ mà các mụ già vô thức (các vợ lính, ND) ở nhà đun nấu nên mà chẳng lường trước rằng, đó chính là phương tiện để ủng hộ đến mức tối đa niềm tin chiến thắng cho kè thù, nghĩa là qua đó kéo đài và gia tăng đau khổ cho người thân ngoài mặt trận. Những lá thư vô nghĩa của các bà vợ Đức vào thời gian sau đó đã

gây nên cái chết cho hàng vạn ông chồng.
Vậy là vào năm 1916 đã xuất hiện nhiều hiện tượng đáng lo. Mặt trận chửi rủa vì "điềm may bất ngờ", bởi lẽ đã bất bình từ nhiều điều và đôi lúc có lý để căm giận. Trong khi họ đói khát và để gia quyến ở hậu phương phải chịu cùng cực, thì ở chỗ khác lại thừa mứa cùng lũ ăn chơi trác táng. Thậm chí ngay chính ở mặt trận thì theo hướng này, mọi sự cũng chẳng êm đẹp.
Như vậy ngay từ thời đó đã nổi lên khủng hoảng, dù nhẹ – đó chỉ mới là những vấn đề "nội bộ". Vẫn con người đó, trước thì còn gầm gừ nguyền rủa, nhưng ít phút sau vẫn im

lặng làm nghĩa vụ của mình như là điều tất yếu. Cùng đại đội đó, lúc đầu còn bất bình, nhưng ngay sau vẫn cố giữ đoạn hào mà họ phải cố thủ, cứ như số phận nước Đức chỉ phụ thuộc số trăm mét những hố bùn này. Đó vẫn còn là mặt trận của đội quân anh hùng tuyệt diệu thời xưa!

Nhưng rồi tôi sẽ phải học để biết sự khác biệt giữa cái đó và quê hương.

Cuối tháng chín 1916 sư đoàn tôi chuyển sang chiến dịch hè. Với chúng tôi đó là trận chiến vật lộn ghê gớm lần đầu tiên mới xuất hiện và ấn tượng bởi vậy cũng rất khó tả – địa ngục chứ không còn là chiến tranh đơn thuần nữa.

Trong cơn lốc kéo dài nhiều tuần của

bắn phá cấp tập trận tuyến Đức vẫn vững vàng, đôi lúc hơi bị đẩy lùi lại, nhưng rồi vẫn tiến lên, và không bao giờ lui bước.

Ngày mồng 7.10.1916 tôi bị thương.



Ngày mồng 7.10.1916 Hitler bị thương. (Ảnh minh họa).

Tôi may mắn được gửi về hậu phương và theo một đoàn vận tải về Đức.

Vậy là đã hai năm trôi qua kể từ khi tôi không còn thấy quê nhà, trong những hoàn cảnh như thế này, đó gần như là một thời gian dài vô tận. Tôi hầu như hoàn toàn chẳng thể hình dung ra nổi một người Đức mà không mặc quân phục sẽ trông như thế nào. Khi tôi nằm ở bệnh viện dã chiến quân đoàn ở Hermies (một làng ở tỉnh Pas-de-Calais thuộc biệt khu Nord-Pas-de-Calais, nước Pháp, ND), tôi rùng mình sợ hãi đến gần như bất tinh khi chợt nghe tiếng

một người phụ nữ Đức, một cô ý tá, dặn dò người nằm cạnh.
Sau hai năm lần đầu tiên nghe một tiếng nói như vậy!
Nhưng khi tàu hoả đưa chúng tôi về quê nhà càng gần đến biên giới thì trong nội tâm mỗi người càng bồn chồn hơn.
Tất cả các địa điểm khi còn là anh lính trẻ hai năm trước chúng tôi đã qua, nay lại lướt trôi: Bruxelles, Lowen, Liège (các thành phố thuộc Bỉ, ND), rồi cuối cùng chúng tôi tin là đã nhận ra ngôi nhà Đức đầu tiên nhờ vào cái hồi nhà cao và những cánh bịt cửa xinh đẹp của nó.
Ôi tổ quốc!
Tháng mười 1914 trong chúng tôi

trào dâng nỗi hân hoan đến nghẹt thở khi chúng tôi vượt qua biên giới, còn giờ đây (1916, ND) chi là yên ắng và cảm động. Mỗi người đều sung sướng rằng số phận đã lại cho phép anh ta được nhìn thấy những gì mà anh ta vốn hằng bảo vệ mạng sống mình nhằm vươn tới; và ai ai cũng đều gần như ngượng ngùng khi phải nhìn vào mắt nhau.

Tôi đến quân y viện Beelitz gần Berlin gần trùng ngày tôi lên đường nhập ngũ.

Đổi thay biết bao! Từ bùn rây của chiến dịch hè đến ngay những chiếc giường đệm trắng phau của ngôi nhà kỳ diệu này! Lúc đâu người ta thậm chí còn chẳng dám đường hoàng đặt

mình vào đó. Chỉ từ từ, người ta mới lại làm quen được với cái tân thế giới này.
Tuy nhiên đáng tiếc là thế giới này cũng còn mới theo một nghĩa khác.
Tinh thần quân đội ngoài chiến trường có vẻ như chẳng còn là vị khách quý ở đây nữa. Có cái gì đó mà ngoài chiến trường còn lạ lẫm thì nay ở đây lần đâu tiên tôi được nghe: bài ngợi ca sự hèn nhát của chính mình. Bởi lẽ ngay những gì ở đấy người ta có thể nghe thấy chửi rủa vì "điềm may bất ngờ" thì đó cũng chẳng bao giờ là yêu cầu bất tuân lệnh hay thậm chí tán tụng gã thỏ đế. Không! Kẻ hèn nhát vẫn luôn là kẻ hèn nhát và chẳng thể là cái gì

khác; và sự khinh bi dành cho hắn nhìn chung vẫn luôn lớn ngang với sự kính trọng người ta dành cho vị anh hùng đích thực. Nhưng ở đây, trong quân y viện thì phần nào gần như ngược lại: những tên xúi bẩy vô lương nhất lại to tiếng nhất và cố gắng bằng mọi phương tiện của cái tài lộng ngôn thảm hại của mình để trưng bày các khái niệm của người lính chân chính như là đáng nực cười, còn sự thiếu tư cách của kẻ hèn nhát lại là gương sáng. Vài kẻ đáng tởm lại chủ trì trước tiên.

Một kẻ tự khoe đã dùng tay trần kéo dây thép gai để qua đó mà được về nằm quân y; dù bị thương đến tức cười như vậy mà có vẻ như hắn đã

ở đây lâu đến vô tận, cũng như hoàn toàn chỉ bằng dối trá thì hắn mới lọt vào đoàn quân vận về Đức. Nhưng cái thằng rắn độc này còn đi xa tới mức giơ cái trán giô hỗn hào để trưng diện cho sự hèn nhát của mình như là khởi nguồn cho sự dũng cảm còn hơn cả cái chết oanh liệt của người anh hùng chân chính. Nhiều người im lặng nghe, kẻ khác bỏ đi, nhưng lại cũng có kẻ đồng tình.

Trong tôi nỗi ghê tởm trào lên tận cổ, thế nhưng cái tên xúi bẩy vẫn được dung thứ ở lại trại. Liệu người ta phải làm gì đây? Hẳn là ai thì ban lãnh đạo phải biết kỹ và cũng đã biết kỹ. Dẫu sao vẫn chẳng có gì xảy ra.

Khi tôi có thể đi lại bình thường thì

tôi được đi phép về Berlin.
Đâu đâu cũng thấy rõ nỗi khổ đến cùng cực. Thành phố triệu dân này đang đói. Nỗi bất bình rất lớn. Trong các trại có chứa lính, giọng điệu cũng giống như ở quân y viện. Có cảm tưởng như những tên này có chủ ý đến chính những nơi này để truyền bá quan điểm của chúng.
Thế nhưng tình trạng ở chính Munich còn đáng giận hơn rất nhiều!
Khi tôi đã lành, được ra viện và thuyên chuyển về tiểu đoàn dự bị, tôi chẳng tin là mình còn nhận ra cái thành phố xưa nữa. Tức tối, bất mãn và chửi bới, dù người ta có đến đâu chăng nữa! Ở chính tiểu đoàn dự bị thì tâm trạng thậm chí còn dưới mức

phê phán. Ở đây vẫn còn tác động của cái cách vụng về vô biên khi những sĩ quan huấn luyện thời xưa, chưa hề có một giờ nào tham gia trận mạc và ngay vì lý do này thì chỉ có một phần còn có thể lập mối quan hệ đúng mực với đám lính cũ, phải đối xử với lính ngoài mặt trận. Những người này, do đã phục vụ ngoài mặt trận, giờ có những tính cách hoàn toàn chẳng hiểu nổi đối với các vị lãnh đạo các đơn vị quân dự bị, trong khi vị sĩ quan vừa ở mặt trận về ít nhất cũng giải thích được. Dĩ nhiên anh này cũng được các đơn vị trọng nể hoàn toàn khác vị tư lệnh lớp huấn luyện. Nhưng bỏ qua mọi chuyện, tâm trạng chung là rất dở;

sự hèn nhát lại hầu như được coi là dấu hiệu cho thông minh hơn, còn tính kiên trì trung thành lại bị coi là đặc trưng cho yếu đuối nội tâm và tính cứng cổ. Các văn phòng đều do người Do Thái nắm giữ. Hầu như mỗi thư ký đều là người Do Thái và mỗi tên Do Thái lại là một viên thư ký. Tôi kinh ngạc về cái đám đầy những chiến sĩ của cái dân tộc đã được tuyển lọc này và chẳng còn cách nào khác là phải so sánh chúng với con số đại diện ít ỏi ngoài mặt trận.

Với kinh tế vấn đề còn trầm trọng hơn. Ở đây dân Do Thái thực sự trở nên “không thể thiếu được”. Con nhện bắt đầu dần dần hút hết máu

nhân dân. Bằng đường vòng qua những công ty chiến tranh người ta đã tìm ra công cụ để giết chết nên kinh tế quốc dân tự do.
Được nhấn mạnh tới sự cần thiết phải có tập trung hoá vô độ. Vậy nên thực sự là ngay từ năm 1916/17 hầu như toàn bộ nền sản xuất đã nằm dưới sự kiếm soát của giới tài phiệt Do Thái.
Nhưng nỗi căm hờn của nhân dân hướng vào ai?
Ở thời này tôi kinh ngạc thấy nỗi bất hạnh đang đến gần, mà nó, nếu không được lái ngoặt đi kịp thời, nhất định phải dẫn tới sự phá sản.
Trong lúc người Do Thái bóc lột và đè nén toàn thể dân tộc thì người ta

lại kích động chống “Phổ”. Hệt như ngoài mặt trận, ở nhà cũng chẳng thấy bên trên chống lại thứ tuyên truyền dầu độc ấy. Có vẻ như ta chẳng hề cảm thấy nước Phổ sập chắc gì xứ Bavaria đã lên và, ngược lại, bên này đổ tất bên kia phải tụt hố, không thể chứ.
Thấy sự thể ấy tôi đau lòng vô cùng. Chỉ có thể thấy người Do Thái thật mưu mẹo tài tình, họ lại được sự quan tâm chung từ chính mình qua những kẻ khác. Giữa lúc Bavaria tranh chấp với Phổ thì họ dắt mũi cả hai, trong khi Bavaria chửi bới Phổ thì người Do Thái tổ chức cách mạng để cùng lúc đập tan cả Bavaria và Phổ.

Không chịu nổi mối tỵ hiềm quá đáng ấy giữa tộc người Đức với nhau, tôi mong lại sớm được ra mặt trận, cho nên đã tái đăng ký ngay sau hôm đến Munich.
Đầu tháng ba 1917, thế là tôi đã lại có mặt ở trung đoàn của tôi.

# Chương 7:1: HITLER BỊ TRÚNG ĐỘC

Cuối năm 1917 quân đội tưởng chừng đã qua được chân dốc của thất bại. Sau khi nước Nga sụp đổ, toàn thể quân đội đã có được hy vọng mới, khí thế mới. Binh sĩ đã bắt đầu tin tưởng là kết thúc cuộc chiến thể nào nước Đức cũng thắng. Lại nghe thấy tiếng hát hò và vận xui cũng đã thưa đi. Người ta lại tin ở tương lai của đất nước.

Đặc biệt vụ sụp đổ của nước Italia mùa thu năm 1917 đã có tác động tâm lý cực kỳ tuyệt vời; người ta

thấy chiến thắng ấy minh chứng cho khả năng còn có thể chọc thủng được trận tuyến ở cả bến ngoài chiến trường Nga. Phấn khởi lại ngập tràn hàng triệu trái tim và lồng ngực căng đầy tin tưởng, người ta nóng lòng đón đợi mùa xuân 1918. Thấy rõ đối phương đã xuống tinh thần. Mùa đông ấy có im ắng hơn mọi khi. Cơn lặng trước bão tố.



Ảnh minh họa.

Tuy nhiên đúng lúc mặt trận hối hả bước vào những đợt chuẩn bị cuối cùng để tiến đến kết thúc cuộc chiến, xe cộ từng đoàn dài vô tận nườm nượp chở người và đồ quân dụng sang mặt trận phía Tây, binh sĩ cũng đã được huấn luyện để tổng tiến công, thì ở Đức lại nổ ra vụ manh động lớn nhất trong cả cuộc chiến tranh.

Nước Đức không được thắng: đến giờ phút cuối cùng, khi mà chiến thắng đã ló dạng trên ngọn cờ Đức thì người ta đã vời đến phương cách, mà chỉ đập một cái là đủ diệt cuộc tiến công mùa xuân ngay từ trong trứng, làm cho không thể chiến

thắng.
Người ta tổ chức cuộc bãi công của đám quân khí.
Vụ này mà thành, ắt là dám “Tiến lên” thực hiện được ước mơ, mặt trận của người Đức sụp đổ, chiến thắng không thể phấp phới trên lá cờ của nước Đức. Mặt trận thiếu súng đạn sẽ bị chọc thủng chỉ nội trong vài ba tuần, cuộc tấn công không còn xảy ra được, Đồng minh được cứu vãn, giới tư bản quốc tế lên làm chủ nước Đức. Đám người mác xít chuyên đi lừa các dân tộc sẽ đạt được mục đích bên trong.
Đập tan nền kinh tế quốc dân để dựng nền thống trị của tư bản quốc tế – cái đích rồi cũng đạt, vì sự dốt

nát và nhẹ dạ cả tin của bên này và sự ươn hèn đến khủng khiếp của bên kia.
Tuy nhiên cuộc bãi công nhằm bỏ đói mặt trận về súng đạn lại đã không trọn vẹn như mong đợi, nó tan sớm quá, tan trước khi quân đội kịp rã như mong đợi – vì thiếu súng đạn. Chỉ có điều thiệt hại về đạo lý mà nó gây ra thì khủng khiếp gấp nhiều lần!
Một là, thế thì quân đội còn chiến đấu vì cái gì đây khi mà chính tổ quốc không hề muốn chiến thắng. Hy sinh và chịu gian khổ cho ai đây? Người lính chiến đấu để giành chiến thắng mà tổ quốc lại bãi công để chống chiến thắng đó.
Hai là, tác động vào địch ra sao?

Từ mùa đông 1917/18 bầu trời phía Đồng minh vốn đã ảm đạm. Đã ngót bốn năm lao vào cái thân hình lực lưỡng của gã người Đức mà không sao đáng quỵ được gã. Vung kiếm phía Đông thì chém phải tay khiên của gã, vung kiếm phía Nam cũng chỉ chém được vào khiên. Đến lúc gã bị hở lưng. Máu tuôn xối xả, cho đến lúc gã hạ gục hẳn được một đối thủ. Phải giáng kiếm xuống tấm khiên phía Tây, lâu nay địch không bẻ gẫy nổi sự đề kháng (của gã, ND), thì bây giờ phải đến lượt địch bị (gã, ND) tấn công.

Người ta khiếp gã và người ta phấp phỏng lo cho chiến thắng.

Ở London, ở Paris hội đàm nối tiếp

hội đàm. Đến địch cũng khó tuyên truyền, vì đâu còn dễ chứng minh là phía Đức không có hy vọng chiến thẳng.
Ngoài mặt trận cũng thế, im ẳng như thể ngái ngủ, ngay bên quân đội Đồng minh. Đột nhiên các vị hết cao ngạo. Trong các vị đã le lói dần một thứ ánh sáng thần bí. Quan điểm về người lính Đức giờ đây khác hẳn. Không còn là thằng điên tất thua, là chính kẻ đã diệt ông bạn Đồng minh Nga. Vì khó khăn mà người Đức buộc đã phải giới hạn tiến công, chỉ nhầm phía Đông; giờ đây dường như một chiến thuật thiên tài. Đã ba năm lũ người Đức ấy lao vào nước Nga, mới đâu vẻ như không có được

chút thành công nào. Người ta cứ cười về cái buổi ban đầu vô ích ấy, vì lẽ gã khổng lồ Nga người đông gấp bội tất phải là người chiến thẳng. Đức phải thua vì mất máu. Và hình như thực tế đã xác nhận điều trông đợi ấy.
Từ những ngày tháng 9/1914, sau trận Tannenberg (làng phía nam Ostróda, Séc, những ngày 20-30 tháng tám năm 1914, quân Đức dưới sự chỉ huy của các tướng Hindenburg và Ludendorff thắng quân Nga dưới sự chỉ huy của tướng Samsonov, ND), trên các ngã đường lớn nhỏ đi sang Đức bắt đầu thấy xuất hiện từng đoàn dài tù binh Nga lếch thếch kéo nhau đi. Dòng người

tưởng chừng như vô tận, bởi cứ quân đoàn này thua liểng xiểng, vừa bị tiêu diệt, đã lại có một quân đoàn khác ra trận. Cái đế quốc rộng mênh mông ấy sẽ chẳng bao giờ hết được người để đi lính cho Nga hoàng và chết trận. Liệu nước Đức chạy đua với họ được bao lâu? Liệu có hôm nào người Đức đã thắng đến trận cuối cùng rồi mà vẫn cứ chưa phải là những quân đoàn cuối cùng người Nga định ném vào trận đánh tối hậu. Rồi ra sao đây? Như cách tính của con người thì chi có thể đẩy lui được chiến thắng của nước Nga thôi, rồi tất nó phải đến.

Bây giờ mọi hy vọng đã tiêu tan hết, ông bạn đồng minh vốn từng góp

nhiều máu nhất trên bàn thờ quyền lợi chung đã phải buông súng, sức cùng lực kiệt đã đành nằm phục trên mặt đất trước kẻ tiến công không hề biết khoan nhượng. Sợ sệt, hãi hùng đã len lỏi vào đến tận trong tim người lính bấy lâu chỉ biết tin tưởng mù quáng. Họ lo mùa xuân sắp đến. Bởi lâu nay người Đức mới chỉ sử dụng có một phần quân lực ở mặt trận phía Tây mà vẫn chẳng thắng được họ. Vậy làm sao thắng nổi một khi cái nhà nước anh hùng ấy sắp dồn toàn lực, ném trọn gói vào cuộc tiến công sang phía Tây?
Bóng núi vùng Nam Tirol (Tirol là một bang vốn thuộc Áo quốc, chia làm ba vùng: Bắc Tirol là vùng núi đá vôi

Anpơ, thủ đô là thành phố Innsbruck; Đông Tirol là vùng sườn dốc phía nam dãy núi Hohe Tauern, thủ đô là thành phố Lienz, đều vẫn của Áo quốc; riêng Nam Tirol là vùng núi Anpơ tách với Bắc bởi đèo Brenner, rồi đi tới giáp Italia, cảnh núi đẹp với nhiều điểm du lịch, từ thế kỷ 6 người Bavaria đến định cư ở đó, nhưng 1919 bị sáp nhập vào Italia, ND) đè nặng lên huyễn tưởng, rồi đến khi sương mù xứ Flandres (khu vực cổ xưa ven biển Baltic thuộc Bỉ, Hà Lan và Pháp, kinh tế chủ yếu nhờ các nghề hải sản và đi biển, ND) đã lãng đãng trên những gương mặt ảm đạm của đạo quân Cardonas (thành phố thuộc tỉnh Barcelona, Tây Ban Nha,

ND) thất trận, thì nỗi lo sắp thua cũng thế chân luôn cho niềm tin sẽ thắng.
Đêm lạnh, bồn chồn phấp phỏng cứ tưởng như nghe rõ tiếng bánh xe lăn qua chỗ các quân đoàn xung kích của quân đội Đức, mắt tròn mắt dẹt cứ ngỡ nhìn thấy món ăn sắp được dọn ra. Thì bỗng nhiên từ bên đất Đức lại thấy bừng lên vừng sáng đỏ đến loá mắt, soi rọi vào đến tận các hố đạn ở bên kia phòng tuyến. Đúng lúc mà quân đội Đức đã được huấn luyện kỹ để tổng tấn công thì cuộc tổng bãi công đã nổ ra ngay trên đất Đức.
Mới đầu cả thế giới ngơ ngác. Nhưng rồi tức thì lấy hơi, tuyên

truyền của địch nắm bắt ngay cái khoản cứu trợ ở giờ thứ mười hai ấy. Chỉ trong chớp nhoáng thế là đã có phương tiện trong tay để mà lên gân lên cốt cho đám binh sĩ Đồng minh vốn đã xuống tinh thần. Xác suất chiến thắng lại được nêu ra là chắc chắn. Lo các sự kiện sắp đến thì chuyển thành quyết tâm vững vàng. Giờ đây đã có thể truyền đến các trung đoàn, vẫn đang bồn chồn đợi phía Đức tiến công, niềm tin vào cái trận đánh lớn nhất mọi thời đại. Rằng chẳng phải sự liều lĩnh của quân xung kích Đức sẽ quyết định bước kết thúc chiến cuộc, mà chính là sự bền bỉ của sức mạnh đề kháng. Lính Đức cứ việc mặc sức

giành giật lấy chiến thắng, quê hương họ đã đứng trước một cuộc hành tiến, chẳng phải của đoàn quân chiến thắng nào cả mà lại là của cách mạng.

Báo chí Anh, Pháp, Mỹ đã bắt đầu khéo léo cấy trồng niềm tin ấy vào tận trong tim bạn đọc; cùng lúc ấy ở ngoài mặt trận, rất tài tình, tuyên truyền cũng ráng sức nâng cánh cho bộ đội.

“Nước Đức đứng trước cuộc cách mạng! Chiến thắng của Đồng minh là chẳng thể ngăn cản!” Đó, thứ thuốc hữu hiệu nhất để giúp anh Poilu, anh Tommy vốn đang chao đảo còn đứng vững được trên đôi chân. Giờ đây lại đã có thể cho nổ súng trường, súng

máy và chống cự trong hy vọng thay cho bỏ chạy trong hoảng loạn.

Kết quả của cuộc bãi công quân khí là thế. Nó đã củng cố niềm tin chiến thắng cho bên địch, xua tan mối hoài nghi đã khiến mặt trận của Đồng minh bị tê liệt hân – hệ luỵ là cái giá đã phải trả bằng máu của hàng ngàn binh sĩ Đức. Mà những kẻ đã tác động để gây ra cái trò đớn hèn nhất hạng ấy lại chính là những kẻ vẫn chờ để rồi ngồi vào những chiếc ghế cao nhất trong bộ máy nhà nước của một nước Đức cách mạng.

Phía Đức thì dường như mới đầu có thấy là đã khắc phục được tác động phản hồi của sự kiện ấy. Phía địch

tuy nhiên hệ luỵ đang còn đó. Đề kháng đã mất tính chất không mục đích của một đạo quân buông bỏ tất, để thành một cuộc chiến thực sự ác liệt nhằm giành chiến thắng.

Cứ như tính toán giờ đây của con người thì tất chiến thắng phải đến, chi cần mặt trận phía Tây cầm cự được đôi ba tháng trước cuộc tấn công từ phía Đức. Các nghị viện bên phe Đồng minh nắm được cái khả năng tương lai ấy nên chẳng tiếc duyệt thêm phương tiện cho tuyên truyền để tiếp tục phá rối nước Đức.

Tôi đã may mắn được dự vào cả hai đợt tiến công đâu và cuối.

Đó là những ấn tượng kỳ vĩ nhất trong đời tôi, kỳ vĩ ở chỗ lần cuối

cùng lại giống như năm 1914 cuộc chiến đã mất tính phòng ngự và chuyển sang tiến công. Một cảm giác khoan khoái, nhẹ nhàng lan ra kháp mọi hầm hào, cộng sự của quân đội Đức, vì sau ba năm rưỡi kiên trì cố thủ trong cái địa ngục của kẻ địch, giờ đây ngày trả đũa đã đến. Một lần nữa mừng vui vỡ oà trong các tiểu đoàn dây dạn chiến tích, các vòng nguyệt quế bất tử lại được treo lên ngọn những lá cờ bay phần phật, tiếng hát say sưa ngợi ca tổ quốc lại vang lên suốt dọc những hàng quân tưởng dài đến vô tận trong hành tiến. Và cũng lần cuối cùng, ân sủng của Đức Chúa Trời mỉm cười với đàn con bất hiếu của

Người.

Giữa mùa hè năm 1918 là bầu không khí bức bối âm ĩ trên khắp mặt trận. Đang có chuyện bất ổn trong nước. Vì cái gì? Trong từng khối bộ đội của lục quân họ kể cho nhau nghe lắm thứ lắm. Cuộc chiến giờ đây hình như vô vọng, chỉ lũ điên mới còn có thể tin ở thắng lợi. Dân tình chẳng còn quan tâm gì tới cầm cự nữa, chỉ còn độc vấn đề tư bản với quân chủ – thứ này vốn từ nước ngoài đến và cũng được lính tráng bàn tán ngay ở mặt trận.

Mới đầu họ còn rất ít phản ứng. Phổ thông đầu phiếu thì liên quan gì đến mình? Chiến đấu ròng rã bốn năm lại vì thứ đó ư? Trò cướp bóc hèn hạ,

trấn lột đến cả mục đích chiến tranh của người tử sĩ đã nằm yên dưới mồ. Hồi còn ở Flandres đám lính trẻ của trung đoàn dấn thân vào chỗ chết, họ hô “Nước Đức trên hết ở cõi đời này” chứ họ đâu có hô “Muôn năm quyền phổ thông đầu phiếu”. Khác biệt nhỏ song không hẳn vô nghĩa. Song gọi theo luật bầu cử thì số đông lại không có đó, ở nơi vốn họ từng muốn giành giật. Cả đống đảng phái chính trị; mặt trận đâu có biết đến. Chỉ thấy một phần các ngài nghị sĩ ở đó, nơi mà những người Đức trung thực nếu hãy còn là thành viên, đã từng ngồi dạo ấy.

Thế là với vốn liếng cũ kỹ của nó, mặt trận rất kém nhạy cảm trước cái

mục tiêu chiến tranh mới của các vị Ebert (1871-1925, nhà xã hội dân chủ cơ hội chủ nghĩa cánh hữu, nghị sĩ, ND), Scheidemann (1865-1939, nhà xã hội dân chủ cải cách; 1919 thủ tướng đế quốc Đức, tham gia dẹp tan cuộc cách mạng tháng mười một ở Đức do cộng sản lãnh đạo, ND), Barth (1886- ?), nhà thần học Thuỵ Sĩ, chống chiến tranh và chủ nghĩa phát xít, ND), Liebknecht (Karl, 1871-1919, người cộng sản kiên cường, luật sư, từ 1912 đảng viên xã hội dân chủ, kiên quyết chống chiến tranh; 1914 cùng Rosa Luxemburg lập nhóm "Quốc tế"; 1916 "Liên đoàn Spartakus", năm đó bị án tù 4 năm chống chiến tranh;

1918 cùng nhóm Bônsêvich lập Đảng cộng sản Đức; 15.1.1919 bị giới sĩ quan sát hại cùng Rosa Luxemburg, ND) v.v…người ta tuyệt nhiên chẳng hiểu vì đâu những kẻ thoái thác nghĩa vụ kia bỗng nhiên lại được quyền thông qua quân đội, bất hợp pháp leo lên đến tận bộ máy cai trị của nhà nước.

Ngay từ đâu tôi đã có quan điểm cứng rắn: tôi cực kỳ căm ghét cái đám lưu manh khốn nạn, chỉ biết lừa bịp dần ở cái đống đảng phái ấy. Từ lâu rồi, tôi đã nhìn thấy rõ chẳng thể có chuyện vì dân ở cái đám xã hội đen ấy, mà chỉ có chuyện vét cho đầy túi. Giờ đây chính bọn chúng lại đang mưu mô thí cả toàn dân và nếu

cần thì xô nước Đức xuống vực luôn thể, tôi thấy đã đến lúc phải treo cổ chúng. Chiếu cố tham vọng của chúng có nghĩa là thí cả toàn dân lao động chỉ vì một lũ móc túi, thoả mãn tham vọng của chúng có nghĩa là chỉ còn cách hy sinh nước Đức.

Vậy mà trong đạo quân đang chiến đấu vần có rất nhiều người còn suy nghĩ như thế. Quân tiếp viện từ hậu phương ra tồi tệ đi nhanh lắm, càng ngày càng tệ hơn, không thành tăng cường nữa mà lại làm yếu sức chiến đấu. Đặc biệt lứa tăng viện trẻ tuổi, đại bộ phận vô giá trị. Lắm khi thực khó tin đó là con em của chính những người dân ấy, những người cũng đã từng cử con em đi đánh trận

Ypern (thành phố thuộc Westflandres, Bi, có bảo tàng thế chiến I, ND).
Tháng tám, tháng chín các hiện tượng tan rã càng ngày càng nhanh, tuy rằng về tính khốc liệt thì sức mạnh tiến công của kẻ thù vẫn chưa thể sánh được với các trận phản công của ta ngày trước. Trận sông Somme (nằm ở vùng Picardie, Pháp. Ở thế chiến I có các trận chiến ác liệt năm 1916, ND) rồi trận vùng Flandern ngày đó mới thực rợn người.
Cuối tháng chín, lần thứ ba sư đoàn của tôi kéo đến những vị trí mà trước đó, từ hồi còn là những trung đoàn thanh niên tình nguyện chúng

tôi đã có lần tiến đánh, ôi kỷ niệm! Chúng tôi đã được thử lửa ở đó hồi tháng mười, tháng mười một 1914. Tình yêu tổ quốc trong con tim, tiếng hát trên môi, trung đoàn trẻ tuổi của chúng tôi lao vào trận đánh cứ như đi vũ hội. Sẵn sàng vui vẻ đổ máu trong niềm tin vì độc lập và tự do của tổ quốc.

Tháng bảy 1917 lần thứ hai tôi lại đến mảnh đất ấy, vốn là thiêng liêng với tất cả chúng tôi. Đã nằm yên nghỉ nơi đây, những người đồng đội thân thiết, gần như hãy còn là những đứa trẻ; ngày ấy mắt rực sáng họ đã lao vào cái chết vì tổ quốc yêu quý duy nhất.

“Trung thành và phục tùng đến chết”,

chúng tôi lính cựu, lúc theo trung đoàn rút đi, đã đứng kính cẩn mặc niệm hồi lâu ở nơi đất thề ấy.
Cũng đất ấy mà trung đoàn đã đánh chiếm cách đây ba năm thì bây giờ lại phái giữ lấy nó trong một trận đánh cũng ác liệt.
Người Anh đã nã pháo suốt ba tuần lễ để dọn đường cho trận tiến công lớn vào vùng Flandern. Vẻ như linh hồn của các tử sĩ đã sống lại. Cả trung đoàn người bê bết bùn đất, cắn răng mà bám chắc vào từng hố đạn pháo một, không di cũng không dời, mặc dù cũng như đã từng diễn ra ở chính nơi này – càng ngày càng thu nhỏ lại, càng mỏng đi và kiên cường đợi. Cuối cùng thì người Anh

cũng tiến công, đó là ngày 31 tháng bảy 1917.
Sang đâu tháng tám thì có đợt thay quân.
Từ một trung đoàn giờ đây chỉ còn lại vài ba đại đội rút ra: vẫn bê bết bùn đất, người đi lảo đảo, hồn ma thì đúng hơn hình người. Còn người Anh? Ngoại trừ mấy trăm mét hố đạn pháo, họ đã chi giành được có mỗi cái chết, vậy mà mùa thu năm 1918, lần thứ ba chúng tôi lại đã đứng chân trên mảnh đất chiến sự của năm 1914. Thị trấn Comines (thành phố biên giới Pháp – Bỉ có sông Lys làm đường biên chảy qua; công nghiệp dệt, ND) vốn là hậu cứ của chúng tôi năm ấy giờ đây cũng

là chiến trường. Tất nhiên vẫn là chiến địa ấy, song con người lại khác mất rồi, vì binh sĩ cũng đã được “chính trị hoá”. Giờ đây, lớp viện quân trẻ tuổi hoàn toàn là vô tích sự – họ từ nhà ra mà!

Suốt đêm 13 sang 14 tháng mười, phía Anh bắt đầu bắn đạn pháo rải khí độc trên toàn tuyến Nam phía trước mặt Ypern. Họ sử dụng “Chữ thập vàng”, loại khí này ai còn chưa biết tác dụng thì đêm ấy đã được biết. Chúng tôi đang trú quân trên một ngọn đồi ở phía Nam Werwick (thành phố thuộc Westflandres, Bỉ, ND) thì trận pháo kích rải khí độc bắt đầu, ngay từ lúc chập tối rồi lúc khoan lúc nhặt, cứ như thế kéo dài

suốt đêm. Ngay từ lúc gần nửa đêm bên chúng tôi đã có những đồng đội, thân thiết cũng có, ra đi vĩnh viền. Đến gần sáng thì tới lượt tôi trúng độc, càng lúc càng thấy đau dữ dội, đành chịu rét, mắt cay sè, người ngả nghiêng, bước chệnh choạng, vẫn kịp đem theo bản báo cáo cuối cùng của tôi trong thời chiến.

Vài tiếng đồng hồ sau đó, hai mắt cứ như hai cục than hồng, chỉ còn thấy tối sầm khắp xung quanh.

Tôi được đưa về trạm quân y Pasewalk (thành phố huyện lỵ phía Đông bang Brandebourg, bên bờ sông Uecker; giao điểm đường sắt, chăn nuôi, công nghiệp sát thép và chế tạo máy, ND) và ở đó buộc phải

sống trong – cách mạng!
Không khí có cái gì đó không rõ nhưng mà chối lắm. Thấy họ cứ thì thào với nhau là chỉ vài tuần nữa là “nổ”, tôi không hiểu mà cũng chưa hình dung được là cái gì. Mới đâu tôi chi nghĩ đến một cuộc bãi công như hồi đầu năm. Rồi từ hải quân, tin tức bất thuận cứ dồn dập; có cái gì đó đang âm ỉ nơi đấy. Chỉ có vậy thì dường như đó là câu chuyện huyễn tưởng đẻ non của dăm ba chàng trai nào đó nhiều hơn là một câu chuyện nghiêm chỉnh của các đám đông. Ngay trong trạm quân y thấy ai cũng nói may ra sắp hết chiến sự, song nói “hết ngay” thì lại chẳng có một ai. Báo chí chẳng có mà đọc.

Sang tháng mười một, không khí chung thêm căng thẳng.

Rồi một hôm, đột ngột và chẳng hẹn trước, bất hạnh chợt ập đến. Lính thuỷ kéo đến bằng xe tải, hô hào làm cách mạng; "thủ lĩnh" trong cuộc đấu tranh ấy vì "tự do, cái đẹp và phẩm giá" của nhân dân chúng ta chính là mấy gã Do Thái trẻ tuổi. Ba lá cờ hiệu của hậu cần đem trả lại cho tổ quốc, họ kéo lên ba mảnh vải đỏ.

Đến khoảng thời gian cuối, tôi có đỡ hơn. Mắt đỡ nhức buốt, rồi dần dần cũng lờ mờ nhận ra được bóng dáng xung quanh mình. Khấp khởi hy vọng, chí ít thì cũng phải nhìn được để rồi còn tìm lấy một nghề nghiệp. Giá như mà rồi lại vẽ được, lẽ

đương nhiên chẳng dám mong hơn thế nữa. Giữa lúc tội còn đang hồi phục thì điều khủng khiếp đã xảy ra. Tôi vốn hằng mong mỏi, rằng đất nước bị phản bội chỉ là chuyện ít nhiều của địa phương. Tôi tìm cách củng cố tinh thần cho mấy ông bạn theo hướng ấy. Đặc biệt mấy ông người Bavaria dễ nhất trí với tôi. Ở xứ đó khí thế vẫn khác lắm, chứ chẳng "cách mạng". Tôi không thể tưởng tượng ra là tôi cả ở Munich chuyện điên rồ ấy cũng sẽ xảy ra. Cứ như tôi thấy thì ở đó ý chí của mấy gã Do Thái làm sao có thể mãnh liệt bằng lòng trung thành với nhà Wittelsbach (gia đình thống trị Bavaria từ 1180 đến 1918. Lúc đầu

là một gia đình sống tại lâu đài Wittelsbach, ND) đáng kính. Nên tôi vẫn chỉ tin ràng, ít ngày nữa thôi chắc chắn đám thuỷ binh nổi loạn ấy tất bị dẹp.



Hitler (bìa trái) hồi Thế chiến 1

Những ngày sau đó, lại đem theo đến cái sự thật khủng khiếp nhất đời tôi. Tin đồn càng ngày càng căng thẳng hơn nữa. Cái mà tôi vẫn cho chỉ là vụ việc ở địa phương thì giờ đây là một cuộc cách mạng chung. Lại còn những tin tức ghê gớm từ mặt trận dội về. Họ có ý định đầu hàng. Thực vậy ư, có thể thế được chăng?

Hôm 10 tháng mười một có một vị mục sư đến trạm xá gặp chúng tôi trao đổi ngắn: giờ thì chúng tôi được biết tất cả.

Tôi có mặt lúc đó, cuộc nói chuyện ngắn đã kích động tôi đến cực độ. vẻ như chính ông già đáng kính ấy

cũng run rẩy, lúc báo cho chúng tôi biết là nhà Hohenzollern (dòng họ quyền quý lâu đời ở Đức, từ 1191 được giao đất lãnh chúa Niirnberg, 1227 tách làm hai nhánh, nhánh Franken còn có thêm Bayreuth và Ansbach vào Nürnberg, rồi 1415 còn nhận thêm Brandenburg, và 1701 tước vua, 1871 lên ngôi hoàng đế Đức cho đến 1918; còn nhánh Schwaben 1576 lại tách lần nữa thành các nhánh Hohenzollern-Hechingen và Hohenzoller-Sigmaringen, cả hai từ 1623 mang vị công tước đế chế, 1849 thoái vị trước Phổ; nhánh sau cùng 1866 lên ngôi vua Rumani cho đến 1947, ND) không còn định giữ ngôi hoàng đế

nữa, là tổ quốc sáp thành một nước “cộng hoà”, là lúc này phải cầu xin Đấng Tối Cao, xin Người đừng vì cuộc đổi đời ấy mà lại bớt ân sủng đi, xin Người đừng buông bỏ con dân trong những thời kỳ khó khăn sáp đến. Mà ông già làm khác sao được, trong đôi câu ngắn gọn thôi, ông phải bầy tỏ lời tri ân đối với hoàng gia, phải ngợi ca các thành tích của hoàng gia ở Pommern (mảnh đất lịch sử Đức (Phổ) ven biển Baltic tả ngạn sông Elbe; đồng bằng với nhiều hồ, rừng và đồi nhỏ; nông nghiệp, chăn nuôi và công nghiệp quanh Szczecin, ND), ở Phổ; không: vì cả nước Đức chứ. Và đến lúc ông bật khóc lặng lẽ thì gian phòng nhỏ như chìm trong

sâu lắng, u buồn đè nặng mọi con tim, không một ai còn ngăn được nước mắt. Đến lúc ông già cố gượng nói thêm để cho biết tiếp, là rồi cũng phải kết thúc cuộc chiến đã kéo dài, là chúng ta đã thua trận và phải nhờ cậy ở lòng bao dung của kẻ thắng trận thôi, là sẽ còn phải chịu nhiều sức ép nặng nề, là chỉ còn mong kẻ thù rộng lượng sớm chấp nhận cho ngưng chiến – thì không còn có thể chịu đựng được nữa! Mắt lại tối sầm, tôi đã phải lò dò, rờ rẫm mãi mới về lại được đến chỗ ngủ, nằm vật ra đó, kéo gối chăn đắp kín mít cái đầu nóng bỏng.

Kể từ sau hôm đứng trước mộ mẹ, tôi không còn khóc. Thời thanh niên

những khi số phận quá nghiệt ngã vẫn chỉ thường tự an ủi. Vào những năm chiến tranh dài dằng dặc, cái chết có cướp đi mất những đồng đội, bạn bè thân thiết thì cũng không than vãn, vì cho rằng thế là đáng xấu hổ – họ chết cho nước Đức kia mà! Rồi đến những ngày cuối của cuộc giành giật ác liệt – đến lượt chính mình cuối cùng bị thứ khí độc kia len lỏi, bắt đầu gặm nhấm hai mắt, sợ rồi mù hẳn mãi mãi, cũng chợt có lúc thoái chí, tức thì lương tâm đã gay gắt lên tiếng ngay: đồ hèn, định khóc à, còn cả ngàn ngàn người đau khổ gấp trăm lần nữa thì sao – thế là lại lặng lẽ, âm thầm chịu đựng số phận. Tôi chẳng thể khác được. Tôi đã

nhận thức ra rằng lúc này, đau khổ của một cá nhân đâu có đáng gì so với bất hạnh của cả tổ quốc.

Vậy là đã vô ích, tất tật. Vô ích tất cả mọi hy sinh và gian khổ, vô ích những ngày tháng đói khát triền miên tưởng chừng như vô tận, vô ích những giờ phút cái chết quây quanh mà vẫn làm tròn nghĩa vụ, vô ích cái chết của hai triệu con người đã ra đi vĩnh viễn. Liệu có khi nào nấm mồ của cả vạn vạn con người kia rồi tự mở ra không nhỉ, vạn vạn con người một thời vì tổ quốc đã ra đi để không bao giờ trở lại? Tự mở ra đi và trả về cho quê hương đi, hồn oan của những người anh hùng lặng câm, bê bết bùn và máu ấy, những con người

từng tự nguyện hy sinh đến cả cái cao quý nhất mà một con người cố thể hy sinh cho toàn tộc mình trên trái đất này. Vậy mà lúc này đây lại đang bị dối lừa trâng tráo. Họ chết cho cái đó ư?, những người lính của tháng tám tháng chín năm 1914, rồi lại những trung đoàn tình nguyện đã theo gót các đồng đội lính cựu mùa thu năm ấy. Họ ngã xuống cho cái đó ư?, những chàng trai mới mười bảy tuổi đời, trên đất Flandern ấy. Ý nghĩa hy sinh lại như vậy sao, khi bà mẹ Đức ngậm ngùi đưa chân những đứa con yêu quý nhất của mình để sẽ không bao giờ gặp lại. Tất tật đã là như thế, để cho một dúm kẻ phản bội đê hèn lên nắm vận mệnh của tổ

quốc sao? Vì chúng mà người lính Đức đã trong nắng lửa và bão tuyết phải chịu nhịn đói, nhịn khát, chịu rét, chịu mỏi mệt qua những đêm dài mất ngủ, trong những cuộc hành tiến triền miên đến vô tận sao?

Lại vì chúng mà người lính Đức, không chút mềm lòng, chi một dạ lo nghĩa vụ, đã phải sống trong địa ngục của bão đạn, đã phải gánh lấy những cơn đau điên loạn do trúng khí độc chiến tranh, chi cốt bảo vệ được tổ quốc khi tổ quốc bị kẻ thù xâm phạm, lại vì chúng nữa sao?

Thực vậy, những con người anh hùng ấy rất xứng đáng để có một tấm bia tưởng niệm:

“Hồn vong có về đến Đức thì hãy

trình lên tổ quốc, là chúng tôi nằm ở đây vẫn trung thành với tổ quốc, vẫn chấp hành nghĩa vụ".

Thế còn tổ quốc?

Chỉ có điều cứ nhất thiết phải hy sinh như vậy, chẳng còn cách nào khác nữa sao? Không đáng để chúng ta tự hào vì vinh quang của quá khứ sao? Mà sau rồi biện minh thế nào đây cho cái hành động ấy?

Lũ phản bội khốn nạn và tồi tệ!

Lúc này càng cố hiểu cái sự kiện khủng khiếp ấy càng thấy đầu óc bừng bừng tức giận và nhục nhã. Nỗi đau của hai con mắt đâu có là gì so với nỗi đau này?

Tiếp theo là những ngày dài thực đáng sợ và những đêm đây ác mộng

– tôi biết là đã mất hết. Trông mong ở lòng bao dung của kẻ thù ư? Chỉ đám ngu đần, lũ ăn gian nói dối, bọn tội phạm mới có thể nghĩ thế. Những đêm ấy tôi càng thêm căm thù những kẻ chủ mưu đã dẫn đến cái hành động ấy.
Những ngày sau đó nữa lại cũng đã rõ số phận của chính mình. Mới trước đó không lâu lắm cứ nghĩ đến tương lai của chính mình là không khỏi bồn chồn cay đắng, nay nghĩ lại thấy cả nực cười. Mà không cười sao được, khi cứ định xây nhà trên cái nền cát ấy? Cuố đã ăn sâu vào tôi rồi, cái tôi thường vẫn sợ, chỉ chưa bao giờ muốn tin vì cảm tính.
Wilhem II (1859-1941, con vua

Wilhem I, hoàng đế và vua Phổ 1888-1918, đại diện cho chủ nghĩa đế quốc tư sản Đức, chịu trách nhiệm về thế chiến I bùng nổ 1914; 1918 bị đánh đổ do cuộc cách mạng tháng mười một, chạy trốn sang Hà Lan, ND) là vị hoàng đế người Đức đầu tiên đã chìa bàn tay hoà hoãn ra cho các vị thủ lĩnh mác xít, mà không biết rằng những kẻ lưu manh làm gì có danh dự. Bàn tay này còn nắm chặt lấy bàn tay của vị hoàng đế thì bàn tay kia đã quơ lấy đốc kiếm.

Với bọn người Do Thái không thể có hoà giải. Chỉ có một cách, cứng rắn.

Mà tôi đã quyết định sẽ là nhà chính trị.

# Chương 8: TÔI BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ

Tôi trở lại Munich từ cuối tháng mười một 1918. Tiểu đoàn dự bị của tôi lúc ấy đã vào tay các “hội đồng quân nhân”. Mọi sự thể ngán đến đỗi nếu được, tôi sẽ quyết định đi ngay. Cùng với Schmiedt Ernst là một đồng đội chung thuỷ, tôi đến Traunstein (thành phố huyện lỵ ở Thượng Bavaria phía Đông hồ Chiemsee nổi tiếng, ND) và nán lại đó chờ giải thể trại.

Tháng ba 1919 chúng tôi quay về Munich. Ở đây cũng không giữ được

trại mà buộc phải làm cách mạng tiếp. Cái chết của Eisner (Kurt, 1867-1919, nhà văn, nhà xã hội dân chủ; thủ tướng Bavaria 1918-1919, sau đó bị ám sát, ND) đã thúc đẩy sự việc tiến triển mà cuối cùng là chế độ độc tài của các hội đồng, hay đúng hơn là ách thống trị quá độ của người Do Thái, mục đích trước mắt mà những kẻ phát động cả cuộc cách mạng này vẫn từng mơ màng.



Biết bao nhiêu kế hoạch đã lướt qua đầu tôi khi ấy. Có thể làm được gì đây, suy nghĩ mất bao nhiêu ngày thế mà rồi, cân đi nhắc lại, cuối cùng vẫn cứ đành phải tỉnh táo nhận thấy là: mình, kẻ vô danh, vốn chẳng có chút tiên đề nào để mà hành động cho bất kỳ một mục tiêu nào. Vì đâu mà hồi ấy tôi lại đã không thể quyết vào một đảng nào đó trong các đảng đã có, tôi sẽ còn nói về chuyện này.
Trong diễn tiến của cuộc cách mạng cứ như thể vi hành xử của tôi mà hội đồng trung ương lần đầu mất đồng thuận. Họ định bắt tôi sáng sớm hôm 27 tháng tư 1919. Nhưng khi ba chú bé thấy khẩu cacbin đã giương lên

tức thì hết dũng cảm, lỉnh cho nhanh.
ít ngày sau khi Munich được giải phóng, có lệnh buộc tôi trình diện trước tiểu ban điều tra về các quá trình cách mạng ở ngay trung đoàn bộ binh số 2.
Đó là hoạt động tích cực đầu tiên ít nhiều thuần tuý chính trị của chính tôi.
Sau đó vài tuần lại được lệnh phải đi dự một "lớp huấn luyện" dành cho binh sĩ. Nơi đây người lính sẽ được bồi dưỡng một số các cơ sở cần phải có của tư duy công dân. Với tôi thì giá trị của cả cái đợt ấy là đã có dịp để làm quen với dăm người bạn cùng chí hướng, để bàn bạc sâu về tình hình trước mắt. ít nhiều tất cả

đều tin rằng, tự các phe đảng của cái tội ác tháng mười một, phe trung ương và phe xã hội dân chủ, mà thành ra vô phương cứu vãn nước Đức trước cuộc sụp đổ đang đến gần. Lại ngay đến những thứ gọi viễn ảnh "tư sản dân tộc" cũng vậy, gì thì gì chứ dù thiện chí nhất đi thì vẫn chẳng biết điều chỉnh cách nào. Thời gian sau đó đã chứng minh cách nhìn của chúng tôi là đúng.

Vậy là trong nhóm nhỏ chúng tôi bàn nhau việc thành lập một đảng mới. Những ý tưởng cơ bản chập chờn trong đầu chúng tôi khi đó chính là những cái mà sau này được thực hiện trong "Đảng công nhân Đức". Tên của phong trào mới thành lập

ngay từ đầu phái cho phép đi đến được quảng đại quần chúng; bởi lẽ nếu không có tính chất này thì toàn bộ công việc sẽ là thừa, vô ích. Cuối cùng chúng tôi đi đến tên “Đảng cách mạng xã hội” khi cho rằng những quan điểm xã hội của tổ chức mới này thực sự có nghĩa là một cuộc cách mạng.

Thế nhưng nguyên nhân sâu xa cho vấn đề này là như sau:

Dù cho trước đây tôi đã quan tâm rất nhiều tới các vấn đề kinh tế thì dẫu sao vẫn luôn chỉ dừng ở những giới hạn xuất phát từ những vấn đề xã hội. Chỉ sau này cái khuôn khổ đó mới mở rộng ra được nhờ việc kiểm tra lại chính sách liên minh của Đức.

Thực ra phần lớn nó là kết quả của cả việc đánh giá sai nền kinh tế lẫn sự không rõ ràng về những cơ sở có thể để nuôi sống nhân dân Đức trong tương lai. Thế nhưng tất cả những ý nghĩ này lại dựa trên ý niệm rằng trong bất cứ trường hợp nào thì nguồn tư bàn vẫn chi là kết quả của lao động và vì thế như chính nó, sẽ chịu sự hiệu chỉnh của những nhân tố mà hành động của con người có thể thúc đẩy hay ngăn cản. Vậy ý nghĩa quốc gia của tư bản cũng nằm ở đó, cho nên chính tư bản cũng hoàn toàn phụ thuộc vào độ lớn, tính tự do và quyền lực nhà nước, nghĩa là quốc gia, sao cho chỉ riêng cái tính gắn kết này đã phải dẫn đến sự thúc đẩy

nhà nước và quốc gia từ phía nguồn tư bản này, xuất phát đơn giản từ bản năng sinh tồn hoặc tiếp tục sinh sản. Vậy sự phụ thuộc này của tư bản vào nhà nước độc lập tự do bắt nó phải bảo đảm cho quốc gia cái tự do, quyền lực, sức mạnh, v.v…
Qua đó nhiệm vụ của nhà nước đối với tư bản là tương đối đơn giản và rõ ràng: nó chỉ cần lo sao cho tư bản luôn chỉ là nô bộc của nhà nước chứ không lầm tưởng mình là ông chủ của nhà nước. Lập trường đó có thể giữ được theo hai đường biên: ở mặt này là bảo tồn một nền kinh tế quốc gia độc lập và sung sức, ở mặt khác là bảo vệ các quyền xã hội của người lao động.

Khác biệt của cái tư bản thuần tuý này ở tư cách là kết quả cuối cùng của lao động sáng tạo đối với một tư bản mà sự tồn tại và bản chất của nó hoàn toàn chỉ dựa trên sự đầu cơ, trước đây tôi chưa nhận thức được với độ rõ ràng đáng có. Muốn vậy tôi phải có cái hích đầu tiên, nhưng nhất thời nó chẳng đến.
Giờ đây, điều đó được lo liệu đến mức kỹ càng nhất qua một trong số những quí ông đang tham gia đọc cái bài giảng đã nêu: Gottfried Feder (1883-1941, chính trị gia, từ 1919 là đảng viên Đảng công nhân Đức mà sau này là đảng Nazi NSDAP, có rất nhiều ảnh hưởng lên Hitler, nhất là nhờ thuyết "Chế ngự nô lệ lãi suất

tiền tệ", nhưng tôi mất ảnh hưởng khi Hitler tìm sự trợ giúp của giới doanh nhân, ND).

Lần đầu tiên trong đời, tôi nhận được sự giải thích mang tính nguyên lý về tư bản chứng khoán và cho vay quốc tế.

Sau khi tôi nghe bài giảng đầu tiên của Feder, trong đầu tôi lập tức bừng lên ý tưởng, đến bây giờ mới tìm ra được con đường đi tới một trong những điều kiện cơ bản nhất để thành lập một đảng mới.

Công lao của Feder, trong mắt tôi, dựa vào điểm là, một khi đã xác định với tính bạo tàn đến nhẫn tâm cái tính chất cả đâu cơ lẫn kinh tế quốc dân của tư bản chứng khoán và cho

vay, thì sẽ bóc trần ra được đến gốc rễ cái điều kiện cổ xưa của lãi suất. Cách trình bày của ông là đúng trong tất cả các vấn đề cơ bản đến mức những nhà phê bình về chúng ngay từ đâu đã ít tranh luận về tính đúng đắn của ý tưởng về mặt lý thuyết, mà trái lại chỉ nghi ngờ khả năng tiến hành chúng trên thực tiễn. Cái mà trong con mắt những người khác là điểm yếu của những điều mà Feder trình bày, thì trong mắt tôi lại là điểm mạnh.

Nhiệm vụ của người lập kế hoạch không phải là xác định các mức độ khác nhau về tính thực thi của một việc, mà là làm sáng tỏ việc đó ở chính cái tư cách ấy; nghĩa là: anh ta

ít cần lo về con đường, mà lo về mục tiêu. Nhưng ở đây là tính đúng đắn mang tính nguyên lý của một ý tưởng chứ không phải độ khó của việc thực thi nó. Một khi người lập kế hoạch gắng tính đến cái gọi là "tính hợp lý" và "tính sát thực" thay cho chân lý tuyệt đối, công việc của anh ta sẽ ngừng là kim chỉ nam cho loài người đang đi tìm kiếm, mà thay vào đó lại trở thành cái thực đơn của thường nhật. Người lập kế hoạch cho một phong trào phải xác định mục tiêu của nó, chính trị gia hướng tới việc thực thi nó. Theo đó, trong tư duy của mình, người này bị quyết định bởi chân lý muôn thuở, người kia bằng các hành động bởi thực tại

tương ứng. Cái vĩ đại của người này nằm ở tính đúng đắn tuyệt đối ý tưởng trừu tượng của anh ta; cái vĩ đại của người kia lại ở lập trường đúng đắn trước những sự kiện đã cho và sự ứng dụng hữu ích của chúng, với mục tiêu của người lập kế hoạch được anh ta dùng làm kim chỉ nam. Trong khi người ta được phép coi thành công của các kế hoạch và hành động của chính trị gia là thuốc thử cho ý nghĩa của anh ta, nghĩa là Sự Trở Thành Thực Tiễn của những cái này, thì sự thực thi ý định cuối cùng của người lập kế hoạch chẳng bao giờ xảy ra, bởi phải chăng có lẽ ý tưởng của loài người muốn nắm bắt chân lý sẽ có thể lập nên những

mục tiêu trong như gương, nhưng sự hoàn thành chúng tới mức tuyệt đối lại sẽ thất bại bởi tính không hoàn chỉnh và sự khiếm khuyết chung của loài người. Nếu như ý tưởng trừu tượng càng đúng đắn và vì thế càng vĩ đại hơn, thì việc hoàn thành trọn vẹn nó cũng càng khó thực hiện hơn, chừng nào nó còn phụ thuộc vào con người như vậy. Bởi thế nên tầm quan trọng của người lập kế hoạch cũng không được đo theo việc hoàn thành các mục tiêu của anh ta, mà ở tính đúng đắn của chúng và ảnh hưởng mà chúng tác động lên sự phát triển của loài người. Nếu nó không vậy thì những người sáng lập ra các tôn giáo không được kể vào những con

người vĩ đại nhất Trái đất này, bởi lẽ việc thực hiện các ý định luân lý của họ không bao giờ là hoàn toàn dù chỉ gần như vậy. Ngay đạo về ái tình trong tác động của nó cũng chỉ là một phản xạ yếu ý muốn của cái con người thanh cao sáng lập ra nó; duy ý nghĩa của nó lại nằm ở tính đúng đắn mà con người cố gắng đạt được trong sự phát triển chung của loài người về văn hóa, phẩm cách và đạo đức.

Sự khác biệt quá lớn giữa nhiệm vụ của người lập kế hoạch và nhà chính trị cũng là nguyên nhân, tại sao hầu như không bao giờ thấy sự hợp nhất hai người này trong một cá nhân. Điều này đặc biệt đúng với cái gọi là

chính trị gia “thành đạt” ở tầm cỡ nhỏ mà hoạt động của anh ta thực ra thường chỉ là một “nghệ thuật của cái có thể”, như Bismarck hơi khiêm tốn định nghĩa chính trị. Nếu một “chính trị gia” như vậy càng tự do hơn trong việc đánh giá các ý tưởng vĩ đại, anh ta sẽ đạt tới các thành công dễ hơn và thường cũng luôn nhanh hơn. Tất nhiên qua đó chúng cũng chịu cái tính thoáng qua của trần thế và đôi khi sẽ chẳng sống lâu hơn cha đẻ của chúng. Về đại thể, tác phẩm của những chính trị gia như vậy là chẳng có nghĩa gì cho hậu thế, bởi lẽ các thành tựu của họ ở thời hiện đại chỉ dựa trên việc xa lánh tất cả những vấn đề và ý tưởng

thực sự lớn và triệt để mà chúng sẽ có giá trị lớn cho các thế hệ mai sau. Việc thực hiện các mục tiêu có giá trị và ý nghĩa cho tương lai xa như vậy, thường ít đáng giá cho người bảo vệ chúng và chỉ hiếm khi được thông cảm ở quảng đại quần chúng; với họ sự giảm giá bia hay sữa dễ hiểu hơn là những kế hoạch tương lai nhìn xa trông rộng mà việc thực hiện chúng chỉ đến sau này và lợi ích của nó hoàn toàn chỉ mãi hậu thế mới vận dụng được.



Vậy là chỉ từ một chút phô trương nhất định, luôn là láng giềng của ngu dốt, mà phần lớn các chính trị gia xa lánh tất cả mọi dự kiến thực sự nặng ký cho tương lai để không làm mất thiện cảm chốc lát của đám đông. Thành công và tầm quan trọng của một chính trị gia như vậy rồi chi duy nhất dành cho hiện tại mà hoàn toàn chẳng để cho hậu thế. Chẳng vì thế mà những cái đầu nhỏ này phải thấy xấu hổ; chúng hài lòng.

Với người lập kế hoạch tình hình lại khác. Với anh ta, tầm quan trọng hầu như luôn nằm ở tương lai bởi lẽ chẳng hiếm khi anh ta là cái mà người ta gọi là “người sống trong

tháp ngà". Bởi vì một khi nghệ thuật của chính trị gia thực sự là một nghệ thuật của cái có thể, thì người lập kế hoạch thuộc về những người mà với họ ta biết là họ chỉ làm Chúa hài lòng nếu họ đòi và muốn cái không thể. Anh ta hầu như luôn từ chối sự công nhận của hiện tại, nhưng vì thế lại gặt hái vinh danh của hậu thế, nếu như các ý tưởng của anh ta là bất tử.

Trong những giai đoạn dài dài của nhân loại đôi khi vẫn có lần xảy ra là nhà chính trị kết hôn với người lập kế hoạch. Thế nhưng nếu sự kết hợp này càng về nội tâm thì những phản kháng chống lại tác động từ nhà chính trị cũng càng lớn hơn. Anh ta

không còn làm theo những đòi hỏi sáng tỏ ngay với mỗi tiểu thị dân tầm thường nhất, mà cho những mục tiêu mà chỉ ít người hiểu. Bởi thế cuộc sống của anh ta rồi bị giằng xé giữa yêu và ghét. Phản đối từ hiện tại mà anh ta không hiểu nổi, vật lộn với sự công nhận của hậu thế mà anh ta làm vì nó.

Bởi lẽ những công trình mà một người dành cho tương lai càng lớn thì hiện tại càng khó lĩnh hội chúng, nên cuộc đấu tranh cũng khốc liệt hơn và thành công thì lại càng hiếm hơn nữa. Nhưng nếu dẫu vậy mà trong hàng thế kỷ, nó vẫn mỉm cười với một người thì có lẽ ở thời gian sau, sẽ có một vầng hào quang nhỏ

của vinh quang đến bừng lên quanh anh ta. Tất nhiên những con người vĩ đại này chỉ là các vận động viên môn chạy đường dài của lịch sử; vòng nguyệt quế của thời hiện tại chỉ chạm tới trán người anh hùng đang đi vào cõi chết.

Tuy nhiên phải liệt vào số họ những nhà đấu tranh vĩ đại ở thế giới này, những người chẳng được hiện tại hiểu đến, nhưng lại sẵn sàng đấu võ đến cùng trong cuộc tranh luận vì những ý tưởng và lý tưởng của mình. Họ thuộc số những người có thời sẽ đến gần nhất trái tim nhân dân, làm cho mọi người cảm động đầy hàm ơn, và đặc biệt trong những ngày ảm đạm lại có thể kích động

các trái tim tan nát và những tâm hồn tuyệt vọng.
Thuộc số này không chỉ có các nhà lãnh đạo nhà nước thực sự lớn, mà tất cả mọi nhà cải cách vĩ đại khác. Ngoài Friedrich Đại đế ở đây còn có cả Martin Luther (1483-1546, nhà sáng lập ra Đạo Tin lành Đức; 1505 vào nhà tu kín Erfurt để nghiên cứu thần học; 1512 giáo sư triết học Đại học Wittenberg, qua tìm hiểu kỹ lưỡng những xu hướng cải cách mà đi đến những quan niệm mới về Thiên Chúa giáo để không chấp nhận những hành lễ cụ thể ở đó; 1919 công khai khước từ nhà thờ Thiên Chúa giáo; 1521 ngay trước vua Karl V tại nghị viện tuyên bố không

quay lại, rồi được chúa của mình là Friedrich der Weisen bảo vệ; 1522 dịch lại toàn bộ kinh thánh để đến 1534 hoàn thành. ND) cũng như Richard Wagner (1813-1883, nhà soạn nhạc nổi tiếng Đức, ảnh hưởng nhiều nhất tới trường phái siêu lãng mạn, quyết định chủ yếu tới trường phái lãng mạn muộn, phần nào bị đánh giá là dân tộc chủ nghĩa, ND).

Khi tôi nghe bài giảng đầu của Gottfried Feder về "Chế ngự nô lệ lãi suất tiền tệ", tôi hiểu ngay rằng ở đây vấn đề xoay quanh một chân lý mang tính lý thuyết lẽ ra phải có ý nghĩa vô cùng lớn lao cho tương lai dân tộc Đức. Sự tách biệt rõ ràng giữa tư bản chứng khoán với nền

kinh tế quốc dân cho ta khả năng chống lại sự quốc tế hoá nền kinh tế Đức mà không đồng thời qua cuộc đấu tranh chống tư bản, đặc biệt đe dọa tới cơ sở cho một sự tự bảo tồn độc lập dân tộc. Với tôi, sự phát triển của nước Đức đã quá ư rõ ràng trước mắt để tôi không thể không biết rằng, phải mở ra cuộc đấu tranh cam go nhất, không còn là chống các dân tộc thù địch mà là chống tư bản quốc tế. Trong bài giảng của Feder tôi đã cảm nhận một lời nói vĩ đại cho cuộc vật lộn đang tới gần này.

Và ngay ở đây, sự phát triển sau này cũng chứng minh là cảm giác của chúng tôi hồi đó đúng biết bao.

Ngày hôm nay thì chúng tôi không còn bị những cái đầu ma lanh của các chính trị gia tư sản của chúng ta cười nhạo nữa; ngày nay chính họ, chừng nào họ không phải là những kẻ lừa dối một cách chủ tâm, cũng thấy là, tư bản chứng khoán quốc tế không chỉ là kẻ gây hấn chiến tranh lớn nhất, mà chính lúc này đây, sau khi cuộc giao tranh kết thúc lại không ngừng biến hoà bình thành địa ngục.

Cuộc đấu tranh chống tư bản tài chính và cho vay quốc tế trở thành điểm quan trọng nhất trong chương trình cuộc đấu tranh của dân tộc Đức vì tự do và độc lập kinh tế của mình.

Còn về lời phản bác của cái gọi là

những người thực hành, thì có thể trả lời như sau: Tất cả những lo ngại về những hệ quả kinh tế kinh khủng của việc thực thi một sự “Chế ngự nô lệ lãi suất tiền tệ” là thừa; bởi lẽ đầu tiên là các đơn thuốc kinh tế cho đến nay là hết sức xấu cho dân tộc Đức, việc xác định lập trường về những vấn đề tự khẳng định quốc gia làm chúng ta nhớ nhiều đến các bài phản biện của những chuyên gia như vậy ở thời trước, chẳng hạn của đoàn bác sĩ Bavaria nhân câu hỏi về việc tiến hành xây dựng đường sắt. Tất cả những lo ngại khi ấy của cái nghiệp đoàn khả kính đó sau này ai cũng biết là chẳng đúng: những hành khách ở các chuyến tàu mới do

“ngựa hơi nước” này kéo không chóng mặt, cả những người đứng xem cũng không ốm, và người ta còn đã bỏ qua được việc xây những hàng rào để chắn cho mọi người khỏi phải thấy cái thiết bị mới này – chỉ có những hàng rào trong đầu các vị được gọi là “chuyên gia” này là vẫn còn đọng mãi ở hậu thế.

Nhưng thứ nữa là người ta phải nhớ rằng: Mỗi ý tưởng và ngay cả ý tưởng hay nhất cũng sẽ trở nên nguy hiểm khi nó cứ tưởng rằng mình là mục đích tự thân, tuy thực ra lại chỉ là một phương tiện để đến đó – tuy nhiên với tôi và với tất cả những người dân tộc chủ nghĩa xã hội (Nationalsozialisten, gọi tắt là Nazi,

ND) chân chính chỉ có một học thuyết duy nhất: dân tộc và tổ quốc.
Điều mà chúng ta phải đấu tranh, đó là việc bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của chủng tộc và dân tộc chúng ta, sự nuôi dưỡng con em chúng ta và giữ sạch dòng máu chúng ta, độc lập và tự do của tổ quốc mà dân tộc ta chúng đã chín mùi để thực hiện cái nhiệm vụ mà Chúa Sáng Tạo Vũ Trụ đã trao cho nó.
Mỗi suy nghĩ và mỗi ý tưởng, mỗi học thuyết và tất cả mọi tri thức chỉ nhằm phục vụ mục tiêu này. Từ quan điểm này thì phải kiểm tra lại tất cả mọi thứ và phải sử dụng theo tính tiện ích của nó hay chối từ. Như vậy

chẳng có học thuyết nào có thể sơ cứng thành chủ nghĩa chết, bởi lẽ tất cả mọi thứ chỉ nhằm phục vụ cuộc sống mà thôi.
Vậy là những kiến thức của Gottfried Feder là nguyên cớ để tôi đào sâu suy nghĩ về lĩnh vực mà cho đến lúc đó tôi còn ít quen biết.
Tôi lại bắt đầu học và mãi bây giờ mới hiểu nội dung điều mà công trình cả cuộc đời gã Do Thái Karl Marx muốn nói. Mãi cho đến giờ tôi mới hiểu cuốn “Tư bản” của hắn, cũng hệt như cuộc đấu tranh của nền xã hội dân chủ chống lại nền kinh tế quốc dân, mà thực ra cuộc đấu tranh này lại chỉ chuẩn bị cái nền tảng cho sự thống trị của tư bản tài chính và

chứng khoán mà thôi.
Nhưng ở một khía cạnh khác thì những bài giảng đó cũng đã có tác động lớn lao cho tôi sau này.
Một ngày kia tôi xin phát biểu. Một trong số những người tham gia tự thấy mình phải đứng về phía lũ Do Thái, rồi bắt đầu nói dài dòng để bảo vệ chúng. Điều này kích động tôi lên tiếng phản công. Phần lớn những người tham gia lớp học đồng tình với lập trường của tôi. Kết quả là ít ngày sau tôi được điều động về một trung đoàn Munich làm cái mà khi đó gọi là “sĩ quan huấn luyện”.
Vào thời gian này thì kỷ luật ở quân đội còn khá yếu. Đó là do những ảnh hưởng muộn của thời kỳ hội đồng

quân nhân. Rất cẩn trọng và rất lâu người ta mới chuyển được, từ sự tuân lệnh “tự nguyện” – như người ta hay nói một cách mỹ miều về cái chuồng lợn thời Kurt Eisner (xem chú thích ở trên, ND), đưa về ký luật quân sự và quan hệ trên dưới. Tương tự chính bản thân quân đội phải học cách cảm nhận và suy nghĩ về dân tộc và tổ quốc. Theo hai hướng này là các lĩnh vực công tác mới của tôi.

Tôi bắt đầu với tất cả đam mê và tình yêu. Bỗng dưng lại mở ra cho tôi cơ hội được nói trước đám đông người nghe; và điều trước đây tôi luôn chỉ đơn giản giả thiết từ cảm xúc thuần tuý chứ chẳng hề biết, thì

nay là đúng: tôi có khả năng "diễn thuyết". Ngay cả giọng nói cũng đã hay hơn nhiều, đến mức ít nhất thì đâu đâu ở những phòng nhỏ của tiểu đội, người ta đều đủ hiểu tôi.

Chẳng có nhiệm vụ nào có thể làm cho tôi hạnh phúc hơn những nhiệm vụ này, bởi lẽ trước khi giải ngũ, tôi còn có thể làm những việc có ích ở cái thể chế mà nó gắn vào trái tim tôi tới mức vô tận: trong quân đội.

Tôi cũng còn kể ra được thành công: trong quá trình đọc các bài giảng của mình, tôi đã đưa hàng trăm, thậm chí hàng ngàn các đồng đội trở về lại với dân tộc và tổ quốc mình. Tôi đã "dân tộc hóa" quân đội và bằng cách đó đã giúp củng cố kỷ

luật chung.
Ở đây tôi làm quen được với một loạt các đông đội cùng chí hướng mà sau này cùng nhau xây nền tảng cho phong trào mới.

# Chương 9: ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỨC

Một ngày kia từ cấp trên, tôi nhận được lệnh đi xem xét tình hình của một hiệp hội có vẻ như là chính trị mang tên gọi “Đảng công nhân Đức” đang dự định trong những ngày tới tổ chức một cuộc họp mà ở đó Gottfried Feder cũng sẽ nói; tôi phải đến và quan sát cái hội này để lập báo cáo tường trình.

Dĩ nhiên quá dễ hiểu về cái hiếu kỳ mà khi đó quân đội dành cho các đảng phái chính trị. Cách mạng đã mang lại cho người lính quyền hoạt động chính trị và nay chính những kẻ ít kinh nghiệm nhất lại là những kẻ

thích dùng nó nhất. Chỉ đến khi cả Trung tâm lẫn nền xã hội dân chủ phải đau lòng nhận thức ra rằng, những người lính đang bắt đầu lấy lại cảm tình vốn có lúc đã đem cho các đảng cách mạng để giờ đây dành nó cho phong trào quốc gia và tái thiết, thì người ta mới tìm cái cớ để rút lại quyền bầu cử của quân đội và cấm nó hoạt động chính trị.


NGUYENTANDUNG
.ORG

tôi chính thức gia nhập Đảng công nhân Đức và được trao cho tấm thẻ đảng tạm thời với con số: bảy.

Việc Trung tâm và chủ nghĩa Mác dùng đến biện pháp này là rõ ràng, bởi lẽ nếu như người ta đã sớm cắt bỏ các "quyền công dân nhà nước" – như người ta vẫn gọi quyền bình đẳng của binh sĩ sau cách mạng – thì sau đó ít năm đã không sinh ra nhà nước tháng mười một, và qua đó cũng không có nốt cả sự phỉ báng và nỗi ô nhục cho quốc gia. Khi đó quân đội đang trên con đường thuận lợi nhất để ngay từ bên trong bứt ra khỏi cổ của quốc gia lũ đĩa hút máu và bọn tiếp tay cho chính sách liên minh. Nhưng việc cả những đảng vốn gọi là "quốc gia" cũng hào hứng ủng

hộ sự điều chỉnh những quan điểm cho đến nay của lũ tội phạm tháng mười một và qua đó trợ giúp vô hiệu hoá cái công cụ để thực hiện một cuộc nổi dậy toàn quốc, lại cho thấy những quan niệm luôn cứng nhắc của những kẻ hồn nhiên nhất trong những kẻ hồn nhiên lại có thể đưa đến đâu. Cái giới tiểu tư sản thực sự lâm bệnh thần kinh của tuổi già này bằng sự nghiêm túc tột đỉnh lại cho rằng quân đội sẽ phải trở lại là cái nó vốn là vậy, nghĩa là cái đám quân sự Đức, trong khi Trung tâm và chủ nghĩa Mác chỉ nghĩ đến việc bẻ chiếc răng độc quốc gia nguy hiểm ra khỏi chúng, thế nhưng nếu không có chiếc răng này thì một quân đội sẽ

mãi mãi chỉ là cảnh sát mà thôi, chứ chẳng là quân đội có thể chiến đấu chống quân thù; chính là cái điều mà thời gian sau này được chứng minh quá đủ.

Hay các “nhà chính trị quốc gia” của chúng ta tin rằng quân đội cũng có thể phát triển cách khác, không cứ phải là một quân đội quốc gia chăng? Khốn nạn là điều đó giống hệt với các quý ông này và chỉ xảy ra do trong chiến tranh người ta chẳng phải là lính chiến mà lại là những thằng bẻm mép, nghĩa là nghị viên và lãnh tụ chẳng biết chút gì về những gì xảy ra trong trái tim những người luôn nhớ tới quá khứ hào hùng nhất, vì có thời họ đã là những người

lính số một trên thế giới.
Vậy là tôi quyết định đi đến cuộc họp đã nói của cái đảng mà cho đến khi đó tôi hoàn toàn chẳng biết gì về nó.
Buổi tối khi tôi đến cái "Leiberzimmer" ("phòng bụng bự", ND) – sau này với chúng tôi đã trở nên lịch sử của căn nhà vốn là Sterneckerbräue (quán bia ngắm sao ở góc đường, hai địa điểm nổi tiếng của Munich, ND), ở Munich, tôi gặp ở đó khoảng 20-25 người, chủ yếu là từ giới hạ lưu.
Bài giảng của Feder thì tôi đã biết từ những buổi học cho nên tôi có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc quan sát hiệp hội.
Ấn tượng với tôi chẳng xấu mà cũng

chẳng tốt; một tổ chức mới thành lập hệt như nhiều tổ chức khác. Khi đó chính là thời điểm mà mỗi người đều cảm thấy mình có khả năng để lập ra một đảng mới nếu không hài lòng với sự phát triển hiện tại và chẳng còn tin gì vào những đảng đã có. Vậy là đâu đâu những hiệp hội cũng mọc lên như nấm để sau một thời gian lại biến đi không kèn không trống. Những sáng lập viên hầu hết chẳng hề có chút khái niệm gì về việc từ một hiệp hội phải làm sao để dựng nên một đảng hay một phong trào. Bởi vậy nên những tổ chức mới lập này hầu như luôn tự chết ngạt trong sự thiển cận nực cười của chính mình.

Tôi chẳng hề đánh giá gì khác hơn sau khoảng hai giờ lắng nghe cái "Đảng công nhân Đức". Khi cuối cùng rồi Feder cũng kết thúc, tôi mừng quá. Tôi thấy quá đủ rồi và đang muốn bỏ đi thì cuộc thảo luận tự do vừa được thông báo lại làm tôi phải cân nhắc xem có nên ở lại không. Nhưng đáng tiếc ngay ở đây tất cả mọi việc cũng diễn ra hầu như vô nghĩa, cho đến khi một "giáo sư" lên tiếng, ông này nghi ngờ tính đúng đắn của các lý do mà Feder nêu, nhưng rồi – sau khi Feder đã trả lời rất khéo – bỗng dưng ông ta đi vào "nền tảng của các sự kiện" mà không bỏ qua việc khuyên cái đảng non trẻ này phải nhấn vào điểm sâu

nhất, đó là nêu lên cuộc đấu tranh để “tách” Bavaria khỏi “Phổ” làm điểm nghị sự đặc biệt quan trọng. Bằng giọng hỗn hào người đàn ông này khẳng định, rằng trong trường hợp này thì đặc biệt là phần Áo quốc của người Đức sẽ lập tức sáp nhập vào Bavaria, rằng nền hoà bình sẽ được củng cố tốt hơn nhiều và những điều vô nghĩa tương tự. Khi đó tôi chẳng thể làm khác hơn là cũng lên tiếng và nói cho quý ông Gelahrten (học giả, tác giả chơi chữ để nhạo báng, ND) này ý kiến của tôi về điểm này – với thành công tới mức là ngay cả khi tôi chưa kết thúc, vị thuyết trình nọ đã phải lủi đi như một con chó bị dội gáo nước lạnh. Lúc tôi nói, mọi

người lắng nghe bằng bộ mặt kinh ngạc; và khi tôi chuẩn bị chào tạm biệt cuộc họp và đi xuống thì bỗng có một vị lao về phía tôi, tự giới thiệu (tôi chẳng nghe rõ tên là gì) và nhét một cuốn sổ nhỏ, chắc là một cương lĩnh chính trị, vào tay tôi cùng lời đề nghị phải đọc nó.

Tôi rất hài lòng về điều đó, bởi lẽ tôi có thể hy vọng giờ đây bằng cách đơn giản hơn để hiểu biết về cái hiệp hội ngán ngẩm này mà chẳng phải tiếp tục dự những cuộc họp hấp dẫn đến thế nữa. Chốt lại, cái người chắc là công nhân này lại gây một ấn tượng tốt cho tôi. Và thế là tôi bỏ đi.

Vào thời đó tôi đang ở doanh trại trung đoàn bộ binh số 2, trong một

căn phòng nhỏ còn mang đậm hơi hướng cuộc cách mạng. Ban ngày tôi ở ngoài, thường tại trung đoàn bảo vệ 41 hay ở những cuộc họp, các buổi thuyết trình tại một đơn vị nào đó v.v… Chỉ có đêm tôi mới về phòng để ngủ. Bởi lẽ tôi có tập quán dậy từ trước 5 giờ, nên tôi dần quen được với trò chơi cho đám chuột nhắt vốn chạy tứ tung trong căn phòng nhỏ vài mẩu bánh vụn rồi đánh trần trên sàn mà ngắm lũ chuột ngộ nghĩnh tranh giành nhau cái món ngon ngọt này. Trong cuộc đời mình tôi đã trải đủ đắng cay để hình dung ra quá rõ cái đói và bởi thế cả niềm hân hoan của những sinh linh nhỏ bé này.

Cũng vậy, khoảng 5 giờ sáng hôm sau cuộc họp đó tôi đã nằm ì trong cái giường gấp quân đội mà ngắm nhìn cuộc cấu chí hỗn loạn. Bởi lẽ chẳng thể ngủ được nữa, nên tôi bỗng nghĩ lại tối qua, và chợt nhớ tới cuốn sổ mà người công nhân đã trao cho tôi. Đó là một cuốn sách nhỏ mà tác giả, chính là anh công nhân kia, mô tả anh ta đã vượt qua được mớ hỗn tạp của những sáo ngữ mác xít và công đoàn để quay về với tư duy dân tộc như thế nào; chính vì vậy mà cũng có tựa đề "Thức tỉnh chính trị của tôi". Mới bắt đầu đã thấy thích thú nên tôi đọc một mạch cả cuốn sách; trong đó phản ánh một quá trình tương tự, mà mười hai năm

trước chính tôi cũng đã từng trải qua. Bất giác tôi thấy lại toàn bộ bước đường phát triển của chính mình hiện ra sống động. Trong cả ngày, tôi nhiều lần ngẫm lại chuyện này. Cuối cùng cũng đã muốn quên nó đi, thì chưa đầy một tuần trôi qua, bỗng ngạc nhiên nhận được một tấm bưu thiếp với nội dung là tôi đã được kết nạp vào Đảng công nhân Đức: tôi phải phát biểu ý kiến vê vấn đề đó và bởi vậy thứ tư tới phải đến dự một cuộc họp ban của đảng này.

Tôi còn hơn cả ngạc nhiên về cái cách "thu nạp" đảng viên như thế này mà chẳng hiểu nên cười hay khóc về việc đó. Tôi đã chẳng hề nghĩ tới

việc vào một cái đảng đã thành lập, mà tôi muốn tự lập nên đảng mới của chính mình. Với tôi, một đề xuất như thế là hoàn toàn không chấp nhận được.

Lẽ ra tôi đã muốn trả lời các vị này bằng văn bản, nhưng rồi tính hiếu kỳ thẳng thế và tôi quyết định vào ngày đã định phải xuất hiện trước cuộc họp để giải thích miệng các lý do của mình.

Ngày thứ tư đã đến. Nhà hàng nơi diễn ra cuộc họp đã báo, là "Alte Rosenbad" ở phố Herrnstraβe; một cái tiệm ăn tồi tàn mà có vẻ như chỉ vào những thời điểm thánh thần nhất mới có người lạc vào. Chẳng có gì đáng lạ, vì trong năm 1919, thực

đơn của ngay cả các nhà hàng lớn cũng rất khiêm tốn và khó mời được khách tới. Dĩ nhiên cho đến giờ phút đó, tôi hoàn toàn chẳng biết có một tiệm ăn như vậy.




Phòng Leiberzimmer.

Tôi đi qua phòng khách đèn đóm tù mù chẳng có ma nào ngồi, tìm cửa

sang phòng bên và đã thấy “hội nghị” ngay trước mặt. Trong ánh tranh tối tranh sáng của một cái đèn khí nén sắp hỏng, bên bàn có bốn thanh niên ngồi, trong số đó có cả tác giả cuốn sách nhỏ và anh ta chào đón tôi nồng nhiệt nhất rồi chúc mừng tôi đã là đảng viên mới của Đảng công nhân Đức.

Tôi hơi bị bất ngờ. Bởi lẽ tôi được thông báo, “chủ tịch toàn quốc” thực ra chưa đến nên tôi tạm chờ chưa công bố vội. Cuối cùng thì vị trên cũng đến. ông ta cũng là chủ tịch cuộc họp nhân buổi Feder thuyết trình bữa trước.

Khi đó tôi lại trở nên hiếu kỳ hơn và chờ xem sự thể rồi ra sao. ít nhất là

giờ đây tôi biết được tên từng vị một. Chủ tịch "tổ chức toàn quốc" là một ngài Harrer, còn chủ tịch của thành phố Munich là Anton Drexler.
Bấy giờ người ta đọc biên bản cuộc họp hôm trước và bày tỏ tín nhiệm thư ký. Rồi đến bản báo cáo tài chính – trong quyền sở hữu của hiệp hội tổng cộng có 7 mác 50 pfennig (tiền xu Đức bằng một phần trăm mác, ND) – mà về số tiền đó thủ quỹ nhận được sự tin cậy hoàn toàn. Điều này cũng lại được ghi vào biên bản. Rồi những thư trả lời của chủ tịch thứ nhất cho một bức thư đến từ Kiel, một từ Düsseldorf (các thành phố lớn của Đức, tương ứng là thủ đô các bang Schleswig-Holstein và

Nordrhein-Westfalen, ND) và một từ Berlin, được đọc to lên, tất cả mọi người đều đồng ý. Rồi lại công bố bưu phẩm đến: một bức thư đến từ Berlin, một từ Düsseldorf và một từ Kiel, mà có vẻ như chúng gây nên niềm thoả mãn vô biên. Người ta giải thích sự gia tăng trao đổi thư tín này như là dấu hiệu tuyệt nhất và hiển hiện tầm quan trọng lan toả của "Đảng công nhân Đức"; rồi sau đó – là một cuộc thảo luận lê thê về những thư trả lời mới sẽ phải viết.

Đáng sợ, đáng sợ thật. Thực là một trò hiệp hội hàng xén theo cách đáng sợ nhất hạng. Tôi phải nhập vào cái câu lạc bộ này ư?

Sau đó đến phần kết nạp đảng viên

mới, nghĩa là: thảo luận việc kết nạp tôi.
Tôi bắt đầu hỏi – tuy nhiên ngoài vài câu mào đầu thì chẳng có gì cả, chẳng có chương trình, chẳng có truyền đơn, hoàn toàn chẳng có giấy tờ in ấn gì hết, chẳng có thể đảng, thậm chí đến một con dấu nghèo kiết xác cũng không, độc nhất chỉ là niềm tin và ý chí tích cực.
Nụ cười trên môi tôi biến mất ngay, bởi lẽ đây là cái gì nếu không phải là dấu hiệu của sự lúng túng và bất lực hoàn toàn của tất cả các đảng phái cho đến nay, các chương trình của họ, các dự kiến và hoạt động của họ? Cái mà vài chàng trai trẻ này hội tụ để đi đến một hoạt động nhìn từ

ngoài đáng nực cười đến thế, thì đó lại là lối ra cho tiếng nói nội tâm của họ, chắc là xuất phát từ cảm xúc nhiều hơn là chủ tâm, cho thấy cách hoạt động cho đến nay của các đảng phái là không còn thích hợp cho một cuộc nổi dậy của dân tộc Đức cũng như sự hàn gắn các vết thương nội tâm. Tôi đọc nhanh các câu khẩu hiệu được viết trên máy chữ, và từ đó tôi cũng nhận ra chỉ mới là một cuộc tìm kiếm chứ không phải là một kiến thức biết chắc. Nhiều thứ trong đó mờ ảo không rõ, lắm cái thiếu và hầu như tất cả lại là dấu hiệu của nhận thức trống rỗng.

Điều mà những con người này cảm nhận thì tôi cũng đã biết: đó là ước

vọng có một phong trào mới, về ý nghĩa vượt tầm các đảng đã có cho đến nay.
Đêm đó khi về lại doanh trại, tôi đã tự phác ra bản phán xét của mình về cái hiệp hội này.
Có lẽ tôi đang đứng trước câu hỏi quan trọng nhất đời mình: tôi phải gia nhập đàng này hay tôi phải cự tuyệt?
Lý trí bảo cự tuyệt, nhưng tình cảm lại chẳng để tôi được yên; và càng cố nghĩ đến tất cả cái vô lý của cái câu lạc bộ này thì tôi lại càng có nhiều cảm tình hơn với nó.
Những ngày sau tôi chẳng được yên. Tôi bắt đầu suy đi nghĩ lại. Từ lâu tôi đã đi đến quyết định phải hoạt động

chính trị; tôi cũng hoàn toàn rõ rằng điều đó phải xảy ra trong một phong trào mới, duy nhất chỉ còn thiếu cú hích cho hành động. Tôi chẳng thuộc loại người hôm nay bắt đầu cái gì đó, đến mai lại bỏ để chuyển sang một việc khác. Nhưng chính nó lại là một trong những lý do chính yếu nhất, tại sao tôi lại khó đi đến một quyết định cho việc thành lập một tổ chức mới như thế, cái tổ chức mà hoặc phải là tất cả hoặc tốt nhất là thôi đừng làm. Tôi biết rằng, đối với tôi nó sẽ phải là một quyết định cho mãi mãi mà ở đó không bao giờ biết đến từ "rút lui". Với tôi sau đó sẽ không phải là một trò chơi thoảng qua mà là một việc nghiêm trọng

sống còn. Ngay thời đó, từ bản năng tôi đã luôn ghét những kẻ bắt đầu với mọi thứ nhưng chẳng biết tiến hành một việc gì. Tôi ghét cay ghét đắng cái loại người hay xía vào mọi nơi mọi chỗ như thế. Tôi coi hoạt động của loại người này thậm chí còn tồi tệ hơn là ngồi không.





Đảng Công nhân Đức: Đảng kỳ, sau này là quốc kỳ Đức Quốc xã.

Nhưng chính lúc này số phận lại có

vẻ muốn vẫy gọi tôi. Tôi chẳng bao giờ gia nhập một trong những đảng lớn đang tồn tại và sẽ giải thích cặn kẽ hơn vì sao. Với tôi, cái sinh linh nhỏ nhoi đáng cười này với vài ba thành viên có vẻ như có ưu thế ở chỗ chưa xơ cứng thành một “tổ chức” mà vẫn còn tạo ra khả năng cho từng cá nhân thực sự tự do hành động. Ở đây người ta còn có thể làm việc, và khi tổ chức càng nhỏ, càng có nhiều cơ hội đưa nó vào quỹ đạo đúng. Ở đây còn có thể quyết định về nội dung, mục đích và con đường đi, điều mà ở những đảng lớn đang tồn tại ngay từ đầu đã là không thể. Càng cố suy ngẫm lâu, tôi càng củng cố niềm tin rằng

chính từ một cái phong trào nhỏ nhoi này mới có thể chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy toàn quốc được – còn chẳng bao giờ từ những đảng chính trị đang tham gia nghị viện cố bám giữ vào những quan niệm cũ hay thậm chí hưởng lợi từ chế độ mới. Bởi lẽ cái cần tuyên bố nơi đây phải là một thế giới quan mới chứ chẳng phải là một câu khẩu hiệu bầu cử mới.

Tuy nhiên đó là một quyết định vô cùng khó khăn để chuyển dự định này thành hiện thực.

Tự mình tôi mang đến được bao nhiêu điều kiện ban đầu cho nhiệm vụ này?

Việc tôi nghèo và chẳng có chút tài

sản gì, với tôi vẫn còn có vẻ là điều dễ chịu nhất, nhưng điều khó hơn là tôi vẫn thuộc loại những kẻ vô danh tiểu tốt, một trong số hàng triệu mà dẫu cơ may tình cờ cho sống hay chết thì thế hệ sau cũng chẳng hề mảy may quan tâm. Thêm vào đó còn là những khó khăn nảy sinh từ việc tôi theo đuổi quá ít trường lớp.

Cái gọi là giới trí thức dẫu sao vẫn luôn thực sự vô cùng ngạo mạn nhìn xuống bất cứ kẻ nào chưa trải qua những trường lớp bắt buộc để qua đó tự bơm cho mình cái kiến thức cần có. Câu hỏi chưa bao giờ đặt ra là: người đó có thể làm được gì, chứ không phải là anh ta đã học cái gì? Cái đầu bã đậu của những

“người có học” nháy nháy, được bao bọc bới đủ loại chứng chỉ hơn sao được bất cứ chàng trai sáng láng nhất nào dù có thiếu mấy cái giấy lót quý giá kia. Vậy là tôi dễ tưởng tượng rằng, cái thế giới “được học hành” này sẽ chống tôi thế nào, và nếu có khi tôi cũng đã lầm chút đỉnh, thì duy nhất chỉ vì tôi coi những người này tốt hơn là trên thực tế nghiệt ngã mà phần lớn họ vốn vậy. Tất nhiên, như ở bất kỳ đâu khác, vẫn có những cá biệt toả sáng và khi ấy lại càng sáng hơn. Nhờ thế mà tôi đã học được cách phân biệt giữa những học trò muôn thuở với các chuyên gia thực thụ.
Sau hai ngày suy ngẫm đến đau

đớn, cuối cùng tôi đi đến niềm tin là phải đặt bước.
Đó là quyết định mang tính hệ trọng nhất trong đời tôi.
Không thể và không được phép rút lui nữa.
Vậy là tôi chính thức gia nhập Đảng công nhân Đức và được trao cho tấm thẻ đảng tạm thời với con số: bảy.

END.



Growing Readers